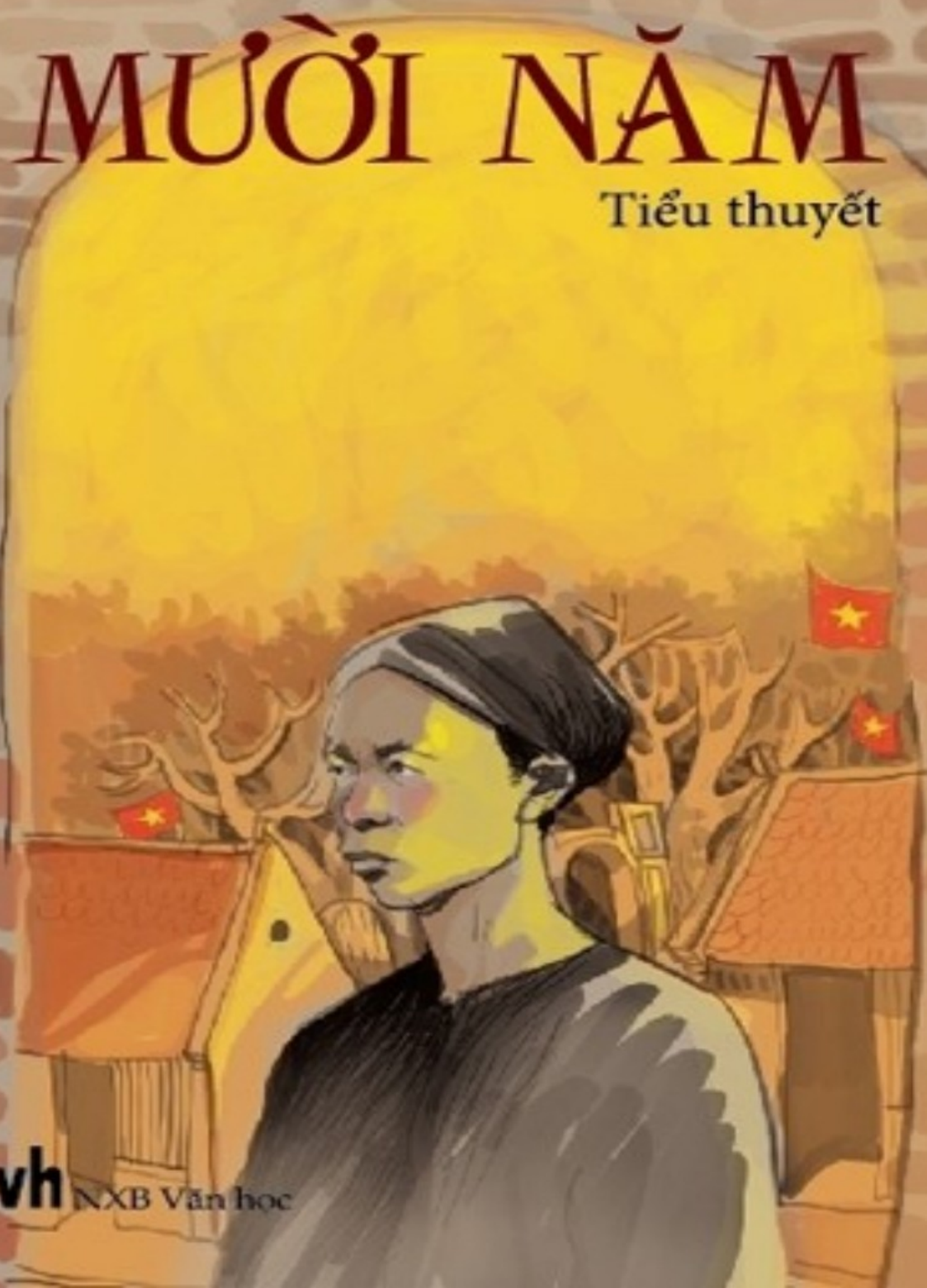


TÔ HOÀI

MƯỜI NĂM

Tiểu thuyết



vh NXB Văn học

MƯỜI NĂM

Tác Giả: **Tô Hoài**

Số trang: **369**

Xuất bản: **NXB Văn Học**

Ebook: **Cuibap**

LỜI GIỚI THIỆU

Nhà văn Tô Hoài đã viết một bộ tiểu thuyết gồm ba tác phẩm: **Quê người**, **Mười năm**, **Quê nhà**. Mỗi tiểu thuyết, câu chuyện, hoàn cảnh và nhân vật đều khác nhau, nhưng tất cả được nối tiếp có hệ thống về các sự kiện lịch sử và xã hội của một vùng nhất định.

Câu chuyện về một địa phương, đây là các làng mạc ở Hà Đông và Sơn Tây, vùng Tây Bắc thành phố Hà Nội xưa kia, nơi nhà văn Tô Hoài sinh ra và lớn lên. Ở cả ba tiểu thuyết trên đều in dấu vết những nhân vật trong đó có tác giả và gia đình, bè bạn ở sự việc, ở hoàn cảnh, ở những kỷ niệm hồi thơ ấu và đương thời. Bộ ba tiểu thuyết này đã được liệt kê trong danh sách các tác phẩm của Tô Hoài vinh dự được giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học đợt 1 (1996).

Tiểu thuyết **Quê nhà** (viết 1978) nói về sự việc hai lần quân Pháp tấn công chiếm Hà Nội cách nay đã hơn một thế kỷ. Tuy nhiên, những nhân vật lịch sử của các trận đánh: Nguyễn Tri Phương, Hoàng Diệu, Hoàng Kế Viêm, Lưu Vĩnh Phúc, các tướng tá Pháp như Phơ răng xi Gácniê, Hăng ri Rivie không phải là các nhân vật chủ yếu. Mà ở đây tác giả đã miêu tả tình hình các phường xóm và làng quê trong thành ngoại nội mà nhân dân - các anh hùng vô danh đã dũng cảm nổi lên chống quân xâm lược như thế nào.

Tiểu thuyết **Quê người** (viết 1941) cũng một khung cảnh ấy, những vùng Hà Nội đã bị chiếm đóng. Cảnh điêu linh và khốn cùng diễn ra, biết bao nhiêu người đã phải tha hương. Đi phu, đi làm đường, vào Nam, sang Tân Đảo và các thuộc địa Pháp ở ngoài châu Đại Dương, làm cu li đồn điền. Trong cảnh khốn đốn, phải đi “đất khách quê người”. Tiểu thuyết **Quê người** đã được tác giả viết trước nhất, cách đây nửa thế kỷ, từ khi nhà văn Tô Hoài mới bắt đầu cầm bút. Điều đó chứng tỏ đề tài của vấn đề đã nung nấu lâu dài trong tâm tư và tình cảm tác giả theo bước với sự phát triển của số phận cuộc sống và lịch sử.

Tiểu thuyết **Mười năm** (viết 1957) cũng vẫn quang cảnh và tình hình ở vùng ấy, nhưng bước sang một giai đoạn quyết liệt nhất, mười năm 1935 - 1945. Nước Pháp đã bại trận ngay khi bắt đầu

cuộc Chiến tranh Thế giới lần thứ hai. Phát xít Nhật can thiệp vào Đông Dương. Đất nước ta bị hai trùng áp bức và bóc lột, nạn đói vô cùng thảm khốc đã xảy ra mà mỗi con người chỉ còn có con đường một sống một chết.

Trong khốn cùng ấy, lá cờ nghĩa đánh Pháp đuổi Nhật cứu nước do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo giương cao đã tung bay khắp nước, từ rừng núi xuống đồng bằng. Tiểu thuyết **Mười năm** ấy là thời gian mười năm toàn dân chuẩn bị Tổng khởi nghĩa, tiến tới Cách mạng tháng Tám 1945 thành công.

Đến nay, hơn năm mươi năm đã qua, để thấy được nguyên nhân sâu xa những điều tâm huyết của Tô Hoài với một vùng đất ông từng gắn bó. Trải ba mươi năm kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ ngày nay đang bước vào giai đoạn xây dựng đất nước hùng vĩ chưa bao giờ từng có, xin được in lại trọn bộ cả ba tiểu thuyết: **Quê nhà, Quê người và Mười năm**.

Trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

I

Tùng... tùng... tùng...

Tiếng trống thúc thuế inh ỏi, ra riết, gay gắt, càng về những ngày cuối càng gay gắt. Không biết những ai mười tám tuổi trở lên phải chạy đông chạy tây lo thuế thế nào thì lo, nhưng cứ mỗi lúc từng hồi trống ngoài đình nổi lên liên miên ba tiếng một thì trẻ con các xóm lại cất cổ nhại theo: tiền... tiền... tiền... tiền... tiền... tiền...

Chị Hai Tâm đánh xong mẻ suốt ấy rồi vào sửa cửi. Lạ đương lúi húi cắt cái “rạp” ở cửa gỗ. Chị Hai ngồi vắt vẻo trên đầu song hành, hai tay luồn vào mặt cửi, vừa gỡ vừa nói đùa:

– Trống gọi tiền anh Lạ đấy. Anh Lạ năm nay đóng thuế có sản hay thuế vô sản?

– Tôi bao giờ chẳng vô sản.

– Sao bảo bài bỏ làng ta năm nay ông lý Dĩ khai không có hạng vô sản?

– Thế mới bỏ mẹ ông lý Dĩ! Tôi vô sản lại bắt tôi phải đóng hạng có sản à? Nghị định đã chẻ hoe là hạng vô sản đóng một đồng, thì cho ở làng. Này các ông ấy có phu phen tạp dịch hay phụ thu lạm bỏ vào đấy nhiều lắm cũng chỉ đến một đồng mười lăm xu là hết nước. Tôi chỉ đóng có thế.

– Thế thì thuế năm nay cũng lòi thoi đấy nhỉ?

– Lòi thoi chứ!

Chị Hai Tâm đờ mặt:

– Chỉ có bố cháu ở dưới âm phủ là yên trí thoi.

Tùng... tùng... tùng... Chị Hai đờ mặt nghe, rồi nói:

– Thật cũng rầy rà. Hay là anh Lạ cứ đóng hạng có sản đi. Tôi sẽ phụ cho một ít.

– Không được. Phen này chúng tôi nhất quyết cho lý Dĩ một mẻ.

Chị Hai Tâm đứng lên, nguyệt Lạ, rồi trách dụi dàng một câu:

– Chẳng thấy ăn thua đâu, chỉ những hạp với hành từ hôm nọ tới giờ, bỏ mấy buổi cửi rồi.

Cơm chiều xong, ra khung cửi, Lạp không xuống ao tắm như mọi hôm. Lạp mặc áo, đi ngay. Chị Hai dặn với:

– Mai nhớ sang sớm nhé!

Nhưng Lạp đi biệt, bỏ cửi luôn một phiên chợ.

Trong nhà ông Trương Ba, ở cuối xóm. Kể năm người ngồi dưới ánh đèn tù mù vàng hoe. Bên những đùi, những vé gác ngược gác xuôi lên nhau, những cái khuỷu tay ghè cọ, day cạch cạch xuống phản như chó gãi ghè, cái bát điều chốc lại rên lên sòng sọc. Có mấy tờ báo Tin tức, mấy cái điều lệ Ái hữu thợ in, thợ may, thợ mũ, thợ giày, quăng bừa bãi.

Lê trôn trôn nhìn một cái bìa sách, bỗng cất tiếng hỏi một câu không ăn nhập gì tới quyền sách nợ:

– An, thế đảng ấy cứ nói thật cái bụng đảng ấy lúc này cho chúng tớ nghe cả nào.

Trong đồng người nằm, một câu đáp ậm ờ, lúng túng, nước đôi:

– Đã bảo cứ như mình thì mình không đóng đâu. Mà mình đã không đóng thật. Mình đã ký cả vào đơn chống thuế với các đảng ấy cơ mà. Nhưng các đảng ấy còn lạ gì u tớ. Động một tí là nháo lên. Cho nên u tớ có đến nhà lý Dĩ, còn có đóng hay không thì thật tớ không biết. Riêng tớ thì nhất định không đóng.

Lê đã tức lắm, miệng bầm bập chực nói từ nãy. Cố nén nghe đến đấy thì khó chịu quá rồi. Lê nhồm dậy, sấn sỏ:

– Mà nói vậy thì chó nó cũng không người được. Thế u mày vào nhà lý Dĩ đóng thuế, thì đóng cho ai, cho con chó à?

– Nghĩa là...

Lê đứng lên, nói buông choang choang:

– Không phải lẽ nghĩa gì nữa. Mày phải biết rằng từ ngày hơn năm mươi chữ ký chống thuế gửi lên Công sứ, lên Thống sứ Bắc Kỳ thì lão lý Dĩ xanh mắt rồi. Cái thư của quan Phủ à? Cái thư của Phủ gửi về khuyên anh em cứ đóng theo bài bổ, nhằm lẫn đâu sẽ xét sau là chúng nó định làm kế hoãn binh. Được thể, lý Dĩ gọi anh em ra đình, phét lác nặng lên, nhưng chúng ông nắm được chuỗi rồi, càng sợ thì càng to mồm. Cái thư ấy chỉ là cái thư xoa dịu. Chúng ông không đóng hai đồng rưỡi, chúng ông chỉ có một đồng. Thế

nhưng lý Dĩ nó cũng khéo bịp lắm, nên vẫn có thẳng sợ. Tao nói thật chứ, lên đồn hay xuống phủ thì chúng tao đây cũng chỉ một đồng thôi. Lịch sử loài người chỉ tiến bộ chứ không bao giờ thoái lui cả.

Trong lúc Lê nói, cả lũ Lạp, Trung, Ba đã ngồi chồm hổm lên nhìn Lê, như đợi Lê bật ra một câu gì nặng nữa cho hả. Chưa thấy Lê nói. Anh nào cũng liếm mép mấy lượt. Rồi có anh đánh một câu:

– Tiên sư những đứ đả khôn nạn thậm thọt vào nhà lý Dĩ!

An chạm phải gai, nhồm dậ:

– Nếu không đi với chúng mày thì tao đến đây làm gì? Đứ đả nào thậm thọt? Thằng nào chửi mẹ ông thế?

Im lặng.

– Trước sau tao vẫn bảo tao với chúng mày là một thì chúng mày lại chửi tao nhem nhem. Thế là thế nào? Khỏi đứ đả kia kia, cũng ký đơn hăng lắm, mà bây giờ nói theo phe lý Dĩ, nó đóng thuế có sản, nó phản thùng chửi lại thì chúng mày lại căm họng. Cánh nhà lý Dĩ, lại chi tốp những họ Nguyễn, họ Bùi đấy, làm gì được chúng nó thì làm nào?

Lê nói:

– Thế nào cũng có thẳng bỏ mẹ với ông!

An cười nhạt:

– Không nói thẳng thiên đấ chứ?

– À, mày láo hả?

Lê và An cùng phát lên, lênh nghênh như hai ông tướng phờng chèo trên cái phản mọt, mà bốn chân mễ đã chuyển răng rắc. Lạp, Trung, Ba nhồm cả dậ. Ông Trương và cô Nhàn ở trong nhà cũng phải chạy ra. Họ lồi hai người ngồi xuống.

Lạp giảng giải:

– Lúc này mà đánh nhau là nát bét hết công việc. Dù sao thì lý Dĩ cũng đuối lý, nhất định mình theo kiện đến cùng, thế nào cũng được. Nhưng phải nhận rằng hàng ngũ chúng ta trước kia ghép chặt thế mà nay thì lỏng lẻo rồi. Hơn năm mươi chữ ký đấ mà rơi rụng chỉ còn độ hai mươi là trung thành thôi. Cho nên phải tìm cách nào chứ đánh nhau à? Ông thả ra cho mỗi thẳng quạng nhau vài cái chán tay thì chỉ đến ngồi thờ, ăn thua mẹ gì! Mà vẫn không thể được kiện!

Câu nói của Lạp vừa cay, vừa có lý. Trong im lặng, cả bọn lọt vào một cái châng hăng, nặng nề. Mỗi người lại lần lượt với cái bát điều về phía mình. Bực tức, càng rít khỏe. Nước điều tù sông sọc rên lên. Rồi sau làn khói, những cái miệng lơ mơ há hốc.

An vẫn lảo bảo nói:

– Ông không đi với anh em thì tội gì ông đem bài đi đăng báo, đi mua sách báo cho chúng mày. Ừ, dù u ông có đóng thuế mất rồi, thì ông vẫn bảo ông vẫn thế kia mà, cũng vẫn được kia mà. Thằng Lạp nói đúng, bỏ ra một mình suất của tao, cố giữ được hai mươi suất không đóng, chứ nếu để tan vỡ cả, nó quật lại cho thì phen này đến bỏ làng bán xới cả lũ. Để mai tao đi mua báo mới về xem tin tức các nơi ra sao.

Cho đến khuya, không ai nói nữa. Lê nói một câu cuối cùng, rồi ai về nhà nấy.

– Đứa nào gặp anh em cũng dặn lại nhau một lần nữa. Không sợ, còn ba người cũng không sợ. Nhất định chỉ đóng vô sản một đồng thuế thôi, đi đến đâu thì đi.

Tuy vậy, điếm những mặt ngòì đấ, không những chỉ có An mà còn có anh khác cũng phân vân, muốn nước đôi. Có anh ngòì đấ, nhưng ở nhà đã đem tiền thuế đến lý Dĩ, năn nỉ: “Ông cứ cho cháu nó đóng đàng có sản. Nó dại, đi a dua, rồi tôi bảo dần”. Lý Dĩ cười: “A dua những thằng khổ dầy, có làm sao thì đến vạn rặng chúng nó là cùng, dại quá”. Thì bà Hương, mẹ An cũng nghĩ thế, làm thế.

Hôm sau, An ở tỉnh về, nách cặp một xấp hai mươi tờ báo Tin tức. Gặp ngay bọn Lê ngòì chầu rìa đầu làng, đương mong mỏi, chờ đợi.

Trên đình, thằng mõ vẫn thẳng cánh giọt trống ngũ liên. Từ ngày ký đơn chống thuế, thật tình từ cái lúc hồi ngũ liên đầu tiên báo hiệu gióng giả thu thuế, bọn Lê đã bắt đầu sốt ruột, không anh nào yên tâm làm gì. Không phải vì có ai xui giục, mà chỉ bởi vốn ghét sẵn bọn lý dịch, nhân vụ thuế sắp tới, đọc báo Tin tức thấy các nơi kêu thuế, thì họ họp nhau lại chống thuế. Báo Tin tức từ đây là cái nguồn phấn khởi giúp họ.

Trông thấy An, mọi người nhao nhao:

– Thế nào? Thế nào?

An giờ tập báo. Những cái đầu bu lại, giữa tiếng Lê thì thầm với An. Lê đã quên những cái cọ tối qua, cũng như không để ý cả chuyện mẹ An đã đem tiền đóng thuế cho An mà ai cũng biết, Lê nói:

- Nó định gọi lính phủ về ộp. Mai đã là ngày tận thu rồi.
- Yên, yên. Báo nói đây này.

An mở trang giữa tờ báo bốn trang khổ rộng. Ở cột cuối có bài: Anh em vô sản làng Hạ cương quyết đấu tranh. An cất giọng đọc to cho mọi người cùng nghe. Bài báo ấy ở tòa soạn đã chữa nhiều câu khác câu của An viết, ngay từ cái đầu đề, nhưng nghe vẫn hợp lắm, và lại thêm nhiều chữ chính trị càng thấm thía hơn. An đọc tiếp sang những tin chống thuế ở các nơi khác. Mọi người bồi hồi cảm thấy sự liên lạc tinh thần giữa mình với tờ báo và với anh em chống thuế đang sôi nổi khắp mọi nơi (Nhiều nơi còn kịch liệt và gay go hơn ta)... An vẫn đương đọc vanh vách trong tờ báo ra, thì những người uể oải lo sợ nhất cũng lại háo hức, sôi nổi lên.

Lê nói:

– Nếu thế thì việc chánh Nhạ hôm nay cũng cần phải đăng báo lắm.

- Phải, phải rồi.
- Đăng báo cho nó một mẻ!
- Việc gì thế?

– Sáng nay chánh Nhạ trối thẳng Ngô rong lên khắp làng. Vừa đi, nó vừa đánh, vừa chửi xỏ: “Mày bắt chước những thằng nào, mày muốn ý thì bảo ông. Trêu tay ông không được đâu. Ông cứ đánh cho đến bao giờ mày ộc ra máu, ra thuế, mới thôi. Ông phải thi với mày xem đứa nào gan hơn đứa nào.”

– Cái này là một cái dã man, ta phải đăng báo.

Họ lại rối lên bàn chuyện đăng báo. Mà quên không để ý đi nghe ngóng xem mai lý Dĩ có gọi được lính phủ về đốc thuế ngày tận thu không.

Trên đường vào xóm, cả bọn gặp chị Hai Tâm. Trông thấy cái áo cánh vải lơ trắng mát với chiếc thắt lưng màu hoa lý phát phới đàng xa, Lạp toan lẩn, nhưng không kịp. Chị Hai đã gọi eo éo:

– Gớm thật, anh bắt tôi đánh đuổi anh hết ngày này sang ngày khác thế này là ra làm sao?

– Chị cứ về. Mai tôi đến.

– Anh thử nhớ xem anh hẹn mấy mai rồi?

Lạ cười:

– Mai thật mà.

– Hay là tôi đóng thuế cho anh cho xong đi để còn làm ăn chứ.

Lạ vừa ngượng, vừa tức, sùng sộ:

– Ở hay chị này! Đừng có đụng vào đấy mà không xong với tôi.

Chị Hai cười, đầu dụi:

– Ừ thế mai nhớ sang sớm, đừng để đổi cơm mà tôi rửa cho ngồi đứng không yên đấy.

Chị Hai đi khỏi, có anh nói pha:

– Nói với thợ cửi những nhắng như nói với chồng con ấy.

– Mà làm bố thằng Tâm thế mà được.

– Chỉ láo nào!

Lại như thói quen, tối đến, họ họp nhau ở nhà anh Ba, kẻ nằm người ngồi dưới ánh đèn tù mù vàng hoe. Những đùi, những vế gác lên nhau, những khuỷu tay ghè cọ, day xuống mặt phản, bên cạnh cái điếu, mấy quyển sách quần hết mép, mấy cái điều lệ Ái hữu đã nhàu nát và những tờ báo Tin tức mới. Họ nói cho nhau biết những tin, chuyện nhật được trong ngày. Lý Dĩ cũng bí lắm. Không gọi được lính phủ về, vì mùa đổ thuế này, những cơ, lệ còn phải bỏ đi thúc các làng khác, có nơi còn khó khăn hơn đây nhiều. Lão lý bần tiếng muốn điều chỉnh, muốn chia đôi số bài bỏ thừa, cánh vô sản chịu một nửa, lão chịu một nửa. Lại cũng nghe chuyện lý Dĩ uống rượu, bảo con: “Chúng mày sống để dạ chết mang đi, nhớ lấy mặt bọn thằng Lê, thằng Lạp, thằng Trung mà giả thù cho tao”. Lão cuống rồi. Ngũ liên vẫn đánh ra rả. Xin phép trên phủ cho được kéo dài hai ngày nữa thì cũng chỉ đến chiều ngày kia là tận thu. Nếu như đến bây giờ vẫn không chịu đóng, lão phải cộp tiền nhà lão ra. Lão chịu thế ư? Sao bây giờ vẫn chưa đả động tróc nã đến bọn chống thuế? Muốn xoay đòn gì đây?

– Đòn gì, đòn bán nhà mà nộp thuế đây.

Từ nãy, Lê ngồi yên, mơ màng trước trang báo mở rộng, mùi mực, mùi giấy thơm hăng hắc bốc lên, lung linh những chữ in tròn, gọn và sắc nét lạ lùng. Lê nhìn An đang viết bài gửi đăng báo kể việc chánh Nhạ đã man đánh đập thẳng Ngô. Lê ngắm An cầm cúi, hí hoáy viết. Lê thèm, Lê thấy khao khát viết. Bài báo kia cũng cảm Lê không kém tha thiết, có phần lại quyến rũ hơn, rành rõ hơn. Người ta có thể viết được báo. Thì chúng ta đã viết báo rồi đấy. Cái bài An viết hôm nọ, đem đọc ra, mình cũng viết thêm vô khối câu vào, bây giờ những câu của mình ấy cũng đang bò lồm ngồm trên tờ giấy thơm phức kia, chẳng của mình thì của ai. Lê nhớ một lần ra Hà Nội, đến tòa báo Tin tức, thấy các anh tòa báo với anh “loong toong”, anh viết băng báo cùng ngồi xúm quanh mâm cơm rau muống chấm tương, vẽ bình đẳng và đại đồng lảm. Từ ấy, nhất là lúc này, Lê ước được làm anh “loong toong”. Lê không muốn làm chân viết băng báo, vì Lê vốn chỉ học lầy, không tập viết, chữ nghều ngoào như cua bò, nếu Lê được làm chân chạy giấy ở tòa báo Tin tức để được học thêm, học chữ, học tranh đấu làm cách mạng, viết được bài trên các báo phái tử, dưới đề tên tác giả: Văn Lê. Mộng to quá! Nhưng mà sao lại không thành sự thực được. An viết bài báo, Lê cũng viết được bài báo. Một bài báo cũng chỉ bằng những chữ ta thường nói. Chỉ cột cái tinh thần. Lê viết. Lê lấy mảnh giấy, nhấm bút chì viết. Bên cạnh những cái lưng, cái chân đang kỳ xuống phản, chốc lại hích vào Lê, xô cả mảnh giấy Lê viết, Lê hí hoáy... Chánh Nhạ... anh Ngô... vừa đánh vừa chửi... đã man... ước hiếp... tranh đấu... công... công gì nhỉ?

Quá nửa đêm, họ lẻ tẻ về, có người đã nằm ngáy khò. An và Lê vẫn ngồi lên, nằm xuống, bắn khoăn. Lê cũng đã viết xong, Lê đưa cho An xem những dòng chữ chì của mình leo lên bò xuống chi chít trên mảnh giấy không có một cái dấu chấm câu.

An đọc bài của Lê, rồi nói:

– Hay đấy. Tao ghép bài của mày vào bài của tao, rồi gửi đăng báo.

– Thế hả?

Trong ánh mắt Lê cười ngụ một cái thú vị kiêu hãnh. Xưa nay không biết mặt chữ, không mất một xu đóng tiền học cho ông thầy,

ông đồ nào mà bài viết của ta cũng ghép được với bài của cái thằng có một bụng chữ, đi học từ lúc để chỏm.

Lê nói:

– Mai chúng mình đem bài này đi. Nhân thể, mua thêm báo Tin tức về bán. Còn có thể bán được vài chục số nữa chứ không phải ít đâu. Bán cả sang các xã khác cho mở rộng phong trào.

– Mai mà không đi dệt cử à?

– Kệ.

Rồi Lê bảo An dạy cách đặt các thứ dấu phẩy, dấu chấm, dấu than, dấu hỏi, dấu trước câu nói ngoặc ra ngoặc vào. Cho đến lúc hai người đi về, trong đêm khuya, Lê ta hãy còn ve vuốt mộng viết báo.

– Viết báo thế mà khó.

An nói:

– Phải học nhiều.

– Tao nghĩ đọc nhiều sách cần hơn. Tao nghe nói như anh Trần Huy Liệu là người đọc nhiều sách chứ có phải là người mất tiền đi học nhiều đâu, mà giỏi thế.

– Mà dốt lắm! Đọc hay học thì cũng vậy.

– Tao sẽ đọc nhiều hơn và tập viết. Trước hết tao nhờ mà dạy tao viết chữ quốc ngữ cho thật đúng đã. Tao sẽ viết báo, viết sách, tao thích cả làm thơ.

Hôm sau, Lê và An ra tòa báo ngoài Hà Nội. Lạ cũng đi theo. Lạ vẫn chưa trở lại khung cử nhà chị Hai Tâm.

II

Bài báo Phản đối đánh người trong lúc thu thuế của An và Lê viết tới ấy, đưa ra báo Tin tức đăng ngay. Báo đăng ngay. Báo Tin tức số ấy đem về bán thêm được mấy chục tờ, cả vùng. Anh em thích quá, tán: bọn lý dịch chúng nó run như dế!

Rồi lại chống thuế thắng lợi nữa. Thì ra lão lý Dĩ vì chắc mẫm ăn thua trong dịp làm thuế mới, đã khai bài bổ tăng công với phủ: làng Hạ không có sưu vô sản. Nay lòi ra mấy chục suất, thì lão phải đóng đây vào. Những người kia, vô sản thật, họ chỉ xỉa ra có một đồng bạc. Lão lý tím mặt lại.

Ít lâu sau, lão lý đem cầm đoạn mai một thửa vườn tre.

Từ đấy, cả một vùng, khét tiếng thanh niên làng Hạ, đâu cũng kéo về đánh bạn. Bảy giờ là năm một nghìn chín trăm ba mươi bảy, phong trào Bình dân sôi nổi ở ngoài Hà Nội. Những người thanh niên các làng đương thèm khát say mê cái mới, cái lạ. Họ là những người trẻ tuổi, khi họ lớn lên thì những cái lò rèn bí mật ở Thửa Lệnh Sơn Tây làm bom bằng xi măng, mảnh chai, sắt vụn cho Việt Nam quốc dân đảng đã tan không còn, việc thủ lĩnh Nguyễn Thái Học và những người đảng của ông bị lên máy chém ở Yên Bái, Nhà nước Bảo Hộ tuyên truyền dọa nạt rầm rộ, cùng với hàng nghìn “vụ án Đông Dương Cộng sản đảng” cũng chỉ còn là một cái ám ảnh khủng khiếp, nhưng lại gợi thêm tò mò, nghĩ ngợi, thắc mắc mà thôi. Và những quyển sách in chằng chịt ảnh các chính trị phạm bị tầm nã mà các viên quan công sứ đầu tỉnh tự tay phát bí mật cho các thầy chánh tổng, lý trưởng cũng đã bỏ xó trong tủ, không mấy khi các ông chánh lý phải mở ra để nhìn mặt những người không có thể thân, những người đi qua làng bị tuần canh khả nghi bắt giữ lại.

Nhưng đời sống hàng ngày thì lại dần dần biến đổi và hết sức bấp bồng. Nghề lĩnh và nghề tư tầm thoi thè là không còn góc dậy được nữa. Những người thợ cửi già dẹt giới lĩnh mười bàn nay cũng phải xoay sang tập dẹt lụa khổ rộng, thoi giặt máy. Các khung cửi bây giờ làm lụa bằng tơ Ly-ông bên Tây, tơ tàu Tứ Xuyên, rồi gần đây thì tràn lan cái tơ bóng tơ mờ nhập cảng của Nhật. Những lái buôn lụa vào lại bán tơ ra, hàng phiên về ngòi xem xệp giữa chợ Đơ

ở Hà Đông, chẳng phải ướt cái khăn mặt lau mình mồ hôi như khi ta đổ cuốn cửi mà họ mua ra, bán vào, lãi ăn bạc nghìn, giữ quyền sống chết của cả mấy vùng công nghệ. Có người buôn lụa bán tơ Tây tơ Nhật giàu quá như nhà Vũ Văn An, lại tậu máy tận bên Tây về mở xưởng thuê cả trăm thợ dệt. Vài ba nhà buôn khác cũng xoay sang làm hàng chục khung cửi. Nhưng hầu hết các làng thì lẹt bẹt mỗi nhà một hai khung, phiên đất phiên rẻ, càng khiến cho người trong nghề chẳng biết rồi ra làm sao. Hàng dệt càng không ai lấy làm quý nữa, chỉ làm đều mãi ra, mỗi ngày một đan mảnh mảnh bôi bác. Khách và lái mua thì tùy ý họ, phiên có phiên không, mùa đất mùa ế, mỗi năm chỉ rộ được vài tháng là giải lằm, rồi lại sạch tay, lại đương chủ hóa thợ dễ như chơi. Nghề nghiệp và cuộc sống u ám, khó hiểu, tạm bợ. Giữa lúc ấy, bao nhiêu tiếng vang mới lạ từ thành phố đưa tới. Họ mang máng rằng cả cái xã hội này cũng chỉ là tạm bợ, không có lý và phải thay đổi. Họ là một lớp thanh niên mới lớn, khỏe, hăng, háo hức.

Trong anh em hăng hái ở làng này chỉ có An là đã ngò qua lớp nhất trường phủ. Trung và Ba thì chưa biết chữ. Còn Lê, Lạp đều là những cậu nhai a, b, c ở nhà, học vu vơ thế rồi cũng hóa ra đọc được. Họ mê mãi lạ lùng, sách gì cũng đọc, chuyện gì cũng bàn cãi và đêm ngày gò lưng nằm viết bài, chép thơ, viết thư tình chẳng gửi cho cô nào cả mà để đọc với nhau. Trung cũng đã mua quyển sách mở lòng. Lê và An hô hào góp tiền lập thư viện. Họ đi mua về những quyển Vấn đề dân cày, quyển Chu Đức, quyển Chiến sĩ xã hội, những tiểu thuyết Tắt đèn, kịch Không một tiếng vang^[1]... và các báo Tin tức, Đời nay, tuần báo Thế giới, Kiến văn. Họ tập kịch Không một tiếng vang và mỗi chiều chợ tơ thong thả lại họp nhau ở nhà ông Trương Ba đọc báo, đọc sách, cãi cọ văn thơ, chính trị và hát. Rồi hẳn nghe ở làng nào có tay thanh niên biết ăn nói giỏi là tìm đến làm quen để thuyết và rủ cánh đánh bạn.

Thỉnh thoảng ngày phiên, cả lũ kéo bộ ra thành phố, đến chơi tòa báo Tin tức. Các anh ở tòa báo tiếp, mời ngồi ghế sa-lông, hỏi han tỉ mỉ, thân mật, cặn kẽ, sượng quá. Chưa bao giờ được gặp những người tri thức giỏi như thế lại thân như anh em, làm cho họ có cảm tưởng tòa báo ấy gần gũi. Mỗi lần trở về làng, lại thấy vùng mình thấp đi và họ say sưa hùng hồn nói toàn những tiếng mới vừa nghe

được. Bắt chước giọng các anh ấy, họ uốn cong lưỡi khi nói đến các tiếng có chữ s, chữ ch, chữ d, sự sống, tổ chức, quần chúng, Đông Dương đại hội...

Một hôm Lê bảo An:

– Ngoài tòa báo trả lời rằng dù về đây hơi xa nhưng các anh có thể đi xe đạp về giúp huấn luyện cho chúng ta được. Chủ nhật này thì có một anh về. Ta họp anh em ở đâu cho tiện?

– Không nên ở nhà thằng Ba. Chúng ta phải có nhiều nơi họp. Cần kín hơn. Mà bất ngờ càng hay. Cho bọn lý dịch chúng khiếp, chỗ nào cũng thấy thanh niên.

– Ờ. Nhà cậu thế mà tốt. U cậu đã đóng thuế thân cho cậu, chúng nó tưởng cậu không cùng cánh với chúng tớ nữa rồi.

An chối:

– Không tiện. Nhà tớ hay có người ở tỉnh về chơi. Phải bí mật hơn.

– Nhà bác cai Giắt được chứ?

– Được thì tốt quá.

Nhà bác cai Giắt ở khuất. Nhà có cổng gỗ, chòi cổng chứa sẵn toàn mảnh sành, chai vỡ nghiêm ngặt hết trại lính. Bác ấy vui tính, cái gì cũng thấy vui, vợ mắng như tát nước vào mặt mà vẫn tìm ra cách nghĩ chỉ thấy vui. Lúc nào bác cai cũng đeo bên sườn cái bình toong đựng rượu còn giữ được từ ngày mãn lính. Các ông lý dịch không ưa tính bốp chát của bác. Vả lại, bác đã đi lính sang tận bên Tây, cái năm có chuyến nhà nước lấy lính ta sang dẹp loạn bên Ma Rốc, bác đi lâu, ở cơ ngũ, có đánh trận mạc hẳn hoi mà sau khi mãn về vẫn chân trắng binh bát, cho nên tự nhiên là lý dịch họ khinh bác. Bác đã đi nhiều, đâu cũng biết, biết cả con “sa mù [2]” có hai cái bướu trên lưng quanh năm nhịn nước. Bác đã được qua cái bãi sa mạc toàn đồng không cát trắng, chẳng bao giờ đi hết được, cho nên, cũng tự nhiên là bác cai xem mấy ông chức việc trong làng chỉ rất xoàng mà thôi. Thấy trai làng chống thuế, bác bảo: “Được đấy. Cứ bắn khỏe vào. Ở bên Tây, những quan ba quan tư mà chúng tớ vẫn kiện thẳng cánh, chẳng có gì là sợ”.

Bác cai Giắt cười khề khề. Thật tình thì chỉ mới nghe Lê nói lồm bồm, bác cũng chưa hiểu các anh trai làng định mượn một gian nhà

mỗi phiên chợ một buổi để làm cái gì, nhưng vốn tính hay tưởng cái gì mình cũng biết cả rồi, bác cứ ừ, cứ bảo: “Khi còn ở lính, chúng tớ cũng vẫn làm thế mà”.

Cái gian đầu hồi nhà ông cai Giắt được quét tước sạch sẽ. Họ đem treo vào đấy một bản đồ Đông Dương cắt ở sách ra. Rồi chủ nhật ấy, buổi trưa, bọn Lê, Trung, Lạp, An ra tận đầu làng đứng đợi anh nhà báo. Từ giữa cánh đồng, chuông xe đạp kêu kình keng, anh nhà báo đã về. Anh xuống xe, bắt tay mỗi anh một cái rất chặt rồi miệng anh lại tự giới thiệu “Tôi là Tần, các đồng chí tên là gì?”. Sau đó, cùng kéo về nhà bác cai Giắt. Anh Tần làm việc ngay. Anh đứng chỉ bản đồ nói chuyện về phong trào dân chủ chống phát xít trên thế giới và Đông Dương. Anh em nghe mê mải. Bác cai Giắt dương dật, chốc chốc cũng lại bỏ cửi, tay cầm cái thoi ra đứng ngoài cửa, nghênh bộ râu trê nhìn vào. Lúc anh nhà báo ra về, mọi người nắm tay giơ lên đầu chào nhau theo lối chào của thanh niên dân chủ thế giới. Bác cai Giắt cũng xòe bàn tay giơ ngang tai chào anh nhà báo ấy rồi bảo Lê: “Ở trại lính thì xòe tay chào thấp thế thôi. Này cái bài các tướng vừa nghe giảng, ngày trước ở lính tớ vẫn được nghe luôn, mà người ta làm ra thành vẻ như truyện Kiều kia. Thế mà còn rất khó nhớ. Học cái này nát óc hơn đánh tổ tôm!”.

Anh em thì thích quá. Chưa bao giờ được nghe tình hình nhiều và rành rõ như thế. Lần sau, họ còn rủ thêm nhiều anh nữa ở làng dưới lên.

Luôn mấy tuần lễ liền, anh Tần về nói chuyện.

Chủ nhật kia, họ lại hội nhau lại đợi anh Tần. Nhưng đến tận chiều cũng chẳng thấy anh ấy đến. Mọi người sốt ruột. Vả lại ngày cuối phiên, ai cũng bận, mọi người lảng đãng về. Chỉ còn có Lạp, Lê, Trung vẫn rón ngời đợi. Mãi đến chập tối mới thấy anh Tần dắt xe mò vào trong ngõ.

– Có một thằng “cóm^[3]” theo từ đầu ô, mình đạp nhanh nó cũng nhanh, chậm nó cũng chậm, về đến đây mà nó vẫn bám, mình phải đạp phóng một quãng xa cho lạc nó rồi mới quay lại được.

Họ nhìn Tần bằng con mắt kính phục. Mặt anh vuông, bạnh. Bàn tay to như bàn tay một công nhân nhà máy, miệng anh cười tươi và nói lưu loát đúng chất một chiến sĩ cách mạng. Cái sơ mi trắng cộc tay, cái quần soóc trắng, càng làm tăng dáng vạm vỡ, nom anh thật

hết một công nhân bên Liên Xô đầu óc đầy hiểu biết và tranh đấu. Anh xứng đáng để bọn "cóm" phải theo. Lê nói:

Đầu óc đầy hiểu biết và tranh đấu. Anh xứng đáng để bọn "cóm" phải theo. Lê nói:

- Nếu anh vào bảo lúc nãy thì chúng tôi sẽ ra giã cho nó một mẻ.
- Ấy chớ, không nên bạo động không cần thiết.
- Vào làng thì đánh dễ lắm, thỉnh thoảng cũng phải đấu tranh thế nó mới sợ, anh ạ.

Tối nay chỉ có ba người nghe anh Tần nói. Tần đứng trước bàn, vừa nói vừa chống một nắm tay xuống. Máy người nghe ngồi trên bậu cửa.

Anh Tần nói về lịch sử loài người. Người ta không phải do ông Bành Tổ sinh ra. Mà loài người chỉ là loài khỉ ngày một tinh khôn dần lên, trải qua bao nhiêu nghìn, vạn, triệu năm cho tới được mức đầu óc và lối sống văn minh như ngày nay...

Tần rút trong túi áo ra một mảnh giấy con. Tần đọc to những câu hỏi ghi trong giấy: Giai cấp đấu tranh là gì? Chủ nghĩa tư bản là gì? Chủ nghĩa đế quốc là gì? Chủ nghĩa phát xít là gì? Làm thế nào để thực hiện chủ nghĩa cộng sản? Rồi Tần lần lượt cắt nghĩa.

Đến câu khoái nhất: Ở chế độ cộng sản không còn giai cấp đấu tranh nữa. Tần hùng hồn nói, nhíu đôi mày rậm, căng mặt, tung cả khuy áo ngực; nắm tay anh nhắc lên đặt xuống như cái chày giã gạo.

– Đồng chí Các Mác nói: "Vô sản toàn thế giới hãy liên hiệp lại". Có thế thì cách mạng mới thành công được. Bây giờ giai cấp vô sản đã đánh đổ giai cấp tư bản, trả lại quyền lợi, tự do và sức làm việc cho tất cả mọi người. Hết bọn chủ mỏ, hết chủ đồn điền, hết những bọn chuyên môn bóc lột. Bây giờ người ta trên hoàn cầu chỉ còn phải tranh đấu với thiên nhiên. Nghĩa là thế này: người dân cày một năm gặp hạn hán thì nhà bác học bèn nghĩ ra cách làm cho trời phải mưa. Ở Liên Xô bây giờ đương làm được như thế. Nhà bác học lại nghĩ ra những thứ thuốc chống bệnh tật, ốm đau, có thể làm cho người không bao giờ chết. Bây giờ không phải chỉ có một ông Bành Tổ tưởng tượng mà ai cũng là ông Bành Tổ, mà là ông Bành Tổ béo tốt, sung sướng, muốn gì được nấy, muốn đôi giày được đôi

giày, muốn cái áo sơ mi trắng được cái sơ sơ mi trắng. Trên hoàn cầu ai cũng vui vẻ, trẻ con không biết khóc, người lớn không biết cãi nhau, không đâu còn nạn thất nghiệp, nạn mãi dâm, ai cũng được đi học, được phát triển tài năng của mình và tiêu dùng tha hồ những của cải của xã hội làm ra...

Ánh đèn hắt lên trán anh Tần nhỉnh nhoáng mồ hôi. Anh Tần nói nghe mê quá. Bốn bề im phăng phắc.

Rồi cả bọn ra ao tắm. Trăng sáng như ban ngày. Cửa sổ bên khung cửa chị Hai Tâm cũng vừa tắt đèn lên đầu hôm. Chị Hai cầm cái quạt nan ra đứng bên bờ ao, ngửa mặt quạt mớ tóc buông xõa dài chấm gót. Chị vừa ra khung cửa. Thoáng trông xa trong ánh trăng thấy trần hai vai, lồ lộ mảnh yếm trắng lấp như cánh hoa nhài nở đêm. Thấy mấy người lồ lộ xuống cầu ao bên này, chị Hai hỏi:

– Có anh Lạp đấy không?

Lạp khẽ:

– Đừng ai gọi tên tớ nhá.

Lê đáp to:

– Có Lê đây thôi.

– Tưởng có anh Lạp thì bảo về mà ngủ sớm, chả có mai lại nửa ngày chưa vào khung cửa.

Mấy người cười rình rích. Chị Hai vẫn chưa chịu buông chuyện:

– Anh Lê hỏi này làm đâu mà thông thả thế?

– Thông thả quái gì, vội chúi mũi suốt phiên đấy.

– Vội mà đêm cuối phiên bận nhất thế này lại nghỉ? Khéo giấu đầu hở đuôi!

– Vội ngày thôi, tối vẫn nghỉ như thường.

Lê lại nói:

– Chẳng khác ngày làm tám tiếng bên Liên Xô, chị có biết không?

Trong nhà bác cai Giắt có tiếng đàn bà léo xéo. Mọi người lắng tai nghe. Chưa hiểu là bác cai gái đương chửi mát những đứa động cốn nói chuyện đêm qua ao hay bác ấy to tiếng gì, nhưng chị Hai đã nói:

– Bà lão mắng ông lão đấy.

– Rõ khổ!

– Chỉ tại các tướng thôi.

– Sao lại tại?

– Họp với hành ở nhà người ta để ông lão cứ xem ra xem vào, mất việc, vợ lão mới chửi cho chứ sao!

– Sang tận Tây về mà chịu nước ỨC ấy nhỉ?

Chị Hai Tâm cười khanh khách:

– Chưa ai trông thấy chòm râu quạp của bác ấy bao giờ à?

Bốn anh đàn ông lớ nhố ngâm mình dưới ao vẫn chuyện sang. Lạp nói khẽ:

– Chuyện ma mãnh với chị này thì cả đêm được!

Bên kia lại léo nhéo:

– Nhà bà tôi trong xóm còn một khung, anh Lê có về làm thì tối tha hồ nghỉ đi chơi.

Lê đùa:

– Một thằng Lạp còn chưa đủ, lại tôi nữa, chị mộ nhiều người thế? Có cần cả bọn này nữa không nào?

Tiếng cười lại oang trên mặt nước. Chị Hai, chưa nghe rõ, cũng cười theo. Lạp bảo:

– Bé mồm chứ. Bà lão Đồi mà nghe tiếng tưởng đưa nào chim chuột con dâu bà ấy, lại ra chửi toáng lên bây giờ.

Lê thì thào:

– Tớ đã có phép, nếu tớ lên bây giờ thì ả phải vào ngay. Lên nhá!

Nói rồi, Lê lên bờ ao thật. Lê tồng ngồng, lấp loáng trong bóng tối và ánh trăng. Chị Hai vẫn đứng bên kia, quạt tóc phành phạch. Làm như không biết. Phải cho tới cả ba bốn người nòng nống ào lên, chị Hai mới đứng đĩnh vào. Hai vai trắng ngần như bóng trăng lặn sau bụi hoa đơn đỏ. Anh Tàn phải nói: “Bạo thật! Có thể giác ngộ chị ấy”. Lạp cười: “Chị ấy có mà giác!” Cả bọn cùng cười, về đồng ý câu đùa mỉa của Lạp.

Ở dưới ao lên, qua nhà ngang, còn nghe tiếng bác cai gái nói ì ềo. Lê nói:

– Bao giờ cho xã hội hết những cảnh đau khổ này?

Ra đến đầu ngõ, thấy bác cai Giắt đã đứng đấy, tay gõ nghịch coong coong vào cái bình rượu đeo bên sườn. Thấy bọn này, bác cai dựng đứng người, xòe tay lên mang tai chào kiểu nhà binh:

– Học xong, ăn no tắm mát, đúng như ở lính!

Rồi bác cai lừ lừ ra đóng cổng.

Sáng hôm sau, Lê tiến Tàn về. Ra tới đầu làng, Tàn bỗng giật mình nói nhỏ:

– Thằng “cóm” hôm qua kia.

Lê trông ra thì thấy một người đội xếp quê ở làng dưới, dáng hảnh anh ta ở phố về chơi. Lê cười:

– Nhảm rồi. Người này nhà gần đây.

Tàn cũng cười, hồn nhiên:

– Thế hả? Mình hoảng hã!

Rồi lại bắt tay thật chặt. Chủ nhật sau, không thấy Tàn lên. Chủ nhật sau nữa, Tàn cũng không lên được. Anh ấy dạo này bận, mà anh em trong làng thì cũng mãi làm ăn, sinh sống, không mỗi chốc lại bỏ một ngày cưỡi xuống tòa báo được.

Đương khi ấy, nghe tin ở xóm dưới có một người chính trị phạm mới bị đưa về làng quản thúc. Anh ấy tên Chúc, là người làng, nhưng đi làm đầu con nuôi người thiên hạ từ thuở nhỏ. Chúc cùng họ với Lạp. Chúc đã ở những đâu, làm những gì, không ai rõ, chỉ nghe mang máng cũng tha phương cầu thực, cùng khổ lắm. Nay không biết tại sao mà phải bắt về quản thúc ở làng. Lạp đã xuống gặp Chúc đương ở nhờ một nhà bà con xa xóm dưới, rồi về nói chuyện lại với anh em. Anh nào cũng hí hửng, muốn gặp Chúc ngay. Họ đương khát học, khát hiểu biết, như khát nước.

An, Lê, Lạp, Trung, Ba, cả bọn cùng đi gặp Chúc ngay. Buổi tối, qua các xóm dật cửi đầu hôm, inh ỏi tiếng hát, tiếng thoi chạy lách tách, tiếng vỗ khố rập xình xình. Đến một cái ngõ tối lắm. Nhìn vào ánh đèn trong nhà thấy một người đàn ông quần cái váy vải hoa, mình trần gầy gơ hai hàng xương sườn, đương lúi húi viết. Người ấy ngẩng lên, hai mắt kính trắng lóng lánh.

– À, các anh đến chơi.

Hai bên giờ nắm đấm lên đầu chào nhau, rồi Lạp trở người đàn ông gầy quần cái xà roong hoa sặc sỡ:

– Giới thiệu đây là anh Chúc, một chính trị phạm.

Cả bọn ngẩn ngại, kính cẩn, ngó Chúc trân trân (cũng một phần vì Chúc ăn vận khá lạ mắt). Chúc hỏi ngay:

– Các anh Đệ Tam hay Đệ Tứ?

Câu hỏi ghê gớm đầu tiên làm cho mọi người vừa thích, lại vừa choáng thần hồn. Lạp đưa mắt nhìn anh em, có vẻ khoe ngầm “tay cừ không”, và cảm động, hồi hộp. Mãi sau Lê mới đáp:

– Chúng tôi là Thanh niên Dân chủ, ủng hộ Đệ Tam quốc tế, chống phát xít.

– Thanh niên Dân chủ hay mặt trận Bình dân là được rồi. Chỉ có Đệ Tứ thì rất kít cùng tụi với bảo hoàng là phải đả đảo. Đả đảo Đệ Tứ thì rất kít phá hoại, lý thuyết suông!

– Hôm nọ chúng tôi cũng ra tận ngoài Hà Nội đi đả đảo thì rất kít Huỳnh Văn Phương.

– Phải, phải đả đảo mạnh mới được. Ở bên Xiêm chúng tôi tẩy chay bọn chúng nó, phải tẩy chay luôn không thì chúng nó bám riết lắm. Các anh đến đây định thảo luận về vấn đề gì?

– Chúng tôi đến thăm anh, nghe anh kể chuyện hoạt động. Chúng tôi vừa đấu tranh chống thuế, nhưng sự hiểu biết còn ít, nếu được các anh giúp đỡ thì quý lắm. Anh là người làng thì thật càng vinh dự. Chắc chúng tôi còn phải nhờ anh nhiều.

Chúc kể chuyện bên Xiêm. Trước kia anh đã ở tỉnh U Đon bên Xiêm, làm đủ thứ nghề. Người Xiêm hiền lành, chỉ độc chơi và ăn không. Rất có Việt Nam ta và người Tàu sang buôn bán như hái ra tiền, ăn chơi tiêu xài và làm chính trị. Chính phủ Pháp tức quá, mới nhờ Xiêm bắt hộ một số đem bỏ tù, còn bao nhiêu thì trục xuất hết.

– Thằng Xiêm nó bảo tôi dữ hơn con hùm. Nó trói tay, trói chân chắc chắn rồi, lại đóng vào cũi, rồi mới cho lên ô tô chở thẳng về Sài Gòn.

– Về đây anh thấy thế nào?

– Đây sao bằng được bên Xiêm!

– Sao anh về?

– Nó định bỏ tù tôi ở Sài Gòn. Tôi bảo phải cho tôi về quê, trực xuất mà. Bơ vợ lại về được quê, đã không mất tiền, lại kẻ giải người đón về tận nơi. Tôi phải về vì cánh họ nhà tôi hiếm người. Tôi đi xa từ thuở bé song vẫn nhớ họ hàng, tổ tiên. Nhưng bây giờ tôi còn buồn lắm. Không có việc làm. Rất túng nữa. Chao ôi!

– Anh có liên lạc với các anh tòa báo ngoài Hà Nội không?

– Việc gì mà liên lạc! Đang túng và buồn lắm đây.

– Anh tới chơi với chúng tôi cho khỏi buồn.

– Được rồi.

– Chúng tôi ủng hộ mời anh lên với chúng tôi, dạy chúng tôi học chữ và chính trị.

– Được lắm. Nhưng để lo xong vấn đề này đã.

Chúc cầm tờ giấy viết dở trên mặt bàn.

– Các anh có biết tôi viết gì không? Đây là thư yêu cầu cưới vợ. Mình cần lấy vợ, họ nhà mình hiếm người, nhưng đời nào mình chịu lấy vợ phải mua bằng tiền nong, dĩa man. Người yêu của tôi nó cũng cho tôi nghĩ thế là phải. Nhưng mẹ vợ không chịu, đòi xem tuổi, thách cưới, ôi lạc hậu. Tôi viết cái thư này cắt nghĩa cho bà ấy hiểu và tuyên bố thẳng. Nếu bà không bằng lòng thì chúng tôi tự do kết hôn. Tôi đọc cho các anh nghe đây.

Chúc đọc to, một lá thư đề “thưa má” và một thư gửi cho người yêu. Họ không để ý nghe. Họ vẫn lạ mặt vì anh Chúc ở xa về hơn là những cái thư nhớ nhãng. Bởi những người con trai mới lớn ấy tưởng chỉ có tuổi đương xuân thì mới ham viết thư tình và thích chuyện tình. Đàng này, Chúc đã hom hem bốn mươi, tay chân khéo khư như tay ếch chân nhái, lại cởi trần, mặc cái váy hoa mà cũng thích tình và kiện tụng hỏi vợ.

Vài hôm sau, Chúc lên xóm trên bàn cách ở trên ấy với bọn Lạp. Chúc sẽ dạy anh em chữ. Cũng là một việc đương cần. Họ bàn nhau đóng tiền nuôi Chúc và như thường chung tiền mua sách báo. Còn quần áo thì mặc lẫn. Ai đi đâu cần mặc chừng sẽ mượn của nhau, cũng đã vẫn làm thế.

Có anh hỏi Chúc kết quả cái thư tranh đấu với mẹ vợ hôm nọ. Chúc dừng dừng giơ tay, như hô khẩu hiệu:

– Ái tình không cần mặc cả! Cương quyết tự do kết hôn!

Không biết thế nào, nhưng từ đây chẳng nghe Chúc nói đến bức thư tranh đấu ấy nữa. Tuy vậy, câu chuyện có vẻ khác thường và mới mẻ đó lại làm cho ai cũng nhìn Chúc bết oai, không oai và phục, mến như đối với anh Tàn, rồi có phần lại phân vân. Có nên đóng tiền nuôi Chúc nữa không. Nhưng không sao, không sao, Chúc là chính trị phạm kia mà. Sự hiểu biết của Chúc sẽ giúp phong trào được.

[1] Vấn đề dân cày, nghiên cứu lý luận của Qua Ninh và Vân Đình. Tắt đèn, tiểu thuyết của Ngô Tất Tố. Không một tiếng vang, kịch của Vũ Trọng phụng.

[2] Sa mù: Con lạc đà, tiếng Pháp là Chameau, tiếng “bồi” nói chệch là sa mù.

[3] Tiếng lóng chỉ đội xếp, mật thám.

III

Ở tòa báo, anh Tàn mời ra ngồi ghé sa-lông, tiếp chuyện đám thợ dệt lụa làng Hạ. Câu chuyện bắt đầu hôm nay cũng như nhiều lần trước là hỏi thăm công việc ăn làm và đời sống anh em.

Anh ấy nói:

– Trong lúc này, ở Đông Dương, thợ thuyền các nghề đã tiến lên hợp giới, thành lập Ái hữu để giúp đỡ lẫn nhau, bênh vực quyền lợi nghề nghiệp, rồi đây từ Ái hữu sẽ còn tiến lên nghiệp đoàn bảo vệ triệt để quyền lợi như Tổng liên đoàn Lao động bên Pháp. Phong trào Ái hữu thợ đã nhóm từ các thành phố có tập trung thợ, lan về quê, về các vùng dân cày, các vùng tiểu công nghệ như làng Hạ các anh và đương rộng ra khắp nước. Đó là một phong trào rất hay, làm cho thợ thuyền nhận thấy sức mạnh đoàn kết rồi bước lên đường tranh đấu. Giới thợ dệt cũng cần tổ chức Ái hữu để tranh đấu.

Làm cho trong đầu những người thợ làng Hạ ngồi đấy thấy cần có ngay cái Ái hữu thợ dệt. Trước hết, lập cho vùng này - không được, phải lập cho cả tỉnh, vì trong tỉnh có nhiều làng dệt, một Ái hữu thợ dệt hàng tỉnh, rồi tiến tới Ái hữu thợ dệt xứ Bắc Kỳ, rồi lên Ái hữu thợ dệt Đông Dương.

Trong thành phố Hà Nội, họ đã có lần đi thăm các hội Ái hữu thợ mũ, thợ giày, thợ là, thợ in, ai cũng thấy cần phải có Ái hữu thợ dệt. Bốn chữ Ái hữu thợ dệt hiện ra lung linh (Chữ viết hoa thật đẹp, linh động như có chân, có tay, biết đứng biết ngồi và biết ve vạy đi lại được!), cùng với hình ảnh hiên ngang của anh Văn Tiến Dũng đại diện các Ái hữu Hà Nội diễn thuyết trong ngày kỷ niệm Cách mạng Pháp vừa qua tại Nhà hát lớn thành phố. Ái hữu thợ dệt hoạt động, tất nhiên Ái hữu thợ dệt sẽ có những công nhân trình độ cứng như Văn Tiến Dũng, như Tàn. Ái hữu thợ dệt sẽ có An, có Văn Lê và cả Lạp, cả cái thằng Trung chưa học hết vắn trắc kia nữa, họ đều sẽ biết viết ra bài báo, viết ra văn như các anh Trần Huy Liệu, anh Trần Đình Long. Lực lượng thợ dệt sẽ là một lực lượng đáng kể, chỉ huy sức sản xuất lụa cho thị trường kinh tế Đông Dương và khi ấy nhất định tiếng nói chính trị của nó sẽ khá là to lớn. Cố nhiên, bây giờ đời sống thợ thuyền đã cải thiện nhiều rồi, xã hội thay đổi rồi. Ái hữu thợ

dệt! Ái hữu thợ dệt! Ủng hộ Ái hữu thợ dệt, một nắm đấm quả quyết giơ lên đầu! Tòa báo Tin tức sẽ đăng hiệu triệu của nhóm sáng lập đứng ra triệu tập, lập ban trị sự lâm thời Ái hữu thợ dệt toàn tỉnh. Trong khi lời hiệu triệu bay đi khắp nơi thì chúng ta sẽ về báo tin cả làng Hạ, gióng giả hết thấy anh em thảo điều lệ, gửi đơn xin phép, kẻ biển - kẻ một cái biển nền đỏ chữ đen, hay chữ vàng đồ sộ - và đi giao thiệp, tìm đồng chí, tìm tiền. Ôi chao! Ngút ngàn những việc!

Bàn bạc với anh Tần xong, họ về làng, ôm theo một đồng việc mới. Nói chuyện, anh nào cũng thích. Chồng thuê, đọc sách, bàn văn thơ, chính trị chỉ mới là loanh quanh việc trong làng. Nay lập Ái hữu quy mô to tát, cũng như đương trong bóng tối mở được cái cửa sổ, bật đèn điện sáng rực rỡ lên. Họ đương thích người, đương hăng hái và đương loay hoay tìm ánh sáng. Thế là cả lũ lại à đi cổ động, bắt chước thảo điều lệ, tìm chỗ làm trụ sở, góp tiền ra chạy.

Lạ đương loay hoay ngợp trong những việc đó thì chị Hai Tâm lù lù đến. Lạp tưởng phen bỏ cửi này thế nào chị Hai cũng bực mình, ruỗi anh ra. Nhưng không, chị Hai vẫn dễ dàng như mở tờ giấy. Lạp lại hẹn đến mai sẽ về dệt. Chị Hai nói:

– Anh làm thì anh lấy công, tôi chả mượn anh thì tôi mượn người khác chứ ăn cỗ ăn bàn gì mà tôi phải đi đánh đuổi để mời mọc, chèo kéo anh. Nhưng tôi thiết nghĩ như anh cũng nên tu tỉnh chứ cứ rạc cẳng cơm nhà việc người tôi ngày như thế thì rồi anh ăn vào đâu, ở vào đâu?

Câu nói xóc móc xiết vào Lạp như cái phanh xe đạp sít vào bánh. Lạp đứng dừng lại. Lạp nghĩ. Cũng như mọi anh em khác, phải nghĩ. Cơm áo và sự hoạt động. Làm thế nào? Ăn vào đâu? Ở vào đâu? Có như thế thật. Mẹ Lạp đi khâu vá thuê cũng chỉ đủ nuôi nổi mình mẹ Lạp. Con trai nhớn như Lạp đã phải tự kiếm từ lâu rồi. Mấy hôm nay bỏ cửi, không có tiền, Lạp ăn vạ ăn vạt. Động đi đâu thì anh nọ lại vay cào vay cấu anh kia. Ngày mai còn chưa biết trông vào đâu. Nhưng họ chưa hề tự hỏi như thế một lần nào. Tâm hồn họ đương phồng mọng những tư tưởng mới lạ. Mình nghèo túng thế nào thì chưa cần nghĩ rõ ràng, mà câu thơ mới nghĩ được ra:

Thiếu cơm thiếu áo thiếu yêu đương

Cái bọn nghèo ta thiếu đủ đường

thường thía trong bóng phấp phới lá cờ tương lai tốt đẹp của nhân loại bay đằng trước mặt.

Nhưng dù sao thì có thực mới vực được đạo. Lạp phải đi làm. Lần này không hẹn giết nữa. Lạp về khung cửi đúng hẹn.

Chị Hai Tâm mừng quá. Bữa cơm sáng ấy đã có nhộng rang, lại đi chợ mua thêm mấy chục trứng đen. Hàng họ lớp này lại đương chạy tay. Thợ tạp nham thì vô khối. Nhưng mà mượn được một thợ giỏi không phải dễ. Huống chi, thợ giỏi đối với nhà chị lại khác, lại khó hơn nhà người ta. Bởi vì cái lệ nhà bà Đồi chỉ cho thợ dệt ngày. Nhà bà Đồi rặt đàn bà con gái - chỉ có bà già và gái góa - cho nên mẹ chồng chị Hai vốn cẩn thận và khó tính, thường mặc cả thặng với thợ là nhà tôi mượn dệt ngày không dệt đêm, ai bằng lòng thì làm. Lên đèn dệt đầu hôm hay là gà gáy đã có chị Hai và thằng bé ở học làm gọt găm, lạch cạch được thước nào hay thước ấy. Thợ đã vào nhà này phải thợ giỏi, thợ cừ, chuyên làm ngày mà một phiên phải được ít ra trên năm chục thước lụa hàng. Cũng nổi tiếng khéo như ông bố ngày trước, Lạp đã dệt giỏi, lại khỏe, nhanh. Ngày làm mười, mười hai thước cửi ngon, bước ra khung, mặt trời còn đứng lưng bụi tre. Cho nên bà lão Đồi khó tính thế mà cũng chiều Lạp như chiều vong, còn chị Hai Tâm thì ra công đi chuốc và đãi đằng. Không dệt tối mà ngày cơm lèn ba bữa đều, mỗi chiều phiên chợ lại cút rượu với khúc cá rán, kèm luôn năm hào đặt ngay bên thành mâm chưa cần tính toán, để anh tiêu ngày phiên.

Công việc Ái hữu náo nức và tiến đều.

Chúc ngôi thường trực rồi chạy cả ngày và An có thời giờ thông thả cũng giúp được nhiều. Những người khác, dù thích, nhưng cũng phải tay kiếm ăn, tay hoạt động mới được. Ban ngày dệt cửi, tối mới tụ tập nhau lại, chép điều lệ, làm đơn lên phủ xin phép và đi cổ động.

Cũng như anh em khác, Lê phải cố bình tĩnh làm, không nóng ruột buồn chân buồn tay, không khó chịu “cái khung cửi như cái cùm, giam người và giam hãm tinh thần lại. Phải thoát ra khỏi khung cửi, làm một cái gì to lớn khác”. Ý nghĩ ấy cũng bớt thúc đẩy, bởi vì, nếu không dệt thì đến cả cái Ái hữu tưởng tượng trước mặt cũng không thể mọc ra được. Lê hay có nhiều ảo tưởng và nóng nảy. Tuy vậy, Lê đã đặt ra một chương trình bình tĩnh:1. Dệt cửi đều để có

tiền tiêu, còn tối ngày phiên thì học chữ anh Chúc. 2. Tối nào cũng lên trụ sở Ái hữu bàn công việc. 3. Tối nào cũng đọc sách, không được buồn ngủ. 4. Phiên này mua tập giấy để học, tập viết chữ cho đẹp, cho đúng dấu và tập viết báo, làm thơ.

Lạp cũng có chương trình học chữ, đọc sách, đại khái như Lê. Nhưng cứ lúc nào vội lại bỏ cử và buồn ngủ, lại ngủ, đến hôm về lại phải làm, phải học lại.

Lạp cảm chiếc văng mới xuống mặt hàng rồi đẩy choãi cái đòn ngòi, cho đỡ bức. Cũng vừa hay đầy nhíp cử, Lạp gõ văng rồi bước ra hút thuốc Lào. Mồ hôi bò thành đường quanh hai múi ngực nở và chảy dòng dài trên cái lưng trần bóng nhẫy.

Chị Hai Tâm guồng tơ ngoài đầu hè, nghe hiệu gõ văng, vào sửa cử. Chị ngồi vắt vẻo trên đầu song hành, dải lưng bao lụa hoa lý bông thông như cái đuôi con vẹt. Từ năm chồng chết chị Hai mỗi ngày một gọn ra, đẹp ra, như con gái, con gái cũng chưa chắc ăn đứt. Chị mới ngoài hai mươi, mà thằng Tâm đã lên sáu. Chị nhẹ nhàng, thanh thản, chẳng bận bịu gì. Nhà hai khung cử, một của mẹ chồng, một của chị. Ăn chung đồ lộn cho vui nhà, nhưng thật thì chị một mình một lưng vốn. Bà Đồi quí và thương con dâu, cũng để thế, cho thị thỏa thuê. Thế mà có người lại bảo thế là bà lão Đồi thâm, khéo giữ người. Nhưng chị Hai đảm đang, hay làm đã nức tiếng, rộng vốn thì càng khá chứ lợt đi đâu đồng nào. Chị có đến vài trăm bạc giắt lưng, cũng vào hạng mát mặt trong làng - muốn gì được nấy, muốn ăn gì mua được cái ấy ăn. Thằng cu Tâm sướng như con cầu tự. Ngày Tết, chị Hai mặc choang chóc, lóng lánh khuyên vàng, áo the cặp, khăn nhiều hoa dâu, tóc đuôi gà thật thật dài (không phải tóc độn) ve vẩy, tung tăng, môi nhai tràu cắn chỉ, mắt lẳng liếc có đuôi. Chơi chua, ăn mặc hơ hớ thế, làm gì mà chị Hai chẳng trẻ ra, đẹp ra. Ở các hàng nước, các đầu ngõ, đầu khung cử, chuyện chị Hai Tâm thường là câu chuyện thời sự. Người ta tán đổ nhau: liệu chị ả có bước đi bước nữa không? Đứa nào mà lấy được ả bằng mả táng hàm rồng, chỉ việc nằm dài cho vợ phục dịch. Gái góa mà bằng mấy gái tơ ấy à! Nhiều người bảo: chị ta cứ cố chịu khó ăn rau răm, nhịn đi, thì thành thơ suốt đời, hơn là bước đi bước nữa, biết bước lên mâm cao cỗ đầy hay bước xuống hố. Mà có lấy chồng bây giờ - trai tơ nào ghé đến? Chỉ dễ sa vào vợ lẽ con thêm. Nếu phúc được

con vợ cả không Hoạn Thư thì cũng đến trải cái đận con anh con tôi khúc rồng khúc rắn, và tám mươi năm cái tròng lọng thắt vào cổ, cay đắng hơn kiếp con chó, chắc đâu được trọn lông đở da thế này.

Chị Hai, người con gái xưa vùng chợ Cầu ấy, xinh xắn, bé nhỏ, đẹp như cái búp hoa sen, đi đám hội nào cũng lắm anh đấm đuổi ngẩn ngơ. Chị ăn nói bạo miệng, thích chận hòng làm những vố chết điếng các cậu mặt trứng cá, mới võ tiếng. Chị nói cợt: “Các cụ nhà cháu dưới Âm Phủ cần người hầu hạ cho nên đã gọi bố cả cháu về được vài năm nay. Bố hai cháu thì làm việc bàn giấy nhà Bô Đa ngoài Hà Nội, chủ nhật nghỉ mới dắt xe đạp về chơi”. Hoặc người ta hỏi: “Nhà Hai đi đâu thế?” Chị đáp: “Tớ đi đón thằng bố hai hôm nay chủ nhật ở nhà Bô Đa về, xe đạp kính coong sắp đến kia kìa”. Rồi khanh khách cười. Chị miệng xà tâm phật. Tâm phật thật hay miệng xà giả? Nào biết. Nhưng đã vài năm ở vậy rồi, thật sự chẳng mắc qua một điều tiếng gì.

Hai Tâm hỏi Lạp:

– Này, thế cái vụ thẻ vô sản thì ông lý Dĩ thua hay các anh thua?

– Thua thế nào! Lão ta phải móc hầu bao ra đậy cho hai mươi suất sưu nộp phủ, rồi khi phát thẻ mới nhật lại từng đồng. Có khác gì trâu chạy mà đuổi theo nắm đuôi. Cầm đoạn mại cái vườn tre rồi, chị không biết à?

– Lão oán các anh lắm đấy. Lão bảo lão ơn nghĩa đủ điều mà các anh ở bạc.

– Chuyện! Thiệt hại đến quyền lợi giai cấp mà lại nói ơn nghĩa.

– Chưa biết ai thiệt ai hại! Anh dệt liền một tháng đừng bỏ cửri thì đóng nổi đến bảy suất sưu! Tôi cứ tính chạy đông như chó dái cả tháng thế thì hóa ra các anh thiệt đứt đuôi ấy chứ.

– Chuyện như chị thì còn gì là tranh đấu.

– Chẳng chuyện như tôi thì như ai? Chuyện lông bông như anh thì kiếp nào có được vợ, thì ai dám lấy?

– Tôi không cần.

– Bụng lại không thềm rớt dãi. Này đừng cứng mép, không bịt mắt tôi được đâu. Các anh mới mở với nhau cái hiệu Ái hữu ở trên chợ để làm gì? Thấy nói bảo thợ cửri, thợ tơ rập riu ra vào đấy nhiều lắm. Các anh không vợ muốn mở cái lều xanh nhà thổ phải không?

Lạp tức quá, rít luôn hai hơi thuốc rồi đứng giờ tay thuyết cho chị Hai Tâm biết thế nào là hội Ái hữu, là nghiệp đoàn, là tổ chức của giai cấp thợ thuyền. Mặt Lạp đỏ gay. Một tay nắm lại đấm nhịp xuống như tay anh Tần. Mồ hôi vừa ráo, lại rùng rùng trên ngực. Chị Hai ngừng tay gỡ nhịp cửi, ngẩng lên, lim dim mắt nhìn Lạp như nhìn một cái gì lạ lẫm. Rồi chị đột ngột cười khanh khách, khiến Lạp cụt hứng, miệng nói ngượng hần. Chị Hai càng cười nước không ra hơi. lát sau, ngớt cơn cười, chị ôm bụng, hỏn hển.

Lạp hỏi:

– Chị có hiểu không?

– Hiểu rồi. Con gái mấy làng dệt the trong La, Mỗ cô nào cũng trắng muốt, tay búp măng nhỏ mút. Rồi các cô ấy ra đây chơi hội Ái hữu thì thích lắm đấy.

– Rõ chị này!

– Phiên chợ nào tớ cũng gặp mấy cô La Cả, La Khê ra bán the, xinh xinh là, tớ quen hết. Có muốn lấy, tớ làm mối. Việc gì mà phải mở hội đặt bầy cò ke lòi thoi mất công mất việc.

– Chuyện với chị, không nói nữa!

Chị Hai lại rũ ra cười:

– Thật đấy. Tớ làm mối cho một cô rõ thật xinh. Bà mối này không đòi gì đâu. Vợ chồng ngày sau làm ăn khấm khá, có vốn, có con rồi bấy giờ bà mối mới lấy công một đôi gà giò thôi.

Lạp khó chịu, nghĩ lảng chuyện khác. Chẳng biết An đã viết xong cái điều lệ chưa. Chị Hai Tâm tưởng Lạp bắt chuyện, lại cười nói huyền thuyên:

– Nay cứ nghe tớ như thế mà tởm. Chứ lông bông chỉ tổ rạc cẳng, ngày lăm mối tối nằm không vắt tay lên trán ngẫm sự đời.

Lạp lại lừ lừ vào khung cửi, chẳng nói chẳng rằng. Lạp mở quyển điều lệ Ái hữu thợ giày ra, giắt dưới văng, vừa dệt vừa cúi đọc. Lạp nghĩ chuyện Ái hữu. Không để ý những câu pha trò nhả quen thuộc của chị Hai. Lạp móc thoi, chúm miệng hút sợi tơ đầu suốt qua lỗ thoi, ném con thoi thoát vào rồi lại cầm cúi, bắm bở trước cái vỏ khổ nhoay nhoáy đưa ra đẩy vào trên mặt lụa mới tinh, mềm nhũn, mỗi lúc một dày lên. Cái quạt giấy tròn xoe là nút buộc thừng vào một bên chân đòn, nhảy nhót, đều đều phẩy xuống lưng.

Chị Hai ngỡ Lạp cúi với chị, chị tủm tủm cười, nói một mình: “Cử tú gì mà lúc nào cũng sách vở thế!” Rồi chị ra đầu hè quay nốt tơ.

Chiều ra khung cử, Lạp vội đi. Đã có hẹn với Lê tối nay tiếp các đại biểu thợ dệt vùng trong. Vắt cái áo lên vai, Lạp đi thẳng. Chị Hai không thấy Lạp xuống ăn cơm, đồ là Lạp vẫn tức câu chuyện đùa ban trưa. Tuy là tối cuối phiên, sắp lên đèn vào khung cử, chị cũng khoác áo, tắt tả đi tìm Lạp. Chị lên dãy nhà trên chợ. Trụ sở Ái hữu ở một gian trong cái nhà trọ đó, suốt ngày khóa cửa, chỉ kê vừa chiếc phản, ngay bên cạnh mái bếp nhà hàng xóm bán phở, lúc nào nồi nước dùng cũng bốc mùi, bốc khói vào vừa thơm vừa cay xè mắt.

Chị Hai đến tận nơi, đi thẳng tới chỗ Lê, Chúc, Lạp, trong ánh đèn Hoa Kỳ hắt ra, đương ngồi với một người đàn ông to lớn, mặc áo the hoa cặp, chít khăn nhiễu tây. Nom không phải người vùng này. Chị Hai lùi lại, nhưng Lê đã trông thấy. Lê chạy ra đón đỡ. Lê đương hăng hái thích cổ động, ngỡ chị Hai đến trụ sở hỏi gì về Ái hữu.

– Mời chị vào chơi, mời chị vào...

– Các anh có khách, thôi để khi khác. Nhờ anh nhắn hộ anh Lạp ra đây tôi hỏi.

Lê mới nhớ ra chị này lại đi gọi thợ cử. Lê thoái hộ:

– Lạp nó đang bận. Chị nhắn tôi cũng được. Hay là chuyện kín đấy?

Lê nói bẽ cho chị ả nhạt. Nhưng chị Hai thản nhiên như không:

– Nhấn à? Nhấn anh đồ ấy chơi đâu thì chơi, nhớ mai đến nhà tôi đồ hàng sớm.

– Được, tôi bảo cho.

Chẳng nhạt, chị Hai lại đay nữa:

– Các anh lắm bạn sang nhỉ? Giờ tôi mới biết cái hiệu Ái hữu đấy.

Rồi vừa cười vừa quay ra.

Nhưng bạch nhật hôm sau vẫn chưa thấy Lạp đến. Chị Hai phải vào khung cử đồ lấy hàng, đo, đếm rồi một mình gấp bỏ vào đay để sẵn ra phản đầu hè. Cơm nước xong, chị sắm sửa đi chợ tơ Hà Đông. Tắm áo vải đồng làm đồ như son thậm, hai vạt thắt bó que.

Cái thắt bao hoa lý thấp thoáng lẫn với màu đôi dải yếm đào, như những cô lái tỉnh Bắc. Cái nón kinh khoác một bên tay, cái dây nâu đựng hai súc lụa cao ngất nghều đeo trĩu lưng. Nặng thế mà chị Hai vẫn bồm bồm nhai trầu, giữ dáng đi nhanh con cón. Cô lái lụa sớm mai ra ngoài đường gặp lũ lượt người đeo dây đi chợ.

Ra đầu đường cái, chị Hai gặp Lạp đi với cái người to lớn khăn nhiều áo the hoa thấy tối qua ở hội Ái hữu. Chị gọi hỏi gắt: “Sao sáng nay anh không về đồ cưới?” Lạp quay lại, sa sầm mặt. Chị Hai biết Lạp ngượng với khách và cũng biết mình lỡ nặng lời, lại sợ Lạp nói văng ra câu gì thì giọng cả sớm mai buổi chợ, chị quay đi, tươi cười, ve vẩy bước.

Mà Lạp ngượng thật. Anh ta đương đi cùng với Khiết, đại biểu thợ dệt ở Vạn Phúc mới ra đây liên lạc. Lúc đó, hai người đi đón một số anh em ở các nơi trong tỉnh hôm nay cũng ra gặp ban hiệu triệu thành lập hội Ái hữu.

Hôm ấy, ngày phiên, các khung cửi thông thả. Chiều ngày phiên ở vùng lụa cũng như ngày chủ nhật ở tỉnh. Thợ cửi, thợ tơ các ngõ đổ ra xúm xít đầu ngã ba, dưới cổng tán. Các quán nước và hàng rượu đầu làng đông vui, tấp nập, ồn ồn. Bỗng trẻ con táo tác chạy gọi nhau: Chúng bay ơi! Đám cưới!

Nhưng không phải. Chỉ thấy Lê, Lạp, An, Trung và nhiều anh nữa, thành tốp có đến hơn hai mươi người, đi cùng với Khiết, đại biểu thợ cửi vùng trong ra đây liên lạc, cùng với mấy đại biểu các nơi khác. Họ đi rợp đường cái. Ngõ nào cũng chạy ra nhìn. Như đám cưới thật. Đại biểu vùng trong có cả phụ nữ! Phong trào Ái hữu mới nhóm lên trong ấy mà đã lên vẻ rầm rộ. Đắt người ta sùng bưng vào hội thật. Thợ cửi và các chị thợ hồ, thợ tơ, cả trẻ em học làm, cả nhiều ông chủ một, hai khung cửi cũng vào hội. Bởi vậy, họ ra đây, ăn vận chững. Áo the chùng, quần là ống sớ trắng bốp, khăn chít phẳng nếp chữ nhân, giày tây cồm cộp vỡ cả gạch làng người ta. Lại có cả hai cô mặc áo nhiều tây nâu ngoài, trong áo cánh lụa chuội mỡ gà, tai óng ánh đôi khuyên vàng.

Cánh Lê đương dẫn các bạn đi chơi quanh làng. Cũng có ý khơi cho làng nước biết hội Ái hữu ta to rộng đấy. Liệu mà sắp vào hội Ái hữu cả đi thôi. Các cô gái làng, những cô Hiền, cô Nhàn, những chị Hai Tâm, đứng nấp sau bờ rào dâm bụi, sau bụi xương rồng và bên

kia bờ ao nhìn ra. Rồi có đến mấy hôm sau, còn bình phẩm, bàn tán về hai chị ả đi trong bọn. Kể chê, kể khen. Nhưng ai cũng phải chịu con gái các nơi người ta bạo, người ta mới biết ăn chơi, hội Ái hữu tận đâu ấy mà cũng kéo ra, đi đánh đôi với con trai, phòng thử gái làng ta đã ai tự nhiên được như thế.

Anh em làng Hạ, phần hỉ hả vì hội sắp to, phần thì cũng sốt vó chạy tiền thết khách. Nhưng kín đáo, không dám lộ. Con người vùng công nghệ, đi tỉnh luôn, lại có lái buôn các nơi đổ hội về thường liên, nên cũng lấy thói phù hoa, màu mỡ riêu cua bề ngoài. Hai hôm khách đến, tiêu pha ung dung, đến khi khách về khỏi, anh nào cũng túi rỗng tuếch. Lạ lại méo mặt đi xoay tiền. Lại chỉ đặm có một chỗ để là vay trước tiền công của chị Hai Tâm.

Chị Hai nói:

– Anh đã vay lợi tiền rồi. Phải tiêu cảm chừng chứ. Chưa vợ con mà...

– Có cho mượn thì cho, không phải dạy khôn tôi.

– Người ta nói phải chằng mà cứ nhăn như bị. Thế này này, phiên trước anh đã vay của tôi là đi...

– Thôi tôi đương vội, không phải tính. Chị cho tôi giựt tạm một đồng, mai tôi bận tôi nghỉ nốt một ngày nữa, ngày kia về tôi ngồi liên, cam đoan một tháng không ra khung cửa.

Lạ cươi, làm lành. Nhưng chị Hai vẫn: “Anh vay lợi nhiều rồi”.

Lạ lại căng:

– Chị không cho mượn thì thôi. Vay thì tôi phải đổ mồ hôi ra làm giả chứ ai cướp không mà...

– Anh này ăn nói xô bồ chẳng ra thế nào. Bản tính thế thì mở hội Ái hữu dụ dỗ được ai!

Lạ càng bực vì cách nói đùa châm chọc.

– Tôi nói thật. Tôi sẽ tính sổ với chị. Tôi không làm cho nhà chị nữa. Tôi báo trước để chị tìm người khác.

– Anh này rõ cứ như lửa...

– Tôi thôi thì chị cũng chẳng mất tiền năm tiền cọc gì mà sợ thiệt.

– Này đây... Tôi biết rồi.

Lạp cầm đồng bạc chị Hai vừa cời ở bao lạng ra. Lạp không để ý câu “Tôi biết rồi” tấm tưởi, ghen tức như muốn khóc và nét mặt bùng phỉu của chị Hai lúc đó thế nào. Lạp đương bực.

Nhưng chị Hai cũng chỉ ra riết có lúc ấy. Như một người vợ căn cơ, tần tiện, lúc nào cũng ngăn chặn không để chồng mải chơi ngang.

Lát sau, chị tươi tỉnh ngay và xách đèn đi sửa cửi, bọc mặt cửi cẩn thận rồi ra đầu nhà đứng quạt, chải tóc. Tóc chị dày, dài thướt tha, đêm mùa hè nóng bức có khi đương ngủ cũng phải trở dậy quạt tóc.

IV

Chúc cời trần, gầy rạc như con nhái bén; quần cái “xà roong” hoa xòe tròn giống cái váy của bà già, cứ ngồi cả ngày tiếp khách, cứ trả lời, hô hào người vào Ái hữu - tuy rằng Chúc không phải thợ dệt và cũng không bận gì đến hội Ái hữu. Chỉ vì Chúc rối rắm mới có thể suốt buổi ngồi ở đấy được. Vả chăng, Chúc là chính trị phạm hiểu biết chính trị và lưu lạc nhiều, cái gì cũng biết, cũng bàn được.

Chúc nói:

– Tôi lưu lạc từ năm mười lăm tuổi. Đâu tôi cũng được đi đến rồi. Cốc Lếu, Hải Phòng đủ cả. Tân thế giới, Lào, Xiêm cũng có. Tôi đã làm nghề bắt rắn, tôi đã bẫy hổ nấu cao, tôi đi phu bắt-tê, tôi làm thầy ký đình huỳnh trong tay sổ chấm công hàng trăm cu ly, rồi lại ném các thứ ngồi tù nhé, nhiều đến nỗi ngồi teo chân rồi lại phù chân. Ở Xiêm, tôi quen từ lão đội xếp dẹp đường đến các tay cộng sản Đệ Tam, Đệ Tứ. Lung tung chán cả rồi, bây giờ chỉ thèm ăn, thèm ngủ, thèm lấy vợ. Chương trình là Lê Văn Chúc làm lại cuộc đời và tự do kết hôn. Gọn có thể thôi.

Chúc ra cửa, đứng héch mắt kính lên, lúc nào cũng thấy cái bánh rán, cái bánh dày cặp trên miệng, như con chim tha mồi. Gặp ai bù khú được cũng tán ăn và chuyện vợ, gạ người ta làm mối cho cô này... cô này... thèm quá, thèm rồi...

Sự lem thuộm và những ý nghĩ nhiều khi gàn gàn tầm thường đó, anh em ngờ là Chúc không phải chính trị phạm. Các anh chính trị phạm ở tòa báo Tin tức, sao mà đáng kính phục. Nói chuyện một lúc với anh Tàn thì nghe như đã khôn lớn người ra chứ đâu như với Chúc. Chắc trước Chúc cũng chỉ biết chút ít rồi bị đế quốc bên Xiêm bắt nhầm mà thôi. Khỏi người như thế, rồi mắt vĩa. Tuy vậy, họ vẫn quý Chúc, vì Chúc dạy được chữ, Chúc biết hát bài Quốc tế ca, biết nhiều chuyện các nơi, nói chính trị có lúc lẫn lộn nhưng có lúc hay và nhất là bởi vì Chúc cũng thích Đệ Tam quốc tế và cho rằng rồi thế giới loài người sẽ đại đồng.

Cả ngày Chúc ở trụ sở. Chúc thu lu, lúc ngồi lúc nằm giữa phản, cái váy hoa xòe kín gối, như ông Phật “nhịn ăn mà mặc” vẫn thấy ở các tòa sen trên chùa. Mắt kính trắng, ghéch ghéch nói, cũng

thích gặp các chị thợ dệt vùng trong ra, nhưng Chúc không dám nói như vậy. Nhiều làng thợ cửi ở các huyện cuối tỉnh cũng đã tới liên lạc. Tình hình tốt đẹp thế này, chỉ ít ngày nữa, ban hiệu triệu có thể họp lại thành lập ban trị sự lâm thời được. Giấy phép còn phải xin trên tỉnh nữa, chưa có cứ chòng vòng đợi. Nhưng vẫn tập nập gặp người đến hỏi lập hội.

Rồi làng Hạ vào đám thường lệ mỗi năm khi tháng Ba tới. Đã qua cái Tết, những đám thò lò, xóc đĩa kéo đến hết giêng hai, giờ lại sang hội hè, đình đám, làng nào cũng hội và lại cờ bạc. Làng Hạ năm ấy, bốn giáp mổ hai bò và có ba đêm chèo hát giữa sân đình. Cuối làng, mấy lò xóc đĩa, sát phạt nhau suốt ngày đêm. Dù đã đám mồm từ các chức việc xã lên đến phủ, từ chú lính tốt đen đến ông tri huyện tư pháp, nhưng bọn gá bạc vẫn phòng bị phải đánh kín một nơi. Nhỡ lính phủ có ghen ăn về bắt thì chạy tháo ra đồng được dễ!

Những nhà có trong làng, nhà nào cũng làm cỗ và suốt một phiên, các khung cửi nghỉ dệt. Cuộn hàng mỏng dính chỉ độ hơn chục thước. Thế mà nhà nhà dong ra dong vào, đêm xem hát chèo, như khi Tết nhất.

Làng và đám có chèo hát, thanh niên nghĩ ra cách diễn kịch. Ở các sách vẫn mua được sẵn có mấy vở kịch mà họ thường đọc. Sẽ diễn kịch phụ vào sau buổi tuồng, như mọi năm thường “hậu tiếp cải lương” các phường hay làm.

Sôi nổi bàn tán. Bọn Lê và Lạp không thích lắm, nhưng cái gì mới, họ tham gia ngay và đến lúc chơi vào thì ham. An với Chúc rất hăng lên sân khấu cho cả làng biết tài.

Thế là bắt đầu tập một việc mới. Người làng thấy nói làng ta năm nay thanh niên diễn kịch thì háo hức, chờ đợi, tìm xem tập, xem kịch cợt ra làm sao. Người ta coi như thường trai làng múa sư tử hoặc những anh khỏe giỏi lên hát giúp phường chèo một đôi vai phụ, những vai vua, vai tướng, vai học trò đi thi, người bán quán nay nghe đồn kịch có thầy giáo, thầy bói thổ công, tiểu thư, công tử, lạ lắm.

Lê đóng vai ông thổ công. Vì vai thổ công được nói than thở cái nghèo nhiều. Đóng thổ công không khó, nhưng phải mặc áo thụng không có quần, đội mũ cánh chuồn, đi hia, hung tợn và báng bở thể, không đứa nào dám làm. Sợ bố mẹ chửi. Có đứa còn hãi đụng đến

vua bếp, vua bếp sẽ làm cả nhà đau mù mắt. Thì Lê đóng thổ công “để giác ngộ người ta hết mê tín”. Ông thổ công, mũ, hia, áo dài, không mặc quần - nhưng Lê đã đóng cái khố một. Ba mươi Tết, chẳng may năm ấy thổ công ở phải cái bếp nhà đói, chủ nhà không có tiền mua cá cho ông bay lên châu trời, ông đành ngồi xó bếp, đương gào khóc, chửi rủa.

Một buổi tối, thổ công Lê tập kịch trợn mắt, vắt chân ngồi nói lý sự và chửi tuốt cả thiên đình, hạ giới thì bố Lê, lão Vượng sặc hơi rượu từ trong đám đứng xem tập, vung cái gậy đánh chó lên choảng thẳng vào đầu thổ công Lê. Phúc đời, Lê nhanh mắt lùì được. Lão say, quì phục ngay xuống, chấp tay lạy khẩn một thôi các thành hoàng, thổ công, thần đất soi xét cho, lão không dám báng bở trời đất, có quỷ thần hai vai chứng giám, “tôi đẻ ra nó mà không dạy được nó nữa, xin thần linh thổ địa về bóp chết tươi thằng ôn vật đi...”. Mọi người cười àm.

Bố con lão Vượng, người nào kiếm được người ấy ăn, cả tháng chả ai trông thấy mặt ai. Đêm nào ông lão cũng rượu rồi ngủ rập, làm sao biết Lê đóng thổ công? Rồi ông lão đi tìm đánh Lê. Lê cáu lắm. Chắc có đũa khoanh, đã mách. Người ta phải lòi ra, giữ cho hai bố con khỏi xô xát nhau. Nhưng, đám tập kịch đêm ấy không tập được. Những tối sau, ông lão Vượng lại đi tìm đánh con. Lê tức lắm, muốn choảng nhau với bố. Anh em ngăn mãi, Lê mới dụi. Nhưng vì ông lão làm lung tung, lại có lý Dĩ hùn vào khiến mấy nhà khác có con đóng kịch cũng sinh ngang dạ, chửi bới, không cho chơi. Tuy vậy, chẳng ai nản. Lê vốn đã không sợ bố - ngày trước, khi Lê còn ít tuổi nữa, những khi túng đói, nhiều lần hai bố con đánh nhau, Lê điên lên, Lê đã vác sào đuổi đánh bố - Lê vẫn làm vai thổ công như thường. Nhưng bây giờ chẳng ở đâu tập được kín, tránh người xem lòi thôi. Nhà An rộng, song bà Hương còn kiêng cũ bằng mấy ông lão Vượng, đời nào thằng Lê thổ công lại lên ngồi giữa nhà bà được.

Một anh đi tìm nhà tập, về reo lên:

- Có rồi.
- Ở đâu?
- Ông cai Giắt bằng lòng rồi. Cửa ngõ nhà lão ấy mà đóng lại thì bằng trại lính, đổ ai lọt được.

– Hỏi bà cai ấy chưa?

– Mụ ta là thần xem chèo, thấy nói kịch cũng thích, không sợ thổ công đâu. Mụ chỉ ộp việc, ộp ông cai làm thôi chứ những cái khác thì rộng rãi, không lo.

Thế là mượn được nhà bác cai Giắt.

Tối ấy, cai Giắt ẵm thằng cu ngồi đầu hè xem tập kịch. Cổng đã đóng chặt, chỉ có hai nhà hàng xóm và chị Hai Tâm đã lẻn sang từ chập tối. Bác cai nói chuyện với đám ấy, trong khi họ vẫn mãi xem tập, mấy người chốc lại cười.

– Cái này ở bên Tây tôi làm luôn. Năm ấy đương ở bãm nhe linh^[1] bên Ma Rốc, đánh nhau nhọc quá, được nghỉ phép một tháng về chơi thành Ba Di. Tha hồ thâu đêm suốt sáng uống các thứ rượu, chơi các con nhà thổ toàn đêm đẹp, lúc nào chán thì làm tuồng, làm cái kịch thế này, bao nhiêu Tây đêm đến xem, ngồi đông áng chừng chập mấy mẫu ruộng. Thằng quan ba xem xong bắt tay khen An Nam anh te li giăng^[2] lắm.

Thổ công Lê ngồi vắt vẻo trên chiếc ghé đầu, tay khoanh lên đầu án thư, tay sờ cằm vờ vuốt râu, than vãn kể lể đời mình khổ cực phải canh cái bếp nhà nghèo... Mặt Lê đuối ra, nói tự nhiên như không, rất khéo. Trong bóng tối đầu hè, bác cai gái và chị Hai Tâm ôm bụng, bặm miệng. Có khi chị Hai phải cười cục cục, chạy xuống tận bờ ao, đứng cho nguôi cơn cười.

Ngày vào đám đã tới. Lá cờ kỳ có chữ thần to, cao bằng người đứng đã pháp phối đỏ xuộm trước sân đình. Những đồ tế lễ, hương án, lộ bộ, chóa, hạc thờ, các cụ trong dân với cụ tế chủ đã sai bày cả ra sân. Cờ bay, trống trẻ đánh nghịch và tiếng kèn, tiếng trống tế trong đình, ầm ĩ suốt ngày.

Phường Bắc năm xưa có tiếng là thế mà năm ấy làng đón về hát xem ra kém trước. Quần áo, mũ mấn cũ đã nát, phải vá. Phấn sáp không có. Một anh kếp quảy hai cái hòm sơn then vuông đã long lở, sắp vỡ, trông thấy cả cái dải áo, cái thắt lưng rách lòi ra. Đi theo hai chiếc hòm là một bó gươm giáo gỗ mòn cùn mòn cụt, tròn cả đầu. Trên sàן rạp trước cửa đình đêm ấy hát tích “Nhị Độ Mai”. Cô Hạnh Nguyên gầy đét tang thương quá trong tấm áo the nâu bạc cả vai, giọng chua như mễ, vừa bước quanh vừa nhún, vừa xòe, che quạt.

Chỉ có tiếng beng beng, tiếng trống côm bung bung nhóc nhóc bung nhóc... inh ỏi, vẫn ròn rã, tươi vui như mọi năm.

Dưới sân đình đông nghịt. Vì nghe nói chèo xong, trai làng ra diễn kịch. Cả vùng chen đến sân đình làng Hạ đêm nay. Trai gái đứng vun thành từng đám, xung quanh những hàng chèo nước đèn thấp như sao sa. Người chen chúc đi lại, cầu véo, con mắt ở trước mặt, bàn tay sau bầu dít, hỗn độn cười nói, nguýt lườm, chửi rửa trong mũi trầu cau ẩm áp, mũi hôi nách nồng nàn, hắc xì mũi dầu nhờn “Con Nhạn”. Và cứ đâu có các cô đứng thì con trai bu lại. Trai làng này làng khác ghen nhau, đánh nhau, chốc lại ầm ầm. Chúc len hết đám này sang đám khác. Điều thuốc lá phì phèo trên miệng. Chúc ta hăm hở, cứ đám đông nhất thì chen vào rồi lại chen ra, nhào sang đám khác.

Vùng trăng non đêm cuối xuân tỏa êm đềm. Tiếng trống chèo xa xa, trên vòm tre, trên cánh đồng, trong làng Hạ và các làng khác. Dưới những lùm cây nhỏ như có người ngồi, những thành tre rì rào, những bờ giồng khuất vắng, đấy là từng đôi trai gái rón rén nhón gót bỏ đám chèo, thì thào ra hẹn đấy.

Hết “Nhị Độ Mai”, phường hát dọn lại, thanh niên làng ra diễn kịch. Một cái đèn được treo thêm ra với hai lá màn cửa, mượn của nhà An, vừa mắc lên. Màn lụa xanh bé toan hoễn gió hiu hiu thổi phồng ra phật vào, trông thấy ở trong cả mấy anh chạy khiêng bàn ghế.

Lê và Lạp nhìn xuống những đám người lố nhố như rắc đậu đen quanh sân rạp.

– Ngày 1 tháng 5 Quốc tế lao động ở Hà Nội cũng chỉ đông thế này!

Và họ say sưa tưởng đây như đám biểu tình ngày 1 tháng 5 năm ngoái ngoài Đấu Xảo.

Màn mở, lần thứ nhất, người vùng đây biết kịch là thế ấy, là có các người ra nói, chế giễu, tự nhiên mà phải buồn cười. Thầy giáo đúng điệu bộ thầy giáo, ông Cửu, ông Bát, ông Phủ keo bản hết ra các ông keo bản, cô tân thời đàn ông làm giả mà hết cô tân thời, má phấn hai con mắt đong đưa là lợi khéo quá. Người xem đông thế mà nhiều lúc im phăng phắc. Thổ công Lê, đeo râu đội mũ giấy trang

kim, chân đi hia tể, dưới tà áo thụng xanh nhô ra hai vấu đầu gối, chẳng ai trông thấy quần đâu cả. Vừa ra, người ta đã cười rầm, rung vào cả bốn cái cọc rạp.

Kịch vẫn diễn. Thổ công ra, vào, lại ra, lần nào cũng được reo, vỗ tay rồi lại im nghe thổ công nói. Lê liếc thẳng xuống thấy người xem ham quá. Lê bỗng nảy một ý kiến mà Lê bần khoản từ lúc ngồi với Lạp nhìn xuống. Lê nhảo vào tìm các bạn.

Kịch vẫn diễn. Đằng sau cái cót dựng để làm chỗ vẽ mặt và sảm sửa quần áo, thổ công Lê và Lạp, Chúc đương bàn. Có vẻ gay go. Lê nói:

– Người xem đông, khắp mặt cả vùng. Chẳng khác biểu tình, đúng là biểu tình. Chúng ta cần lợi dụng dịp tốt tuyên truyền quần chúng giác ngộ. Sẽ làm thế này: chốc nữa, thổ công ra hát thêm một bài chào, hát bài Nào anh em nghèo đâu. Phải, là cương ra, cương mà làm như trong vở có ấy. Các cậu thấy thế nào?

Chúc gạt ngay:

– Không nên, kịch mà, tuyên truyền thì chỉ tổ nó khùng bố. Ở bên Xiêm... Các cậu chưa ném mùi, chứ khùng bố...

Mặt Chúc xám, sụp xuống, như nói một cái gì sợ hãi. Nhưng Lạp hào hứng:

– Ừ, Nào anh em nghèo đâu hay đấy. Chúng tớ sẽ chạy ra cùng hát.

Lê hăng lên:

– Không nên lỡ dịp tuyên truyền. Đã làm thì không sợ.

Chúc vẫn nằn nì:

– Mình biết hơn các cậu, đã ném mùi bị khùng bố. Mình bảo thật.

Nhưng Lê quả quyết, giơ nắm tay:

– Chúng ta nhất định. Anh Chúc dạt bỏ mẹ!

Chúc im. Tính Lê nóng. Nếu giằng co nữa, có thể sinh sự đánh nhau. Thổ công Lê lại ra sân khấu. Lạp và Trung rồi rít kéo thêm mấy anh nữa lên đứng sẵn sau phen. Chúc thì hấp tấp trèo xuống. Chúc chui ra đứng xem, lẫn trong đám người. Vẫn nguyên vai thầy giáo lúc này Chúc đóng, mặt phẩn, môi trên điểm chấm râu Huê-kỳ và áo sa, giày ban. Chúc cố ý để nguyên như thế cho oách. Chúc lại

chen bừa vào các chỗ đông lắm đàn bà con gái như lúc nãy. Nhiều người chỉ trỏ, cười “Thầy giáo! Thầy giáo”. Chúc khoái, nhưng giả vờ không biết. Chúc chen nhón nhác tìm chỗ chị Hai Tâm đứng.

Trên rạp, thổ công Lê pha trò, người xem vừa ngóit cơn cười thì thổ công Lê lừng lững ra đứng tận mép ngoài sàn, ngay dưới ngọn đèn đất sáng rõ nhất. Lê giơ cái tay áo thụng xanh lam lên đầu nắm tay chào mọi người theo kiểu bình dân.

– Trước khi vua bếp tôi lại phận sự sắp phải vào ngồi bếp đội nồi như mọi ngày, xin hát tạm biệt một bài.

Rồi quay lại:

– Nào các bạn ra đây cùng tôi.

Lạp, Ba, Trung, An và lố nhố đến mười anh nữa nhảy ra.

Nào anh em nghèo đâu.

Liều thân cho đời sướng

Mong thế giới đại đồng

Tiến lên quân Hồng!

... Kia anh em cùng trông

Thù kia đà sắp tới

Nhằm cho ngay nòng súng

Quân thanh niên tiên phong!^[3]

Mười miệng hát ồ ồ, tiếng kim tiếng thổ lố mỗ. Nhưng ai cũng cố kêu, hát thật to. Ở dưới, trước còn có người chỉ trỏ, cười. Họ tưởng vẫn kịch. Sau nghe lồm bồm được, họ im, chưa hiểu. Một bọn kêu: “Thổ công tân thời! Thổ công hát thời thế! Hay lắm!”. Những tiếng reo ấy vang lên, rồi lặng đi. Đám đông từ cửa đình ra đến gốc đa, đến tít tận ngoài bờ ao chen lấn, đùn đẩy, rào rào, lúc cố im lặng, lúc lại âm âm loa loa trong ánh đèn hàng nước và khói thuốc lào.

Những thanh niên đang ưỡn ngực lên hát trên sàn kia càng hét to, hát to. Những câu mọi khi chỉ nhỏ nhỏ với nhau, giờ đây hò hét tung lên trước bao nhiêu người.

Giữa lúc ấy, góc sân phía ngoài xôn xao. Đám đông bỗng lên, rào rào rời dạt ra, lan ra cả sân đình, tán loạn. Trẻ con khóc như ri. Tiếng âm ỉ, quát tháo, hô hoán:

- Trói cổ nó lại... Trói lại...
- Tuần đâu? Bắt lấy nó! Bắt lấy nó!

Ngoài điểm canh, tiếng tù và nổi lên, thuồn sâu vào bóng tối. Trên rạp, những người diễn kịch đã nhảy xuống hết, chỉ còn trống không hai cái đèn đất và chiếc đèn ba dây chong ngọn ở hai đầu cột le lói trên đám người nhón nhác. Một đầu câu liêm ở đâu nhô lên giựt cả hai cái đèn rơi xuống. Ánh sáng tắt phụt. Lại càng rối lên, không biết chạy đi đâu, chạy đôn hội chợ, chạy chết, chạy thực mạng, lung thiên, lồm bồm lội cả xuống ao đình.

Lê nhảy từ trên rạp xuống. Cái mũ thổ công hàng mã đã bật mất. Lê vội vàng trụt áo thụng, xách hia, cầm trong tay. Lê cời trần chạy một quãng thì tụt đầu mất râu. Đích là có lính phủ, có mật thám đứng nghe ở dưới xô lên bắt. Tù và vẫn xói vào tai, làng nọ đáp làng kia, rền rĩ rúc dài vào bóng đêm dịu dàng ánh trăng non.

Lê chạy ra cánh đồng.

Một bọn đứng rúm, tụ lại dưới gốc gạo.

- Ai như anh Lê phải không?

Lê nhận ra tiếng chị Hai Tâm. Lê đứng lại. Hai Tâm và một bọn đông các chị chạy đến đây thì đường qua quãng ruộng vắng quá, chưa dám đi. Bây giờ, họ xò ra, tíu tíu nhờ Lê đưa về. Lê đi trước, mọi người hỏi:

- Cái gì đấy, hả anh Lê?
- Tôi cũng chưa biết.
- Có lẽ lính phủ về bắt bạc.
- Bắt bạc thì ở cuối làng chứ bận đâu đến đám chèo!

Chị Hai nói:

– Lúc ấy nghe í ới sau lưng, quay lại thấy anh Chúc hớt hải nhào ra, có đông người xô đuổi đánh anh ấy, rồi loạn lên. Rõ con khi, chèo hát năm nào cũng chỉ tranh nhau giai gái. Chia phần ra chứ, việc gì phải tranh. Các anh đàn ông cũng dốt!

Các chị bật vía từ nãy, giờ nghe chị Hai pha trò ngổ ngáo, lại nắc nẻ cười. Nhưng Lê nghĩ khác: “Chắc mật thám nhận được mật Chúc là chính trị phạm. Không biết có đũa nào bị?” Và Lê lặng im đi suốt

qua quăng đồng, vẫn vơ lạng lẽ nghĩ đến những tiếng “thoát ly”, “hoạt động”, “chính trị phạm”, “nhà tù”...

Tới đầu xóm, các chị chào Lê tíu tíu rồi rẽ tản về các ngõ. Hai Tâm búi lấy Lê:

– Còn có mình tôi, sợ lắm.

Mùi giầu thuốc nồng ấm, mùi thơm thoáng ở quần áo mới giặt của chị Hai tỏa dịu. Lê đương trần trụi trực dưới ánh trăng mà chị Hai thì cứ búi cánh tay, áp tận nơi. Nhưng Lê nói theo ý đương nghĩ:

– Chị Hai ạ, đêm nay có vẻ khác lắm. Đây chắc là đế quốc về phá...

– Khác gì thì khác, anh phải đưa tôi về tận ngõ.

– Tôi quay lại xem tình hình.

– Đừng quay lại. Nhỡ một cái chúng nó còn rình đấy thì chẳng phải đầu lại phải tai, đòn ghen thì chết đấy, đừng dại.

– Chị về đi!

Lê gắt, Hai Tâm buông tay. Một bên người Lê đương rục nóng bỗng mát hẳn, Lê mới biết mình vẫn cởi trần. Nhưng Lê không nhìn theo. Không bụng dạ nào Lê tưởng đến chị Hai đương thềm hơi hướng đàn ông. Lê vẫn xách đôi hia với cái áo thụng, chạy trở lại. Chị Hai tần ngần về một mình - cũng chẳng thấy sợ như lúc nãy tưởng. Ánh trăng mờ mờ, hiền hòa. Mát thế mà người vẫn bưng bực. Có lẽ vì vừa ăn miếng trầu cay. Chị trần yếm cởi bớt cái áo lụa ra, vắt trên vai, bước lững thững.

Mấy người trai tuần vác câu liêm, giáo, mác chập chờn phía đình đi lại. Lê đương chạy, thoáng thấy, vội trèo lên ngói nấp trên cây nhãn. Lê không dám gặp họ. Bọn tuần tráng như những bóng ma trôi qua dưới gốc cây, càng tăng vẻ bí mật, rờn rợn. Lê lắng tai bốn phía. Im quá. Giờ chừng đã quá nửa đêm. Trăng đã xuống treo trên đầu cành tre. Tiếng tù và sau cùng ở một làng xa xa thổi lên, đã chết lịm, không còn ngóc lên một tiếng đối đáp nào nữa.

Bọn tuần qua một lúc lâu, Lê mới tụt xuống, nhặt áo và đôi hia rồi đi lên phía chợ. Đàng xa đã trông thấy cái gian trụ sở Ái hữu vẫn còn sáng đèn. Có tiếng người nói lao xao. Đến gần, rõ ra tiếng cười khớ khớ, đúng là tiếng cười thằng Lạp. Chẳng có gì ghê gớm. Chúng nó đương chuyện lại cảnh diễn kịch ban nãy. Thế là thế nào?

Con mẹ Hai Tâm bảo chỉ có bọn chim gái tranh gái, đánh nhau, mà đúng chắc?

Dù sao Lê cũng yên tâm, bước vào. Lạ reo lên:

– A Lê, Lê. Tưởng đứa nào đánh chết mày, con nào lột mất cả áo, cả hia của người ta rồi. Đi đâu giờ mới dò về?

Lạ quay lên, hỏi Lê:

– Có thuốc lào thì bỏ thêm đây. Máu vẫn rỉ ra này.

– Sao thế?

– Choảng nhau chứ sao nữa!

– Thằng nào?

– Ông tướng này.

Lê mới kịp nhìn vào phía trong phản có một người nằm. Mặt Chúc tái, má óp lại bằng hai ngón tay chéo. Tóc bê bết máu. Mồi thuốc lào to đã đập vào một bên trán mà máu vẫn phòi rùng rùng xuống thái dương. Vừa xót thuốc, vừa đau, và có lẽ bực mình vì bọn ngòi đứng ở ngoài vẫn cười nói toang toang, chốc Chúc lại rên khừ một tiếng.

Thì ra, cái lúc ấy, Chúc chen đến chỗ chị Hai Tâm. Một đám trai làng nào cũng đã đứng dàn quanh bọn chị Hai từ bao giờ. Cậy là người làng, Chúc nhâng nháo, sán tới. Thằng Tâm cũng vừa đến bên cạnh mẹ, đương tức sấn cái bọn chòng mẹ nó, nó túm ngay áo Chúc, vừa đánh vừa khóc. Bọn kia thấy vậy, hùa vào nện luôn Chúc. Cuộc loạn đã nổi lên từ chỗ ấy, và những đám trêu gái khác đương gầm gừ được thể, cùng ầm ầm xông vào phá rập đánh nhau. Vỡ đám.

Lê thở khượng một cái:

– Thế mà làm ông tướng cái gì!

Lê toan bảo Chúc: “Cho mày chết”, nhưng lại thôi. Trong bụng vẫn còn ghét lúc tối Chúc gàn bài hát lúc nãy, giờ lại đơm thêm việc xấu hổ này, mất cả danh tiếng. Lê văng một câu:

– Ngày nào cũng ngòi phơi mặt giảng giải thuyết lý mà lại đi chim gái! Còn chó gì là Ái hữu!

Chúc im bật rên. Bọn ngòi ngoài cũng tản về dần.

[1] Băm nhe linh (première ligne) là tiền tuyến.

[2] Anh te li giăng (intelligent) là thông minh.

[3] Bài hát phổ biến trong thanh niên thời kỳ Bình dân 1935 - 1939 phỏng theo một điệu hát hành quân của Hồng quân Trung Hoa. Những lời trong đoạn này có thể sai, nhưng người viết giữ nguyên lời mỗi nơi hát một khác cho hợp với từng giới thanh niên bấy giờ (T.H).

V

Nhưng hội ái hữu thợ dệt không vì Chúc chim gái đánh nhau mà bị tai tiếng. Sau cuộc diễn kịch ấy, các nơi càng đến liên lạc nhiều hơn. Khiết và nhiều thợ dệt vùng trong, có khi ra ở liền ngoài này hàng tháng. Vẫn chỉ đợi giấy phép về! Kinh nghiệm các Ái hữu khác, như ở Hà Nội, xin phép Tây cho lập hội còn chóng, ở các tỉnh quan ta thì bị ngâm hãm, chần chừ lâu. Bởi vậy, phải thay nhau đi thúc, không mấy ngày không có người lên phủ chờ đợi. Có lần gặp cả quan tri phủ. Lão phủ bảo: “Chúng mày chỉ vẽ chuyện, dệt cửi đã không đủ khó nhọc, lại còn hội với hè mua việc vào người! Làm gì thì làm, chớ làm cộng sản thì chết ráo. Cấm hết, không hội họp, không sổ sách, không thu tiền. Phải được giấy quan sứ trên tỉnh rồi về phủ cho phép”. Họ lên tận tỉnh xin giấy phép. Nhưng tòa sứ không có lệ cho đưa đơn kêu việc vào thẳng tỉnh bao giờ.

Mặc dầu, họ vẫn họp, vẫn thu tiền hàng tháng - nhưng không làm biên lai. Sự liên lạc với “các anh ở ngoài tòa báo” vẫn đều, dù là phải cuốc bộ, mỗi khi ra Hà Nội lại bỏ cửi, đi về cả ngày đường.

Một lần kia, Lê đến tòa báo lấy báo về bán. Khiết cũng vừa ra. Khiết vẫn áo the, khăn xếp nhiễu, giày tây màu gan gà, ria mép lún phún, chững chạc. Lê hỏi mọi người:

– Ở nhà đã biết tin chưa?

– Tin gì thế?

– Đình công lung tung khắp các nơi. Nhà máy sợi Nam Định, nhà máy xi măng Hải Phòng, cả mỏ than Hồng Gai. Vòi rồng phun nước vào mặt cũng không cản nổi thợ tranh đấu. Chị em chợ Đồng Xuân ở Hà Nội hưởng ứng đã bãi thị chống thuế vé nặng. Trụ sở hội Ái hữu nào cũng sôi sục lắm. Chúng ta tranh đấu hưởng ứng đi thôi.

Khiết nói:

– Trong chúng tôi cũng tranh đấu rồi.

– Tranh đấu thế nào?

Khiết nói hùng hồn:

– Thợ cửi ngày làm đúng tám tiếng thì ra khung. Cơm đều ba bữa no, bỏ lệ buổi sáng ăn khoán có ba bát. Thợ hồ, thợ tơ đòi tăng công, tiền chủ đặt cọc đầu năm không bị trừ nợ. Mít tinh tranh đấu yêu sách thế!

– Hay lắm! Hay lắm!

Lê reo lên.

Ngày tới hôm sau, hơn một trăm thợ cửi, cả những chị thợ tơ, thợ hồ đã đóng tiền vào Ái hữu cũng đến họp để bàn việc đình công.

Cuộc họp ngoài cầu chợ, tối mò, không đèn đóm. Lê đứng lên nói ý nghĩa cuộc đình công hưởng ứng phong trào đình công đương lan khắp xứ Bắc Kỳ.

Lê vừa dứt tiếng, một anh nói ngay:

– Hưởng ứng các nơi thì hoan nghênh rồi.

Và nói tiếp:

– Nhưng tôi xem ra vùng ta không nên đình công. Máy làng này, khéo lắm được vài nhà có hai ba khung cửi, còn thì chỉ một khung, một khung vừa mượn thợ vừa làm lấy. Ngày làm tám tiếng thì được tám tiếng tiền, làm ít càng ít tiền chứ ăn thua gì. Mà không chòng giả tiền người ta đặt cọc năm nay thì sang năm họ không đặt cọc, không mượn nữa, mất cọc. Chúng ta không làm theo thế.

Đồn dập mấy người phản đối đình công bắt chước.

– Cái nhà tôi đương làm mà bây giờ ngày nếu tôi chỉ gõ có tám tiếng, họ bằng lòng ngay. Bởi vì, tôi mà ra khung cửi thì nào bố, nào con họ bỏ vào dệt suốt đêm tận gà gáy mình đến dệt mới chịu ra. Đêm nào cũng thế mới kinh chứ!

– Ta dệt tính đầu thước ăn tiền, ngày tám tiếng thì phiên làm không nổi vài hào bạc. Ái hữu ta bàn cái khác, không bàn cái này.

Một chị thợ hồ lên tiếng:

– Làm ăn với người ta bốn năm năm nay không điều tiếng gì bây giờ tự dưng nói đình công đình việc, nó ngượng thế nào ấy.

Lê đâm khùng.

– Lao động mà tranh đấu lại ngượng thì mòn đời đi làm mượn à?

– Người ta tranh đấu sở nọ sở kia, tranh đấu với chủ máy như nhà Vũ Văn An có hàng trăm khung dệt máy chứ mình, nhà một hai khung cọc cạch thì ăn thua cóc gì.

Lạ cũng không đồng ý với Lê:

– Tôi ủng hộ anh chị em thợ dệt nhà Vũ Văn An đình công, ủng hộ bằng góp tiền giúp chứ không bắt chước đình công.

– Thằng Lạp nói đấy phỏng?

– Lạp đây.

– Mà sợ con Hai Tâm, không dám bỏ cử nhà nó chứ gì!

Nhiều người cười ồ. Nhưng lại có người đâm ngang nữa:

– Tiểu chủ có mỗi một khung cử, ông cho chỉ hai phen hàng ế mang về là lại cái thoi giắt vào đít, đi dệt mướn như mình!

– Đúng đấy!

Có tiếng hỏi vặn:

– Anh Khiết bảo vùng trong đình công thắng lợi thì thắng lợi ra thế nào?

Lê và Khiết khăng khăng:

– Phải tranh đấu. Bây giờ không còn thời buổi chỉ biết hết đời cha sang đời con treo người lên cái khung cử, rồi chiều ngày phen rượu vào chửi càn. Phải tranh đấu cùng các giới, vô sản toàn Đông Dương liên hiệp lại, lúc nào cũng phải nhớ khẩu hiệu thế.

Lê hùng hồn nói, trong khi vừa chua chát nghĩ đến cuộc đời trước mắt của bố con Lê, trong khi bỗng bật những đấu tranh thay đổi. Nhưng mà nhiều người khác thiết thực hơn, cãi lại. Lê vẫn cãi những điều của mình và Khiết. Cuộc họp bàn ồn ào, lan man.

Lê hỏi:

– Anh chị em có đình công hưởng ứng giai cấp thợ không?

Đông người trả lời lộn xộn:

– Có! Có! Không, không... Được! Được! Đình công! Thì đình công!

Lê hét to:

– Ngay từ sáng mai, mỗi người sẽ nói yêu sách cho chủ nhà, nếu không được thì bỏ cử luôn.

Mọi người ra về, cũng nhẹ nhàng thế thôi, tuy Khiết đã nói ở trong kia đình công, nhưng cũng chưa ai biết nó thế nào. Những người thợ thủ công ấy không thể tưởng tượng ra cảnh đấu tranh quyết liệt của công nhân Hồng Gai, Hải Phòng, Nam Định, Trường Thi đương chống đuổi thợ, giãn thợ, không sợ vùi nước, dùi cui, bốp sỏ cần mật thám, nhà tù. Họ cũng chẳng tin họ đình công sẽ tới kết quả được tăng tiền công mỗi phiên. Mà, dù không cãi lại, nhưng cuối cùng nhiều người nghe Lê bảo là ừ sẽ đình công, để hưởng ứng, để tán thành một cái gì mới, tỏ rõ nhiệt tình của họ đương muốn tiến bộ mà thôi.

Họp xong, Lê về tức bọn Lạp, đi ngay. Lạp hỏi Chúc:

– Anh thấy thế nào?

Chúc nói:

– Đình công thì bao giờ cũng là tranh đấu...

– Nhưng mà tranh đấu thế nào? Đình công có đúng không?

– Tao có là thợ cửi đâu mà biết?

Thực thì Chúc nghĩ: Đình công thì sẽ nhiều thợ nghỉ chơi, họ rủ Chúc đi đánh chén, uống rượu, và rồi có lắm chị thợ tơ thông thả lượn lờ lên trụ sở...

Lạp ngáp, pha trò:

– Kể ra mình vẫn thường tranh đấu đình công, lăn công ở nhà Hai Tâm mà không biết. Cái thằng Lê chúa nói văng mạng.

Chúc hỏi:

– Vẫn dệt nhà Hai Tâm à?

– Ừ.

– Mai mà cứ đình công cho chị ả nháo lên ra đây tìm, mà vui đấy!

Thế rồi, hôm sau người nghỉ, người không nghỉ. Mấy nhà chủ khung cửi, nghe lồm bồm, đồn: “Thợ cửi bây giờ có hội to ở ngoài Hà Nội, họ bảo nhau làm gì thì cũng làm một lượt. Thợ nhà Vũ Văn An đương nghỉ đòi tăng công, ở đây chúng nó cũng nghỉ!”. Những ông chủ một hai khung cửi ấy vẫn yên trí, bởi vì ở đây thợ nghỉ cứ nghỉ, chẳng mượn người này mượn người khác. Cho nên cuộc đình công lạng lờ như không. Ngoài đường, lác đác thợ nghỉ cửi đi phát

phơ. Họ tụ lại trên nhà Ái hữu, ăn bánh rán, bánh đúc trừ cơm, có anh huếnh xĩa tiền mua phở, bánh đúc chấm tương uống cút rượu rồi đi chơi dài. Cu Chúc ta, quả nhiên, được hơi hướng vào đấy. Rượu vào, nói như trạng cạn.

Buổi sáng, trong các ngõ, chó cắn ran, léo nhéo người đi gọi thợ dệt. Lê dạo vào xóm. An tránh mặt, không đi với bọn xui thợ cửi nghỉ, An sợ mẹ chửi. Tiếng thoi chạy lách cách, vang vang. Buổi tối, trên nhiều cửa sổ khung cửi vẫn lên đèn sáng trưng. Có lẽ cuộc tranh đấu không đi tới đâu. Thợ nghỉ thì nhà người ta dệt lấy. Khuyết điểm rồi, Lê bực mình. Lê cho là thất bại vì hô hào đình công mà không có tổ chức.

Lê nói:

– Tao thấy cái thằng Đệ Tứ nói cũng có cái đúng, nhiều khi phải cách mạng thường trực, phải đổ máu luôn luôn mới chóng lên thế giới đại đồng được. Cứ như cuộc đình công này thì cách mạng chùng gân rồi, toàn những quân cải lương đầu hàng. Thế thì đời kiếp nào đến được chủ nghĩa cộng sản?

Không ai tranh luận với Lê. Chỉ có Chúc nói:

– Thằng Đệ Tứ đẻ ra thằng bảo hoàng, mày biết không...

Lê đương bực, xông đến:

– Mày là con bò!

Anh em phải can, Lê xuýt đánh Chúc. Rồi Lê vùng vằng đi. Cuộc đình công chỉ lác đác...

Đúng như Chúc đoán, Hai Tâm lại lên tìm Lạp bỗng tự dưng bỏ cửi mấy hôm nay. Cứ thấy bóng, Lạp lại lẩn. Còn Chúc chạy ra tận cửa ngược cái mũi đồ bóng và cái trán còn dán lá cao trên vết sẹo, Chúc tí mắt:

– Thợ cửi nhà chị Hai thật là thợ vàng thợ ngọc.

Chị Hai cười:

– Ồm ờ vừa chứ! Anh Lạp trốn đâu thì bảo người ta. Rõ ràng vừa thấy thoáng đây.

– Việc gì anh ấy trốn! Người ta là giai cấp thợ đương đình công tranh đấu đòi ngày tám tiếng không đầu hôm đấy.

– Rõ ở dưng không lành! Có bao giờ nhà này bắt thợ lên đầu hôm. Cắm lên đầu hôm là khác!

– Thế thì thằng ấy dại! Chị thả nó đi, mượn tôi thay vào. Tôi dệt nhà chị thì công tôi không lấy vật mà thằng Tâm lại biết chữ. Tôi vừa thợ cửi, vừa ông giáo.

– Nói bán giờ không văn tự. Anh thì có mà dệt cơm!

– Chị thử tôi xem nào.

– Việc gì phải thử!

– Thử mới biết nhau chứ.

Chúc cười khoái câu nói chót nhả. Tay gõ nhịp, huýt sáo, tay cầm một quyển sách, mắt kính hấp háy. Chị Hai không ưa Chúc, cái anh chàng nhái bèn xấu giai. Chị lảng, trêu:

– Gái đánh đờn hội chợ vỡ đầu từ hôm ấy chưa khỏi à?

Chạm nọc, Chúc cười nhạt, lúng túng. Từ nãy, Khiết ở Vạn Phúc ra, ngồi trong nhà, bấy giờ mới cất tiếng:

– Mời chị hãy vào trong này nghỉ chân. Lạ sắp lên đây.

Chị Hai bước vào. Khiết bệ vệ, chỉnh chện bắt chân chữ ngũ, giờ nghiêng chiếc giày gan gà đế cao một phân mới đánh xi bóng lộn. Khăn xếp nhiều tây, áo the hoa, quần là ống sớ. Khiết xòe diêm châm một điếu thuốc lá hút rồi ung dung.

– Chính nhà tôi đây làm ba khung cửi mà tôi chỉ rặt chơi với anh em thợ. Thanh niên hãy chơi đã, chẳng vội làm ăn. Tuổi xuân ba vạn sáu nghìn ngày lo gì, sáu hay chín nghìn nhỉ?

Hai Tâm nói:

– Độ nọ tôi thấy anh đi với hai cô nào trông nèn lắm. Mới dùm tuổi đầu mà đã nhị phòng cơ à?

– Bậy! Trên thế gian này chưa ai lọt mắt tôi.

– Con gái vùng trong đẹp như tiên sa ấy chứ. Anh Lạ dệt cửi nhà tôi đấy, đêm ngày lẩn lóc bỏ cả cửi vì mê các cô vùng trong.

– Tùy người đẹp, tùy người mê!

Rồi Khiết lại đùng đĩnh rít thuốc lá, rất có duyên, nói người ta buồn cười, mà người nói chỉ dưng dưng nhếch mép lạnh như tiền. Chúc đã vào ngồi cùng phả, nhưng không chen được câu nào. Tự

dưng, bên cạnh Khiết, Chúc hóa ra nhạt nhẽo bé nhỏ, còm rỏm hẳn lại. Chúc đương mặc cái quần tây đen thúi hai miếng mông vá, lúc nào cũng phải ngồi đứng ngoảnh đít ra phía không có người. Cái áo sơ mi, còn sót mỗi một khuy, đã giắt kỹ vào trong cạp mà vẫn banh cái ngực gày hõm ra.

Một lần khác, chị Hai lại lên trụ sở Ái hữu tìm Lạp. Thấy Khiết vẫn ngồi vắt chéo chân, giơ nghiêng chiếc giày tây mới, oai, sang trọng như ông tri huyện tư pháp. Khiết chỉ đủng đỉnh, ậm ừ, pha trò nhạt gừng và nhếch mép cười tủm mà chị Hai Tâm mê như bị hút vào, đáp chuyện bằng khướu hót. Nhiều lúc tay đôi sánh vai, nỉ non chẳng khác cậu mợ. Có hôm ngồi đến nửa buổi. Thỉnh thoảng, Chúc tìm cách ngó vào một câu, nhưng nhạt thếch, trôi vèo đi đằng nào. Mặt Chúc lại sượng ngám.

Chị Hai đã về khỏi. Khiết vươn vai đứng dậy, bảo Chúc:

– Ặ này lẳng ra mặt!

– Cậu lại lẳng nhăng rồi. Chỗ này bàn chính trị, không phải nơi tán gái nhé.

Khiết cười:

– Nhận xét thế thôi chứ người ta đã là gái góa một con.

Chúc trợn mắt, nói:

– Ái tình mới không cần trinh tiết. Người đàn bà phải ở góa là một sự dã man thời trung cổ.

Khiết hỏi:

– Đàng ấy có muốn lấy Ặ không, tở làm mối?

– Còn vờ! Khéo tim la đồ cho trâu.

Khiết cười, nói lửng, về kênh kiệu của một anh chàng được thể, trêu tức:

– Thanh niên chim gái như hái hoa, là lẽ thường ở đời.

Lê vừa ở dưới xóm về. Dáng chừng tình hình đình công chẳng lấy gì có kết quả làm nên chuyện, mặt Lê hầm hầm, mắt đỏ ngầu. Chúc kéo ngay Lê ra đường, thì thào:

– Cái thằng Khiết với con mẹ Hai Tâm ngày nào cũng kèn càng tán tỉnh nhau ở trụ sở, chướng mắt lắm, nhiều hội viên không muốn vào.

Lê nhìn Chúc. Lê không để ý câu mách Khiết mà lại thấy ghét Chúc sôi lên. Bao nhiêu những cái kính phục dạo trước đã biến dần mất từ bao giờ, lúc này Lê chỉ thấy trước một thằng người nhàn nhó thềm ăn, thềm gái. Rồi anh em xét nét coi Chúc chỉ là một kẻ tầm thường, biết nói một vài chữ thời thế. Nếu chỉ là một đứa tầm phơ thì chẳng sao, nhưng Chúc lại đã từng trôi nổi. Bóng dáng một người chính trị phạm mà bọn Lê ôm ấp, trân trọng, như các anh ở tòa báo Tin tức, các anh còn bị giam cầm ở Hỏa Lò, ở Côn Lôn và những người tù chính trị trong các nhà tù của đế quốc trên thế giới này, không thể nào hình thù bần thủ như Chúc. Cái sẹo nhục nhã của trận đòn gái vẫn phải dán miếng cao trên trán kia càng làm Lê khó chịu, Lê nổi cơn tức. Lê vẫn biết Chúc ve vãn chị Hai Tâm. Mà Chúc cũng đã mong ước ra miệng “lấy được con vợ như nhà Hai Tâm thì cả đời cơm no bò cưỡi, thú quá”. Chính nó cũng tội tộ chứ còn phải ai. Hèn hạ! Hèn hạ! Thế là bỗng dưng Lê phóng tay quai luôn hai đấm vào mặt Chúc.

Chúc “ôi, ôi” loạng quạng ôm mặt. Một quả tổng nũa hự vào quai hàm. Chúc ngã ẹp xuống như cái hình nhân giấy.

Không nói không rằng, Lê ngồi phịch xuống phản. Thấy thế, Khiết cũng đội khăn, cộp cộp giày tây đi ra. Một bên mặt Chúc sừng húp như lên quai bị, Chúc cũng ngồi dậy chạy nốt.

Cuộc thợ dệt đình công trong các xóm hã còn hay đã dứt từ lúc nào, không biết. Những người thợ dệt nghỉ mấy hôm, lại vào khung cửi.

Lê nằm khoèo ở phản trụ sở, không đi dệt. Thất bại, Lê đương chán và cău kính. Lâu nay, những sách vở, báo chí và những người ở tòa báo mà Lê gặp đã mở ra trước mắt Lê nhiều cái lạ, khác chiếc thoa dệt cửi. Lắm lúc nghĩ về tương lai nhiều quá, sốt ruột, chán không muốn làm, chán cả cái đời sống eo xèo quanh mình. “Phải cách mạng, cách mạng cho chóng đến cộng sản!”. Lê hay nghĩ thế. Lê quyết đem đời mình tranh đấu. Nhưng tranh đấu thì làm thế nào, viết sách, viết báo, diễn thuyết, hội họp, đi các nơi, chứ lại chúi mũi bầm bở trên cái khung cửi hàng đời chán ngán ấy ư?

Không thấy Khiết trở lại. Khiết hẳn đã về vùng trong rồi. Bọn Lạp không đậm đà đình công, đáng chúng nó đã đi dệt cả. Ông ghét tất cả chúng mày! Lê vẫn nằm khàn đấy.

Một buổi kia, một bà lão kèm nhèm chít khăn vuông trùm hụp mí mắt cặp đồ lơ lơ, chốc lại đưa dải yếm lên chùi mắt. Bà lão đi như chạy, cái váy lụa bay phần phật. Bà ấy đi lên chợ. Một thằng bé chạy theo sau. Đến đầu dãy nhà lá ở cửa chợ, bà đứng lại. Bà ngược mắt nhìn quanh nhà, rồi hỏi thằng cháu:

– Nó đâu?

– Đấy, đấy...

Thằng bé trở về phía nhà kho trọ dọ của các làng làm giấy, trong có trụ sở Ái hữu. Trước cửa, ở bên kia đường, có một cây mít. Bà lão đến bên gốc mít. Thằng bé đứng cạnh bà. Một tay bà xắn váy. Hai chân giạng nang đưa đẩy đầu gối dẻo như thể bà vãi chèo đò làm chay tháng Bảy. Một tay bà xĩa xói vào cái gốc mít. Bà lão chửi, bà lão chửi nhé, bà lão chửi có ngành có ngọn:

– Cha tiên nhân cái đũa mắt tông mắt giống, cái đũa giết người cướp của, mày chứa chấp, mày dụ dỗ con người ta... mày để đũa con trẻ nó khóc sớm khóc tối... mày giết đũa con trẻ... nó như con gà, mày bắt mất mẹ... mày là quân mẹ mìn... Mày đi đàng xuôi mày chết đàng xuôi, mày đi đàng ngược mày chết đàng ngược...

Người đi qua, người đi người về chợ xúm lại vòng trong vòng ngoài. Một điều lạ là bà lão rửa xả, hai tay đánh thọc vào cái gốc cây mít, thế mà người đứng xem lại cứ nghếch mắt chỉ trở, ghé nghiêng tai nọ vào tai kia và cười, nhìn về phía cái nhà Ái hữu thợ dệt.

Mỗi ngày một buổi, ròn rã đã mấy hôm rồi, cứ đến lúc ấy thì bà lão tới kể lể, rửa ráy cái cây mít. Thằng bé đứng bên cạnh phòng phạo lúc máu lúc chửi. Người xem nghển đầu, đông như đám chợ gà, lại nhòm về phía cái nhà Ái hữu.

Lê đứng nhìn, nhận ra bà lão đương rửa ráy ấy là bà Đôi, mẹ chồng chị Hai Tâm.

Chúc ở đâu lù lù về. Vết Lê đấm còn sưng húp má lại, như cái bát úp trên mặt. Chúc trở tay ra đám đông người đứng xem, bảo Lê:

– Tao đã truyền đời cho chúng mày trước mà. Con Hai Tâm phẫn bụng, cút đi với thằng Khiết rồi.

Bây giờ Lê mới hiểu bà lão chửi vào cái nhà này. Thảo nào, không ai dám đến trụ sở đây từ hôm nọ. Lê, mắt ngủ nhiều vẫn đục

ngầu, lừ đừ nhìn bà lão, nhìn Chúc, rồi bất giác, Lê cúi đầu, đi vào, không nói. Lê đoán Chúc quanh quẩn đi mấy hôm, chẳng đâu cho ăn nổi hai bữa, Chúc lại phải quay về. Không giận Chúc, không nghĩ đến cái thằng Khiết biệt tằm, cũng ba hoa hão huyền như Chúc, cũng không chú ý cả đến cái giọng chửi rủa eo éo của bà lão Đồi chọc vào tai, bà lão đau đón chửi cái đứa cướp nàng dâu bà như chặt gãy cánh tay phải, chặt mất cái lộc cái hoa, cái cần câu cơm nhà bà, lòng Lê đương tràn ngập một nỗi thương tâm, buồn tê tái.

Những đêm hiu hắt ở cái chợ vắng như bãi tha ma ấy, Lê và Chúc, Chúc lại về ở đấy, hai người đã làm lành, lại nằm trên phản, đọc sách, đọc báo. Chúc mở những tờ báo hàng ngày ra cất cao giọng đọc to như trẻ con học bài. Lê nghe, có lúc bồn chồn, có lúc lại lơ đãng tai nọ sang tai kia, không để ý. Những chuyện Hít-le nước Đức đương gào thét chiến tranh, lão ta muốn lên làm chúa tể các nước. Chuyện thủ tướng Săm Béc Linh nước Anh xách ô đi từ Luân Đôn sang Mui Ních, về Ba Lê với lão Đà Lạt Đi Ê nước Pháp, hai khọm già đã thua bạc mà lại vẫn hí hửng tưởng mình đương vận tầy. Thế ra Mặt trận Bình dân bên Pháp phải giải tán rồi. Chiến tranh đến nơi rồi. Bên Pháp và cả ở Đông Dương này đã tổng động binh, lính bị ban mấy lớp đã phải ra nhận quần áo phát, đi hết rồi, không biết bác cai Giắt có bị bắt lính nữa không. Ở Hà Nội đã mắc cái chao vào bóng đèn điện cho ánh sáng chụp xuống đường và đã mấy lần kéo còi, tập thử báo động, ban đêm có cái tàu bay đít đeo đèn xanh lượn quanh thành phố xem nhà ai còn lộ đèn sáng thì đội xếp vào biên phạt.

Có đến nửa đêm rồi, Lê vẫn không chợp mắt được. Tiếng Chúc ngâm ư ử:

Thiếu cơm, thiếu áo, thiếu yêu đương

Cái bọn nghèo ta thiếu đủ đường

Tiếng nã nuốt, thấm thiết như quỉ nhập tràng dưới những cái mộ mới ở bãi tha ma ngoài kia vừa ngồi dậy than thở. Thiếu cơm... thiếu áo... thiếu yêu... Những câu thơ ngâm lúc nào cũng buồn, nhưng không buồn rút ruột gan với bao nhiêu bối rối trong lòng với thời cuộc như đêm nay. Lê không chịu được. Lê vùng dậy, quát:

– Câm ngay!

Muôn nghìn tiếng dế ở chân giường, ở xó tường và trong bóng tối mênh mông lại ran lên, nỉ non, nức nở, ai oán như trong lòng đất thẳm ra. Lê càng bị dằn vặt trong cơn đau khổ, bức bối.

Bà lão chửi ròng rã đã hai phiên chợ. Cũng không thể, ở cái góc mít, ở cái nhà kia, móc ra được ả Hai Tâm. Bà lão Đồi mỗi họng thổi không chửi nữa. Bà đi xem bói. Chẳng biết bói ra khoa thấy thế nào, bà Đồi sấm mũ trắng, ngựa trắng ra miếu làng lễ. Nhưng cũng không thấy cô nàng dâu dĩ thỏa ấy trở lại.

Đã ngót hẳn tiếng chửi của bà lão Đồi từ lâu. Xâm xắm hôm ấy, từ trong làng đi ra, hiện lên giữa quãng đường gồ ghề đất mờ mờ, bóng ông lão Vụng. Cái tay áo đã mất một bên ống, chốc lại phát lên. Lão đương khật khưỡng đi tới. Bóng tối lẩn trên mặt cũng tối sầm, không trông rõ. Cũng chỉ nhận ra ở những dáng quen mà chiều nào ông lão nát rượu cũng đi nghiêng ngả trên đường cái làng như con đồng môi của thầy phù thủy. Những tiếng làu bàu chửi hay câu khấn, thật cũng không thể biết. Lão lại say khướt rồi. Lão đến trước cửa ngách vào trụ sở Ái hữu. Lão sừng sững đứng lại. Lão giơ cái quạt nan, trở vào nhà:

– Tiền đâu mà thuê cái nhà to thế này, hử thằng Lê? À bây giờ mày thuê nhà, lại mượn đầy tớ hầu mày kia đấy. Mày phải đưa cho tao một đồng, mày phải cho tao một hào...

Lê chạy xô ra. Lão sững sờ nhìn Lê, rồi lại hèm một tiếng, đứng đĩnh như nói với ai:

– Tiền đâu mà mày thuê cái nhà to như thế này, hử thằng Lê? Mày phải đưa cho tao một hào. Hiệu phở kia, tao ăn phở. Hà, gớm thật, một đời ông chưa biết cái gì là cái phở, giờ mày lại mở cả một hiệu phở to bằng cái đình thế này mà không cho ông được một bát, hử cái thằng Lê...

Không để ông lão nói hết, Lê xông tới đẩy bố lạng bán sang bên kia đường. Rồi Lê đuổi theo, đá rập luôn hai đá, ông lão Vụng ngã bổ xuống bãi rác. Lê mặc kệ, đi biến vào bóng tối. Ông lão nằm chỏng giữa đường và thế rồi lão ngủ, nửa đêm lão mới bò dậy. Lão đứng sững sờ một lát, có lẽ để nhớ xem lúc nãy ngã hay bị thằng con bất hiếu đánh. Lão không nhớ được. Rồi lão lại làu bàu không ra chửi, không ra khấn, lắc lư đi trở về con đường khuya, đã tối đen như mực.

Lê chạy trốn sự khủng khiếp. Nhớ lại một thằng bé trần truồng ngồi xó nhà, tay nó bốc đất bốc cứt đưa lên miệng và khóc đến bao giờ khăn cổ chỉ còn khò khè vẫn khóc. Thằng bé khốn nạn ngày xưa trở về trong trí Lê, Lê buồn lắm. Không phải Lê buồn vì có một ông bố dở hơi, chè rượu đã nhiều lần đến bôi bùn vào mặt Lê ở chỗ công chúng và Lê đã đánh bố, cả làng này biết. Có lần, kể chuyện đời mình với anh Tàn, Lê nói:

– Mẹ tôi chết từ khi tôi còn ẵm ngửa. Bố tôi bỏ liều tôi ngồi trong hốc nhà hàng tháng, tôi cứ ỉa rồi tôi lại ăn cứt tôi, thế mà tại sao tôi không chết. Tôi lớn lên bao nhiêu ngày thì bấy nhiêu ngày bị bố đánh. Khi tôi có đủ sức thì tôi đánh lại bố tôi. Nhưng bây giờ tôi đã hiểu. Chỉ vì xã hội bất công ai cũng khổ cả mà thôi.

Trời ơi, lâu lắm Lê mới lại trở lại những uất ức cũ.

Trụ sở vắng như chùa Bà Đanh. Như cái cửa hàng mắc vận áo xám, mất hết khách. Mọi khi, ngày ngày, Chúc ngồi hau háu trên giường, quần váy hoa sặc sỡ, sổ sách bút mực để đầy trước mặt, anh chị em thợ ra vào nhộn nhịp. Bây giờ, sổ sách Chúc gác lên mái tranh. Suốt ngày Chúc nằm ngủ. Ngủ nhiều quá, tóc bù xù, mặt bự ra, cái mũi càng đồ lụng.

Rồi lão chủ cái trọ dó đòi nhà. Nhiều lời thôi, cả đến quán phở bên cạnh cũng bị lây tiếng, đâm ra ế. Một buổi kia, mấy hàng quán lụp sụp ở cùng dãy đầu chợ thấy Lê và Lạp trên chiếc xe sắt, đưa ngời trên, đưa dưới sàn xe, giơ tay lên giữ cái thành của tấm bảng. Hội Ái hữu thợ dệt... vừa dỡ ở ngoài cửa xuống. Để tránh những lời thôi gay go lúc này, họ dọn Ái hữu vào vùng trong.

Lê cũng bỏ làng theo vào trong ấy. Lê đã chán cả làng.

An ở ngoài phố về, hút hải phóng xe đạp theo, nói với:

– Này chúng mày! Pháp - Đức chiến tranh rồi. Tuyên chiến đêm hôm kia.

– Thế hả?

Trên con đường khắp khểnh, cái xe bánh sắt lọc cọc, lọc cọc vẫn đi.

Thế là nước Pháp đánh nhau với Hít-le. Trong bụng Lê, những bực bội day dứt còn cào không hiểu được mấy hôm nay, dịp xuống.

Vì một lẽ giản dị, con người cùng quần ấy thấy các nước đánh nhau
thế thì có thể có thay đổi, thay đổi.

VI

Người long đong trước nhất, từ hôm bọn Lê khiêng cái bảng “Hội Ái hữu thợ dệt” vào vùng trong, là Chúc. Vì ông hàng phở đã sang đòi cái phản, cái ghế cho thuê. Và, Ái hữu không còn ở đây đỡ cho tiền ăn, Chúc cũng phải chạy ăn từng bữa. Mà người nào cũng méo mặt làm suốt ngày, cuối phiên mới có tiền, không phải hôm nào Chúc cũng xoay ra tiền.

Mấy người đâm ra hay cãi nhau vặt:

– Mày hay chơi cờ rất kít, nhưng chính cái đồ mày là đồ cờ rất kít, chỉ nói mép. Mày không phải chính trị phạm, cắn gót chính trị phạm không đáng.

Chúc kêu lên:

– Đã thế thì mai ông bỏ chúng mày. Đừng tưởng, ông vô khối chỗ.

Nói thế, nhưng Chúc vẫn ở đây. Và vẫn được thương hại, cho cái ăn. Mỗi hôm, Chúc dạy ê a vài chữ, lại nói chuyện ngày trước ở tù, chuyện phiêu lưu bên Xiêm và Chúc lại thăm dò nghiêng nghe, đánh tiếng sắp lấy vợ. Không có gì khác, chỉ mỗi một thay đổi là ông chủ trọ dó và ông hàng phở đã lấy lại cái phản và gian nhà. Chúc phải vào làng ở nhờ nhà mấy đứa trẻ mà Chúc mới được người ta bảo kèm học.

Trong xóm ấy có một chị chề chồng đương cần tiền để giả của. Từ hôm vào xóm, Chúc lại nghĩ cách nào sinh ra có tiền để giả của đây cho chị chề chồng kia. Chúc lại giơ tay, hùng hổ tuyên bố nhất quyết sắp tự do kết hôn. Nhưng, chẳng qua cũng chỉ thêm trò cười cho những cửa miệng, chế giễu anh Chúc ở cái xóm làng Hạ ấy.

Nửa năm đã trôi qua, túng bần lạng lẽ, nhạt nhẽo. Bên châu Âu thế nào, không biết gì cả, trời đất mù mịt.

Rồi lại một thay đổi khác nữa đến. Không phải ông hàng phở gọi cho mượn phản, cũng không phải Chúc đã kiếm được tiền giả của cho cái ả mà Chúc muốn lấy.

Ấy là một hôm, An đến bảo Chúc:

– Các anh ở ngoài tòa báo bị bắt hết cả. Anh Tàn cũng bị rồi.

An nói xong, đi ngay, không đứng lại, tưởng như nói thế mà mặt thám cũng nghe tiếng được. Lúc vắng người trưa hôm ấy, Chúc đem nhìn lại cái thẻ thuê thân mà lão lý Dĩ bán cho Chúc dạo trước - những cái thẻ thân của người làng đi phu bên Tân thế giới, không gửi thẻ đi được, năm nào lão lý cũng giữ và đem bán lại - Chúc ngắm cái thẻ giả rồi lấy móng tay cái miết lại chỗ lão ta tẩy tuổi. Chúc cúi xem cái thẻ thân một lần nữa, rồi gập lại, cất vào túi. Chúc chờ đẫn, ngao ngán nhìn ra sân, một lúc thật lâu mà mắt để vào đâu, không trông thấy cái gì cả. Chúc sốt ruột muốn đi.

Bọn Lạp nghe tin dữ ấy, nhưng không nao núng, không sợ. Thường đã nghe các anh nói: đời cách mạng, khi ở tù cũng là cơ hội học tập, đợi dịp lại ra trường đời tranh đấu. Chỉ có một cái tiếc là từ nay anh em không còn có người về giảng giải thuyết lý. Cả cái Ái hữu cũng chuyển đi rồi. Từ hôm Lạp về, đến hai tháng, không nghe tin tức Lê ở trong ấy ra sao. Làng nước lại buồn teo.

Phía bờ rào cây dâm bụi, có bóng người đi vào. Mấy người giật mình nhìn ra. Hai người đàn ông quần nâu áo nâu, xách tay nải như những lái lụa chợ Hà Đông. Khi vào tận trong mới nhận ra một người là Lê. Mừng, mà cũng lạ cách ăn mặc của Lê. Lê buông tay nải xuống, hỏi:

– Đủ mặt anh em đấy chứ? Trung đâu? Lạp đâu?

Mọi người chưa hết tần ngần. Ái chà chà, cái thằng Lê, chỉ mất mặt ít lâu, nó đã xoay sở đâu ra vốn liếng, áo quần với tay nải xúng xính lên mặt ông lái Lê thế kia.

Lê nói:

– Giới thiệu đây là anh Bân, anh em ta cả. Chúng tôi ra đây có việc cần bàn. Các cậu biết tin phát xít Nhật vào Đông Dương rồi chứ? Nhật vừa nện Pháp một đòn treo mạng mỡ ở Lạng Sơn, thằng Pháp phải mở cửa cho Nhật vào. Nhật là thằng phát xít hạng nặng cũng như phát xít Đức, Ý, ta biết rồi. Phong trào Đông Dương đã đảo phát xít Nhật đương lan rộng khắp các giới.

Lê lấy trong tay nải ra một tệp truyền đơn. Anh tên là Bân nói:

– Đây, cái này để đấu tranh đả đảo phát xít Nhật. Các miền tư cừ vùng trong đều đã làm mít tinh bí mật, người dự rất đông, cả thợ lẫn

chủ đều hoan nghênh. Ai cũng hoan nghênh. Phát xít Nhật vào Đông Dương đem theo toàn của giả, đồng hồ bán cân, lụa là vải vóc bằng tơ chuối, tơ dứa dại rẻ như bèo, đầy các loại tơ bóng tơ mờ của thằng Nhật đã bóp chết nghề tầm tơ của ta. Đông Dương đã đói khổ rồi còn đói khổ nữa. Cho nên chúng ta phải tranh đấu.

Hai bó truyền đơn đã đặt ra trên phản. Những tờ giấy bằng bàn tay, in đá, chỉ chít chữ mực tím. Trông giòn giòn, tinh thích, là lạ. An cầm truyền đơn, đọc nhỏ. Mỗi người một tờ, lầm nhảm. Chúc nhắc lên, nhìn qua, lại bỏ xuống, bảo An: “Mày không được đọc bô như thế!”. Rồi Chúc hỏi Bân:

– Cái này Ái hữu phát hay sao?

Bân đưa mắt nhìn Lê, Lê nói:

– Thằng Tây giải tán các hội Ái hữu rồi. Đảng này khác.

Chúc nói vẻ hiểu biết, tự nhiên “À, thế thì là của Đệ Tam quốc tế”. Lê cũng không trả lời Chúc.

Rồi Bân xách một tay nải lên lại đi ngay. Sau đó, Lê nói:

– Anh Bân cũng như anh Tần, rồi anh ấy sẽ ra liên lạc với ta ngoài này. Còn thằng Khiết thì từ ngày quáp được con Hai Tâm chúng nó tránh mặt ra ở ngoài tỉnh Đơ, không ai thấy mặt nữa. Cái thằng chỉ liến thoắng lỗ miệng thế mà hồng. Nào, bây giờ chúng ta bàn cách đấu tranh.

Rồi Lê trình bày kế hoạch đi giải truyền đơn. Lê nói khúc chiết, rành mạch. Mọi người nhìn Lê, kính phục: mới chỉ đi có ít lâu mà đã giỏi hẳn lên. Họ hình dung ra những vùng trong Hà Đông phong trào đã lên có gốc chi bộ, có tổ chức công đoàn, có cứu tế đỡ từ thời gian những năm 1930, đến khi Bình dân thì từ Hỏa Lò, từ Côn Lôn, chính trị phạm kéo về nhan nhản, cho nên các làng chỉ chớm Ái hữu một cái là kéo được cả thợ lẫn chủ, cách mạng lên rầm rầm khắp làng và bây giờ lại chuyển ngay sang những tổ chức phản đế bí mật. Lê vừa được đến những đất có tinh thần ấy nên đã chóng thông hiểu công tác như vậy.

Lê nói xong, Chúc bảo ngay:

– Không được rải truyền đơn ở đây. Làm như thế là không đúng phương pháp. Ta ở chỗ này, lại rải truyền đơn ngay ở chỗ này, khác nào gọi đế quốc về khùng bố.

Nhưng lý lẽ của Chúc không còn thiêng. Vả lại, họ đương chờ đợi, đương nhây nhẩy muốn hoạt động. Chống thuế, chống nạn mù chữ, lập Ái hữu, diễn kịch, hội họp, tranh cãi chính trị, phải tiến hơn nữa, thay đổi xã hội, tiến tới nữa. Mặc Chúc gàn, mọi người cãi:

– Phải cắt nghĩa cho ai cũng hiểu sự dã man của phát xít Nhật. Ở đâu cũng phải đọc truyền đơn này.

– Cứ bỏ truyền đơn ở đây.

Chúc khấn khoản:

– Các cậu phải nghĩ kỹ. Có vào tù các cậu mới biết cái lúc mật thám đánh đau quá, chỉ đợi nó hỏi một câu là gật đầu. Có trải lúc ấy mới biết sợ.

An cãi:

– Nhưng chúng ta phải rèn luyện bằng tranh đấu. Vào con đường chính trị, người cách mạng không thể tránh được ngồi tù. Xít-ta-lin đã bao nhiêu năm bị đế quốc Nga đày đi ăn tuyết rừng Xi-bê-ri đấy.

Lê nghe thích lắm. Cả bọn náo nức. Chúc lại nói:

– Các cậu còn muốn tôi cho ở làng không?

Không ai trả lời, Chúc lại nói:

– Chúng mày dải truyền đơn, mai lính phủ về thì cái thằng bị tóm trước nhất là thằng tao mang cái thẻ giả trong người này.

Một anh nói:

– Người gì mà nhát hơn cáy, lúc nào cũng sợ!

Sớm hôm sau, họ chia nhau đi các làng, cổ động. Chúc nằm đắp chiếu, không ăn cơm. Chúc ngủ hay Chúc sợ đến phát ốm? Không, một lát, Chúc trở dậy, đi ra, đi vào loanh quanh. Quãng đời tha phương cầu thực của Chúc đã qua cứ hiển hiện lại. Đói khổ và nhà tù đã dim mất cả tuổi trẻ, mỗi lần nghĩ lại, bao giờ Chúc cũng vừa sợ, lẫn với thèm tiếc. Lần cuối cùng, phiêu bạt đến đất Xiêm, Chúc đã có một gian cửa hàng giày và lấy được một người vợ Xiêm. Rồi lại tan nát cả! Làm thế nào cho yên bây giờ?

Cái ngã ba đường ngay chỗ cầu ngói ở cửa đình ra, không hện mà nên, từ bao đời là chỗ thợ tơ cửi mấy làng hay tụ tập đấy, mỗi buổi chiều phiên chợ lựa nghĩ dẹt. Đã quen lệ, chiều đến, cơm nước xong, vài chén ngà ngà rồi thì ra góp mặt ở cái chợ người, rồi muốn

đi chơi đâu mới đi. Hôm ấy, chập tối, người tấp nập ra ngã ba. Từng cánh bá vai bá cổ, tiếng cười đùa vang các ngõ, guốc khua lóc cóc ngoài đường. Trung, Lạp, An, mỗi anh lảng vảng ra gác một ngả. Lạp đứng chỗ đường qua cánh đồng vào nhà lý Dĩ, lối này dễ có chánh tổng, lính phủ về đi tuần. Nhiều anh khác, đi liên lạc từng ngả gác một.

Ngã ba đường đã nhộn nhạo khá đông. Nhiều người đã biết trước tối nay “có sự”. Cũng có anh chỉ tình cờ đi chơi mát. Nhưng số người cố ý đi thì nhiều. Đã lâu, không được hội họp, họ mong mỏi. Mấy người vỗ tay, gọi to: “Anh chị em! Lại nghe nói chuyện”. Một anh đã trèo tót lên vai một anh khác. Mọi người xô lại nhìn cái người đương vất vẻo ngồi công kênh, thì trông rõ ra thằng Lê, con lão Vượng. Hai bên và trước sau, có bốn người cầm gậy đứng làm bảo vệ. Lê nói to:

– Thừa anh chị em tở cười chúng ta...

Lê nói thuộc lòng như đọc trong tờ truyền đơn ra. Độ dập bã trà, Lê nói xong, giơ nắm tay hô: “Đả đảo phát xít Nhật xâm chiếm Đông Dương... Ủng hộ Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế...” rồi nhảy từ trên vai xuống đám người đứng lẫn vào giữa những tiếng hô và tiếng nói ồn ào.

Lạp gác, tần mẩn, đã dán lên các góc cây nhãn được mấy tờ truyền đơn. Bỗng nghe tiếng hô và vỗ tay đằng ngã ba. Đương đến chỗ râm rộ. Mấy người đi giữa đường cũng vội vội lại. Cái hàng nước cửa đình đông thế, mà nghe như: “có tiếng người kêu ngoài ngã ba” cũng chạy cả về phía ấy. Tiếng hô và vỗ tay hút người lại.

Giữa khi ấy, một cái bóng đi nhanh ra. Đứng gác trong góc cây, Lạp trông rõ. Đằng ngã ba đường ồn ào thế sao lại có người hấp tấp trở ra. Bóng người rẽ vào xóm nhà lý Dĩ. Lạp ngồi xuống, nhìn nghiêng cho rõ cái người nhỏ bé bước cung cúc, đúng dáng đi của Chúc, Chúc đi đâu? Nhớ lại hôm qua, trong cuộc bàn, Chúc sợ mít tinh, Chúc sợ bị bắt.

– Hay là Chúc vào nhà lý Dĩ?

Lạp nhảy ra, gọi:

– Chúc! Chúc!

Tiếng gọi mắt vào bóng tối, Lạp không kịp nghĩ lâu, đám đông mít tinh đã tản ra ào ào. Lạp tức, Lạp cũng như những anh đương gác các ngã đường, đi lẫn lộn vào và dúi truyền đơn vào tay từng người. Rồi họ đi dán truyền đơn ở cửa đình, gốc cây, cọc lều chợ. Riêng An nghĩ ra sáng kiến, bọc hai tờ vào một hòn gạch. An ném vào trong cổng các nhà lý trưởng, chánh hội, phó lý, mỗi nhà một hòn gạch truyền đơn rơi xuống sân. Chó các xóm sủa rộ rã, xa xa, chẳng bao lâu đã khuya.

Buổi sáng bàng hoàng mở ra trong tiếng khung cửi lách cách và tiếng còi tàu hỏa bên kia sông vút dài về phía thành phố. Mấy anh ra xem lại những chỗ tối hôm qua. Các tờ truyền đơn ở chợ đã bị bóc. Có nhiều tờ, dán nhựa chuối không dính, hay là tại mới áp giấy đã hốt hoảng quay lại, buông tay ra, thế là rơi xuống chân tường. Có tờ dán ngược, mà không biết. Nhưng có điều là họ thấy còn lại tờ truyền đơn nào cũng bé quá trên những mặt tường loang lổ, những cửa đình rộng mồm thếch. Khác trong tưởng tượng đêm qua thấy mỗi tờ truyền đơn như rực rỡ đỏ lóa, đứng đâu cũng trông thấy.

Ở chợ, có người đương đọc, được vài chữ đã mắt trước mắt sau bỏ đi. Lê tức lắm, xăm xăm tới, nói to:

– Cái gì nào? Xem cái gì nào?

Rồi làm tự nhiên, đọc bô bô: Hỡi quốc dân đồng bào... Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế... Một đám người đứng lại nghe, ngờ ngác.

Lê nghe Lạp nói đằng sau lưng:

– Lê ạ, có người lên nhắn ông Vượng bố mày ốm.

Lê không hỏi lại. Hai người còn chuyện truyền đơn. Đến tận trưa mà trai tuần các làng chưa tìm bóc hết, vẫn còn có cái người ta đọc được. Vừa nãy, lý Dĩ khăn áo, tất tả đi, chắc lên trình phủ. Lê hỏi:

– Mày trông thấy thằng Chúc vào nhà lý Dĩ. Nó đi báo lý Dĩ hử?

– Chẳng có nhẽ.

– Biết đâu ma ăn cỗ. Gọi nó ra mà hỏi.

– Nó sợ co vùi, lẫn như chạch!

– Chúng ta sẽ lôi nó ra hỏi.

Lát sau, Lê về nhà. Lúc nãy vẻ mặt Lê thản nhiên, nhưng thực trong bụng Lê thương bố. Chao ôi, có phải rằng bố con Lê hay chửi nhau, mỗi người chui rúc một góc làng, là không tình nghĩa, cạn tàu ráo máng đâu. Không, cả năm Lê không nhìn mặt bố, nhưng bao giờ ngày giỗ mẹ, Lê cũng về thắp hương, đưa tiền cho bố làm giỗ. Hai bố con lại êm thấm với nhau cho tới hôm nào lão Vượng sinh sự chửi bới, Lê mới bỏ đi. Và, dù bố con đánh nhau kịch liệt nhiều lần, ai cũng biết, nhiều người lại nói bênh Lê:

– Chỉ tại cái lão quái ác ấy tệ lắm kia, con nó đánh cho cũng phải.

Khi Lê nổi nóng đỏ gân mắt lên thì Lê chẳng kể gì nữa, nhưng rồi Lê lại thương và ngày giỗ mẹ, ngày Tết, Lê lại đem tiền về đưa bố.

Nghe nói bố ốm, Lê cũng xót. Ở xa, nghĩ lúc thương lúc giận. Từ khi nhớn lên, biết nghĩ, nhớ lại những dạo bố đầy đọa Lê và nhà tan nát vì bố, nhiều khi Lê nghiêng răng, đã cầm con dao dọa cắt đứt gân chân bố ra, rồi lại quẳng con dao đi.

Mẹ Lê xưa kia là một cô gái Thái Bình lên ở quay tơ. Nghe nói mẹ cũng nhan sắc, thợ cửi vùng này một thời lắm anh chết mê. Bố Lê, thợ dệt lĩnh mười bàn khéo nhất làng. Đầu năm, nhà nào cũng ganh nhau đưa tiền cọc kéo bố Lê về khung cửi nhà mình. Chị thợ tơ và anh thợ cửi lấy nhau rồi vay mượn đâu được ít tiền dênh dáo lên một khung cửi, chẳng mấy lúc mà tay chân sẽ làm cho mồm miệng được ung dung, cũng như khối nhà trong làng này đã như thế. Nhưng mà việc đòi ít khi trơn tru như ta nghĩ. Mẹ Lê mẫn đễ, cứ sòn sòn năm một. Để được sáu anh em Lê thì mẹ Lê ốm hậu sản rồi mẹ Lê mất. Lê bé nhất, mới ẵm ngựa. Bố Lê đâm nát rượu từ đấy. Rồi mắt lại kém, không dệt được như xưa kia. Làm chẳng đủ nuôi con thì phải bán con đi, lấy cái nuôi mình. Các anh chị Lê, chỉ trong vòng mấy năm, mỗi đứa phải đi một cửa. Bố đã nghĩ mẹo đem bán con xa tận bên kia sông, để cho chúng nó không biết đường trốn về, khỏi lo phải đền lại tiền người ta. Bố Lê chỉ giữ lại có một mình Lê, giọt máu sau rốt của mối tình đầu gói tay áp. Nghĩ đến, Lê lại thương thân và cảm cảnh nhà, ruột xót như bóp muối.

Ông Vượng ở một mình trong miếng đất của làng, sau đền. Lê đã trông thấy ánh đèn le lói qua vách. Lạ sao, bảo ông lão ốm mà nghe vẫn tiếng rượu lâu bầu nói, như mọi khi. Lê nhìn vào thấy ông Vượng nằm sấp mặt, rì rầm nói xuống khe giường. Ông lão rên hay ông lão

nói? Lê bước vào, ông lão im, rồi ngồi dậy. Hai mắt đỏ đờng đọc, mặt bóng nhoáng như xoa mỡ. Ông lão đương say. Lê muốn đi ngay. Trong bụng đã nổi cơn bực bội. Nhưng đã trót vào, Lê ngồi xuống bậc cửa, lặng lẽ nhìn bố. Ông Vượng vẫn nói những câu đương nói một mình:

– U nó có biết cái thằng Lê bất hiếu bất mục, nó cậy khỏe, nó đánh tôi đấy. Chẳng may u nó thất lộc sớm đi. Con cái u nó để lại cho tôi cũng như là cái cửa, mà cũng như là cái nợ. Nhà mà có ra thì con cái là cửa, nhà mà túng kiệt thì nó là cái nợ. Nên phải bán cái nợ đi, lấy cửa về để nuôi cái mồm. Ông để ra mày mà ông không bán nổi mày à? Ông chỉ tiếc ông dại ông không đem bán mày từ thuở bé để đến bây giờ mày đánh ông, đêm ngủ mà ông nằm thò chân ra, là mày đòi cắt gân ông. Giỏi thật, con cắt gân bố. Ông với mày còn sống ở đời này, rồi có ngày ông cũng đến chết oan gia về mày.

Lê quát:

– Im thôi, nói rò mãi!

Ông Vượng ngược nhìn cúi xuống, hai tay ôm đầu gối. Ông lại nhìn Lê trừng trừng, như mới biết có Lê về. Rồi ông Vượng lại nói một hơi:

– Anh Lê đấy à? Chào anh Lê. Tôi bảo cho anh biết, bây giờ anh nhớn rồi, tôi không còn sức quẩy anh sang sông bán cho những người hiếm con được nữa, nhưng tôi là bố anh, tôi khôn lắm, tôi vẫn bán nổi anh. Bán mà lấy tiền đóng gạo, uống rượu chứ lại chịu chết mốc mép ra hay sao? Hà hà hà... Mày nói giỏi lắm, tao đã ra tận ngã ba cầu ngói nghe mày đứng nói “nhật trình” đấy. Thế mà mấy tháng nay tao tưởng mày chết rấp ở đâu. Tối hôm qua, mà tao đến thò cổ ra gọi mày, ắt bốn cái thằng cầm côn hầu hạ xung quanh mày xông ra đánh tao bẹp đầu. À, thế ra bây giờ mày làm quan. Làm quan mà không cho bố được nửa đồng gậy, quan láo thế. Nhưng này tao biết mày mới chỉ làm quan bóng tối thôi, quan hội kín đấy. Ông lên báo phủ rằng mày làm hội kín thì ông được món tiền uống rượu. Tao bán mày thế. Mày cưới lên cổ người ta, mày nói “nhật trình” ghê lắm. Tao phải bán mày cho các ông Tây ông ấy trị mới được. Không có thì rồi có ngày mày cắt gân tao, có ngày tao tù tội vì mày. Người ta sẽ về xích cổ lôi mày đi. Nhưng tao khôn lắm. Không, tao bán mày để cái giống nhà tao tuyệt tự à, tao chết mất giỗ à? Tao không bán

mày lấy thường, tao gọi mày về đây, tao báo cho mày biết. Tao phải đánh tiếng ồm sập chết mới lừa nổi mày về để tao nói thế đấy. Thằng Lê, mày bảo thế thì bố mày có khôn không?

Lê nghe bố nói từng tiếng lạnh gáy. Lê không thể ngồi hơn, Lê vùng chạy. Ông lão Vượng chồm lên, đuổi theo, ngã lăn. Nhưng, vẫn quen ông lão nát rượu, vừa đi vừa ngã, không ai tới nhắc lên.

Ngay lúc ấy, Lê chạy tìm Lạp, kéo Lạp ra. Lê kể lại những câu khùng khiếp của bố lúc nãy. Rồi Lê lắc đầu:

– Không còn gì nữa. Tao chết hay là bố tao chết, có thể thôi.

Lạp can:

– Đừng liều. Phải xem ông nói tỉnh hay say đã nào. Tao nghe ông nói tỉnh đấy.

– Làm sao mà u tao lại chết, để cho cái lão này toi trước đi có phải không. Giời ơi!

– Không liều được. Hay là mày lại vào vùng trong với anh Bân ít lâu.

– Tao sẽ...

– Không được. Để mai tao gặp tận mặt ông nghe rõ ràng thế nào. Vào nằm xuống ngủ đi.

Nhưng thắp thỏm cho đến sáng, Lê lại trở dậy, ngồi bó gối, lẩm bẩm:

– Ủ, hay là tớ đi?

Những ý muốn, những ước vọng lớn lao lại sôi nổi lẫn lộn với muôn vàn lo lắng.

Mờ sáng, Lạp đi, một lúc sau về, nói:

– Thằng Chúc nó không ra, nó bảo muốn bàn gì vào đây mà bàn. Đích là thằng khốn nạn vào lý Dĩ xin lão này làm chứng cho lúc ấy nó không đi mít tinh. Nó đã nhận bảo con lý Dĩ học, nó ở hẳn nhà lý Dĩ.

Lê và Lạp nhìn nhau, lo lắng.

Phía cánh đồng vang lại những tiếng đập đập như đập lúa. Cả ba người nhìn ra thấy bụi mù đằng xa dường như dần lên, lẩn dần, lẩn dần thành một vệt đỏ xộm dài về phía làng Hạ.

– Lính phủ về.

Hai người lính phủ cưỡi ngựa về nhà lý trưởng làng Hạ.

Lê bảo Lạp:

– Thế này thì tớ lại phải vào vùng trong!

– Ừ, đi ngay đi. Có gì, sẽ tìm nhau sau.

Lê đi luôn lúc ấy. Lê đi khỏi một lát, hai người lính cơ trên phủ cưỡi ngựa về nhà lý Dĩ cũng trở ra. Họ về lấy đem đi những tờ truyền đơn mà hôm qua lý Dĩ lên báo phủ, đã sợ không dám mang theo.

Trưa hôm ấy, Lạp sang xóm dưới, vào nhà chủ mà ông Vượng dật mướn ở đấy. Lúc ấy ông lão chưa có một giọt rượu nào trong người. Ông lão đẩy cái đôn ngồi, bước ra khung cửa chờ dẫn hỏi Lạp:

– Thằng Lê nhà tôi hỏi này nó có tiền không?

– Ông đi báo lính phủ về bắt nó đấy à?

– Nói ma nào!

– Đêm hôm qua ông bảo nó thế.

Lão Vượng cười ngây ngô:

– Anh không biết tao à? Từ chập tối đến đêm thì tao phần âm, thuộc về ông ma men, phần dương chỉ có ban ngày thôi. Chấp chi thằng già nói nhăng. Con tao mà làm sao thì tao cũng chết thôi. Anh có phong lưu cho giựt vài hào. Hôm qua thằng Lê về đấy à? Có gặp thì nhán nó tối nay về tao bảo.

Không chuyện gì cả. Chỉ vì ông lão say. Lê đi rồi. Những tờ truyền đơn ta vừa đấu tranh rải khắp vùng đương làm nhộn nhạo suy nghĩ mọi người. Còn làm gì nữa? Nhưng thiếu anh em, thiếu Lê, Lê đi rồi.

Lê cuốc bộ vào làng vùng trong, phải trú vào gốc cây rơm ngủ đêm giữa đường. Gần đến nơi, Lê ghé quán nghỉ chân uống bát nước. Hàng nước đông người, mà lạ quá, ai cũng ngồi im như Bụt mọc. Về lo lắng, ngờ ngác trên mặt, trong con mắt. Chuyện gì? Tây đoan về bắt rượu lậu, vùng này chẳng mấy khi không có Tây đoan lũng và làng nào, lúc nào cũng có người bị tịch biên nhà, ruộng và người đi ngồi tù rượu. Lê chột dạ, khẽ hỏi. Bà hàng nói nhỏ, mắt còn nhác ra phía đường cái:

– Vừa có ô tô tỉnh về bắt đi nhiều người. Anh vào làng bây giờ à? Mật thám gác hết rồi, không vào được đâu.

– Bà có thấy những ai phải bắt không?

– Cánh nhà anh Bân bị xích đi một dãy, cả đồ lều chai lọ gì với giấy má cồng kênh.

Bây giờ Lê mới nhìn ra vết bánh ô tô hằn trên lớp bụi ven đường.

Thế là bơ vơ. Lê làm lũi đi trở lại. Còn biết về nhà ai. Không, Lê đã chán kiếm ăn bằng nghề dệt lắm. Dệt cửi mướn, dấy, một đời bố Lê phải bán con lầy ăn còn lại cái bệnh rượu. Khôn ngoan, chân chỉ thì đến như lão nhiều An, cả đời tất tưởi, đi ỉa cũng sợ mất việc, phải chạy vội. Một đời ky cóp xây được cái tường hậu. Ngày phiên tiêu hoang nhất mới dám mua xâu lòng bò về nhấm rượu. Lê khinh tất cả những kẻ gọi là có máu mặt trong làng này. Không, từ khi hiểu những bất công của xã hội do đâu sinh ra, từ khi trông thấy được loài người phải tiêu diệt những bất công ấy mà tiến lên chủ nghĩa cộng sản thì Lê đã cho cái thoi, sợi cửi để kiếm cơm nhờ nó, chẳng qua chỉ tạm bợ, trợ thời. Lê tự thấy phải hiểu biết nhiều hơn nữa, Lê phải biết viết báo, biết làm thơ và hoạt động.

Mỗi lần nghĩ thế, Lê lại nôn nao muốn bỏ hết, muốn bay nhảy ngay. Cái do dự nhất xưa nay là đi đâu, làm gì. Đi đâu, làm gì cũng phải kiếm ra cái ăn mới sống, mới hoạt động được. Nghề cách mạng không làm ra tiền. Điều này không cho Lê dám quả quyết. Nhưng bây giờ về đâu? Lê không lo lắm. Dù không thể về làng, không thể vào vùng trong, túi Lê có năm đồng bạc Lê vẫn giữ, không dám tiêu. Nhưng Lê không thích vào nhà máy dệt Vũ Văn An mà Lê biết xin làm dễ. Bởi vì, Lê đã chán ngắt cái nghề dệt - dù là làm ở một nhà máy. Lê muốn xông xáo, muốn một cái gì khác. Một ý nghĩ chỉ mới chớm nở, nhưng đã hằn trong đầu: Lê đi, phen này Lê đi xa.

Lê sẽ đi Hải Phòng. Không quen ai, nhưng Lê đi Hải Phòng. Đêm ấy, trần trọc trên cái bệ đất hàng cơm ven đường giữa quảng đồng ù ù gió giải đồng lùa vào bốn phía mát rờ rợn, Lê tưởng tượng ra thành phố cửa bể Hải Phòng hàng dọc thấy tin tức ở các báo, có nhiều nhà máy và biết cơ man thợ thuyền giác ngộ đã từng tranh đấu nổ ra những cuộc đình công. Đây là nơi hoạt động, nơi tranh đấu. Hy vọng và chí hướng Lê đặt vào đây.

VII

Ở đầu cầu sắt giữa thành phố Hải Phòng, không biết từ bao năm nay, đã dựng lên một cái bảng sắt tây cao, to tướng, sơn đen, chỉ chít những dòng chữ trắng yết các điều kiện mộ người đi phu Nam Kỳ.

Có người mách Lê ra bến tàu chỗ Sáu Kho tìm việc. Nhưng không một xe goòng, một chiếc cút kít nào cần người. Mà, chỉ thấy ở ngay bến tàu ấy, lúc nào cũng có vô khối người đứng hóng đồ ăn thừa của thủy thủ trên những cái lỗ tròn tròn trong thân những chiếc tàu buôn, khi họ dọn bếp, rửa đĩa bát thì ném xuống. Hàng trăm người ngửa cổ lên hóng một miếng xương, một nắm lá cải bắp rơi xuống chỗ đứng. Lê không hòng lách chân vào đâu được. Cảm tưởng bồng bột về Hải Phòng cứ nhọt nhạt dần. Có người mách đi đọc cái bảng ở đầu cầu Sắt.

Lê chẳng lạ sự đi phu Nam Kỳ, đi Tân thế giới, đi sang Lào. Khấp mặt các lớp tuổi trong làng, những tao hàng ế, chẳng mấy người không đi phu mộ. Đến bọn trẻ, trạc tuổi Lê, cũng lác đác đi. Những đứa dỗi nhà, đứa chê vợ. Những người dật cửi kém không ai mượn. Trước nay, Lê hiểu đi cao su là trợ thời, qua thì, đi vài năm cũng chỉ đeo về được mỗi cái bệnh sốt rét. Bây giờ, Lê đương đói bụng và hết tiền, Lê lại nghĩ khác: ở chỗ đồn điền cao su, tất nhiên vất vả, có làm mới có ăn nhưng ở đây cũng hàng vạn người phu, người thợ. “Đây là nơi nhiều thợ thuyền”. Tuy là những ý nghĩ lúc sa chân lỡ bước, nhưng Lê vốn người giàu hy vọng. Nếu bác cai Giắt vui tính, dù bị vợ mắng như tát nước vào mặt mà vẫn tìm được cách nghĩ ra cái vui, thì Lê, trong khi bi đát nhất, cũng: “Ừ, thử đi cao su một phen. Ta sẽ vào hoạt động trong những người phu đồn điền cao su. Ta sẽ viết báo, làm thơ, làm cách mạng”.

Lê đến bàn giấy nhà mộ phu. Lê được phát một đồng bạc. Một ngón tay trở Lê đi xuống nhà đợi ở ngay sau tường. Công việc nhanh chóng vì sau lưng Lê còn một lũ sắp hàng đôi thành dãy dài, đương đùn dần vào.

Hơn ba trăm con người tứ chiếng, từ Thái Bình, Nam Định lên đến Hà Đông, Sơn Tây, những người ra đất Hải Phòng này kiếm ăn

mà cạn túi, xúi quẩy, sắp chết đói, đều vào hỏi việc các nhà mộ phu. Ngày nào cũng ùn ùn kéo đến, người và người chồng đứng lên nhau, ăn, ngủ thối hoắc năm gian nhà vây quanh ở giữa một cái chuồng xí và một mái bếp khói hun suốt ngày. Chỗ nào cũng lúc nhúc người như ở boong tàu Long Môn bên Thái Bình sang, những năm đói người kéo đi tha phương cầu thực.

Được ba hôm, Lê ngấy quá. Cái nhẹ dạ lúc đầu bây giờ thành quả báo. Trước kia, ở làng có mấy lần Lê phải đi phu đắp đê sông Cái, cũng chỉ lam lũ, bần thiêu năm bữa nửa tháng là cùng. Đòi dết cửi mướn sớm đi tối về của Lê khi còn ở làng không bao giờ đến nước này. Lê toan trốn. Nhưng bốn phía tường cao lờm nhờm cấm mảnh thủy tinh. Cái cổng sơn hắc ín đen kịt lúc nào cũng lù lù đóng kín. Thẻ thân của Lê thì nhà giấy họ giữ cả.

Lê đương đứng trước chuồng xí. May lúc ấy chỉ có một mình Lê đợi. Cái chuồng xí, choen hoèn, nếu ngồi xuống không khéo thì hai đầu gối gập vào tường. Lúc nào người đi ỉa cũng phải rùng rần nổi đuôi chầu vào. Mấy ngày xảy ra đánh nhau tranh chỗ chuồng xí. Quái này, Lê đợi một lúc vẫn thấy cánh cửa im ỉm. Toan gọi, nhưng chột ngờ, Lê bèn áp tai nghe. Ở trong có tiếng lục đục, ầm ứ. Bây giờ trời vừa xẩm xẩm tối. Lê chột dạ. Chuột chạy hay là người, hay là kẻ trộm? Thắt cổ tự tử à? Hay thua bạc, đem nhau vào bóp cổ, cướp tiền? Lê tức tốc đấm cửa. Thành linh, bên trong bật lên tiếng đàn bà tru tréo. Lê quát:

– Ban ngày ban mặt, quân chó đẻ nào thế? Có ra không ông đánh bỏ mẹ bây giờ!

Cửa chuồng xí bỗng bật oàng. Từ trong xổ ra một quả đấm tống vào mắt Lê lòe đom đóm. Đến lúc Lê mở được mắt thì đã thấy nhiều người kéo ra xúm lại, vừa vờ vừa thật, hỏi. Lê thật thà:

– Chúng nó đem nhau vào cui trong chuồng xí.

– À thế rồi nó mới ra đấm vào mặt cho đằng ấy không mở được mắt, không trông thấy đũa phải gió nào chứ gì.

– Lính mới mày chưa biết, cái nhà xí cũng là nhà thổ nhà xăm. Mày ăn đấm là phải!

Mọi người cười ồ. Có người văng tục. Lê cáu quá, chửi vung. Nếu như ở làng mà đương cơn điên tiết thế, nhất định có thằng võ

đầu. Nhưng bây giờ Lê chỉ bầm mặt, cố nhịn. Mấy hôm nay Lê thấy cả rồi. Anh thợ cửi hay cái cũng dần dần bớt cái, bởi nếu không thì phát điên mất. Họ ăn cắp rồi chửi nhau như hát hay. Đánh bạc bán áo, bán cả vợ. Không ra cái nhà Vạn Bảo cầm đồ, không ra sòng bạc, không phải nhà thổ, cái chuồng xí mà hóa ra tất cả.

Hôm sau, Lê còn đương tần ngần, chán ngán thì có một ả đến trước mặt Lê cười nheo. Lê chỉ nhác trông, tính Lê không hay đậm đà với phụ nữ. Thì ả này cũng chẳng khác những chị em cùng ở chung gian “trại con gái” bên kia. Biết đấy nhưng không theo họ sang tán tỉnh, chàng màng bao giờ. Con gái làng Hạ, cô kém mã nhất cũng bằng mười những đứa đương lượn lờ trước mặt đây. Bây giờ ả nọ cười một cái rồi thả một câu trống không:

– Cảm ơn cái hôm qua, nhể!

Lê cau có:

– Cái gì?

– Hôm qua không có anh thì thằng phải gió ấy nó hiếp em rồi.

Lê “à con mẹ này” và Lê nhìn kỹ lại mới nhận ra chị ta chỉ chừng trong ngoài đôi mươi. Lê xẵng:

– Để cho nó lòi được vào cái lỗ chó ấy lại còn oan nỗi gì!

Chị ả phân trần:

– Anh không biết à? Thằng ấy là thành hoàng làng ở đây. Nó là người nhà ông cai nhà giấy. Em thề có ông giời, em vừa mới xuống đi đái thì nó ập vào.

– Chó cũng chẳng tin được!

– Anh chẳng tin thì giời tru đất diệt anh.

Rồi ả cười ngặt nghẻo. Lê đã phát cáu vì lời chuyện những nhặng.

– Cút!

– Cái anh ả này không biết nói đùa!

Ả quay đi, còn bỏ lại một cái nguýt.

Một đôi khi, bên đàn bà ở “trại con gái” cũng được phép ra phố. Có lần ả nọ mua vào cho Lê một đăn mía. Những khi ấy, Lê lân la

trò chuyện đứng đắn được. Lê biết ả quê ở Thái Bình. Trời ơi, ả cùng quê với mẹ Lê, thăm thương chưa!

Ả chỉ cho Lê trông thấy thằng du côn hay ngồi cửa chuồng xí rình ập vào hiếp người. Thằng ấy gầy gẳng, tóc vuốt gọng kính quíp xuống gần hết cái gáy xanh mướt như dân nghiện chính tông. Ngỡ nó, còn gầy hơn cả thằng Chúc, chưa đủ sức chịu nổi một cái đá của Lê. Lê nói:

- Không nên để cho bị áp bức như thế.
- Không để mà được!
- Phải tranh đấu!
- Khốn nhưng chưa tranh thì nó đã đấu cho chạy vãi cứt ra.

Chị ta nói, cười một vẻ ngây ngô, chưa hiểu câu của Lê. Lê nói một cách khác:

- Rồi chị xem. Tôi còn ở đây, tôi sẽ cho nó một trận.
- Nhưng đã mấy hôm chưa có dịp.

Thế rồi có chuyến tàu thủy của sở mộ ra đưa phu vào Nam. Máy trăm con người đương chờ, cùng với hàng nghìn người ở các nhà đợi khác từ các tỉnh đổ đến, được dồn cả xuống tàu.

Rồi đến Ô Cáp vào Sài Gòn lên Tân Đáo ở xóm Chiếu. Đến đấy sở mộ mới chia phu cho các hăng. Lê lên hăng cao su Dầu Tiếng.

Ba tháng qua.

Khó lòng ai có thể nhận ngay ra anh Lê thợ cửi làng Hạ mấy tháng trước. Cũng như mọi người nhập tịch dân cạo mũ, chỉ ít ngày, Lê bị cơn sốt rét đầu tiên.

Lê đi lừ khừ từ nhà thương về làng 2, nơi Lê ở. Vừa dứt cơn sốt chiều hôm qua, nhưng Lê hãi quá, không dám nằm thêm. Nhà thầu mỗi ngày chỉ cho húp hai bát nước cháo. Đến chết vì đói chứ chẳng đợi phải chết sốt rét. Thà liều mò về, rồi sớm mai, thầy “xu”^[1] đi đốc phu, vào nhà thấy, nó phang vỡ đầu, có phải điệu ra căn gốc cây cao su mà chết cũng còn là con ma no được bát cơm vào bụng. Lê sợ cháo quá.

Rừng cao su đã im, đã vắng, buổi chiều càng im vắng. Không khi nào nghe được trong rừng một tiếng chim kêu. Cành nọ khít liền

cành kia, gốc tằm tấp, hàng trăm nghìn, vạn cây một loạt, lá xanh thẫm ken kín vòm trời quanh năm không hở một kẽ bóng sáng. Bảy giờ tháng chạp, đương mùa lá cao su rụng. Những chiếc lá úa đỏ như giọt máu rơi. Từng tốp dân cạo mũ đi làm tầm chiều, quét lá, đốt lá. Thấp thoáng trong làn khói, chốc lại nhô ra dưới gốc cây một cái mặt sốt rét vàng bệch.

Mới mấy ngày ốm nằm xó mà Lê trông cảnh trước mắt đã là lạ. Mấy ngày nghĩ lại, dài bằng mấy năm...

Lê vào hăng, mới tập việc xong, đi làm ăn công vài tuần. Xưa nay, ở làng dù khó nhọc thế nào, cũng là làm quanh quẩn trong nhà, không xam nắng gió. Bốn giờ sáng, nghe keng gọi điếm số đi làm. Anh em “làng” 2 và bác Bốn cùng nhà đã ra sân đợi điếm hết rồi. Lê đương cơn rét run, không ngóc lên được. Một thầy “xu” đi kiểm phu, bước vào, thấy một đồng nằm lù lù. Nó quật xuống một roi. Cả người Lê cong nhảy lên.

– Làm sao?

– Thưa, tôi sốt.

– Đi nhà thương khám. Vờ thì chết mẹ mày.

Hôm mới đến, Lê đã nghe người ta xì xào về cái nhà thương, có thầy 53 không phải là “chiếc mê”^[2] mà lại đứng khám người ốm, người nào chết đến bụng rồi may ra mới hòng lọt được qua tay thầy ấy.

Lê bước vào buồng giấy nhà thương. Một người đứng tuổi, nghễnh bộ ria ngạnh trê hỏi giọng Bắc:

– Sao?

– Sốt ạ.

Vút... vút... Lê còn đương lạ chỗ, bỗng hai ngọn hèo bất ngờ quật xuống. Lê chúi vai. Vút, vút mấy cái nữa, Lê ngã ngồi phịch vào góc tường. Lão 53 xô đến, hất giày thúc vào đít Lê.

– Mày to như con trâu thế này mà cũng bệnh à? Góm thật, không trị không được. Ra chạy thử tao xem năm vòng rồi vào đây tao cho xuống nhà thuốc.

Lê bị đẩy ra cửa, lại dúi dụi xuống. Lão 53 phóng thêm một đá, Lê ngã lãn, không dậy được. Bảy giờ có hai dân cạo mũ khác cũng lờ

rờ tới xin khám bệnh, vừa bước vào bàn giấy, lão bảo:

– Khiêng thàng này xuống nhà thương.

Hai người đó vác Lê xuống rồi chuồn thẳng, không trở lên cho lão 53 khám. Lê nằm mê man, đến khi tỉnh thì mỗi ngày được một bát cháo loãng, Lê sợ quá. Muốn về thì về. Nhà thương ấy như cái chuồng gà, cứ tự nhiên con nào ra con nào vào.

Về đến nhà, bác Bốn chưa về. Dáng hẳn hôm nay kỳ tiền cuối năm, bác còn đi mua sắm. Hôm ấy hai mươi tám Tết rồi. Mấy nghìn dân trút nhựa tan tầm làm chiều, về tới nhà điểm, đã ăn uống xong và ra lĩnh tiền. Kỳ tiền cuối năm, phởn phơ, khác những kỳ tiền mọi khi, chủ hãng phát tiền chứ không cho “tích kê”^[3]. Và cũng khác mọi lần, không thấy thịt chó bày bán ê hề từ cửa bàn giấy về quanh các làng. Người ta dành tiền để tiêu Tết. Nhưng cũng khác mọi khi, các mục cai sùng sục đi khắp, gặp ai thì nhìn móc vào mặt người ta xem có phải là con nợ không. Rồi vào từng nhà, lột quần áo người nợ lôi ra.

Những người không có nợ - hay trốn được nợ - thì đi sắm Tết. Người mua cái quần cụt, người được cái áo. Còn đồng nào thì mua “tính nước mắt kho cá để dành ra ngoài Tết ăn”. Thôi thì bao nhiêu những nông nỗi đau khổ cả năm đến lúc này cũng tạm khuây, chỉ còn thấy chỗ nào cũng tùm tùm bàn tán và chề chén mấy ngày xuân. Thỉnh thoảng, năm ba người quần trắng áo thâm dất nhau nhờn nhờ trong lô cao su, chẳng khác chim sỏ lồng. Thế mà đến tận đêm vẫn lác đác ánh đuốc chạy nháp nhô cạo nhựa. Đây là những người cạo “phạm cây” phải phạt làm bù.

Bác Bốn đã về. Tay bác xách một vò nước mắt to và một bó hương tằm bọc giấy đỏ. Đó là tất cả cái sửa soạn Tết của bác Bốn. Năm nào cũng vậy, bác chỉ sắm cốt yếu có bó hương. Thắp một nén hương, khói hương bay lên, như gửi theo được lời khẩn khứa của người tha hương về quê cha đất tổ. Hy vọng của bác Bốn chỉ có thế. Một sự tình cờ mà hãng xếp Lê ở chung nhà với bác Bốn, một dân cạo mũ ở rừng đã ngoài mười năm trời. Một tình cờ nữa, bác Bốn cũng quê Hà Đông. Lê cũng chưa lần nào đã được qua huyện quê bác, nhưng bác Bốn hỏi chuyện người phu trẻ cứ như hai nhà hàng xóm ở cạnh nhau.

– Kìa Lê đấy à? Thế nào mà mày đã về?

Hỏi xong câu ấy, bác Bốn mới kịp ngắm hình dạng Lê, biết lẽ lờ, bác cười: “Ờ nhỉ, ờ, cháo tao nấu còn bằng vụn cháo nhà thương”. Rồi, không hỏi, bác dóm luôn bếp, nấu cháo cho Lê. Lê mặc bác lúi húi, lặng lẽ cảm động sự săn sóc của người bạn luống tuổi không biết tại sao lại tên là Bốn.

Lê húp xong bát cháo hành, toát mồ hôi, nằm lịm, khoan khoái. Bác Bốn cũng đã tắt bếp, lên ngồi thu lu trên phản. Im lặng, chỉ có tiếng mọt cọt kẹt ngay dưới gậm chân. Gian bên cạnh, sau vách gỗ, một đám xóc đĩa đương sát phạt gay go. Bác Bốn thấp lên mấy nén hương.

Đi đất khách quê người phải thắp hương sớm từ hôm nay cho khói lên nối cầu vòng nhau thì mới coi như đem được bát nước nén nhang của ta về quê.

Rồi chỉ còn bốn cái chám đở và mùi hương tằm thơm ngát. Không ai nói, hai người đều đương nhớ quê.

Lê trần trọc. Cơn sốt đã lui, cũng lấy đi mất cả giấc ngủ. Hai con mắt Lê ráo trong. Đêm này ở quê nhà là đêm trước phiên chợ Tết đấy. Chưa bao giờ Lê được một cái Tết vui, chiều cuối năm thường là những buổi chiều mà bụng và mắt anh em Lê trong veo. Bố Lê còn đi trốn nợ, tối ba mươi cũng chưa dám về. Nhưng rồi pháo nổ tì tạch, làng xóm quần áo xúng xính, thấy người ta vui thì bọn trẻ nhà nghèo cũng vui lây. Phải rồi, những đêm này làng nước nhộn nhịp à uôm trong khói hương, khói bếp lẫn sương mù âm sâm. Tiếng con lợn bị chọc tiết kêu eng éc bên kia bờ ao. Ông vải đã về ngồi trên giường thờ rồi mà người réo nợ chửi nhau vẫn inh ỏi cuối xóm. Từ gà gáy, người ta gọi nhau đi chợ Cầu bán tranh Tết. Rét bỏ cha, nhưng mà mê. Con trai, con gái gồng quảy lều chiếu, cọc, cơm nắm áo tươi lúu rúu từng bọn qua cánh đồng sương chưa tan.

Lê chưa bao giờ nhớ quê như bây giờ. Thật ra thì Lê chẳng thiết nhớ những cái Tết vui của người ta. Nhưng ở đây chợ vợ, cùng khổ, đời người xám như cái mào con gà dầy. Không hiểu tại sao Lê lại đâm đầu đi phu cao su? Sao không tìm việc trên tỉnh, đi kéo xe, đi ở, đi phu thùng phu đấu, sao không nghĩ ra thế? Bây giờ ốm mòn ở chốn cùng đường tận lối này, đành là chết. Lê không chịu chết như thế. Ốm khỏi, nhất định Lê trốn.

Một lần, Lê hỏi bác Bốn:

– Thế này mà bác ở mãi được à?

Bác Bốn cười dùm mặt:

– Cũng quen cả.

Lê rất ghét câu ấy của bác Bốn. Nhưng, một lần kia, bác kể Lê nghe tại sao bác đi cao su thì Lê thương bác ấy quá. Ngày trước, bác làm thợ nề, bác can vào một vụ ăn trộm gạch xây tường của chợ tỉnh, phải ở tù. Năm ấy, các hãng mộ phu khan người, họ được cho vào nhà pha lấy người đi làm đồn điền. Bác phải bắt đi phu cao su từ năm ấy. Không thể thân, không “công ta”⁴, bác đứng xếp hàng thứ tư thì được tên là Bốn. Không dám trốn đi đâu và bác cũng không nghĩ có ngày lại về làng được. Chung thân ở và sẽ nằm xuống nơi rừng xanh đất đỏ này. Như thế, đã hơn mười năm qua.

Nhưng Lê lại hỏi câu khác:

– Bác này, dạo trước ta có Nam Kỳ khởi nghĩa đánh Tây, thế ở đây thế nào?

Bác không đáp. Có lẽ bác không hiểu. Ấy là Lê nhớ lại khi còn ở vùng trong ngoài kia đã có lần dự mít tinh nửa đêm giữa cánh đồng hô hào ủng hộ Nam Kỳ khởi nghĩa. Và khi Lê quyết định vào sở mộ, thì bốn chữ Nam Kỳ khởi nghĩa còn phảng phất trong Lê. Nhưng rồi thì cái nhà đợi khốn khổ, rồi ông chủ hãng, thầy cai, thầy “xu”, cái “công ta” ba năm đằng đẳng những cảnh đấm đá, chửi, rượt, giết nhau, đánh bạc, thất cổ, sốt rét ốm quá nhảy xuống suối, những khủng khiếp ấy quàn cho đầu óc Lê nhợt, Lê ốm, đến nỗi nhạt, quên cả Nam Kỳ khởi nghĩa đã từng bồi hồi trong đầu. Sự cùng cực làm con người ta suy sụp quá đổi.

Cổ và đầu bác Bốn mốc đen, sù sì, như một cái gốc cao su nhô lên hai vai áo cháo lòng. Đôi mắt trắng nhả, lò đờ. Có lúc Lê thấy hàng mấy ngày bác cũng không nói. Lê đoán vì bác ấy buồn quá, đâm lỳ cả người ra. Cũng như bố Lê, khổ quá hóa ra tàn nhẫn, bán cả con để ăn. Thì cũng thế thôi.

Lát sau, bác Bốn mới chậm rãi hỏi lại, đột ngột:

– Nam Kỳ khởi nghĩa cộng sản ấy à?

Lê ngạc nhiên, hấp tấp:

– Ờ ờ... Thế nào nào... Vâng... Nam Kỳ...

Nhưng bác ấy đã lại ngó ra, cúi xuống, trữu cổ xuống. Như muốn tránh một cái gì ném vào đầu. Rồi từ trong bóng tối, bác xuýt xoa nói một mình:

– Thế nào à? Đừng có dại mả! Đêm “gạc đang”^[5] Tây đen đi rình, nghe từng nhà. Thì thào cái gì, thì thào cái gì... Biết bao đũa mắt xác thế rồi.

– Bác bảo sao cơ?

Không có tiếng đáp. Giữa hai người trùm một quầng im lặng, chết gí xuống, có khi cứ như thế cả đêm.

Đám đánh bạc bên vách bỗng nổi to tiếng. Nhưng dường như họ vẫn nhớ có thằng Tây đen gác ngoài kia cầm gậy, đi rà rà cả đêm. Nó sẽ vào ném cái gậy xuống giữa chiếu. Tiếng cãi nhau ào ào xẹp xuống.

Đã khuya lắm. Nằm mãi, đầu nặng, Lê ngồi lên. Lê ngهن nhìn sang gian bên vách. Cảnh đám bạc bên ấy, Lê vẫn trông quen mắt, đêm cuối tháng nào họ chẳng sát phạt nhau đến sáng. Chừng hai chục cái đầu tối ngòm xúm quanh chiếu. Ba bốn người cời truồng nòng nống ngồi góc đàng kia. Họ ngồi xồm, truồng lể mể mà mặt vẫn nhăn nhó, đăm chiêu theo tiếng bạc, một tay cầm hai đồng tiền cứ mài miệt trên cầm tìm cặp râu, nhỏ tanh tách. “Lại có thằng bán quần! Tét nhất đến nơi rồi...” Lê cũng thường thấy những cảnh như thế. Thua hết tiền, trụt quần ra bán ngay tại trận rồi cời truồng thế mà về, mai mượn quần đi làm. Hồi nọ, Lê khinh những kẻ bài bậy ấy. Nhưng có lần Lê được nghe người ngoài chợ nói ngày trước dân cạo mủ Dầu Tiếng đã nổi lên giết cai, phá chợ, đánh lính thì Lê lại thấy là Lê chưa rõ bao nhiêu sự tình ở đây.

Lê hỏi bác Bốn:

– Bác ơi, bác có nghĩ ta sẽ trốn không? Nhiều người đã trốn rồi mà.

Không thấy bác Bốn nói. Lát sau trở dậy, bác châm thêm tiếp theo những nén hương vừa cháy hết. Rồi bác lại nằm xuống, im lặng trong khói hương và bóng tối. Có lẽ lúc này bác chợp ngủ. Nhưng Lê cũng không hỏi lại nữa.

Từ trong bóng rùng tối thăm thẳm, tiếng keng sát gõ bốn giờ sáng gọi phu dậy điểm danh, rền rền vang khắp các làng.

Đám bạc biến mất lúc nào không biết.

Giờ đây, rộng khắp các cánh rừng âm u bao nhiêu con người, dù cả đêm ngủ hay không ngủ được cũng đương bò dậy, hoặc từ chiếu xóc đĩa dụi mắt đứng lên, ai nấy ra khỏi bếp, ăn quàng miếng cơm, rồi lên sân sờ sắp hàng điếm danh. Tiếng chân chạy giữa những tiếng keng liên hồi rền rền trên đầu.

Bác Bốn chỉ kịp hỏi Lê:

– Hôm nay mày có đi làm được không?

– Được.

Rồi mỗi người chạy nhanh theo một kíp ra ngòi điếm. Ngọn roi vi vút lên xuống, quát đen đét bên cạnh những chiếc đèn bão lắc lư soi vào từng mặt. Các thầy “xu” vừa gõ roi vào đầu, vừa gọi số từng người.

Lát sau, họ đứng lên, ùa ra tranh nhau xách “xô” vào lô, cạo đến quá trưa mới về trút nhựa. Dù sao, thế cũng là xong một buổi làm, buổi làm cuối cùng một năm.

Hai đầu gói Lê mỗi rã rời. Nhưng, với một ý định trong đầu, Lê bước nhanh về nhà. Lê cởi cái quần đùi dây nhựa xám, thảng bộ quần áo vải mới nguyên màu trắng kềnh kệch vừa lĩnh vào kỳ tiền giữa tháng, chưa dính một giọt mỡ. Lê nghĩ thầm: “Áo mới chưa dây nhựa, mã tà không thể biết được”.

Bác Bốn đi đâu, Lê không thể đợi chào bác. Một người nào mà biết Lê sắp trốn, nó sẽ đi báo lấy tiền thưởng. Lê phải chuồn nhanh. Lê nhìn lại lần cuối cùng cái dãy nhà tàu ngựa liền vách dài hàng mấy trăm gian, cái làng số 2, mà mỗi một người phu sớm chiều đi về như chui vào tổ ong. Lê quay đi. Một tiếng gọi khẽ:

– Lê ơi! Lê ơi!

Lê giật mình. Bác Bốn xách cái cuốc bước ra. Bác đến trước mặt Lê, nói nhỏ:

– Cầm theo cái quần áo cũ đi nữa. Có khi phải dùng đến.

Bác đã biết Lê trốn! Lê bập tay vào vai bác, lôi bác vào nhà.

– Bác đi với tôi, đi với tôi.

Bác lắc đầu. Bác đưa cho Lê hai tờ giấy năm đồng và nói:

– Đi đi, chả có chợ tan thì vắng người, lính nó dễ nhận mặt.

Lê nắm chặt tay bác Bốn - con số 4. Giờ Lê mới biết, đêm qua, bác thức có nghe tiếng Lê hỏi, nhưng đã không trả lời.

Từng toán dân cạo mũ đi sắm Tết. Mỗi gánh kiu kịt hai “tĩnh” nước mắm, lại kèm chiếc “tay cầm” bằng đất mới nung đỏ tươi. Váy nái, áo chồi hoa màu cậy quanh năm nhét bị, bây giờ mới giở ra, đi tong tả. Những cửa lạt đứt vò đã đem ngoài quê vào tận đây. Nếu không có những cái mặt sốt rét xám ngoét thì những nhớn như ấy cũng ra về Tết làng đầm ấm.

Lê cầm cúi bước vội. Một quăng, bỗng gặp cái ả Thái Bình ở Hải Phòng ngày nọ. ả cùng mấy người dân mũ đi chợ Tết, gánh nào cũng trĩu những trái thơm, dưa đỏ, cá khô, nước mắm, rượu dâu.

Lê cúi, tránh mặt. Nghe nói ả ấy đã thành vợ ba lão cai 53. Ngay hôm mới trình giấy, 53 đã ngắm nghía, chắm ả. Thế là ả được về nhà cai ở làm bếp. Người xuýt xoa bảo ả tốt phúc, người thì chửi.

ả Thái Bình trông thấy Lê thì đỡ gánh lại, gọi. ả nghiêng nón quạt, nửa thân tình, nửa chông lòn, ỡm ờ:

– Sao độ này còn thế?

Nghe cái giọng “bà”, Lê lộn ruột. Nhưng Lê cố nén, muốn đi ngay. Thế mà cơn tức lên làm Lê không nhắc chân được, Lê trân trân nhìn ả. ả lại nói:

– Có sốt rét lên nhà thương mà xin thuốc!

Nhà thương! Cái nhà thương! Máu điên mới sôi lên nhé. Lê giật quai chiếc nón ả đang phe phẩy, rồi thẳng tay, Lê tương một quai hàm, cái mặt ả liệng đi. Cứ thế, không nói không rằng, Lê đánh tới tấp. ả ngã khụy xuống. Lê vẫn đánh. Nhiều người đi qua, đỡ gánh, lấy nón quạt mồ hôi, đứng xem.

Đi khuất một quăng, Lê chạy thật nhanh.

Lê đảo vào chợ, mua mấy ổ bánh mì và một trái thơm. Rồi Lê xuống bến, đi lẫn trong đám người về chợ, đương ồn ào qua đò. Mấy chú mã tà đứng trong bốp gác, mắt hau háu, người huýt sáo, người gõ kết kết cái dùi cui. Lê mặc quần áo mới không dây nhựa, như người làng về chợ, không ai có thể ngờ là phu trốn.

Qua sông rồi, Lê đi miết. Lê đi đến xế chiều, tạt ngang rừng, ngồi dưới một gốc cây ca-pốc. Mặt trời đỏ ối cả một vùng đương lặn về phía cái đài nước nhà máy hăng cao su Dầu Tiếng bên kia sông,

càng làm thắm thêm chòm núi Bà Đen đằng trời Tây Ninh. Lê tự thấy khoan khoái vừa vượt thoát cái thành trì của bọn tư sản bóc lột thế giới. Lê lại thấy hăng (cái hăng hái mấy lâu nay đã nhạt), và khoái nhất lúc tản ở Thái Bình. Hà hà... đòn thù, đánh kẻ thù của nhân loại. Lê nằm ngay ở gốc cây ca-pốc đêm ấy, trần trọc thương bác số [4], con người thành con số, rồi Lê ngủ thiếp. Sáng hôm sau, Lê trở ra bìa rừng. Lê có hai ý định. Đến một tỉnh gần đây kiếm kế làm ăn. Hay là cứ đi thế này, may ra gặp anh em “Nam Kỳ khởi nghĩa” còn ẩn náu ở đâu.

Nhưng Lê không có thể thuật thân. Lê không dám ra đường cái to. Lê len lỏi đi, được hai hôm, gặp một con sông rộng, trông sang lút bờ bên kia. Cơn mưa kéo đến, Lê chạy một lúc thì quàng vào một dãy phố. Trời mưa như trút nước. Lê chúi vào một mái hiên, ngủ mết không biết gì là gì. Mờ sáng, Lê thức giấc, hích cái cùi tay đụng vào sườn mấy con chó cùng nằm đầu hiên. Lê giật mình, choàng dậy. Những con chó, có lẽ đã quen ở xó với nhau, vẫn ngủ im.

Lê đương nằm đầu hè phố Soài Riêng. Đã đi sang nước Cao Miên lúc nào không biết.

Lê bàn thần nhìn đằng kia. Một lũ chó đương nhông nhông đến. Không biết từ đâu tới, xó xỉnh nào ở Cao Miên, những con chó không ai nuôi cũng lang thang rất nhiều. Bấy giờ còn sớm, chưa nhà nào mở cửa, chưa có người đi đường. Đường cái nhan nhản những chó. Con chó lại gầy vêu, lưng dài thườn, nghiêng mũi lên, hít đánh hơi, ghéch chân đá một bãi, xong lại thõng lưng buồn rầu qua. Một mụ chó cái đi tới, sáu bảy nhách chó con đuôi theo, nhay bên đóp vú mẹ rồi ửng cẳng cắn nhau. Nhớ độ trước, những buổi sáng trong làng, Lê đi dệt cửi từ tinh mơ. Đường cái và ngõ xóm nào cũng nhông nháo hàng đàn chó. Lê tản mẩn nghĩ trên thế giới này, ở chỗ nào, buổi sáng cũng có nhiều chó chạy ra đường, hể người đi làm sớm thì đều gặp chó, phải thế chằng.

Nghĩ thế, Lê nhớ ra phần tiền canh ty thịt chó ăn Tết, Lê đã đóng với mấy cha dân mủ ở cạnh vách. Bao nhiêu mã tà, cai, “xu”, súng ống, gậy, xích của hăng ở làng số 2 chắc đương nháo đi tìm Lê. Sáng nay bác Bốn đương thắp hương, hay làm gì, hay đã bị thằng 53 lôi lên tra hỏi? Buổi sáng mừng một Tết, một người thợ cửi, quê ở tận đâu đâu, phút chốc lưu lạc vào đây, ngồi suy nghĩ giữa một

đàn chó hoang trú mưa trên hè phố Soài Riêng. Những chua chát, buồn tủi, những táo bạo, đổi đời...

Trời đã sáng rõ. Con đường cái ngủ yên qua một đêm mưa, thức dậy trong tiếng xe bò kéo lạch xạch vắng lại. Một chiếc xe bò có cũi chằng dây thép cao ngất ngưỡng đi tới. Lệ thường, mỗi sáng lại có mấy chiếc xe to tướng của sở cảnh sát lượn qua các phố để bắt chó hoang đem vứt ra cánh đồng. Mấy người mã tà và người nhà tù áo vằn đi sau xe, rồi mắt nhìn bên đường. Người vừa ùa lên thì cả đàn chó, tưởng như vẫn ngủ, vùng chạy tán loạn. Còn trơ ra giữa bờ hè một mình Lê.

Những người chức trách nhận ra có một người trong đám chó. Lê chưng hửng. Thế nào đây? Hai chiếc dùi cui quật xuống vai, đẩy Lê oằn oại chạy ra; bước theo cái xe cũi, về bóp cảnh sát.

Một trang đời sắp mở ra thế nào đây.

[1] Tên gọi tắt chữ Pháp (surveillant): cai, xếp đồn điền cao su.

[2] Tiếng Pháp (infirmier): người y tá.

[3] Những tấm thẻ thay tiền dùng để đong gạo, nước mắm, cá mắm của sở buôn về bán lại cho phu.

[4] Giấy giao kèo ký với chủ hãng từng thời hạn ba năm, năm năm.

[5] Người gác (gardien) các khu nhà trong hãng cao su.

VIII

Làng Hạ vào những ngày áp Tết ấy.

Rả rích mưa chùng nửa tháng nay rồi. Suốt ngày đêm, hơi sương, hơi rơm rạ ẩm, nước mưa, bóng đêm lẫn lộn, đường cái và cánh đồng lúc nào cũng mù mịt. Một cơn gió trữu nước ào đến, rũ xuống, tiếng lộp độp, sột soạt, như tiếng áo tơi cọ vào nhau của những người lặn lội đi chợ xa. Giữa rét mướt, ẩm ướt một mùa đông càng tê tái, giá buốt, cái Tết dần dà đến trong nhà mỗi người một cách vui, buồn, mong đợi, lo sợ khác nhau.

Bà Hương, mẹ An định dạy vợ cho An. Chưa rõ đám nào, bà đương đánh tiếng. Những cô làng trên chạ dưới, những con gái bà lý, bà bá, những cô lái đằm đằm người vùng trong đeo cái dây lụa to hơn người, ngày phiên chợ đi ve vé, đon đả, chèo lẻo, bà Hương đã ngắm nghía, tính toán. Thế nào thì cũng phải nhất định một đám. Bà Hương đã nghĩ: “Nó muốn chơi đâu thì chơi, thế tất rồi cũng đến vợ cái con cột cha mẹ kiếm cho, chẳng đi đâu mà ngại”. Bà không mảy may để ý những chuyện chim chuột lẳng nhăng của An.

Buổi trưa ấy, vẫn mưa gió sầm sập. Trời thấp, tối, mây đen kéo qua cánh đồng cuộn cuộn trên đỉnh đầu. Một cái ô tô căng bạt kín, đất bùn đỏ vấy khắp đỉnh mui trở xuống, như một con lợn khổng lồ rũi đất từ phía tỉnh chạy đến đầu làng thì đỗ. Một bọn áo the, quần nâu từ trên xe nhảy xuống. Có cả mấy người Tây mặc áo vàng. Họ xăm xăm rần qua cánh đồng mù mịt đi về phía làng Hạ. Vài người cắt cỏ trời mưa trên đê trông thấy, đoán Tết nhất đến nơi mật thám thính mặc giả người thường về bắt bạc hay bắt rượu lậu.

Nhưng không. Bọn mật thám vào làng Hạ, sục khám nhà An, nhà ông lão Vượng, nhà Trung, phá cửa, đập lung tung cả nắp hòm phản, chạn bát, ngăn kéo, chọc mái nhà, hóc cột. Họ bắt đi An và Chúc. Trung xé rào hàng xóm, chạy được. Lạp dệt cửi tận cuối xóm, Lạp trốn ra bờ tre. Nhiều người sợ vạ lây, như bác cai Giắt, đương mưa gió cũng ù té ra cánh đồng. Chẳng ai biết mật thám về bắt người vì nổi gì.

An và Chúc bị giải tỉnh, mỗi người phải giam một xà lim. An bị ấn vào một khoảng tường vuông bằng sỏi chân, có mười lăm người

đứng. Trên cái cửa sắt phía ngoài thả xuống một cái vĩ đưng hơn một chục nắm cơm nắm, tay người nhua nhúa góc cả về phía ấy. An nằm một góc, dí mũi thờ vào một khe cửa. Một người bó gối cạnh lưng An, trông cảnh tranh cơm, chép miệng lặc cái đầu chõ rồi xù:

– Đủ cả, du côn, mật thám. Còn gì nữa!

Rồi anh ta nằm ngửa xuống nhìn lên xà nhà đen sì những cái giằm sắt đã gỉ. Anh lẩm nhẩm nói trống không với An:

– Vào đây phải coi chừng. Mật thám lúc nhúc quanh người sẵn sàng bô báo. Liệu giữ mồm giữ miệng kéo rồi thì mười trận điện tòi ra một câu phản cung đấy.

An không hiểu. An đương mơ màng về con đường vào làng, như đã đi xa bao nhiêu năm, tha thiết chưa bao giờ nhớ làng như lúc này. Con đường ấy có bụi cúc tần đội trên đầu từng nạm dây tơ hồng vàng óng. Hai bên bờ ao, đêm sáng trăng thì bóng nước lóng lánh như những chiếc gương nhỏ, ngát mùi thơm mát hoa súng, bèo cái, lá trang. Những hàng cây xoan cao giơ những cánh tay gầy guộc, bốn mùa thay đổi, mùa thì những túm lá xanh rờn, mùa thì từng nạm hoa phơn phớt tím, vừa nở vừa rơi. Bên kia một lượt cầu ao các nhà dưới bóng cây ngâu, cây buri, mà mỗi buổi An đi đâu về trông thấy những người con gái ra vo gạo, cọ đòn hồ, rửa xong rồi còn vắn vơ đứng trên cầu lơ đãng lững lờ khỏa chân xuống nước, như chờ đợi, mắt liếc ra đường cái thì vừa lúc An lững thững qua, hôm nào cũng vậy. Nghĩ thế thì An nhớ, buồn cồn cào.

Trong bóng tối mờ mờ, một người lồm cồm bò tới, vươn cổ lên, như một con cáo đánh hơi rồi khế hỏi An:

– Anh bị việc gì?

– Tôi không biết.

– Chính trị hay là gì chứ?

– Có lẽ...

– Một mình thôi à?

An không biết thực hư thế nào mà trả lời. Một tiếng xì xào khác:

– Hôm nay nữa xong cung. Còn đợi ra tòa là yên chí tù vài năm, về lại hoạt động như thường, sợ đéo gì.

Câu nói số ấy làm An nhớ những lần anh Tần bảo ở tù cũng là trường học đào luyện. Xít-ta-lin cũng đã phải đi đày nhiều lần sang Si-bê-ri. Thì An lại hơi yên tâm và ngủ chập chờn. An mơ thấy như trong chuyện Hai buổi chiều vàng^[1].

Một buổi chiều vàng nắng mùa thu kia, năm năm sau, An trở về làng. Nước ao vẫn trong, con đường hoa xoan phớt tím vẫn lấm tấm cánh nở cánh rơi như thế. Nhưng những người con gái trên cầu ao thì không còn, thì đã khác xưa. Biết làm thế nào? An mơ mộng lững thững đi giữa buổi chiều vàng nắng năm năm sau.

Mơ đi mơ lại thế rồi trời hửng sáng. Các xà lim thức rất sớm. Đêm nào cũng vậy, đến gà gáy thì ai cũng mở mắt đợi sẵn giờ làm việc buổi sáng của sở mật thám. Để ngóng số phận mình hôm nay ra sao. Vẫn mưa rả rích. Chỉ nghe nước rỏ tí tách ngoài tường. Tiếng giầy cộp cộp vang dài vào cái hành lang hẹp trở ra một dãy cửa xà lim. Những con số, những tên người gọi lên, không đoán được gọi đi đâu, cánh cửa xà lim lặng lẽ mở.

Hôm nay An không còn chỉ lo vẫn vợ, mà An khiếp đảm nằm sóng sượt trên sàn xi măng.

Từ phía ngoài cánh cửa xà lim đưa vào tiếng kêu rên, không còn ra tiếng người mà là tiếng giầy giụa của một sinh vật ngắc ngoải. Không trông thấy, nhưng nghe rõ mòn mọt. Mỗi lúc tiếng rú hơi ngót thì lại nghe, ken két, ken két tiếng cái máy quay điện. Tiếng mơ hồ nho nhỏ ấy vừa ẽo ọt lên thì những tiếng rú, tiếng nấc ằng ặc lại hồng hộc dữ dội gập máy ban nãy. Giữa những hỗn độn, chen vào những câu hỏi, câu chửi cụt ngùn, nhắc đi nhắc lại. Mà có quen nó không? Gặp nó ở đâu? Những thằng nào? Bắt liên lạc mấy lần, đóng nguyệt liếm mấy lần? Tổ mày có mấy người? Nông dân cứu quốc hay thanh niên cứu quốc? Thằng nào tuyên truyền, tổ chức? À, không này... không này... Lại chôi này... Két két két... ối ối...

Hai bên thái dương An co lại. Mỗi lúc tiếng thét đau đớn bốn phía tường vang tới, An không thể hình dung được ở ngoài, cảnh tra tấn ghê gớm đến như thế nào, lại càng khiếp. Mà có khai không? Mà khai thì ông thôi, mày gan thì ông thi gan với mày... Đây... két két két... Trời ơi! Lát sau, cánh cửa xà lim hé mở, một người loạng choạng vào, ngã rụi xuống, đè vật lên cả mấy người khác. Chốc

chốc, một người lại ngã vào. Cho đến trưa thì xà lim lại chật ních người, như ban sáng nhưng bây giờ toàn người nằm lịm như chết.

Rồi buổi chiều như buổi sáng.

An đã sốt rùn người ra rồi.

Một ngày, hai ngày. An vẫn nằm đọt lượ, đọt đòn, ăn đòn.

Chập tối, cái giờ yên tĩnh nhất. Nhưng cũng không mấy đêm yên tĩnh. Những lúc vội, cần dọa, mật thám lại quay điện, đánh, đổ nước ộc vào mũi cả người bị đánh đêm. Anh tóc xù, đã ngời cơn đau, lại ghé vào tai An: “Đủ cả du côn, đầu bò. Liệu đây, mật thám lúc nhúc quanh người”. An không còn dừng dưng như nghe lần đầu hôm trước. Xà lim bên kia đưa sang tiếng tụng kinh đều đều. Nghe kỹ thì ra Ngũ tự kinh của Việt Minh. Bóc lột ta đến xương... Chúng vơ vét bạc vàng... Còn bắt phu bắt lính... Trong đám rì rào chuyện, tụng kinh, than thở, khuyên bảo nhau vững tinh thần ở quanh mình thì ai là người tử tế, ai là mật thám vờ giả làm người bị bắt nằm xà lim đón chuyện để bô báo, ai là người, ai là con rắn, con chó? An càng rối óc tơi bời.

An vẫn nằm đọt lượ.

Ngày chủ nhật, tù được thả ra cái sân toen hoèn bằng lỗ mũi trước cửa trại giam để nhật cỏ. Mỗi người chỉ nhỏ một ngọn đã vừa sạch cả sân. An vào loại những người chưa xong cung, không được ra chơi. Nhưng cửa xà lim mở và An ngồi ở trong trông ra mọi người mặt mũi càng hóc hác, đi đứng dưới bóng nắng.

Một anh bé nhỏ, đen như đồng hun, già các, đứng áp vào tường, từ nãy giờ tay nói, nhiều người đến xúm quanh.

– Các đồng chí, đồng bào cứ gan là xong tất. Làng tôi ấy à, cả làng cộng sản. Nhưng nó đánh mãi tôi cũng thế, tôi nói tôi không biết ai là cộng sản. Trông cổ, tay, chân tôi, đố đếm được bao nhiêu vết sẹo kìm đốt, vết dây thép trói treo lên xà nhà, sẹo chông lên sẹo. Tôi đây đã hai lần bị làm án, chỉ đọt ra tòa thế mà nó lại gọi ra đánh lại. Đánh lại thì đau thấy ông vải. Nhưng tôi cũng chỉ có mỗi một câu rằng không biết, tôi không biết. Các ông chó săn đế quốc đành chịu tôi đây.

Anh bé loắt choắt mà nói cứ hơn hơn. Có người im, có người cười. Cái lão gác già cạnh sân trại giam cũng cười lây. Ngay cả

những người làm mật thám ở đây, nghe những tiếng “chó săn, đế quốc, cộng sản, phản đế, cứu quốc Việt Minh”, cũng nhàm tai, không khó chịu, không vui, thỉnh thoảng còn có thể cười đại khái vì không có cái gì để tiêu khiển, như hôm nay, lão mật thám già ấy cười hê hê.

Một anh ngồi tựa cửa, chép miệng:

– Ba mươi tám trận đòn, chân tay, ngực, đeo toàn mề đay sọc thế kia.

– Anh ấy nói bạo thế giữa sân không sợ người ta tra tấn nữa à?

– Đánh nữa cũng vậy. Giờ chỉ còn một cách bỏ tù hay là tha.

An chàng nọ càng được thể, chủ nhật nào cũng ra sân nói bô bô, có hôm còn hỏi: “Phát xít Nhật vào Đông Dương rồi, hỗn với các ông Tây lắm, sao Tây không dám đánh Nhật, lại sai các ông đánh mãi chúng tôi làm gì?” Nói đến thế mà bọn gác cũng câm miệng hén.

Góc sân bên này, một đám khác cứ đùa. Những cái đầu trọc lóc rùm vào nhau.

An chịu cái gan họ. Những người ấy cũng mới bị quay điện, bị tọng nước vào mũi, trên lưng trên ngực còn nổi con chạch tím bò quân, mặt còn nhọt nhọt. Mà họ đã dễ nhặng đi. Họ có một cái gì khác đương nghĩ trong lòng, mà An không biết thế nào. An cứ lúc lắc, cứ bâng khuâng, có lúc nhẹ như bấc, có lúc nặng trình trịch, không biết yên ở đâu.

Một người đi qua trước cửa, đứng lại. Người ấy mặc quần áo sớ, đầu trọc, gày khô. An trông đôi mắt lau láu dưới cặp lông mày sâu róm của người ấy, hơi ngợ đã gặp ở đâu. Phải rồi, anh Bân - cái người ở vùng trong năm trước đi với Lê ra đưa truyền đơn phản đối Nhật vào Đông Dương. Bân như đã biết là An, Bân nói nho nhỏ:

– Nó đánh đừng nhận gập, đừng nhận gập, không biết tôi.

Rồi Bân lại từ từ ra chỗ nhà xí. An trông thấy hai cổ chân Bân có một cái xích, cái xích lạch cạch trên sàn xi măng. Tay An nắm lấy khung cửa mà run bật lên. Bân bị bắt từ bao giờ? Chắc đã thành án nên mới mặc áo có số tù. Có dính líu đến việc An bị bắt? An muốn nắm cái khung cửa, mà chân không đứng được. Anh Bân đã trở lại,

bước qua. Lần này Bân nhìn An, khuôn mặt tối mím cười, làm cho An đỡ nôn nao. Có người ngồi nhìn ra nói:

– Tay này dạo nọ cũng gan lỳ tướng quân như cái ông tướng lùn choắt vừa khoe cả làng cộng sản ngoài sân. Đã thành án rồi, chẳng biết có việc gì mà lại phải lòi về xà lim thế này.

Một buổi sáng, cửa xà lim mở. Có tiếng gọi vào:

– Nguyễn Văn An.

An đầu chỗ bù xù tiến An một câu: “Tinh thần nhé!” Mấy người nữa cũng nói thế. An không thấy sợ lắm như mọi khi ngồi nghĩ. An bị giải sang một tòa nhà khác, mùi giấy thơm và tủ gỗ sang trọng, như vào tòa sứ. An có cảm tưởng trong mình An càng hôi thối cứng đái.

Trong phòng giấy, một người Tây mũi lõ, mắt bi ve, nói tiếng ta như ta:

– Mấy hôm nay đã thấy đòn sảng–tan thế nào rồi chứ? Trông sức vóc anh thì tôi đoán chẳng thể chịu đòn mà theo được cộng sản, mà chẳng gì đại thế.

Nghe những câu nửa cợt nửa thật ghê rợn. An đứng im, cúi mặt.

– Hỏi câu nào thì nói cho thật, các quan sẽ tha cho. Từ nay về mà chữa. Có chơi lập hội Ái hữu phải không?

– Vâng.

– Thằng Bân đến xui lập tổ phản đế nữa phải không?

An choáng người. À Bân. Nhưng cũng bình tĩnh:

– Không biết ạ.

– Nói dối rồi. Đấy, nói dối một cái là quan mật thám biết ngay. Có muốn quan đưa cái thằng Bân ra đây để nó nhận cho mày phải mười năm tù không? Được, để câu nói dối ấy đấy, nghe hỏi câu khác. Mấy lần thằng Bân đem truyền đơn đến? Nó đi mấy người, những ai, tên là gì?

An bắt đầu run đầu gối.

– Tôi không biết, tôi chỉ chơi Ái hữu ở làng thôi.

– Vờ vịt vừa chứ, Ái hữu, ái hung gì. Các cậu toàn họp cộng sản...

– Thưa, không...

Một cái nhếch râu, cười nhạt. Nét mặt ve vãn của người mật thám chợt đổi khác.

– À được. Tao giới thiệu mày một thằng đồng “chuột” nhé.

Nó vẫy tay. Chúc bước vào. Nó bảo Chúc:

– Mời ông ngồi xuống ghế sa-lông.

Rồi nói:

– So sánh thì ông Chúc oai thế kia mới là cộng sản chính cống chứ thằng ranh con mới nứt mắt này đã biết gì. Ông Chúc bảo cho nó rõ thế.

Chúc nhấp nháy, bỏ kính. Dáng điệu Chúc không oai như người mật thám nói. Mà Chúc rúm ró, dấp dính, không láu táu như mọi khi, như cuống, như sợ, Chúc nói:

– Anh An ạ, chúng ta cũng không làm gì quan trọng mà phải giấu. Chống thuế hay lập Ái hữu thì cũng chẳng có tội. Nên khai ra, kéo bị đòn oan.

An vừa sợ, vừa giận. Về mặt, giọng nói Chúc giống với thằng ty tiện hàng ngày của Chúc, gợi lại cái công anh em nuôi nó từ ngày ấy. An nói:

– Tôi chẳng có gì mà giấu.

Người mật thám nói:

– Khai thì được về. Sáng mai ông Chúc được về ăn Tết đấy.

An chợt nhớ nhà, đau nhói trong lòng. Nhưng An vẫn nói:

– Quan hỏi gì thì tôi đã nói rồi.

Người mật thám lắc đầu.

– Mày dốt quá, chưa biết ăn của ngọt. Thôi được.

Chúc, có lẽ tự thấy hết việc, lùi ra. An còn đứng ngơ ngác giữa cái phòng choáng lộn những tủ Tây, lọ hoa, bộ sa-lông bóng nhoáng, chưa đoán được mọi khi mình vẫn nghe tiếng kêu khóc ở đâu, chẳng lẽ lại ở chỗ bàn giấy sang trọng này, thì thành linh hai người ra vật An ngã xuống, trói An ngay giữa tám thảm hoa. Một người nắm tóc giữ đầu An. Người mật thám Tây lai lúc nãy ngồi ghế sa-lông, một chân giày Tây chặn lên ngực An. Cái hòm điện con

con, màu gỗ vàng nghệ, vẫn để trên mặt bàn, nom tưởng hộp đựng máy chữ. Hai sợi dây loãn xoắn cặp vào hai vành tai An.

Người mật thám gạt mẫu tàn thuốc vào cái khay bạc trước mặt, rồi đưa điếu thuốc lá lên miệng rít một hơi dài. Trong khi ấy, tay quay hòm điện. Két két két... An lộn người, vật xuống, kêu rống. Két két... Tiếng kêu ằng ặc, quẩn giữa đám nước bọt phòi ra. An khò khè như một người sặc nước sắp chết. Hai mép sùi từng đống dải rớt, đặc sệt. Ruột gan An cuộn lại, không biết gì nữa.

Một bát nước lã dốc ồng ộc vào mặt An. An tỉnh, mở mắt. Chỉ thấy loáng thoáng có người kéo lê An ra.

Cửa xà lim lại hé, An rũ xuống.

Suốt đêm, An đau dần từng khớp xương. An nghĩ: nếu không nói thì thằng Chúc đã nói hết, mật thám sẽ đánh mình đến chết. Nhưng, Bân và cái cười phảng phất lại hiện ra “Đừng nhận gập, không biết tôi, không biết...”. Khát nước quá, An chúm miệng, tắc tắc lưỡi như cá bắt mồi. Nhưng có người bảo: “Cố nhịn, đừng uống nước ngay mà rồi hại người lắm”. Quá nửa đêm, không biết ai làm thế nào tuồn được vào một bát nước lã cùng một tiếng thì thào: “Uống mà giữ lấy tinh thần. Báo một tin thắng lợi: Hồng quân đại thắng đã đuổi được phát xít Đức ra khỏi Liên Xô rồi”. An không biết thế nào là thắng lợi! An đương nghĩ có lẽ ở chốn này, tuy mỗi người một nơi, một cảnh vào đây, nhưng ai cũng hiểu cái nông nổi dần vật “khai hay không khai” khi bị những đòn đầu tiên. An cứ uống nước, nước mát như thạch đá thấm vào ruột, An tỉnh hơn và nhớ câu nói của Bân.

Buổi sáng, An lại phải lên chỗ tra tấn. Không thể ngờ đã thấy Khiết ngồi đấy. Cái này là cái chết hay cái sống? Khiết ở xà lim lên hay Khiết ở ngoài vào. Trông Khiết vẫn như ngày trước, khăn xếp, giày tây đương ngồi cái phản ở hội Ái hữu trên chợ.

Khiết bắt tay An. Khiết nói:

– Lâu lắm mới gặp. Khỏe chứ? Chắc anh đương đánh câu hỏi về tôi. Thưa anh, tôi bây giờ làm việc ở sở này. Nhà tôi có hai anh em làm cách mạng. Anh tôi bị án khổ sai chung thân, đi Côn Lôn rồi. Tôi đành phải trở về lo việc gia đình, nếu không thì nhà tôi tuyệt tự, cái nổi tôi thế, nhà tôi chỉ có thể cho cách mạng được một người. Thôi, ta nói chuyện nhé. Tôi nghe anh bị bắt, tôi xin quan chánh cho tôi

gặp anh. Tôi muốn bảo thật anh mấy câu. Thằng Bân thì giỏi. Nó bị bắt cùng với tôi năm ngoái. Tôi phục nó bằng bố tôi sống lại. Nhưng để quốc người ta vững như núi, mình thì không có lấy một con dao cùn. Giỏi thế chứ giỏi nữa thằng Bân rồi cũng đến rũ tù, bỏ xương ngoài Côn Lôn như anh tôi mà thôi. Nhà đảng ấy khá giả, tội gì chịu mất đời. Tôi vừa gặp bà Hương, bà khóc quá, rõ khổ.

– U tôi lên đây à?

– Ừ, bà Hương đã được gặp cả quan Chánh. Quan thương bà lắm.

– Anh Khiết này, tôi biết gì mà khai.

– Thì cứ kể từ khi có Ái hữu, làm gì, gặp ai đưa nào nói gì... Hãy nghe tôi. Đến giờ làm việc rồi, tôi phải về bàn giấy. Lúc nào được ra, ghé tôi chơi, nhà tôi mong gặp các anh lắm. Lạ anh ạ.

Khiết đã ra khỏi, An vẫn lảo đảo như người mất hồn.

Người mật thám Tây đã đứng sững trước mặt. Điều thuốc lá phì phèo. Hôm qua, An nằm dưới đất, điện quay lộn ruột gan, An ngửa mặt sắp ngất, thấy chập chờn cái chấm thuốc lá đỏ ấy, giờ trông lại còn rùng mình. Hôm nay, người mật thám bắt đầu ngọt ngào. Nhưng An cũng không thấy bớt sợ. An đã hiểu lão ta đang cười, bỗng lừ mắt vật An ra quay điện, cũng thế.

– Bà mẹ anh rất phúc hậu, anh vô phúc quá, có một người mẹ quý thế mà không biết thương mẹ. Giờ chỉ có hai đường: anh muốn tù theo cộng sản hay muốn được về ăn Tết? Mẹ anh nói muốn anh được về để bà đi dạm vợ cho anh. Anh tính thế nào?

– Bẩm, tôi muốn được về ăn Tết...

– Tốt. Tôi cũng muốn anh được về ăn Tết. Vậy anh khai tất cả những việc anh đã đại dột làm từ khi nghe thằng Bân lập hội Ái hữu rồi hội phản đế. Làm gì, đi đâu, với những ai... Anh biết anh Khiết chứ? Cộng sản có nòi đấy. Thế mà giờ cũng là người của tôi. Người ta biết hiểu lẽ phải. Anh có nghĩ thế không?

– Tôi nghĩ...

– Tôi cho anh hai hôm nằm nghỉ. Nhớ trạn điện hôm qua chứ? Nghỉ hai hôm mà lại bị quay điện, cơn đau gấp mười.

– ...

– Đừng “đình dù” quá. Cộng sản bên Nga đương thắng quân Đức thật đấy. Nhưng đợi cho đến lúc nó sang được tận đây cứu cộng sản An Nam thì bấy giờ tôi cũng làm cộng sản, vẫn còn kịp chán. Đừng nho nhoe mà mất đời. Mời anh rút về nghĩ cho kỹ nhé.

Đêm hôm ấy, ngoài trời đen kịt, từng cơn gió ào ào, nước mưa lướt thướt, vương vãi mái lô cốt trại giam, như những con gấu rừng đương chạy, vấp phải một con vật địch thủ, chồm lên, rít lên những tiếng khùng khiếp. Tuy vậy, trong xà lim vẫn hầm hập hơi người. Không ai chớp mắt được. Vì mưa gió quanh nhà gây cho những người tù biết bao nhiêu ao ước viễn vông theo những luồng gió từ ngoài mệnh mông kia đương quạt đến rồi lại vùng đi.

An nằm móp người vào khe tường, không thể chớp mắt. Những lời vừa dọa, vừa vuốt tởm lợm của Khiết, của người mật thám Tây lai vẫn day dứt gặm nhấm, đau buốt. Chốc chốc, bốn phía chòi gác vang xuống những tiếng keng sắt gõ cầm canh đối đáp nhau. Ở khe cửa ngoài, kẻ dọc dài một vệt ánh sáng loang lổ của ngọn đèn canh đầu hành lang hắt vào. Mưa gió vật vã, tơi bời...

Bỗng vang lên một hồi còi gắt. Thoạt tưởng của bọn đi “ráp” đêm bắt người về. Nhưng sau nghe rộn rịch, lạch cạch lưởi lê, lẫn tiếng chân chạy và mưa rơi lép nhép quanh nhà. Sống tù? Có lẽ. Tiếng còi lại rít lên. Tiếng các nhà giam, tiếng cửa mở rầm rầm. Loang loáng đèn bấm và mũi súng chĩa vào từng buồng gọi điểm số. Mãi đến sáng vẫn còn khảm. Các xà lim không được thả người ra đi đái. Việc gì ghê gớm xảy ra?

Sau lưng An, hai anh đương áp má vào tường, chốc lại giơ tay vỗ bành bạch. Tất cả phòng đều quay lại, tần ngần, chăm chú, nghe truyền tin. Đấy quả là một đài truyền tin đương làm việc. Mỗi cái vỗ tường bên này đối đáp với tiếng vỗ tường xà lim bên kia thành những ký hiệu đơn giản mà người nghe đoán ra được. Ở chỗ cùng tận này, lúc nào sự gắng sức và thông minh của con người cũng tạo được cách góp sinh hoạt bình thường cho đời sống. Một lỗ khoét chéo vào tường thay cái điều hút thuốc lào, những con rệp săn được trong khe cửa, khe sàn đem bóp dít cho nó vỡ máu ra rồi dán một dây xác rệp lên tường thành hình chữ một bài thơ cảm đề tứ tuyệt. Và không biết từ năm nào, bao giờ, ai truyền cho ai, hể người

nào phải giam ít lâu cũng biết cách vỗ tay vào tường, trò chuyện với gian bên cạnh.

Một anh giờ tay, quay ra:

– Bién rồi. Số 9. Chui cửa sổ.

Tiếng thì thào to nhỏ. Có một số tù đã thành án vừa giải ở trại giam sang để đổi chất với đám bị lấy cung mới. An ngờ ngờ hay là Bân đã trốn được, Bân đã bién. Một người đoán hệt như An nghĩ, nói:

– Đích cái nhà ông Bân gan liền rồi!

An quay vào, nhìn người nói chính là cái anh hôm trước bảo “tay ấy gan lỳ tướng quân”, khi Bân đi qua. Một lúc sau, mọi người được ra đi đái, gặp trên các hành lang nhận nhạo lính canh có súng lấp lườì lè. Trở về ai cũng biết tin tù sống. Tù nhân Bân mới sang xà lim số 9, giam một mình, bị cùm chân nằm ngửa, thế mà nửa đêm đã vắt thang dây leo chần song, thoát ra.

Bân vượt ngục, Bân đã vượt ngục. An tưởng tượng, trên cánh đồng mù mịt mưa và sương, Bân đương vỗ cánh bay như một con vạc ăn đêm, mỗi lúc một xa tí.

Cũng lúc ấy, An nảy một ý kiến: “Gỡ được rồi! Khai cho Bân!” Nghĩ thế, An nhẹ hẫ. Và cũng thấy mình đương bay bổng về làng Hạ.

Sáng lại như mọi khi. Tiếng cửa sắt rít nặng nề. Tiếng giầy bước lạo xạo trên sân cuội. Tiếng gọi vọng vào các cửa. Tiếng hỏi, tiếng khóc, tiếng rên, rú. Hòm điện quay két két két... Lại bắt đầu mọi việc thường ngày.

An lại đứng trước mặt người mật thám Tây lai. Người mật thám nhếch râu cười, quẳng cái đuôi thuốc lá, bình thường như không một việc gì mới xảy ra. Và, vẫn giọng nói rỡ leo lẻo, kinh rợn:

– Hãy khai thật, đừng có viết chữ mật thám chỉ bắt nạt Việt Minh không dám đánh Nhật mà tôi không bằng lòng nhé.

– Quan cho tôi một tờ giấy.

Người mật thám bỗng reo:

– A, anh là người có chữ, một tri thức. Xin lỗi, tôi quên. Người trí thức thì viết vào giấy để hơn nói bằng miệng, tôi biết. Tôi sẽ cấp cho

anh một tờ giấy, nhiều tờ giấy và cái bút. Anh có thể ngồi ra kia mà viết. Sàn đá hoa ở đây sạch hơn sàn xà lim nhiều.

Một hôm, An được tha.

Khắp vùng, ai cũng biết. Cũng như, không ai còn lạ, người ta kể là cái tủ chè, bộ nệm đỉnh, đôi khuyên vàng, một lưạ lợn của bà Hương, chuyển ấy đã đội nón lên tỉnh cả.

[1] Hai buổi chiều vàng, truyện ngắn của Nhất Linh.

IX

Khi An bị bắt, Lạp và Trung đã lánh vào làng vùng trong. Rồi ở lại dệt cửi luôn trong đó. Bây giờ, đã trở lại yên tĩnh. Cái đạo mà mật thám vây mấy làng vùng trong, Bân bị bắt, Lê không dám vào làng rồi bỏ đi Hải Phòng, đã cách đây lâu rồi. Làng nước và công việc làm ăn cùng với mọi hoạt động bí mật cũng lại đã như thường.

Quả như nhiều anh em đã nói phong trào và công nghệ vùng trong khá hơn vùng ngoài. Có những nhà giàu hàng mười khung cửi, không lèo tèo có hai ba khung đã hết đất như ở các làng ngoài. Hơn nữa, làm cửi đáy, lại làm ruộng đáy, nghề nọ tựa nghề kia, ai cũng quần nâu áo vải, không màu mỡ diêu của như đất làng Hạ gần tỉnh, mà bên trong nhà ai cũng cửa ăn cửa để. Thợ cửi, thợ hồ và thóc đầy bồ, đến bữa, ba mâm ngồi la liệt khắp sân gạch. Chiều ngày phiên tư ra đầu làng tấp nập như giữa buổi chợ. Từ khi Ái hữu bị cấm, cái bảng hội Ái hữu lâm thời tỉnh mà Lê và Lạp xe vào, đã dỡ xuống, khiêng về trong xóm để úp mặt có chữ, kê làm bàn ngồi viết cho anh em học tối. Ái hữu tàn, các tổ phản đế, rồi tổ cứu quốc lại đặt ra những tổ chức nho nhỏ gọi là hội đọc sách, hội thư viện, hội học tối, hội chơi họ, không ai biết mà cấm được. Nhiều ông chủ hai, ba khung cửi đi chợ tư về, tay xách râu thịt trâu, tay dây ếch, nách cặp tờ báo. Buổi tối, chủ và thợ đọc báo oang oang. Xóm nào cũng lập lòe đèn các nhóm học tối.

Họ lại nhớ Lê. Nếu Lê ở lại, biết rõ rồi sau phong trào ở đây lại lên và lại hoạt động thế này, chắc Lê không đi.

Bây giờ Lê ở đâu?

Lại một việc này khiến càng tiếc Lê, tiếc quá. Một đêm, Lạp và Trung đi nghe cán bộ về nói chuyện tình hình. Sau đó, một anh trong tổ rủ “đi đảng này có việc”. Họ đến một nhà ở cuối xóm. Có người đã ngồi đợi. Một người ra bắt tay Lạp, hỏi:

– Còn nhớ tôi không?

Lạp đã nhận ra anh Bân. Lạp sửng sò, ngạc nhiên. Vẫn nghe thì thào đạo trước Bân đã bị bắt với cả cơ quan có máy chữ, giấy mực

in, Bân đã bị án tù chung thân đi Côn Lôn. Bây giờ Bân vẫn đây. Bân nói:

– Anh lạ lắm phải không? Tôi bị bắt kia mà. Thôi đấy là việc khác. Tên tôi nay tên là Tư Bản, anh Bản. Giờ ta bàn chuyện cần thiết hơn.

Bân hỏi tình hình vùng làng Hạ. Rồi Bân nói:

– Lạp không vướng tên bị bắt thì nên về ngoài ấy ngay. Trung bị bắt hụt thì hãy ở trong này. Phong trào ở đâu cũng đang cần chúng ta.

Thế là, Trung ở lại. Vài hôm sau, Lạp trở về làng Hạ. Trong khăn gói có một bó truyền đơn và bốn tờ báo Cứu quốc, báo Cờ Giải phóng^[1], đó là của cải đưa về gây vốn cách mạng cho làng quê. Đi đường, Lạp càng nhớ Lê. Giá bây giờ mà có cái thằng Lê lúc nào cũng hăng hái ấy vẫn ở nhà.

Lạp về làng tìm việc. Không phải lâu, Lạp vốn thợ giỏi, Lạp chỉ ở nhà với mẹ có hai hôm, bà Hương đã đến gọi làm.

Lạp đi dặt cửi cho nhà An.

Nhưng An không có nhà. An đã được tha, bà Hương vẫn quá sợ, không dám cho An ở nhà. Bà gửi An ngoài tỉnh lý Hà Đông ở nhà dì Bốn - em họ bà Hương, nhà ngoài tỉnh có cửa hàng bánh ngọt.

Cạnh nhà dì Bốn, có ông ký Rượu là bạn hàng, thường năng sang. An cũng chơi với Chính, con ông ký, bằng trạc An.

Chính học hết năm thứ hai trung học thì ở nhà, làm sổ sách cho cửa hàng ông ký. Ông ký, đại lý bán rượu, lại buôn gạo và gần đây xin được cái môn bài muối, thì Chính lại thêm việc. Những nhà có môn bài gạo, tùy hạng to nhỏ, mỗi tháng lĩnh gạo về bán, lại được Liên đoàn Thóc Gạo Bắc Kỳ cho đi thu mua thóc giá nhà nước quy định. Phát tài đủ thứ, lãi bán, lãi mua, lãi phát xay. Chính càng bận sổ sách. Nhưng mà tối Chính vẫn đi chơi, vẫn đi phát phơ đông dài.

An thường có hai điều nghĩ khác nhau về Chính và An. Cửa hàng rượu và nghề buôn gạo của nhà Chính có nền nếp, giàu có, Chính có chỗ dựa, tương lai dễ chịu trông thấy trước. Không lằng đằng như An. An sẽ làm gì? Chẳng lẽ đèn sách mười năm trời rồi lại trở về cái thoi, sợi cửi như Lạp, như Trung, như Lê ư? Không thể.

Suốt ngày Chính mân mê lau xe đạp. Lau sạch rồi, treo xe lên, lại hạ xuống, ngắm nghía, tháo rời ra lắp lại, lau lại. Cứ tiêu khiển một cách tần mẫn thế. Vừa hí húi làm, vừa hát ông ổng, lắm khi lâm ly:

Đi có để hình bóng

Có nhớ thương em để bên lòng [2]...

Chính cũng có nhiều cái thích và mong ước. Chính khoái nhất thể thao, thềm đi học trường Cao đẳng Thể dục Đông Dương ở Phan Thiết. Lại cũng muốn vào học trường Sĩ quan trừ bị Đông Dương để được đội mũ chào mào và đi ủng có gót sắt thúc ngựa. Nhưng nhà neo, ông ký Rượu không để Chính đi đâu xa, mà chỉ cho Chính đi xem đá bóng, xem thi bơi và đi chợ phiên hội chợ ngoài Hà Nội mà thôi. Chính bảo: “Mình khoái thằng Nhật vì cái tính nó rất hắc. Hễ uất cái gì, nó mở bụng ngay. Buổi sáng trở dậy, cả nước Nhật, từ Thiên hoàng trở xuống đều cúi đầu chào mặt trời. Lấy con vợ Nhật mới thật sướng. Đi về cứ ngồi ngay râu ra cho vợ tháo giày, cởi áo, rửa mặt hộ, đúng luật phụ nữ nâng khăn sửa túi”. Chính hay nói và đậm nhất chỗ “lấy vợ Nhật” thú vị ấy.

Chính có nhiều nhân tình. Quần áo đưa giặt là, mỗi cái Chính đánh dấu số nhà của một người yêu, rồi cộng lại, ngắm nghía, thú vị. Chính chịu khó chim gái. Cô con gái ông phán Kho Bạc đi xe nhà. Chính bỏ thư vào cánh xe. Cô ấy cau mặt, nhổ một bãi nước bọt. Lần sau, Chính vẫn đuổi theo, cười, ném cái thư khác.

An ghen thầm cái số đào hoa của Chính. Nhưng, thật tâm, An không thích đưa thanh niên thả rông ngày tháng chơi bời trống rỗng. Tuy không thích, nhưng An vẫn đi chơi với Chính, đó cũng là tâm lý của An khi đó. An vừa qua một chặp sợ quá. An muốn ru mình trong mọi sự yên lành. Từ buổi chiều hôm mưa gió ra khỏi cái xà lim số 3, An thở dài: “Thôi không bốc giời nữa”.

Thế rồi ít lâu sau An về làng, bà Hương cũng thấy ở ngoài ấy tốn kém và tần phiến. Mà bây giờ bà Hương cũng đỡ sợ rồi.

Lạ trông thấy An, hấp tấp ở khung cửa dưới nhà ngang bước lên, nói:

– An, An về đây à? An đã ở hẳn nhà chưa?

An nghiêm mặt:

– Tôi không chơi với các anh. Nói riêng cho mà biết, tôi đã bị tên vào sổ đen. Đừng gặp tôi nữa.

Vẻ lạnh ngắt của An và những tiếng “anh, tôi” Lạp hiểu và những cái đó đủ đuổi Lạp xuống khung cửa. Lạp đứng ơ ra. An vào buồng, mồ hôi toát đầm trên trán. Vừa tức, vừa sợ, lại vừa thấy cũng ta đây vì câu nói sai và bịp.

An quyết không chơi với bọn Lạp. An không ưa Chính, nhưng thói rong chơi “đào hoa” thì An mắc míu học được ở Chính. An lao vào vòng lãnh nhăng hơn trước.

Ngày lại ngày qua... Ngày lại ngày, lặng lẽ theo nhau, những công việc làm ăn trong làng, trong nhà. Cơm chiều xong, Lạp ra khung cửa. Hàng tháng An cũng chẳng bước chân xuống nhà ngang và khung cửa đằng đầu vườn. Hai người không mấy khi gặp nhau. Thảng hoặc mà gặp thì cũng chỉ làm làm nhạt nhẽo xa lạ. Không ai tưởng được rằng đã có khi họ thân nhau, bàn những chuyện xây dựng xã hội và đêm ngày kể dùi, kể vế, ôm vai bá cổ đi lượn các ngõ.

An đứng trong cổng, mỗi buổi chiều ăn cơm xong. An tiêu khiển bằng cái thú nhìn mọi người thừa thớt qua lại ngoài đường xóm, bên kia bờ ao. Một cách giết thì giờ có ý nghĩa. Vì, mấy lâu nay, An để ý chiều nào cũng vào quăng ấy, cô Nhàn đi làm hồ về qua ngõ.

Nếu có người thóc mách rằng An yêu Nhàn, chắc An có phần ngượng. Và nếu Hiền, em gái An mà biết thế, Hiền bĩu môi dè bĩu anh. An cũng không nghĩ mình yêu Nhàn. Chỉ là cái “tính đào hoa” thấy gái thì chấp chới. Nhàn không đẹp. Nhưng người con gái đương xuân nào chẳng có lúc bóng bẩy hồng đôi má. Nhàn là con nhà nghèo, ngày ngày cái áo vắt vai, đi làm hồ mướn. Nhưng An không định chuyện xa xôi. Khi ở tỉnh, An vào chợ phát phơ cô hàng xén, cô bán thịt lợn và một cô còn đi học. Trong túi An sẵn mấy cái thư viết giống nhau chỉ khác mỗi cái tên “Thưa em Thúy Nga (em Mộng Hương, em Tuyết Lan...) yêu quý”. Về quê, ở làng bên, có hai cô phải lòng An. Thì, ở xóm này, vào những lúc ở nhà, An cũng nên có người yêu. Bây giờ không muốn nghĩ một sự gì. Bây giờ chỉ chơi.

Mỗi hôm, ăn cơm xong, An ngậm cái tăm ra đứng trước cửa. Đầu tiên mà An để ý Nhàn là vì có một lần, Nhàn vào chơi với Hiền. Nhàn hỏi: “Thưa anh, chị Hiền có nhà không ạ?” Rồi Nhàn cúi mặt,

đôi mắt bò câu lừ đừ như say giàu thuốc. Cứ thế, Nhàn mồm mím đi vào trong sân, không đợi nghe An trả lời. An tự đặt câu hỏi: “Tại sao cô ấy hỏi rồi đi ngay? Trêu trọc người ta ư?” Cái tật tự phụ của một gã trai dĩ tính bòn chòn nổi lên.

An đón ngoài cổng đợi Nhàn, mỗi chiều, từ lần ấy.

Nhàn cũng hay vào nhà An chơi với Hiền. Có em gái thì anh chỉ có lợi, tha hồ làm quen với các bạn em. Với Nhàn, tuy đã có chào hỏi, nhưng chưa được dịp. An phải giữ kẽ với em gái và với Lạp, ngộ như Lạp để ý. Làm sao cho người ta không thể biết cậu An bõm xòm với con gái nhà ông Trương Ba nghèo rớt mùng tơi.

Nhưng, đoán qua nét mặt và miệng cười ý nhị của Nhàn - An cho mình có từng trải - An đoán Nhàn đã mê mình rồi. Sự tự tin làm An rấp tâm theo đuổi Nhàn.

Hôm ấy, Tết rằm tháng Bảy. Tiếng chuông, tiếng mõ bên chùa vang âm suốt từ sáng sớm. Nhà neo nhất cũng quấy được mẹt bánh đúc dừa. Các khung cửa trong làng đều bọc mặt hàng, Nhàn cũng nghỉ một buổi hồ. Thợ tơ, thợ hồ đi chơi, đi chùa.

Lúc này, Nhàn vừa đến rủ Hiền. Nhưng Hiền đã cấp tráp sang chùa với mẹ. Chỉ gặp An, Nhàn nói với An:

– Chị Hiền về, nhờ anh bảo chị ấy vào chơi nhà em, em đợi. Chào anh.

– Tết mà vội à? Các cô hội họp gì mà cần nhau thế?

Nhàn chối:

– Không, chơi thôi, anh ạ.

An xoắn lấy, nói lỡm:

– Tôi cũng chơi có được không?

Nhàn nhìn An, dụi dàng, hơi ngỡ ngàng, cười:

– Anh chỉ nói đùa.

– Thật đấy! Nhưng mà ở đây không tiện. Chốc nữa, ta gặp ở ngõ ngoài bờ tre nhé!

Nhàn đã ra ngõ. An nhìn theo. Có vẻ “cẩn” rồi.

Câu hẹn lửng lơ nhưng chắc nịch. Có thể thế. An cứ ra bờ tre, An sẽ đi qua nhà Nhàn trước để Nhàn trông thấy.

An mặc áo cánh lụa chuội mỡ gà, chải lại cái đầu lật bóng mượt. An bước thong thả qua bờ rào nhà Nhàn, đưa mắt vào trong ngõ. Nhưng An lại hốt hoảng nhìn thẳng ra và hấp tấp như vội đi chuyện gì. An trông thấy Lạp trong sân nhà Nhàn với mấy người lạ.

Không biết Nhàn có nhìn thấy An không. Thất vọng một phần rồi, nhưng An cứ đi thẳng ra bờ tre. An ngồi xuống bãi cỏ bên đìa nước. Tiếng trống và tiếng cái tiu cái cảnh chập cheng cụng “vong nhân xá tội” từ ngoài đền, tiếng mõ tụng kinh trong chùa vẳng ra, như rót vào tai. Trong xóm, trẻ con đùa nhau, cười ròn tan. Những vang động gọn ghẽ xa đưa đến lại càng lắng sâu về êm ả của cánh đồng buổi chiều. Trên mặt nước đục đục con niềng niềng bơi dưới cái lá trang. An thờ thẩn như không nhìn thấy gì cả.

Mấy người lạ với Lạp ở trong sân nhà ông Trương Ba mà trước An cũng hay hội họp ở đấy, đã gọi cho An những hình ảnh An đã cố quên. Nghĩ xa xôi thì buồn, mà nghĩ gần thì sợ. Những chuyện đã qua, không trở lại nữa. Đường đời đã đi đến ngã ba, mỗi người đi về phía mình.

Thằng Lê phiêu lưu vào miền Nam. Nó là thằng hăng lắm. Cái gì cũng thích kịch liệt, hễ không như ý thì nổi khùng lên. Không chừng đã hóa ra thằng tờ rớt kít hăng máu vịt. Chưa bao giờ An tự hỏi mình đi tới đâu. An còn ăn nhờ mẹ, và ngày ngày êm đềm qua, hốt nhiên cũng đôi lúc thấy trống trải. Sợ dễ dãi và tránh cái khó ấy vỗ về dìm người ta xuống. Thằng Chúc thì từ ngày được tha, ít người thấy mặt. Nó dạy trẻ con học và ở liền nhà ông lý Dĩ. Nó đã lấy thẻ thân mới và lấy vợ - một ả thợ tơ dưới Nam. Bây giờ Chúc cờ bạc, rượu, thuốc phiện. Người ta xì xào từ khi y phải bắt về, Chúc làm gì lên lút, thỉnh thoảng đi đâu vài ngày. Nó có lẽ thành mặt thám chỉ điểm lộ mặt như thằng Khiết rồi. Nếu không thì tiền đâu mà ăn hút chơi vung vinh? Còn Lạp, và Trung và Ba? Chúng nó lại phải vùi đầu đuổi theo cái thoi chạy qua mặt hàng, ngồi dẹt cửi đến mọc sẹo đít - thằng nào rồi khá thì khá, nghèo thì nghèo, như mọi người đã bao đời trong làng này. An toàn nghĩ những chuyện nhạt nhạt buồn buồn như thế.

Nhưng An vừa thấy Lạp trong sân ông Trương Ba với mấy người. “Chúng nó không phải như mình đã tưởng tượng, có thể...” Một người tinh ý như An đã mang máng biết, mà không dám, không

muốn biết rõ hơn. Và ngay lúc ấy, An cũng gạt những điều lằng quằng đi, An quay nhìn vào cổng đồng. An mong hóng mơ hồ. Một lúc lâu.

Thoáng trong bờ giếng đi ra cái dải lưng lụa trắng hoa cau quen thuộc của Nhàn. An trông lại, chớp mắt trông lại. Thật rồi, không phải hoáng. Nhàn đương ra cổng đồng, bóng người mờ trên lan hoa cỏ may.

Tâm trạng Nhàn cũng khó hiểu, chính Nhàn cũng không tự hiểu. Nhàn đương phơi phới. Một người con gái biết có người tơ tưởng mình. Nhàn cũng không nghĩ cách rõ ràng mình đương đi đến chỗ hẹn. Họ nào đã hẹn hò nhau. Nhưng ý tứ và lời nói lững lờ lúc nãy đã sinh vướng vẩn. Tình yêu nhẹ nhàng, êm đềm lướt qua, không cắt nghĩa được. Phảng phất tình ý, nhưng Nhàn vẫn muốn tưởng như những bước chân đương đi ra bờ tre này chỉ là tình cờ.

An đi trở vào để vừa gặp Nhàn dưới vòm tre, như đã hẹn lại như không hẹn. Nhàn hỏi:

– Anh An đi đâu đấy?

An cười tự nhiên:

– Đợi cô ở đây thôi.

Nhàn lúng liếng quay mặt, không đáp được câu nói mạnh bạo. Rồi An đột ngột:

– Những ai lúc nãy ở trong sân thế?

Nhàn trả lời khẽ, giọng không tự nhiên:

– Có ai đâu.

– Tôi trông thấy có thằng Lạp.

Nhàn cúi, không nhìn An:

– À... Anh Lạp vẫn ra chơi với anh Ba em.

Câu chuyện không có chốt, gặp chằng hay chớ. Họ nói, hỏi, không định. An áy náy, lại hỏi:

– Còn mấy người lạ nữa kia mà. Ai thế?

– Dạ.

Nhàn lễ phép “dạ”, mà không nói. Nhàn lơ đãng nhìn những chiếc lá trang tròn xanh trên mặt đĩa nước. An hơi bực mình. Đôi mắt

Nhàn lay láy. Hôm nay ngày Tết rằm, Nhàn mặc áo cánh lụa mới. Hai cửa tay áo chặt, lắn, tròn. Chiếc yếm cổ thìa trắng ôm quanh cái cổ trắng ngần. An vừa khó chịu, lại đá chút ghen tức.

Nhưng Nhàn đã quay lên, nhìn An:

– Anh An ạ, anh Lạp ấy mà...

An cười nhạt “À thằng Lạp...” rồi giọng cáu kỉnh:

– Thì sao?

Nhàn hỏi lại An:

– Ngày trước em thấy anh chơi thân với anh Lạp.

An đã ra ý hốt hoảng, càng tỏ vẻ khó chịu:

– Hỏi để làm gì?

– Em thấy anh Lạp tốt.

An vặn:

– Sao biết?

– Hình như dạo ấy các anh chơi có mục đích. Chống thuế, diễn kịch, lập Ái hữu, nghiệp đoàn, thanh niên dân chủ, phản đế, có phải không? Anh ạ, em bây giờ còn ít tuổi chưa biết, nhưng bây giờ thì biết mục đích ấy rồi.

Nói xong, Nhàn cười hồn nhiên. Nhưng An không trông thấy cái cười hồn nhiên ấy nữa. Những tiếng “mục đích, Ái hữu, thanh niên dân chủ” ở miệng người con gái không biết chữ mà An vẫn coi thường ấy, nói ra gọn ghẽ, quả tình làm An rất ngỡ. Bây giờ thì không khó chịu, không lờ mờ ghen tuông, mà An giật mình, không còn nhờn nhờn như lúc nãy. An bỗng thấy mình khó xử, lúng túng. An khe khẽ nói:

– Họ vẫn về họp ở nhà chứ gì?

– Thế thì anh biết rồi.

An đáp nhanh:

– Biết.

– Anh cho em hỏi câu này nhé. Làng ta đã có nhiều người vào Việt Minh, em có nên vào không?

Bị câu hỏi hóc, rụt rè mà thẳng thừng, An bắn khoắn. An lơ đãng nhìn cái lá trang, chặc lưỡi, vẫn ra lỏi ta đây hiểu biết, trả lời đồng

một:

- Tùy từng người.
- Sao anh chưa vào Việt Minh?

Câu chuyện đâm đũa đoảng hẳn. Nhàn nhận thấy vẻ lạnh lùng của An, nhất là khi An trả lời: “Anh vào thì em biết thế nào được!” Giọng nói chững chảng, khinh khỉnh. Nhàn cảm thấy tủi, Nhàn im rồi toan quay về.

Nhưng An lại hỏi nhỏ, nhẹ:

- Những anh nào hay đến nhà... em?

Tiếng “em” êm ái làm cho Nhàn cảm động. Nhàn nói:

- Anh gì ấy, em không thuộc tên.

Không hiểu sao, An nghĩ ngay đến Bân. An hỏi:

- Có phải người thâm thấp, da ngăm ngăm, lông mày sâu róm và mắt sắc lắm?

Nhàn cười:

- Anh quen anh ấy rồi a?

Nhàn bỗng thấy An xám mặt, lạnh nhạt khó chịu hơn cả lúc nãy. Dương vui vẻ trở lại, Nhàn như bị vấp hẫng một cái. Lẽ nào người ta lại có thể vì mình nghèo mà khinh mình? Không đời nào! Nhàn quay về. An gọi:

- Nhàn...

Nhàn không trở lại.

Nhàn không biết An mới là người dương tử dương sợ, tưởng mình bị khinh. Bân! Đúng là Bân! Bân lại về đây. Vùng này lại hoạt động. An hốt hoảng ngồi sụp xuống bờ ruộng. Ngọn lúa đòng đòng thơm thoảng bao phủ trên đầu An. An không muốn ai nhìn thấy An lúc này. An nhắm mắt sợ cả Nhàn, nếu như Nhàn quay lại, An không dám cất mặt lên. An nằm xuống cỏ, lót tay đỡ đầu, ngửa mặt nhìn ông trăng rằm, không biết từ lúc nào, đã lan tròn xoe, trắng bệch như cái mẹt bánh đúc đặt cuối cánh đồng. Hơi sương, hơi lúa thơm gậy gậy.

Tối hẳn, An mới về trong xóm. Anh đi nhanh qua nhà ngang thấy Hiền đang buộc cái xuôi, treo cửi sắp nối cửi. An nghe tiếng Hiền

hát.

... nhà tan nước mắt...

Con chó vện thấy An, xô ra nhảy rít mừng, làm cho Hiền im tiếng.

An cho là mình nghe nhầm. Cái Hiền cũng biết bài hát cách mạng à? An xua đuổi những ám ảnh ghê gớm. An đi thẳng vào buồng, không thắp đèn. Như con dơi chui vào hốc cột.

[1] Cứu quốc, cơ quan tuyên truyền của Tổng Bộ Việt Minh. Cờ giải phóng, cơ quan tuyên truyền của Trung ương Đảng cộng sản Đông Dương. Hai tờ báo in li tô, phát hành bí mật.

[2] Một bài hát theo điệu Trung Quốc (hay Nhật Bản) phổ biến ở các thành phố miền Bắc bấy giờ.

X

Rồi sang tháng tám, tháng Chín. Lác đác trong làng có vài đám cưới, đám hỏi. Mùa cưới hỏi đã tới. Lại như quen thói bao đời nay, năm nào, khi mùa cưới hỏi đến, thì người trong làng hay bàn tán, đoán già đoán non, sắp đám này, sắp đám khác.

Năm trước, bà Hương đã nhất định. Nhưng rồi bà vẫn còn trần trọc suy tính. Bà cũng biết thằng An phải lòng phải bẽ khối đũa. Nhưng không bao giờ bà để ý những cái trẻ con chim chuột ấy. Và ngẫm xưa nay, trai gái giăng gió với nhau mà thành vợ thành chồng thì trăm đám vút đi cả trăm. Cho nên, bà Hương vừa không để ý, đã không lo, lại còn ghét. Nghe đồn nọ kia, bà chỉ cười. Trong bụng đánh giá: “Thứ cái của giăng há ấy mà lại đòi lọt vào cửa nhà này!”, nhưng bà không nói. Bà cố để ý tìm “một đám”. Ông Hương chẳng may thất lộc rồi, bà không thể lòa xòa thế nào xong thì thôi. Làng này chẳng còn, bà Hương nhìn sang làng bên, con gái vùng trong đi chợ bán lượ, phiên nào bà cũng gặp, bà biết mặt, bà thuộc tính nét tất cả. Song bà cũng chưa đậm đám nào. Lấy vợ xem tông, lại còn nhìn cha, mẹ, gốc gác các người trước đã.

Ngày kia, An đi xem mặt vợ.

Bà Hương đã chấm được một đám làng bên. Đám này gia thế lắm. Con gái út cụ Cừu, xưa nay chỉ làm ăn trong nhà. Mấy người chị đều lấy chồng giàu ngoài tỉnh. Như vậy được rồi. Bà kỹ tính, nhưng lại cả tin, dòng dõi, gia thế, con chị con em.

An cùng đi xem mặt vợ với hai anh bạn học trường phủ, một buổi chiều chủ nhật. Họ làm như những người tỉnh thành, các nơi thỉnh thoảng vẫn về làng công nghệ xem nghề tơ cử.

Mọi việc đã được bà Hương và mối lái sửa soạn cả. Khi đi, cô Hiền cười ghé tai dặn anh: “Anh vào nhà mà thấy cô nào ở nhà dưới lên sửa cử là đúng đấy. Phải tinh nhé, nhà người ta có những mấy chị em sà sà nhau”.

Bọn An vào, người nhà ra đánh chó, rồi lên nhà trên pha nước cuống quít, rộn rã. An để ý có một người con gái đương ngồi trên song hành sửa cử. Không biết có phải “cô ả” không, cũng áo cánh

lụa bịt tà như mọi cô con gái trong vùng này hay mặc diện buổi chơi phiên chợ lụa. À, bảnh hơn, có vành khăn nhiễu hoa dâu. Cô này nhỏ nhắn, bàn tay trắng muốt, lách, gỡ thoăn thoắt giữa hai mặt cửi. Cô hơi cúi, An nhìn thoáng, không được kỹ. Chỉ thấy cái cằm nhỏ hơi lẹm. Từ lúc nào, cũng không thấy ai ở dưới nhà lên sửa cửi nữa, nhưng không biết có phải thật “cô ả” không.

Về nhà, bà Hương hỏi:

– Anh nghĩ thế nào?

An điềm nhiên trả lời mẹ:

– Mặc u!

An cũng chẳng biết nghĩ thế nào và cũng chẳng nghĩ thế nào thật. Mấy hôm sau, làng nước đều biết mồng mười tháng Một này cưới anh An nhà bà Hương lấy cô gái út cụ Cừu. Người ta đồn rinh rược lên, cả đến ngoài chợ, ngoài hàng nước ai cũng nghe. Có một điều ít người biết. Bà Hương vốn kín đáo nhưng cũng khéo màu mỡ. Thật tình bà Hương chưa lo đủ tiền cưới cho con. Chuyển chạy tiền cho An được tha ở sở mật thám về đã sạt khối của rồi. Lại từ nửa năm nay, hàng họ đứng, mỗi phiên chợ lụa về, giá cả như có chân chạy, chênh nhau nhanh trông thấy từng phiên, từng ngày. Các khung dệt xôn xao cả lên. Vốn của bà Hương cũng toang ngoảng dần.

Nhưng, việc cưới vợ cho con trai, bà Hương nghĩ đã lâu rằng không ai để dành tiền cưới vợ cho con, mà lo trước cũng chẳng được, việc đời phải như thế rồi.

Bà Hương ra tỉnh nhờ dì Bốn bầu chủ vay tiền. Bà phải viết đoạn mại cái thổ nhà đất đương ở. Thế là bà Hương cầm một trăm rưỡi bạc, lãi mười phân.

Đám cưới to. Bà Hương muốn khoe tài đảm người đàn bà góa nuôi con, gây dựng cho con. Nhà có tiệc gọi cả cô đầu phố phủ về hát. Mổ bò mời làng, lại ngả theo một con lợn làm cỗ bát những mâm khách tỉnh. Thôi thì hàng thôn, hàng xã, các bà con dây mơ rễ má, người thì trả nợ miệng, người thì bán buôn bán, lại còn các bạn học, bạn chơi của An, tỉnh có, quê có, rầm rập suốt ba ngày.

An khó nghĩ về mâm cỗ để anh em trong làng riêng mâm thì dễ dị nghị, bên khinh bên trọng. Nhưng cùng chén với các bạn tỉnh của An

e cũng khó. Cuối cùng, An xếp ba mâm liền. Đẳng nào cũng thế, một đời một lần cũng cần để “các cậu” làng này “biết bạn mình các nơi không phải những tay xoàng”. Lạp và Chúc đều được An mời. Lạp định không đi. Nhưng Lạp thợ dệt cử nhà bà Hương, không đến dự không tiện. Vả lại, dù sao thì An và Lạp, bình thường mà nói cũng bạn trai làng. Một lễ nữa, Lạp muốn được ngắm cô Hiền đi đón dâu về, Hiền mặc áo the hoa đóng khuy, đeo đôi khuyên vàng.

Ngoài cửa, xếp chồng mấy cái xe đạp. Lạp lăm lăm đi qua vừa ức bọng khoe cửa, lại vừa tủi thân. Vào mâm, Lạp nhìn hai bên, đều những mặt khó chịu. Chúc lảng xảng với mấy thằng bạn An ngoài tỉnh, ghé nghiêng vuốt cái “cà là vạt” trông ở cổ, cái quần “phô tích so”, làm bộ tay thành thạo. Chúc lại lú lú như khướu hót “U Đon là một tỉnh bên Xiêm... tôi hoạt động trước ở đây... Đệ Tam... Đệ Tứ... Tôi bị vua Xiêm bắt...” Rõ thằng phét lác nguy hiểm. Chắc nó không dám khoe bây giờ nó hút thuốc phiện, đi chơi nhà thổ với chỉ điểm mật thám Khiết. Chuyện ba hoa của Chúc cũng kéo được mấy cái đầu tò mò châu lại. Lạp ngồi xa ra góc mâm đẳng này.

Một anh xắn ngược tay áo sơ mi, cầm chén rượu xăm xăm chạy đến, giơ lên trước mặt An:

– Tối hôm nay chú rể không thể bước nổi vào buồng được. Nhất định hạ chú rể gục ở đây. Nào mời đại huynh cạn với đệ chén mở màn.

– Mỗi người một chén với chú rể!

– Một chén!

Những chén rượu nhâu nhâu giơ đến. Chú rể An luống cuống. Tiếng ồn ào loạn xạ sang cả bàn tổ tôm gian giữa.

Lạp uống một ngụm rượu rồi cúi xuống, ăn ngồm ngoàm không nhìn ai. Bọn con nhà giàu, bọn tỉnh thành không nghĩa lý gì hết. Họ nói kiểu cách xa lạ. Chỉ thỉnh thoảng, Lạp lại phải trông thấy mặt cái thằng Chúc, như con chó ngoe nguẩy cạnh những người bạn ngoài tỉnh của An.

Góc đẳng kia nghe lồm bồm có ai đương nói... Đồng Minh... Mặt trận thứ hai... Lạp ghéch tai. À nó chuyện thời sự chiến tranh. Một cậu nói to.

– Tin mới nhất tao vừa đọc báo ban sáng.

Đầu đảng này có người hóng lại:

– Tin gì thế?

– Hồng quân đã vượt biên giới đánh vào nước Lỗ rồi.

– Thật không?

– À à... Đáo để nhỉ?

– Thiết giáp của Hồng quân đương đánh nhau với liên quân Đức - Ý - Lỗ ở ngoại ô thành Bucarest.

Cả ba mâm rượu quay ra bàn tán xôn xao về cái tin mới nhất. Thôi thì tranh nhau khoe cái lạ, cái mới mà mình biết, chỉ mình mình biết. Lại ồn ồn như chợ vỡ. Lúc này, nhiều người còn giữ ý với bàn tổ tôm các cụ bên cạnh, bây giờ hơi men đã choáng mặt, người ta đua nhau nói các tin tức mới.

– Tao thì chưa dám đánh cá cược quân Lỗ. Nhưng quân Ý thì có tiếng tòi nhất thế giới. Chỉ nghe ca-nông mà đã run khoeo. Ấy là chưa kể, nếu Anh Mỹ đổ bộ vào nước Ý.

– Cái thằng Anh - Mỹ chỉ men men, không dám đổ bộ vào châu Âu đâu.

– Chiến thuật người ta thế!

– Đáo để thật!

– BỐ bảo cũng không dám!

Có tiếng nghêu ngao ồ ồ:

Đi có để hình bóng

Có nhớ thương...

Mặt Chính đỏ phừng, vừa múa cái chén, vừa hát. Chính đương tán về “nước Nhật Bản lùn mà giỏi...” nhưng một tiếng hét thật to, khiến mọi người quay giật lại, quên mất cả trò ngộ rượu của Chính.

– Tờ rớt kít phá hoại!

Chúc đứng lên phản trước mâm cỗ, hét tướng. Cái kính trắng cận thị vướng tay rơi xuống chiếu. Nhưng Chúc vẫn nhoi vai lên, hai vũng mắt thâm xì nheo nheo.

– Đả đảo tờ rớt kít!

Rồi Chúc ra bộ gương vẩy nghênh mặt kính nhìn đảo cả ba mâm rượu.

Những câu hô to ấy ở miệng Chúc hôm nay không còn nghĩa mà lại như dở hơi, chứ bốn năm trước, khi Chúc mới về làng, ai cũng phục. Nhớ hôm Chúc thộp ngực áo Lạp với An và Lê, sấn sỏ hỏi: “Các anh là Đệ Tam hay Đệ Tứ?”, thì bọn này mừng quở lên vì được gặp một tay chính trị phạm.

Lúc đó, An cũng đương nghĩ về Chúc - An bị bắt, An còn biết Chúc rõ hơn nữa - An nhìn Chúc, lại nhìn Lạp, hơi cau mặt. Mâm rượu bỗng trùm một không khí lạc lõng sờ sờ. Không mấy ai biết Chúc là thế nào. Bọn bạn tỉnh của An ngỡ ngác, anh nọ bấm anh kia. Nhưng Lạp nghịch xỏ, quay cho Chúc lòi cái đuôi dốt, Lạp hỏi:

– Phá hoại cái gì đấy?

Chúc lại giơ nắm đấm:

– Tờ rớt kít phá hoại. Nó phá hoại cho nên lính phát xít Ý mới đánh nhau tòi thế.

Nhiều người cười ồ. Một người lằm bằm nhăn mặt. Thế là các mâm những ông bạn tỉnh, lại nhao nhao giễu cợt:

– Phải đấy! Phải! Líp líp lơ!

– Các cậu đừng đùa. Ở nhà quê mà hiểu được như anh bạn đây là khá lắm.

Lạp ngửa cổ thấy cần phải nói. Mặt Lạp bưng bưng. Tức khí, vẻ bị khinh lẫn cả vẻ khinh người, Lạp nói:

– Nay các anh vừa rồi nói chuyện bên Tây, bên Tàu, nhưng còn thiếu chuyện Đông Dương chưa anh nào kể. Thanh niên làng chúng tôi cũng có thể kể cho các anh nghe những chuyện thời sự ấy. Thằng Pê–tanh bên Pháp đầu hàng Đức, thằng toàn quyền Đờ–cu bên này thì quì gối lạy Nhật. Dân ta gãy cổ dưới hai tầng áp bức. Sự cao thuế nặng, trồng cấy thu thóc, sắp chết đói đến nơi rồi. Các anh ở tỉnh có biết không? Dân ta có chịu chết đói như thế không?

Cả ba mâm rượu lại im, lần này im bật. Những điều mà cái anh trai làng mặt mũi ngọc nghếch, hốc hác, mặc cái áo lụa sống cứng cành cạch kia, đã gọi nên trong đầu bọn người tỉnh thành những hình ảnh xám ngắt. Chúc gật gù: “Giỏi! Giỏi!”, không biết là nói tỉnh hay rượu nói. Còn cái anh Chính vừa hát bài ta theo điệu Nhật kia, thấy nói đến Nhật một cách căm hờn như vậy, Chính vụt im, tỉnh một phần rượu và bặm môi lại.

Những anh đương lão đảo say cũng bỗng phát sợ. An cau mặt đến sau lưng Lạp, cười nhạt, ghé tai thì thào:

– Mình biết cậu vẫn đi họp. Nhưng ăn cỗ không phải chỗ nói như vậy. Mình van cậu...

Những con bài tổ tôm ở gian bên không biết chuyện gì cả vẫn quẳng xuống chiếu đèn đẹt. Tuy Lạp đã im, nhưng An chưa yên tâm hẳn. Bây giờ thì An sợ đến cả Chúc. Nhưng Chúc cầm cỗ liên hồi gấp và uống. Dường như đã vào cơn say ăn. Chúc cúi mặt xuống bát, không nhìn ra xung quanh.

Cuộc rượu tàn, nhạt nhẽo. Mọi người ra về. Chúc say khướt, nằm úp mặt xuống chiếu, chốc lại cong cổ lên nôn thốc. Người nhà phải lấy vôi bôi trắng hai gót chân và đắp chiếu kín đầu, đẩy Chúc nằm cuộn tròn vào góc nhà.

An đi một quãng tiễn các bạn về tỉnh. Lạp ngồi nán lại. Từ lâu, Lạp không chú ý đến An. Nhất là từ khi An nói thẳng với Lạp, An không muốn gần anh em nữa thì dù sau này có lần anh Bân bảo nên gặp lại An, Lạp cũng ngại, tuy Lạp đệt cửri ngay ở nhà An. Nhưng hôm nay Lạp thấy rồi nên nói cho An rõ và rủ An vào thanh niên. Có khi chính mình hồ đồ và còn đa nghi. Cái khi An chưa bị bắt, hồi còn Bình dân, chống sưu, lập Ái hữu, viết báo, An đã hăng hái.

Lạp ghé sang châu rìa bên chiếu tổ tôm một chốc. Nhưng trong bụng đương có điều không yên, Lạp cứ thấp thỏm nhìn xuống nhà ngang. Trời đã xẩm tối, Lạp không đoán được Hiền đi đón cô dâu về chưa^[1].

Bà Hương ngồi tằm tràu với các bà đảng gian đầu hồi, bỗng gọi xuống nhà ngang:

– Hiền ơi, lên sắp đèn chiếu tổ tôm các cụ nhà trên nhé.

Hiền và cô dâu mới xách hai chiếc đèn ba dây lên. Ba gian nhà treo đèn sáng trưng.

Hiền về rồi. Lạp ngồi châu đầu vào đám tổ tôm mà tai vẫn nghe tiếng quần lĩnh sột soạt đến sau lưng. Hiền tới gần Lạp mới quay mặt lại. Hiền đứng trước Lạp, khăn sa tanh mới, nền áo cánh lụa để ánh cái cạp cánh sen trên chiếc quần lĩnh nhóng nhánh. Ánh đèn lồng lồng, trông Hiền lừ đừ như ở trên dòng nước trôi đến, khiến Lạp lóa cả mắt, đăm luống cuống. Nhưng Hiền đã cười hỏi:

– Lúc chiều anh thuyết họ cái gì mà to tiếng thế?

Ra Hiền về từ lâu, cũng nghe biết cả.

– Có gì đâu. Tôi bộp vào mặt cho người ta hết khinh thường nhà quê...

Đằng kia, chẳng biết vô tình hay giữ ý, bà Hương nói với sang:

– Này con, đem thêm cây vớ này mà vào buồng ngồi tằm trầu với cái Cả cho nó vui có chị có em.

Hiền sang đấm các bà tằm trầu, cầm cây vớ và cả cái đèn con vào buồng cô dâu. Lạp cũng không ngồi lại nữa. Trong người xao động. Lạp đương muốn ra đường đi nghĩ ngợi một mình. Vả lại, đón An nói chuyện ngoài ngõ tiện hơn. Lạp lững thững bước trong bóng mờ, trên trời long lanh những ngôi sao sắc rợn như những mảnh thủy tinh. Vẫn phảng phất mùi thơm quần áo mới của Hiền, thoảng hơi băng phiến.

Hơi rượu gây cho Lạp một mối buồn dịu dàng. Lạp tưởng tượng Lạp sắp lấy Hiền. Song Lạp cũng đủ tỉnh và nghĩ ngay được khó lòng bà Hương chịu gả con gái cho thằng thợ cửi. Lạp không nghĩ nữa. Nhưng giấc mộng thú vị cứ trở lại, Lạp gạt đi, nó lại hiển hiện, day dứt. Lúc này cô dâu vào buồng, Hiền cũng bước vào. Thấy thế mà lòng xốn xang. Nhưng bao giờ thì Lạp lấy nổi được Hiền? Chưa chát, vui, buồn lẫn lộn. Lạp trông lên trời, thấy những ông sao lóng lánh giống đôi khuyên vàng của Hiền.

Ra đến ngã ba đầu xóm. Lạp gặp An đi tiễn bạn về, An hỏi trước:

– Lạp về à?

Lạp không trả lời câu hỏi ấy, Lạp rút trong túi ra một quyển sách nhỏ.

– Quyển này, An xem chưa?

Tuy nhá nhem, nhưng An cũng trông rõ quyển sách con con, bìa có bốn chữ đỏ Bắc Sơn khởi nghĩa, dưới vẽ hai chữ V và M quàng lên nhau. Tuy cố bình tĩnh, mà giọng run run, luống cuống:

– Có... à mình có biết, biết... nhưng chưa... chưa xem. Sách này mà cậu dám để trong người à?

– Tôi mà cất tài liệu thì đến bố "chó" cũng không đánh hơi ra được? Tôi muốn nói nốt chuyện ban nãy với An. An có còn nhớ anh

Tần không?

– Có

– Anh ấy giờ chỉ huy du kích ở chiến khu.

– À...

Nhưng tiếng Hiền ánh ả đằng xa:

– Anh An đấy phải không?

An vụt nhanh nhẹn hẳn lên, quay lại hỏi:

– Hả, hả? Cái gì thế?

Hiền chạy ra.

– U bảo anh về xem gà đẻ tối nay nấu cháo hầu chiếu tổ tôm, em không biết đâu...

Được có, An hấp tấp vào nhà.

Mấy hôm sau, một hôm, Lạp ở khung cửa ra, gặp An trước cổng. Lạp nhìn trước sau, không có ai, nói nhỏ:

– Trưa mai, An đi đằng này với tôi nhé.

An điềm nhiên lẳng lặng nói:

– Độ này mình bận lắm

Rồi An vội vã về. Lát sau, An lại ra. An dắt xe đạp đi qua đầu hòi nhà ngang. Hiền đang quạt hồ trong ấy, hát véo von.

Nhà tan nước mắt, còn nhiều nỗi lo...

An giật mình. Cái Hiền nó hát bài chính trị từ hôm nọ! An dắt xe đạp, bước nhanh như có người đuổi. Chao ôi, những như cái Nhàn, cái Hiền mà cũng hát thế, cũng biết thế, thì hội kín ngồi cả trong nhà mình rồi. An lại thấy hình như mặt thám lại sắp về vây nhà. Mà trong nhà An, chắc thằng Lạp đã đem giấu không biết bao nhiêu báo sách bí mật, An lại thấy hiện ra cái mơ nốt còng hai tay lại và chùm xiềng cùm chân dẫn người nằm ngựa xuống xà lim. Cái hòm điện đặt trước mặt thằng mặt thám lại...

An sợ quá, ngỡ thật.

[1] Tục lệ vùng này: cưới buổi trưa, cô dâu lễ tơ hồng xong lại trở về nhà mình, đến chập tối thì nhà trai cho hai cô phù dâu sang đón.

XI

Nhà ông Trương Ba ở cuối xóm. Ông được hưởng hỏa một cái dinh cơ năm gian nhà mái gòi nhưng tường hậu, hồi gạch, khu vườn thênh thang, lại còn cả cái ao nông bùn, đến mùa thấy cá mè úi. Có người nói: “Từ khi tôi lớn lên, cảm thấy cái lão Trương có được hai khung cửi mà cũng cảm thấy lão phải đi vay nợ ai. Rượu tỳ tỳ, mũi đỏ như mũi ông tiên. Thế mà sướng!”.

Đột nhiên, có người con của con gái ông bà cố để hưởng hỏa từ tỉnh xa về, đứng tên kiện. Rồi bên kia dựa vào thế đạo, hứa với nhà thờ là sẽ đi đạo và cúng tất cả vườn ao nhà đất ấy để làm nhà tràng. Thế là bố con ông Trương Ba thua kiện ngã ngựa ra. Nhà Chung cho thu xếp ở đợ lại mấy năm. Hoa màu cá mú chẳng được xơ múi gì nữa. Ngặt đến nỗi một lần không biết có đũa nào câu trộm góc ao bèo, người nhà thờ làng Đông xuống coi thấy ao bèo loãng, liền báo phủ. Lính phủ về xích bố con ông Trương Ba chốt nằm “nhà pha” ở phủ mất hai mươi bốn tiếng.

Đầu năm, ông Trương bán cái khung cửi. Những người trước kia dừng dựng và ghét ông, bây giờ cũng ức thay. Nhưng ức cũng chẳng ăn ai. Thế lực bên đạo người ta to như giời. Làng này, trước có người đánh chết vợ mà dựa vào nhà thờ và đi đạo cũng êm ru cả.

Từ đấy, ba bố con đi làm mướn. Cái nhà ông Trương Ba ở bỗng rộng ra, ám u hơn, cả ngày vắng tanh, chiều tối mới có bóng người lui lui về như con dơi bay vào vườn hoang.

Hôm ấy có một cuộc họp tổ cứu quốc. Nhà ông Trương Ba áp cánh đồng, nếu có bị mật thám ập vào thì cũng dễ tháo.

Cái tiếng lệnh vỡ của bác cai Giắt đã oang oang từ ngoài sân: “Chớ nhà này đã vào nội cả hay sao mà không thấy con nào ra chào tao!”. Người sao vô ý, đến đâu là như đánh mõ đến đấy. Bác cai vẫn phải cái vui tính và bộp chộp, Lạp bảo mãi mà không biết giữ gìn. Lạp lúc ấy ngồi trong nhà đương bán khoán. Lần nào mà Bân không về thì Lạp rất lo. Mình nói năng còn có phần kém tin tưởng, hướng chi hôm nay có việc quan trọng phải họp ban ngày. Ai cũng mất công mất việc, “thuyết” mãi mới được Ba và Trung về với hai anh

nữa. Còn cũng đều vắng. Nghề canh cửi đương bước khó khăn. Lúc này phải bặm bở lắm, không dứt ra được. Tuy vậy, cuộc họp vẫn đủ người.

Mọi người quây tròn quanh phản. Cai Giắt ngồi bậc cửa ngoái vào lấy cái điếu cày, rít chuyền tay với nhau. Cai Giắt thở khà, trợn mắt, nói khao khao trong khói:

– Anh Bân hôm nay có về không?

Lạp đáp “không”, cứng cỏi. Cuộc họp bắt đầu, cứ kể đứng người ngồi như thế. Lạp nghiêm chỉnh, trịnh trọng:

– Thừa các đồng chí, bên Âu châu, quân Đồng Minh đã đại thắng, Hồng quân Liên Xô đương tấn công sang tận nước phát xít Đức...

Mọi người chăm chú nghe. Những chuyện xa lạ đâu đâu dường như sắp đem cái gì biến đổi ở đây đến nơi. Lạp giơ tay, vừa nói vừa bặm ngón cái và ngón trỏ, đầu nghiêng nghiêng lắc lư hết dáng anh Bân. Đó là tin tức Lạp đã đọc được trong các báo Cứu quốc và Cờ giải phóng. Còn bên Đông Á thì quân Nhật cũng thua liểng xiểng. Ngay cả ở Hà Nội, máy bay Đồng Minh đánh Nhật đã ném bom ba lần rồi. Người thành phố chạy tàu bay về làng ta trú ối ra kia kìa, đã biết thế nào là chiến tranh rồi. Cứ tình thế này, quân Đồng Minh sẽ đổ bộ vào Đông Dương. Còn Pháp với Nhật thì càng ủng oảng dữ. Chúng mới bắn nhau một trận ở chiến khu của ta trên đường ngược. Nguyên vì Pháp muốn Nhật đánh ta, Nhật lại đẩy Pháp vào đánh ta trước. Chung quy cả hai cùng sợ bị ta du kích. Thế là chúng đâm ra bắn nhau. Hay quá, chết hàng trăm thằng.

Điều thuốc đã vè sắp hút, thấy kể máy bay mới đến ném bom Hà Nội, một anh nói chen:

– Gớm, tôi vừa nghe được chuyện này ở chợ. Chuyện là bên Đồng Minh mới làm ra cái tàu bay có hai cái thân, bay nhanh như gió, ném xuống toàn bom dây đã trúng vào nhà tri phủ Thuận Thành đương họp cùng mật thám Pháp - Nhật bàn đi thu thóc và bắt Việt Minh, chết hết!

Thế là cuộc họp đâm lan man. Bởi vì mỗi người đi chợ về thì cũng đem được vài chuyện tình hình mới.

Anh Ba gật gù:

– Thì ra bài hát của ta hết sấm cụ Trọng Trình... Mỹ Tàu đổ bộ, Nhật - Pháp đang bắn nhau.

– Hơn Trọng Trình ấy chứ. Bài hát ta còn tiên tri cả được rằng Việt Minh đứng lên đánh Tây, đuổi Nhật cơ mà.

Từ nãy, cai Giắt coi bộ suy nghĩ, giờ mới gật gù hỏi:

– Anh Lạp nói quan sáu Đờ-gôn ở Ba Di theo Ăng-Lê đấy hả?

– Phải.

– Ờ thế thì đích thằng sáu Đờ-gôn người dong dỏng cao, hay phạt lính lắm, tôi đã giáp mặt nó bên Ma Rốc.

Có người che miệng cười. Như không để ý, bác cai lại tiếp tục suy nghĩ, lặng lẽ. Thỉnh thoảng rít ống thuốc, ngửa cổ khà một khói.

Đã kể xong phần tình hình, vui miệng, Lạp cũng cuốn luôn và những mẩu chuyện quanh cái điếu.

– Các đảng ấy còn nhớ anh Tần chứ, Tần người thâm thấp, vạm vỡ, mặc áo sơ mi trắng, về huấn luyện chúng mình hồi Bình dân.

– Có phải anh cu ở vùng trong ra quắp nhà Hai Tâm đi ấy không?

– Đờ nào, đây là thằng mật thám Khiết. Còn đây là anh cán bộ Tần...

Lạp sực nhớ việc giữ bí mật, thôi không nói nữa.

Cai Giắt vươn vai:

– Trước sau ta vẫn bảo ta đánh nó. Bí mật thế quái nào được. Tớ càng mong chóng đến lúc đánh, chứ tàu bay còn bom đạn mãi đường sang Sài Gòn, hàng lụa ta không vào Sài Gòn được, càng ế nữa thì sắp đến chết toi cả nút chứ lại giờ đất này!

Mỗi người nói một câu, lại ồn ào những chuyện khó khăn. Giá thước lụa cứ tính theo từng xu, từng phen. Ngoài chợ sao mà cái giống hàng quà vật càng ngày càng nhiều, ai cũng kêu hỏi này ăn khỏe thế và kẻ ăn mày ở đâu kéo ra mỗi hôm một đống, lượn từng đàn, như cá tìm mồi - những dấu hiệu đói kém đến nơi.

Ngồi lâu đâm mỏi, cai Giắt vào trong phản kenh xuống một tý. Lúc mọi người về, không ai gọi, thế là bác làm một giấc đẫy. Đến lúc dậy, nắng ngoài sân đã chéch hết xuống bờ ao. Mọi người đã về từ lúc nào, chỉ có Lạp và Ba vẫn châu đầu thì thào.

Nghe tiếng cai Giắt ngáp, Lạp và Ba cũng vào phản hút thuốc. Lạp định phê bình bác cai ngủ mất cảnh giác, nhưng rồi nể, lại nói:

– Vừa rồi đã bàn chúng ta sửa soạn hàng, lại sắp “đi chợ”.^[1]

– “Đi chợ”?

– Ừ.

– Tớ làm chân gì đấy?

– Tự vệ thì làm trật tự.

– À được. “Đi chợ” ở đâu?

– Chưa biết. Hôm nào đi mới báo.

Lạp và cai Giắt cùng về. Qua sân, cai Giắt nhìn xuống ao, nói bô bô:

– Góm chưa, cá úi đến tận chiều, có khiếp không.

Rồi nhặt hòn gạch thia lia xuống mặt ao bèo loăng. Mấy cái đuôi cá chép đỏ au quẫy lên.

Ba nói:

– Lốp cá chép này năm kia nhà tôi thả còn lại một ít bây giờ con nào cũng bằng cái “đòn ngòi”.

– Cá này mà xắt ba, con đem rán, con ăn ám thì tốn rượu lắm.

Nói xong, cai Giắt nháy mắt hỏi Ba:

– Vẫn chứ?

Ba chặc lưỡi:

– Thì vẫn!

– Đúng rồi. Sợ chó gì những thằng bên đạo. Nó cướp của mình chứ mình móc cổ đũa nào! Đã thế... Nhân thể nhà hết củi tớ đương thông thả. Ta xiếc một mẻ chén chơi. Nhà có chũm đấy chứ, Ba?

Họ kéo ra, ghé nghiêng ngó mặt nước. Mấy cái cười mủm mỉm nhanh chóng ăn ý đáp câu nói của cai Giắt.

Ba vác các thứ đồ lè đánh cá trên gác bếp xuống. Cai Giắt loay hoay buộc mấy chổ vó thủng. Vừa làm vừa pha trò:

– Phên này mà thằng nhà thờ làng Đông có bỏ tù, tớ phải đi tìm cái đạo nào thế lực hơn để bỏ tù lại chúng nó mới được. Thằng Nhật theo đạo gì nhỉ?

Lạ cười:

– Đạo Việt Minh!

Những câu nói đùa thúc họ bạo thêm. Chũm, vó vút xuống ao, chớp nhoáng mò một mẻ được hơn chục con cá chép xắt ba.

Vừa chập tối, lão Trương đi làm về. Lão bước vào, áo phanh khuy, quần lá tọa, chiếc khăn mặt đỏ vắt vai.

Cai Giắt reo:

– Ôi kìa, bố tôi đã về. Hôm nay con đến chơi lại được bố thết bữa chén cật lực thế này, chẳng mấy khi mà bố con anh em ta vui vẻ cả.

Kéo cái khăn mặt lau mắt toét, lão Trương đã đoán biết cái việc gì của bọn Lạp và cai Giắt, mà thỉnh thoảng vẫn kéo nhau đến đây. Lão không tỏ vẻ làm sao, cũng không nói sao. Ông lão cho là tể cò làm giặc hay đi lễ bái, bàn bạc hội đồng, họp làng, họp xóm cũng đều phải ăn uống như thế và như thế là phải.

Lát sau, Nhàn cũng đi làm hồ về, thấy nhà tấp nập vậy, cô bảo bố:

– Thầy chẳng can các anh ấy. Nhỡ một cái trên nhà thờ nó biết bắt cá trộm thì có mà ngồi tù chật đôn.

Nhàn nghĩ đến năm ngoái, anh và bố đã có lần phải đi nằm “nhà pha”.

Nhàn bảo Lạp:

– Anh Lạp cũng a dua thế à?

Lạ cười nói đùa:

– Phong trào lên cao quá! Cô ngồi đây đỡ tôi.

Nhàn ngồi mổ cá với Lạp. Nhàn có cảm tình và có lẽ đã bâng khuâng yêu Lạp, mà Lạp không biết. Rồi tự dưng sốt ruột và ngượng, Nhàn đứng lên, chạy đi buồng cống nêm chặt rồi ra đầu hè, tự dưng khóc rưng rức. Con gái thì khóc cũng như cười, chẳng biết thế nào, chẳng ai hỏi một câu, mọi người cứ lúi húi làm cá ăn. Nhàn khóc một lát rồi lại vào trông nồi cá. Chẳng mấy lúc, mâm rượu với cá chép luộc chấm muối đã bày lên ngồn ngộn giữa phản, trong ánh chiếc đèn con nhấp nhòe. Cửa, ngõ đóng kín hết, tảng như nhà đã ngủ cả. Không ai tưởng trong nhà lão Trương Ba lại có cuộc rượu túy lúy, nửa đêm hã còn người gật gù.

Cai Giắt xếp bằng tròn, hai ống quần xoe lên tận bẹn. Mỗi tợp rượu lại một húp cháo xoàn xoạt. Chắc là bên Tây người ta đánh chén cái lối vừa ăn vừa uống thế. Trời lạnh mà mặt lão bóng nhẫy mồ hôi, miệng lèm bèm nói. Lão Trương không hơi đâu nghe chuyện cai Giắt, mai lão còn phải đi dệt cử sớm, lão nằm ngủ rồi. Cai Giắt cũng không cần biết. Ba và Lạp cũng không phải người chịu chuyện bác cai. Họ đã nghe những chuyện ấy cả mười mấy năm nay, từ khi bác cai ở bên Tây về. Hai người thanh niên cũng đã ngáy khò khò. Bác cai lắm nhảm một mình với cái bóng bác ấy trên vách. Và cái chai, con mèo, nồi cháo. Khà khà khà... Cai cú gì tôi... Mười tám tháng sang bên Ma Rốc dẹp loạn Mạc Đình Kim^[2] tôi toàn đi dắt ngựa. Cai Giắt là tên anh em đặt cho cái tích dắt ngựa đấy. Tôi về Ba Di thì thăng quan Tư bảo đăng khóa nữa. Tôi lắc. Nó đá đít tôi, chửi: mày về An Nam bây giờ thì đi cu li xe chứ mày làm gì. Tôi vẫn lắc. Quan Tư đá đít tôi cái nữa mới cho tôi mãn lính, tôi về. Mẹ kiếp chứ. Thế nào nhỉ, này này Nước ta bị Tây cướp; đã bảy tám mươi năm, bây giờ thì ông nắm thóp mày rồi, Tây ạ.

Một lúc thật lâu, im lặng.

Lạp thức giấc, vẫn thấy le lói sáng đèn. Mâm rượu sạch nhẵn, lồng chông không còn ai. Một con mèo mướp lom khom ăn xương cá. Ngoài vách cửa, cái gì lù lù như người. Soi cao đèn lên thì thấy cai Giắt đứng trong góc. Ria mép bê bết cháo. Thì ra bác ta tựa vào vách, ngủ đứng. Tội cái lão, đi lính quen gác đứng, ngủ đứng thế này, thành tật rồi. Lạp hỏi hận lúc chiều đã không đẩy cai Giắt về lên đầu hôm dệt bù một ngày vắng. Chỉ lại khó cho đứa nào bận sau đến rủ cai Giắt. Phải bà vợ ác mớ, lúc nào cũng quang quác.

Tuy vậy, không lay gọi, Lạp mặc cai Giắt đứng ngủ trong xó. Lạp khẽ mở cửa, bước ra. Lạp phải về, mai đi dệt cử sớm. Ngoài sân tối mò. Bỗng, ngay bên cạnh cửa có tiếng nho nhỏ:

- Anh Lạp à...
 - Cô Nhàn. Cô đứng làm gì khuya thế?
 - Em gác cho các anh uống rượu. Em sợ lắm. Em chỉ sợ có đứa báo nhà Chung nó xuống.
 - Cô lo xa quá. Vào ngủ đi, mai còn phải đi làm chứ.
- Lạp đã ra tới giữa sân.

- Anh Lạp...
- Gì?
- Lại sắp có “đi chợ”, hả anh?
- Sắp. Cô đi không?
- Thế nào em cũng đi.

Rồi Lạp chui qua cái khe cổng tán, bóng hút vào trong đêm. Nhàn tần ngần, rồi Nhàn lại khóc. Bây giờ không phải khóc vì lo nhà thờ xuống bắt được ăn trộm cá. Mà vì câu trả lời nhạt nhẽo của Lạp, rồi Lạp đứng đưng đi. Nhàn buồn, tủi thân nữa. Chắc là Lạp yêu Hiền rồi. Lạp dẹt cửi ngay ở nhà Hiền, cũng chẳng trách được. Hiền, con nhà giàu, áo the, khuyên vàng. Còn Nhàn thì... Nhàn thoáng nhớ nét mặt cau có của An dạo trước. Quân nhà giàu, coi người như mề. Lạp đã đắm say chỗ giàu sang ấy, người ta đi lên chứ ai đi xuống. Nước mắt Nhàn ràn rụa trên má. Nhàn đứng khóc trong bóng tối.

[1] Khi chuẩn bị khởi nghĩa, các cơ sở cứu quốc nói lóng “đi chợ” là đi mít tinh tuyên truyền một nơi nào đó.

[2] Nhà ái quốc Ad Ebl Krim (lính ta gọi là Mạc Đình Kim), ở Ma Rốc nổi lên chống Pháp khoảng 1920 - 1925.

XII

Bà Hương đang ngồi trước cây suốt ở đầu nhà. Thấy Lạp vào, bà ngừng tay quay cái vè:

– Anh Lạp đấy à? Cơm dọn rồi, anh xuống mà ăn rồi hãy lên dẹt đầu hôm.

– Tôi vô phép bà rồi.

– Nói thật hay làm khách đấy?

Không đáp câu bà hỏi, Lạp lẳng lẳng cời áo, bước vào khung cửa. Dù có thật chưa ăn, Lạp cũng không dám ăn cơm tối như thế, trong khi cả ngày Lạp không dẹt được một tấc. Hơn nữa, chỉ những nghe cái giọng bà Hương nói ngọt xót cũng đủ không thể nuốt cơm được. Hai hôm nay, Lạp bỏ cửa. Có gì đâu, vừa họp tổ xong, Lạp phải đi liên lạc, sửa soạn, cổ động các giới cứu quốc “đi chợ”. Bà Hương không hỏi, bà không đay, bà không nói tới việc Lạp bỏ cửa, bà chỉ ngọt nhạt thế. Nhưng chì chiết như kim đâm vào tai. Mấy năm nay, từ khi còn dẹt nhà Hai Tâm, sự hoạt động với cái kiếm ăn hàng ngày vẫn là chuyện trái khoáy, không giải quyết được. Nhưng vừa vào khung, Lạp đã nhăng chuyện bỏ cửa và những lời bà Hương nói ngọt nhạt mát mẻ, Lạp bặm bở giựt thoi. Mũi thoi thoăn thoắt, cái vò khổ và cuốn cửa chạy xồng xộc, long lên như ngựa lồng, khung cửa rung chuyển rầm rầm. Không thì thôi, đã dẹt Lạp là một tay bặm bở có tiếng.

Lạp miên man nghĩ. Nếu thế thì hiện nay lắm nơi còn hiểu biết cao hơn vùng này. Như anh Bân nói đấy. Ở đồng sâu trong kia, cách mạng đã lan tới giới phụ lão. Trong ấy có những ông già như lão Vượng nát rượu hề thấy cán bộ là hỏi rặt chuyện thế giới, hỏi được cả “quân Đức phát xít đã bị Hồng quân đuổi ra khỏi đất Bạch Nga chưa?” (đến mình cũng chưa hiểu Bạch Nga ở đâu). Nếu thế thì quý thật. Bây giờ, đâu đâu cũng tin tưởng và triển vọng. Đến như ở đây cũng rầm rộ hơn ngày Ái hữu, mà ngày ấy thật chưa biết gì. Chỉ có cái hăng. Lại tiếc cho thằng Lê, giá Lê còn ở nhà. Bây giờ khó hơn trước, phải bí mật, phải biết tổ chức. Nhưng bây giờ, người hiểu, người tham gia chín chắn hơn. Mấy lần mít tinh xung phong tuyên truyền ở chợ Cầu khác hẳn cái lần mít tinh “phản đối Nhật vào Đông

Dương” ở đầu làng, phải vừa đi rủ vừa nói dối cho người ta đến đông. Giờ đây, người cứu quốc và cảm tình hàng tổng kéo đến. Phụ nữ cũng có, trước kia làm gì có được phụ nữ, các cô như Hiền, như Nhàn...

Lạ xách đèn ra treo trên sọt thừng giữa khung cửa, gỡ cái gùn trước cửa go. Bóng tối bên ngoài dội hẳn lại trong khuya mà đằng xa còn đưa lại tiếng tanh tách động khung cửa nhà ai. Từ nhà trên đưa xuống tiếng bà Hương ánh ỏi nói nặng. Có lẽ bà mắng Hiền. Không nghe rõ, nhưng Lạp đoán theo thói quen thường ngày là chửi bới ai thì chửi mắng Hiền đấy nhưng ý tứ là bà Hương lại cạnh khoe con dâu.

Từ lúc Lạp ra khung, gian nhà êm ả thì những ý tưởng bông bột mở cờ trong tiếng âm âm khung dệt lúc này cũng bị đứt quãng. Những tiếng bóng gió chì nghiêng vợ An của bà Hương lại luẩn quẩn vào tai. Bao nhiêu tấm tối. Mẹ chồng, nàng dâu, đời người phụ nữ trong nhà chồng chất những dần vật đầy ắp nhau, người nọ làm khổ người kia. Còn nhớ trước, mỗi khi thấy vợ bác cai Giắt chửi chồng, Lê và Lạp thường nói: bao giờ cho hết những đau đớn ấy. Sự tin tưởng nâng người ta lên trên những èo sèo khổ sở hàng ngày. Nhưng mà Lạp yêu Hiền thì làm sao có được tin tưởng? Chẳng khi nào mẹ Hiền gả con cho đứa dệt cửa mướn. Vậy thì làm thế nào?

Lạp không thể trả lời. Nhưng bà mẹ dễ tính của Lạp ở nhà thì lúc nào cũng vui vẻ. Nhiều khi Lạp cũng bực mà cũng lại lây cái vui tính phôi bò ấy. Bà lão đi khâu mướn, nhiều đêm con trai ngủ ở nhà, thấy nó hay nhắc nhảm đến cô Hiền, bà biết Lạp phải lòng cái ả con chủ nhà ấy rồi. Nhà bà Hương khá giả thật, mẹ con bà thì nghèo thật. Nhưng bà chẳng thấy cách trở. Chẳng qua là nhà mình chưa đến lúc giờ mở cửa, chứ sức như thằng Lạp mà có vốn, có vợ đảm, chỉ vài mươi năm thì cũng nhà ngói sân gạch như ai. Ở làng này thiếu đâu người đương tưng bán, mà lấy được vợ được chồng có của là giàu có ngay. Nhà bà Hương ấy xưa kia cũng vậy. Nghĩ thế, mẹ bảo Lạp: “Mày muốn làm rể bà Hương để tao đi nói cho. Cứ nói thẳng, được hay không cũng chóng vánh ngay, chẳng phải mai mối gì”, mấy lần mẹ Lạp nói thế. Lạp phải gạt đi vì nghĩ chuyện không dễ dàng như mẹ tưởng.

Nhưng từ khi Lạp tuyên truyền, đưa sách báo bí mật cho Hiền đọc, Hiền đã dám đi họp tổ cứu quốc. Lạp rất vui: “Phải rồi, mai đây Việt Minh sẽ làm cho Việt Nam độc lập, ta sẽ lấy được Hiền”. Từ ấy, Lạp như tìm được đường đi, mỗi khi nghĩ đến tình yêu với Hiền, không còn ngậm ngùi bi quan như trước. Đôi khi cũng lo, nhưng sự tin tưởng mai sau lại làm dịu được cái lo ấy.

Lạp xách đèn vào khung, lại dẹt. Lần này, Lạp giật thoi đưa thật thanh. Lạp gà gà mắt nhìn xuống mặt cửi, trông bóng cánh tay mình cử động, tưởng đến đám mít tinh ở chợ sắp tới.

Lạp dẹt dần thêm một lần gõ dẹt nữa, rồi đập văng làm hiệu cho người nhà xuống gỡ cửi. Không muốn lại phải nghe thấy mấy câu mát mẻ xa gần của bà Hương, Lạp xách guốc đi nhanh xuống ao rửa chân, trong khi Hiền và bà Hương đương gỡ cửi, bọc hàng. Lạp đi về. Trăng sáng thênh thang trên làng xóm, kêu gọi lòng người những ý nghĩ và bồi hồi. Thế là Lạp quay trở lại. Nhưng cánh liếp cửa sổ khung cửi nhà Hiền đã đóng. Trăng vàng vạc như ban ngày, nhìn sượng mắt như thấy người con gái mặc áo lụa.

Vừa nãy, Lạp đi ngay tránh nghe những câu nói mát con dâu của bà Hương nhưng không ngờ bà ấy nói Lạp, ngay trước mặt Hiền. Lạp vừa bước ra ngõ, bà vuốt cái cuốn cửi lép kẹp, chép miệng:

– Thợ cửi với thợ canh, rõ cái thân trên một bộ dưới một bộ mà nay nghỉ mai nghỉ. Phiên này đồ ra chưa chắc đã nổi ba chục thước hàng. Cũng đến vái ra ông thợ cửi này thôi.

Ít lâu nay, bà Hương hay nghiêng ngả, dần vật người này người khác, vu vơ. Bà Hương rên rỉ đau không nói ra được, như người ngồi phải cọc, là vì vợ thằng An đàn độn quá. Con nhà thế mà lại thộn. Bà Hương chỉ có một mình An là trai, lại là vợ cái con cột không thể vắng sao tìm đến giăng được. Kể ra, tính khắt khe thường tình của một bà mẹ chồng thì bà Hương cũng sẵn, nào uốn nắn lời ăn nói, thưa gửi chỉ vẽ bếp núc, bảo chỗ phơi phóng cái quần cái áo, những bắt bẻ ấy, bà Hương vẫn làm thường - mỗi người con gái đi làm dâu thì tự nhiên phải qua cái cầu ấy mà thôi. Nhưng đằng này nàng dâu bà chờ dẫn quá đổi, quá lắm.

Buổi kia vợ An về nhà ăn việc làng. Ông Cửu gửi con gái một đĩa xôi, cái tỏi gà và đôi quả cau về biếu bà Hương. Vợ An bưng cái tráp đồ biếu về thưa với mẹ chồng. Bà Hương nói khéo:

– Năm nay hàng ế, cỗ bàn làng nước hàn hâm cả, mà cụ bên nhà lại vè vời quá, tôi chả dám nhận nhiều thế này.

Vợ An đứng im, không biết nói lại thế nào. Rồi đó bà Hương đi chợ. Vợ An ngồi một lúc rồi cấp tráp, vẫn nguyên đĩa xôi và cái tỏi gà, quả cau tươi đem về nhà mình. Bà Hương không nhận thì phải mang về, chứ sao! Phúc đời, ả đương lù lù đi thì gặp bà mẹ chồng giữa đường.

Chuyện ngớ ngẩn đáng xấu hổ này, bà Hương chỉ biết rên rầm than thở với Hiền. Cô nàng dâu là cái đụn rạ, cái cục đất, cái đầu rau xó bép. Mua vàng phải vàng giả, mua người phải hình nhân hàng mã mất rồi. Bao nhiêu cái hay cái giỏi thì những con chị nó cũng đi mất cả. Một người trăm khôn nghìn khéo như bà Hương, chỉ vì cả tin, mắc phải cái gai, đau mà không dám thở ra.

Ngày An phải bắt, bà đã bán tào bán huyết nhiều. Khi cưới An, những ăn uống lễ nghĩa đã ngoạm nửa vốn, mà còn vay mượn thêm. Tháng lãi mười phân cứ ề ra. An thì vẫn nhong nhóng chưa tìm đâu ra việc. Bà lo lắng. Đi học cũng như đi buôn, cái chữ Tây ế rồi, hiếm việc, nhiều người xô đi kiếm chữ Nhật, việc dễ mà làm tốt tiền. Bà Hương rối cả ruột.

Nếu bình thường như ngày trước, hàng họ chạy tay thì cũng đỡ lo. Nhưng đến phen thời buổi tao loạn, những lái lụa chững lại, chỉ về mua cầm chừng. Gạo thì mỗi ngày một giá, ba trăm rồi hơn ba trăm, ngót bốn trăm, mà còn có cơ nhích nữa. Ngoài đường, các nhà buôn thu thóc liên đoàn có tuần tráng khiêng cân bàn theo đi cứ nhưng nháo hàng lữ nhòm ngó khắp các làng.

Mỗi ngày phiên tư bây giờ một hót hoảng. Nhà nào cũng gọ gặng làm lấy. Thợ tư thợ củi các nơi đến làm mượn đã bỏ đi lần lần.

Cơm chiều phiên tư xong, cũng như mọi khi, Lạp lên nhà trên vay tiền củi. Nhưng hôm ấy còn có việc khác, Lạp nấn ná, vờ chữa chạy trong khung. Vì Hiền chưa đi chợ lụa trong Hà Đông về. Hôm nay, Lạp đã dặn Hiền liên lạc lấy tin của anh Bân ở vùng trong đưa ra chợ lụa cho Hiền. Tuy vậy, kỳ cách một lúc lâu trong khung rồi. Lạp ngại bà Hương sinh nghi “ngày phiên nghỉ mà chăm chỉ quá, sao hôm nay hiếm thế”. Lạp lên nhà trên, bà Hương mời Lạp uống nước “anh ngồi thông thả tôi nói câu chuyện”. Lạp chưa kịp đoán được

chuyện gì, bà Hương đã rót chén chè mạn đưa Lạp, rồi thong thả vừa cuốn lá trà không, vừa nhẹ nhàng nói:

– Hàng phiên này ế quá. Con Hiền nhà tôi chưa về chợ, nhưng tôi cũng biết chợ búa rồi, chán lắm. Không có lái về mua. Tôi đã bảo chẳng lấy tơ thêm nữa. Lúa hồ này đoạn, tôi cho khung trong dệt lấy, được thước nào hay thước ấy, còn cái khung ngoài tôi định để nghỉ một dạo, nghe ngóng hàng họ ra sao.

Lạp hiểu, bà Hương nghĩ cửi muốn đuổi Lạp ra. Trong đời đi dệt mướn ăn cơm nếm, Lạp đã thường nghe cái lối thối thợ khéo thế, cho nên Lạp nói ngay:

– Bà không muốn mượn tôi nữa, vâng ạ.

Bà Hương cầm miếng trà sắp ăn, ngừng lại, cười khanh khách:

– Có đâu! Hàng xuống quá, anh biết đấy, thì anh hãy chơi một dạo, khi nào tôi gọi lại về hộ tôi.

Nhà bà Hương không làm thì Lạp đi nhà khác. Thợ còn làm nhà này nhà khác và người làm chủ qua vài phiên hàng xuống, đã lại đi dệt mướn, xưa nay làng này vẫn thế. Lạp cũng không lo. Chỉ tiếc ngần ngại vì từ nay không được lúc nào cũng trông thấy Hiền. Thôi, nhưng mà thế càng kín đáo. Lạp dừng dừng nói:

– Bà tính cho phiên trước tôi vay lợi mất hơn một đồng.

Bà Hương vẫn ngọt ngào:

– Để tôi đưa nốt anh.

Vừa hay, lúc ấy Hiền đi chợ về. Hiền đặt dĩa hàng đầu hè, xuống ao rửa mặt, rồi vào khung cửi. Lạp biết ý, Lạp cũng vờ xuống nhà ngang lấy cái áo. Hiền nói to, làm tự nhiên như công việc:

– Người trong ấy bảo phiên chợ Cầu này thì họ ra, anh Lạp ạ.

– Thế à...

Hiền rút ở thắt lưng ra xấp báo Cứu quốc đặt xuống đầu phản. Lạp nhặt ngay lấy, cầm lẫn trong bọc quần áo đi ra. Đã biết trước mẹ thối Lạp từ phiên này, lúc ấy Hiền đứng đầu hè với bà Hương vừa dỡ tơ trong dĩa ra, vừa thoáng nhìn theo Lạp. Chợt nhớ còn sót một tài liệu, Hiền nói “À quên có người nhắn anh Lạp...” rồi chạy theo ra ngõ.

Ngoài ngõ, Lạp gặp An đi tỉnh về, Lạp nói:

– Nhà hết củi, tôi nghĩ ít lâu, An ạ...

Hiền hấp tấp đến đưa Lạp một mảnh giấy. Lạp lừ mắt, nhưng cũng không kịp cản cử chỉ vô ý của Hiền. Lạp vội hỏi trá: “Lại giấy má ai đòi nợ tôi đấy chứ gì”, rồi bỏ mảnh giấy vào túi, đi thẳng.

An khẽ thở dài, khoan khoái. Khoan khoái hết một cái ám ảnh, một cái bứt rứt, mà lâu nay phải cánh nánh nghĩ, mỗi lúc ra vào gặp Lạp. Thế là Lạp không dẹt củi nhà này nữa. Thoát!

An hỏi em gái:

– Thằng chúa chễm ấy nợ ai mà người ta phải viết giấy thúc thế?

Hiền thật thà:

– Không, anh ấy nói đùa.

An hiểu ngay.

– À...

Tiếng à này là một tiếng thở dài, lo, lại lo. Chao ôi, ở trong nhà này chắc chúng nó giấu sách báo bí mật, mà cả con Hiền này cũng nho nhoe rồi. An vừa cất được sự khó chịu, lại hốt hoảng hơn. An nghiêm mặt:

– Này Hiền, mày có biết tao là thế nào không?

Hiền ngược mắt, ngạc nhiên vì câu hỏi lạ.

Song An cũng lúng túng chẳng khác dạo trước, khi An bị Nhân hỏi anh vào hội cứu quốc chưa. An cố nói ra mẽ:

– Tao biết thừa những cái việc chúng nó làm ở làng này. Việt Minh chứ gì! Tao bảo thật, tao là Việt Minh hạng gộc kia, tao đã từng phải Tây bắt nằm xà lim. Chúng nó đã nước gì với tao, nhưng mà chúng nó dại. Tao cấm mày không được dây vào mà chết cả lũ.

– Em biết chuyện gì đâu!

– Nếu thế thì tốt. Chúng nó chúa ngu, chúa hớ hênh. Cứ hung hăng hã đến lúc có làm sao thì lại co vòi, tao lạ gì.

Hiền nhìn anh, rồi nói nửa khoe nửa nghịch:

– Anh có biết hôm nợ Việt Minh diễn thuyết to lắm ở chợ Cầu không?

Không ngờ Hiền hỏi thế, An đương lên mặt, lại luống cuống:

– Chợ Cầu... à, chợ Cầu... Tao đã bảo đừng dây với chúng nó mà. Rồi tao mang các thứ sách báo về cho mà xem. Làng này chúng nó không có những thứ ấy.

Hai anh em đã vào tới trong sân. Vợ An, tay cắp một đệp quần áo vừa giặt dưới ao lên đương phơi trên dây mây ngang sân. Bà Hương bước ra, rút một cái quần vừa rũ, cau có nói:

– Tôi đã bảo mấy lần rồi, đừng ai phơi quần đàn bà trước cửa mà. Ăn có chồn, ỉa có nơi chử. Mà chốc nữa tối, phơi sương thế này, mặc vào chỉ hóa hủi. Nhà tôi xưa nay không ai hóa hủi.

An im thít. Trong bóng xâm xâm tối, Hiền không trông rõ sắc mặt anh, nhưng Hiền thấy An cúi lom khom, bước vào nhà. Hiền thương hại anh quá.

Cũng lúc ấy, Lạp hấp tấp ra nhà ông Trương Ba, quẳng mấy cái quần áo đấy, rồi nhào đi luôn. Lạp đi, Ba và Nhàn cũng đi ngay. Họ đi phân phát báo Cứu quốc và báo tin phiên này “đi chợ” Cầu cho các tổ.

Thế là lại “đi chợ” Cầu! Mít tinh ở chợ Cầu. Những chức dịch làng ấy, phần đã được thuyết phục, phần thì bị cảnh cáo mất vía, tê liệt.

Việt Minh mấy tổng với mấy nghìn con người đi chợ sẽ được nghe cán bộ nói, được xem truyền đơn, được trông thấy cờ Việt Minh, thấy gươm, kiếm, thấy cả khẩu súng lục. Cái chợ tan về còn kể và đồn đại đi những chuyện xuất quỷ nhập thần, Việt Minh càng nổi lừng lẫy.

Nhưng tình hình dạo này có vẻ căng. Mới thêm một đám lính Nhật dặt mấy chục con ngựa trồn bom Mỹ về trú trong bãi nhãn đầu cánh đồng. Làng nào hương lý cũng sửa sang điểm tuần, lại lấy thêm bảo an cắt canh gác.

Thư anh Bân bảo Lạp phải xem lại thái độ bọn tình nghi một lần nữa, trước khi chọn đưa người đi dự mít tinh.

Lạp tìm Chúc.

Buổi tối ngày phiên tư, thợ tư thợ cửi đã nghỉ chơi cả. Dẫu hàng ế, dù sao thì cũng đông người ngoài đường, khác những tối mọi ngày. Ở hai cái quán đầu làng, tiếng cười nói oang oang. Thức nhắm tối nay có cả thịt chó. Đằng kia, đám hàng nước chè tươi cũng xúm xít quanh một bàn cờ thế bày bên cạnh. Tiếng quân cờ đập

chan chát. Những phao đèn lắc lư, le lói, chốc chốc gió lộng chao vào, như nhắc người ta ngoảnh ra nhìn bóng tối ở ngoài dầy đặc. Nhưng trong này vẫn túi bụi, rượu, ngòm ngòm, cộp quân cờ, văng tục văng giác, tranh nhau to tiếng.

Chúc đương uống rượu, không để ý Lạp vừa đến ngồi khuất phía hóc cột bên kia. Trong câu chuyện ồn ào, Chúc lè nè:

– Ở đâu có Bình dân là có thể cả. Chúng tớ làm mít tinh hàng vạn người ở bên Xiêm là thường. Cứ kể có cái thời Bình dân cũng vui.

Tiếng hỏi:

– Có vui như bên ta hồi chủ nhà dệt Vũ Văn An thuê thợ đi mít tinh tiễn lão thống sứ Sa Tiên về Tây, rồi lại tiệc trà cướp kẹo ở Quần Ngựa không?

– Mít tinh mà ăn cướp á? Thế là phản động tởm rất kít rồi.

Cái thằng Chúc lại khiêu khích chửi tởm rất kít, chẳng hiểu mô tê! Bực quá, Lạp không nhịn được, bật cười ha ha, Chúc trông sang thấy.

– À, à, Lạp, đồng chí Lạp. Hôm nọ có đi mít tinh chợ Cầu chứ?

Lạp giật mình. Thằng này hỏi moi móc ra mặt rồi. Nghe Chúc hỏi, mọi người ngồi đấy lại xoay về chuyện mít tinh chợ Cầu hôm nọ. Nào súng lục, nào kiếm, nào mã tấu... “Úi giời, cái cờ đỏ vừa lóe lên, choáng cả mắt, một chị Việt Minh đeo kính râm không biết ở đâu hiện ra, đẹp ời là đẹp”. Mỗi miệng thêm một câu, cái đám mít tinh bí mật ở chợ Cầu càng rục rở thiêng liêng.

Chúc lại hỏi:

– Này đồng chí Lạp, à à... đến cái hôm ăn cưới thằng cu An tôi mới lại được nghe đảng ấy thuyết chính trị. Thế ra đồng chí vẫn tranh đấu lắm nhỉ?

Lạp sôi ruột lên rồi. Năm tay nhấp nhồm muốn phóng một đám tống vào mặt thằng chó. Nhớ việc phải đi dò tình hình, Lạp bình tĩnh lại. Nhưng hơi rượu vẫn bốc đập rừn rựt hai bên thái dương.

Cuối cùng, Lạp đứng lên:

– Này Chúc! Tởm rất kít là thế nào?

– Nó là phá hoại.

– Ờ thế thằng phá hoại thì phải tội gì?

- Tội đả đảo! Đả đảo tờ rớt kít!
- Không phải. Tội phang một búa vào giữa sọ chết tươi.
- Ờ ờ...
- Mày là thằng tờ rớt kít!
- Ở kìa đồng chí Lạp!
- Ông cấm mày gọi ông là đồng chí.
- Thế thì ông réo mày là thằng cu Lạp. Chứ sao, cứ vai trong họ thì mày phải chấp tay chào tao là ông trẻ, nhưng ông không thềm chấp.

Chúc xô mọi người, đứng lên. Chúc thấp bé hủn hoãn, Lạp chỉ vươn qua cái bàn đã cao gấp đôi Chúc. Nhiều người xô lại can. Chúc vừa bước lùi ra, miệng còn nói cứng: “Đây, ông trẻ nhà mày đây mày làm gì tao”, chân say đã loạng choạng, rồi ngã bổ ngửa ra đằng sau. Tiếng vỗ cột, vỗ tay, reo ầm ầm.

Lạp về nói với Ba:

- Tao vừa suýt quạng thẳng Chúc. May quá, giữ được!
- Gì thế?
- Nó khiêu khích.
- Liệu có lộ không?
- Không.

Ba nói:

- Để nó đấy, hôm nào mít tinh trót lọt xong, xin thủ tiêu nó đi. Giờ làm cái này đã.

Lạp và Ba vác mấy cái đòn gánh, đòn ống ra giữa sân. Họ hì hục buộc, đẽo, dưới bóng trăng mờ.

Lão Trương Ba ngồi trong này trông ra. Lão biết tổng những việc hai người đương làm. Nhưng chẳng bao giờ lão hỏi. Lúc nào lão cũng ngồi lỳ Bụt mọc. Giời bầm sinh ông không thích nói, chứ còn chẳng lúc nào mà ông không nghĩ, từ khi bị nhà thờ bên đạo cướp mất ơ cả cửa nhà, ông càng nghĩ đến cháy tóc, vuốt mái, hói trọc cả đầu, tóc rơi từng nắm đầy tay, có khổ ông không.

Lúc ấy, lão Trương từ từ ra góc sân. Lạp đương rút ở ruột cái ống đòn càn ra một mảnh vải rộng, trông kỹ thì là một lá cờ đỏ. Ông lão

say rượu đứng ngây xem họ moi ra nhét vào đầu ruột ống cái đòn càn - như những chiếc đòn càn của thợ gặt nhưng trong ruột đòn nào cũng có cò, có thanh kiếm, thanh quát. Không hiểu họ lấy ở đâu, chuyên chở đi đâu. Lão vẫn thường trông thấy chúng nó làm như thế. Có lẽ bọn này muốn đi làm giặc. Cho nên mới có cò, có kiếm. Ở làng này, ngày xưa lúc mới lớn, ông chẳng lạ những người làm giặc. Ngoài đồng làng có thửa ruộng hình thanh đao là đất phát võ, đời nào làng cũng có người nổi tướng. Xưa kia khi Tây mới sang, khối người làng này đi làm giặc, các cụ trong họ nhà ông đi làm giặc đánh Tây cũng nhiều. Đêm nào cũng kéo cò lên ở ngoài đồng, rồi bắc loa loa vào các làng “bớ ba quân thiên hạ...”^[1] Có nhiều cụ đi rồi bị chết chém trên cổng tỉnh, có cụ đi mất giỗ. À bây giờ đến thời chúng mày cũng đi làm giặc. Ừ, muốn đi đâu thì đi, được làm vua, thua làm giặc. Nhưng ông không thích đi với lũ trẻ ranh. Ông muốn theo đám giặc nào mà bắt quân nhà thờ bên đạo phải trả lại cho ông cái nhà này thôi. Có lẽ hỏi chúng nó có thể biết cũng nên, ừ, ông hỏi.

Ông lão đứng thờ khề khề, như rắn hổ mang phun. Sau thềm hỏi quá, cất tiếng:

– Chúng mày... đi đâu?

Ba gắt:

– Vào ngủ đi!

Lạp ngoảnh lên, cười:

– Đi chợ, bố ạ.

Ông lão nói to như hét:

– Chợ búa gì! Chúng mày đi làm giặc.

Họ cũng đã quen nghĩa tiếng “làm giặc” hiển lành của ông lão Trương. Nhưng tính Ba cục, không nói nhẹ với bố được vài ba câu, Ba quát:

– Điên hay sao thế này!

– Tao không báo quan về bắt chúng mày đâu. Tao chỉ hỏi xem đứa nào, thằng giặc nào, đưa được tao ra tòa Áo Đỏ cho tao kêu ba tòa quan lớn kiện bọn cha cố đòi cái nhà này.

Ba cáu quá:

– Có vào ngay không tôi phang cho một đòn gánh bây giờ.

Lão Trương lặng lẽ, lủ khủ vào nhà.

Có tiếng chó sủa lác rắc ngoài bờ tre. Ba và Lạp vội vứt đồng đòn càn xuống mé bờ ao. Những chuyện khích bác lúc nãy ở quán rượu và những câu nói quái gở của ông lão, làm cho hai gã thanh niên này nơm nớp đối phó. Một bóng người vào trong ngõ.

Lạp nhìn ra, thờ phào, bảo Ba:

– Cai Giắt!

Họ vào ngồi đầu phản, châm đóm hút thuốc để giải cơn pháp phồng. Cai Giắt thật. Lâu không gặp cai Giắt. Bọn Lạp cũng không dám đến nhà, sợ bà ấy tưởng đến rủ chồng bỏ cử đi chơi đá gà, lại sinh sự. Mãi lúc nãy Lạp mới bảo Nhàn ra máy cai Giắt vào. Bác cai cũng không vào ngay được mà phải lên đèn, dẹt đoạn một cuốn cửi rồi mới đi. Bác cai ngồi ghé bên phản, cúi mặt rúc điếu cày, cái mặt gầy dài ngoằng, làm cho bộ ria râu trên dường như càng rậm và vênh ra hơn mọi khi. Cai Giắt thờ khà, hỏi trong khói thuốc:

– Đi chợ nào?

– Vẫn chợ Cầu.

– Mất cả buổi thì tứ khó đi.

Lạp nói:

– Phải một công đôi việc chứ. Chợ Cầu thì ngô đậu, gà chó nhà quê mang ra nhiều, mít tinh xong, thấy cái gì hơn ta chịu khó mua về, bán chợ nhà, làm tý lãi cò con bù vào nửa buổi mất công.

– À à... meo đấy. Thế thì tứ vác lấy vài con chó chợ Cầu, chó chợ Cầu làm được giá lắm. Giờ thì phải về, mai còn dậy sớm lên quán cửi gà gáy cái đã.

Lạp dặn:

– Buôn chó có lãi thì khỏi lo vợ máng rồi. Còn nhiệm vụ đây này: tảng sáng đã có mặt ở chợ. Thấy đông người đến chỗ góc mít, có cò treo rồi, một nữ đồng chí chít khăn vuông, đeo kính đen đến trèo lên bàn, thì anh rút kiếm trong đòn ống ra, trông tôi đứng đầu thì đứng đấy, đứng làm bảo vệ.

– Tứ cầm cái đòn ống kia về hả?

– Ừ. Dặn anh nào thấy thằng Chúc đi chợ thì phải báo ngay...

Ba lấy cho cai Giắt một cái đòn càn, “Kiếm đây!”. Cai Giắt đứng dậy, xách đòn lùi lui về.

Lão Trương đã ngủ từ nãy. Nhưng Ba và cô Nhàn còn ngồi một lúc lâu châu đầu nghe Lạp đọc báo Cứu quốc, tờ báo giấy xanh trải giữa phản.

Lạp hỏi Nhàn:

– Cô Nhàn nhỉ, mùa này ở chợ Cầu có cái gì buôn được? Buôn chó phải quảy vắc lôi thôi quá.

– Em cũng không để ý, không biết.

– Phiên này mà chưa có cử thì cũng phải đi tảo cái ăn, không có thì đói đến nơi.

– Anh thôi cử nhà bà Hương rồi à?

– Người ta phé từ hôm đầu phiên rồi.

Nhàn cười, hỏi mát:

– Thợ cử quý như anh mà bà Hương cũng thôi nhỉ?

Lạp chép miệng, lặng lẽ.

Nhàn mỉm cười một cách tinh nghịch, thú vị. Đêm ấy, Lạp ngủ nhà Ba để mai đi sớm cho tiện. Nằm vợ vẫn một lúc không chớp mắt được. Lúc tính toán việc mai được phân công và bộ phận đi rải truyền đơn trong chợ với Hiền, lúc lại buồn lo nỗi thất nghiệp, cuộc đời vẫn chẳng ra đâu vào đâu.

Phiên chợ Cầu, buổi sáng mùa đông ấy. Còn tối đất, nhưng trên các đường làng xa, người về chợ đã tấp nập, bởi tiếng cười nói, tiếng gà vịt chen nhau trong bu, tiếng lợn ừ ừ, tiếng chó sủa, đôi khi tiếng bò rống, những tiếng ấy từ bốn phía cánh đồng xông xao trong bóng sương mù mịt.

Bọn họ có ba người: Lạp, Ba và Nhàn. Để đi được bí mật, họ băng tắt cánh đồng rồi mới lên đường cái đá. Lạp và Ba vắc đòn càn, quán thừng néo đầu đòn, như lái chó, như thợ gặt. Nhàn quảy thúng.

Ba người vừa đi vừa chuyện. Nhàn chợt hỏi Lạp:

– Anh Lạp không rủ chị Hiền cùng đi à?

Lạp đương mãi nghĩ, không để ý câu hỏi, rồi trả lời.

– Kệ cô ấy chứ. Mà nguyên tắc, tôi không được phân công.

Câu nói lạnh nhạt làm cho người con gái đương yêu, đương ghen, đương tủi bồng như người sảy chân vớ được cọc vịn, vui hẳn lên. Mặc dầu trời sương, không trông rõ mặt nhau, nhưng Nhàn có cảm tưởng như Lạp vừa nói xong những lời dửng dưng ấy thì Lạp đương quay sang nhìn mình, Nhàn tự dưng ngượng nghịu, mặt nóng hôi hổi.

Sương trắng xóa đương vỡ từng mảng kéo qua cánh đồng mênh mông mãi ra và trời dần dần sáng. Những tiếng nói, tiếng cười, những con lợn kêu và đòn gánh kịt kịt càng náo nhiệt hơn, dần dần rõ lên từng đám đông với gồng gánh từ các bờ tre kéo ra. Không ai biết ai là đi chợ hay đi mít tinh bí mật, người người tuôn về chợ Cầu.

Lạp khoái chí nhìn Nhàn và Ba, nói to:

– Đông quá! Đông quá!

Ba hiểu ý câu nói thích thú của Lạp. Nhàn liếc sang, đuôi mắt dưới vành nón vừa chạm cái nhìn sáng rọi của Lạp. Nhàn tưởng Lạp từ nãy vẫn nhìn Nhàn như thế, nổi sung sướng kín đáo của Nhàn vẫn giữ từ lúc sương chưa tan, bây giờ càng chan chứa, càng lồ lộ trên đôi má con gái giữa trời gió rét mà ửng đỏ khác thường.

[1] Thật ra là câu ngày trước gọi loa tập trung quân: Bớ ba quân thượng hạ.

XIII

Hồi này, tàu bay Mỹ đến ném bom luôn mấy hôm, thành phố và tỉnh Cầu Đơ nháo lên, người ta xô nhau chạy đồ đạc về các vùng quê. Nhà vợ chồng dì Bốn cùng với bạn hàng quen, nào những nhà ký Rượu, nhà Vĩnh Lợi buôn đồ sắt, nhà bánh ngọt Phúc Long, đều xe hò m xiềng về gửi nhà bà Hương. Cái xóm yên tĩnh bỗng lạch cạch, nhộn nhạo vì những chiếc xe bò chất đầy đồ đạc chở đến. Mấy cô con gái tỉnh, quần lĩnh mới, chuỗi hạt vàng chóa lẩn vào trong cổ áo tấc phin, ríu rít áp tải xe. Người làng Hạ nói đùa: “Tiểu thư đi bộ đẩy xe bò thế này thì điềm giặc dã loạn lạc đến nơi là phải”.

Bà Hương đi chợ lụa. Hiền bận khách khứa mất một buổi. Con gái tỉnh vốn chẻo lẻo thạo ăn nói, vừa mới về, ba bốn cô đã quấn quít thân nhau ngay. Họ ríu rít đủ thứ chuyện. Chuyện may cất quần áo và vải vóc, chuyện đánh nhẫn hay lập lắc, hạt vàng, chuyện chụp ảnh...

Đến xế trưa, xếp đồ đạc xong, bọn các cô đã về phố rồi, mà Hiền còn băng khuâng. Không, Hiền không nghĩ cảnh quê mùa và ao ước được như họ đâu. Những người con gái tươi cười như bông hoa, ở nơi phồn hoa đến rồi lại đi bỗng dưng làm cho Hiền chạnh nghĩ về đời người con gái như hạt mưa sa, giờ còn ở nhà, đến khi lấy chồng lại đi những đâu, vào cửa nhà ai, làm sao biết trước được. Rồi thì Hiền quanh quẩn so sánh. Đất tỉnh thành nhàn hạ có phần sấp, lụa là đắp lên người nõn nà ra chứ như các ả ấy mà đầu hôm sớm mai như gái vùng này thì được mấy lúc mà tã ra như mụ mĩi thung gấp cứt ngoài đồng.

Ngồi mà nghĩ thì còn liên miên đủ đường kia nỗi nọ. Hiền trông ra đường cái, bóng nắng đã chụm tròn dưới gốc cây cau. Giữa trưa phiên tư mà đường làng vắng ngắt. Đôi lúc có người cung cúc đi như chạy, cái đẫy hàng vẫn trĩu trên lưng, cồ lên mấy chục thước lụa ế đeo về.

Hiền càng sốt ruột. Ý nghĩ về mấy cô gái tỉnh với những so sánh đã chìm vào nỗi lo lắng làm ăn. Xem chừng phiên này cũng khó khăn. Bây giờ mà bà Hương vẫn chưa về. Ngồi nhà chỉ vẫn vợ

thêm, và lại, ngày phiên cũng quen thong thả. Mấy phiên nay, từ hôm đi mít tinh chợ Cầu về, không gặp Lạp. Không hiểu anh ấy kiếm được chỗ dệt cửi chưa. Nghĩ thế, Hiền đội nón, đi ra ngõ.

Giữa Hiền và Lạp cũng chưa lần nào đã nói với nhau nửa lời rằng ai phải lòng ai. Nhưng cái cảm về nhau đến tự nhiên, dần dà, một lúc nào đó, cũng không bao giờ nghĩ được hẳn hoi. Cũng không bao giờ Hiền nghĩ mình lại có thể về làm nàng dâu bà lão đi khâu mướn. Hiền để ý Lạp vì bằng chà bằng lũa, vì gần gũi trong khung dệt. Lạp hay cười, mỗi khi cười, con mắt lim him một vẻ vừa yêu yêu vừa ghét ghét, khiến cái liếc của người con gái nào đụng đến cũng như phải vướng lại. Đấy cũng là người con trai đầu tiên Hiền tơ tưởng.

Hiền vào nhà ông Trương Ba. Lạp hay đến đấy. Hiền giả như đi tìm gặp cô Nhàn. Hiền gỡ cành giông rấp ngõ vào sân. Nhưng nhà không có ai. Hiền lại ra đặt lại giông ngõ như cũ.

Ngoài đường không một bóng người. Hiền chợt nghiêng nón quay lại, thấy Lạp đương từ phía ngoài đồng vào. Lạp mừng quá, vẫy tay luôn mấy cái. Hiền đi chậm lại. Đằng đầu xóm có một đám người về chợ.

Lạp vừa hỏi:

– Cô Hiền không đi chợ lụa à? Thế mà tôi cứ tưởng cô đi chợ!

Bọn mấy bà về chợ cùng tới. Hiền hỏi:

– U tôi về chưa, hả các bà?

– Ấy bà Hương vừa rẽ về nhà đấy.

Một bà chép miệng:

– Hàng ế lại đem về!

Hiền buồn thiu trong người. Thế là đã ba phiên hàng ế phải mang về. Hiền bảo Lạp:

– U về chợ rồi, tôi phải về.

Câu nói và vẻ nhợt nhạt của Hiền không hiểu vì tại Hiền ngỡ gặp Lạp với đám người đi qua, hay vì được tin hàng ế, nhưng trước vẻ bối rối của Hiền, Lạp không dám nài. Lạp chỉ nói:

– Chiều phiên sau, cô ra nhà ông Trương, tôi hỏi cái này nhé.

Một tiếng “vâng” thoảng trong khua nón, Hiền đã quay đi.

Hiền về, chưa trông thấy mẹ, nhưng đã nhìn ở đầu phản lù lù cái dĩa hàng. Hiền mở cuộn hàng ế nguyên như phiên trước, những góc gấp mở ra mở vào nhiều đã nát gãy nếp. Hiền uể oải xách dĩa bỏ lên cái mặt hòm phản trong nhà. Nửa tháng nay chỉ có tiêu ra, còn hàng thì chất đống đấy. Đằng sau bếp, bà Hương đương léo xéo chửi con lợn rũi: “Cha để cái giống ăn không làm hại...” Mẹ lại đương nói bóng gió vợ An. Hiền không chạnh lòng, mà còn mát ruột. Đi làm dâu mà đụn rạ nương ấy cũng đáng được ăn chửi thôi.

Bà Hương lên nhà, Hiền đoán cũng sắp được nghe thêm mấy câu chửi, chửi thật, hoặc chửi bác cầu như nhiều lần bà đương tức giận chuyện đâu đâu. Nhưng không, trông thấy con gái, bà Hương dịu mặt và im.

Trong nhà, lặng lẽ như nhà hoang. Bó hàng ế mang về như con bò ngã quỵ trên mặt hòm. Chẳng ai hỏi han chợ búa như mọi khi. Không cơm nước gì, buổi tối lẳng lẳng chìm ngẫm. Chỉ có muỗi kêu o o. Hiền lấy rổ tơ ra ngồi đầu hiên, quay thằm.

Không biết đi đâu về, như đã đoán biết hàng ế, An lẳng lẳng vào thẳng buồng. Hai vợ chồng ở trong buồng tối om, cũng im thật, không nghe đụn đậy, như đã đi ngủ sớm.

Bà Hương bác cái ghé đầu ra ngồi trước hè cạnh rổ tơ. Bà Hương thì thảo bảo Hiền:

– Này Hiền ạ...

Hiền nghe giọng mẹ hơi khác.

– Trưa nay tao tạt vào nhà dì Bốn.

– Mẹ có gặp con gái dì Bốn với mấy cô về đây chạy tàu bay gởi đồ hôm nọ không?

– Lúc tao vào thì các cô ấy đi rồi. Thấy dì Bốn bảo thế. Có hai cô con gái ông ký Rượu đấy.

Hiền nói:

– Con gái tỉnh nói như thia lia, chẳng nhớ cô nào ra cô nào.

– Họ về xem binh tình.

Nghe cách nói úp mở của mẹ, người con gái đương thì tinh ý về mặt chuyện ấy. Hiền hỏi vờ:

– Hàng ế chết ấy mà, binh tình gì!

Bà mẹ cũng không chú ý con gái hiểu như thế nào, bà điềm nhiên nói tiếp:

– Tao cũng không biết, thấy dì Bốn nói thế. Đấy, cái nhà cậu anh cô ta, hồi cưới thằng An có về, lại hồi nọ đi với chú Bốn về hỏi nhờ nhà để gửi đồ chạy bom ấy mà.

Hiền nhớ lại hôm đầu phiên có mấy người tình về, Hiền đương dệt cửi. Bọn bè anh An thường đi lại. Hiền không biết hết được. Thấy có một anh xuống nhà ngang xem dệt, biết có phải người ta không. Trai tỉnh bạo dạn có khác, con mắt đá đưa như liếc dao. À ra thế. Hiền băng khuâng, chưa biết rồi câu chuyện ra thế nào, thì bà Hương đã lại nói:

– Cả ông cả bà ấy sang nhà dì Bốn, chèo kéo mãi tao cũng đã sang chơi. Chẳng là dì Bốn đánh tiếng. Nhà hai ông bà, có cậu ấy là nhớn. Cửa hàng sầm uất nhất nhì phố. Trước kia thì là ty rượu, một mình trông hơn chục cái đại bài hàng huyện. Lại buôn nước chanh, rượu bia, thùng chất lên tận nóc. Mấy tháng nay cậu ta ra buôn ngoài, phát đạt lắm. Vì nhà có môn bài gạo, cho nên được đi khắp các vùng quê cần thóc nhà nước, bao nhiêu kẻ thầy đầy tớ phục dịch vào đấy mà cũng chưa đủ. Chú với dì Bốn nói ở tỉnh chẳng thiếu, nhưng thời buổi này, trông mỹ tự con gái đấy mà có khi toàn hoa nhài nở đêm. Nhà người ta vốn nền nếp ăn học, chỉ cần người nội trợ, nét na. Tao xem thì tao cũng thấy phải. Tính đếm đến việc nhà bây giờ, con gái lớn thì phải đi lấy chồng, tao chưa già cũng là già, mà con người ta làm ăn buôn bán chỉ có thì, có buổi. Tao phải lo cho mày một phần, còn phần nữa thì mày cũng biết rồi, cái nhà này cầm đoạn mại đã đến hạn phải chuộc. Nói cho rõ nhé là không phải bán con lấy tiền chuộc nhà đâu. Mà tao nghĩ cũng bởi phúc đức run rủi vong linh thầy mày phù hộ cho nên mới gặp được may như thế, chứ giờ hàng họ thế này thì đào đâu ra tiền chuộc nổi. Mày thử nghĩ xem.

Đêm hôm ấy, Hiền quay tơ khuya lắm, không muốn đi ngủ, cũng không thắp đèn. Guồng tơ cuốn trong bóng tối, thỉnh thoảng chiếc vày tơ cạch một cái, gãy thành tiếng động nhỏ, như tiếng chuột chạy.

Câu chuyện mẹ nói lúc chập tối, càng đêm khuya êm đềm lặng lẽ, lại càng làm cho Hiền nghĩ mênh mang, thế này thế kia, không

biết đâu là mối. Có lúc Hiền nhớ lại, tính lại những người con gái làng đi lấy chồng xa. Ai giàu sang thì năng đi lại, thăm hỏi làng nước. Những người đói khó thì mắt mặt, họa hoằn Tết nhất giỗ chạp mới thấy nhò về. Những đám khá giả như dì Bốn, ngày cưới dì ấy, Hiền còn bé, không nhớ hết. Chỉ nghe mẹ thường kể cổ nhà gái mà to lắm, nức tiếng đồn ngả những hai bò, một lợn. Lúc nhà trai ở tỉnh về đón dâu, không biết bao nhiêu dây chằng từ đầu xóm vào đến cổng nhà cô dâu. Cứ giam tiền ra để gỡ dây lấy lối cho ông cầm hương tiến đi trước cũng vui đến mấy túi bạc hào. Bao nhiêu năm nay, mỗi khi giỗ Tết bên họ ngoại, vợ chồng con cái dì Bốn lại lũ lượt, rục rờ về làng. Dì ấy càng để càng đẹp nỡn ra. Làm gì mà chẳng mở, chẳng phẩn, chẳng duôn duốt, quanh năm ngày tháng ngồi nhà bán hàng thu tiền, rét thì đã áo bông áo kép, nóng thì mát rori rori, thằng quít kéo quạt luôn tay, khi để đái thì mỗi đầu con một vú ẵm bú mớm... Cuộc đời người đàn bà lấy chồng phong lưu sung sướng, lần lượt điếu qua. Lại một việc hay hay mà Hiền nhớ đến là lệ làng ta, phàm như con gái lấy chồng thiên hạ thì người rể ngoại phải nộp cheo làng khá to. Lệ ấy đã làm cho nhiều đám trai lạ đeo đuôi gái làng này công lênh lắm mà rồi cũng đành chịu không thể lấy nổi vì không lo nổi. Tùy từng lúc làng có việc, khi góp tiền chữa đình, khi xây văn chỉ, có người đã cúng cả một đôi nghè sành đứng trên đầu cột trụ ngoài cổng cái. Các xóm lát gạch đường cái, lệ làng định rằng phải lát gạch nghiêng mà toàn bằng gạch lể cheo. Mỗi đám cưới, ngoài lể lạt xôi thủ đủ lệ bộ ra, lại cáng vào tiền nộp cheo hai mươi thước đường gạch lát, còn được hơn nữa là tùy tâm. Nhiều đám ganh nhau, chẳng mấy anh rể ngoại nào chịu kém. Ờ, bây giờ làng khoán đường gạch cheo cho các đám cưới rể người thiên hạ... Những chuyện cưới xin cheo hỏi phôi phôi trong đầu cô Hiền ngồi quay tơ thằm.

“Còn việc nhà này... Cũng là phúc đức run rủi, có vong linh thày mày...” Việc nhà này, việc nhà này. Cái lo nhất là hàng ế. Từ khi An phải bắt việc hội kín đến lúc chạy tiền được tha về rồi cưới vợ, việc làm ăn trong nhà như bị ma ám, không việc gì ra việc gì. Nhà thì đến hạn phải chuộc. Anh An hôm nào cũng đi không lại về không, chưa tìm đâu được sở nào, hiệu nào có việc làm. Mẹ nói là phúc đức mới gặp được thế này, có lẽ...

Hiền không dám nghĩ thẳng: gả bán con gái để lấy tiền chuộc nhà. Chạm đến, Hiền thành linh hốt hoảng, mũi lòng. Không, không phải thế, Hiền không đến nước cô Kiều vì thẳng bán tơ làm cho cửa nhà tan nát mà phải bán mình. Đây mới ước mơ vừa duyên phải lứa, còn đấn đo, còn tự lựa, được hay không ở duyên số, ôi chà, nào đã ra sao. Những đoạn chuyện nhà xám ngắt đã làm đứt quãng những tơ tưởng đậm ám lúc này.

Phía bên bờ ao, cánh gà vỗ đồm độp, rồi tiếng gà gáy rộn lên. Hiền nhìn ra sáng trắng đương còn ngập sân. Rồi chuồng nọ đáp chuồng kia gà ngõ trời tảng sáng, nổi tiếng gáy ran, truyền đi, nghe lúc gần lúc xa, eo óc, thăm thẳm. Nhưng chắc cũng khuya rồi. Hiền xếp guồng tơ rồi bước ra sân.

Tiếng gà trong đêm cuối xuân, khua động, rạo rục, thồn thức lòng người. Hiền nhớ năm trước, những tối tháng Hai chèo hát. Khi tan về, đêm trăng vắng vặc thế này, cũng một tiếng gà ngõ sáng gáy lên cả vùng gà gáy te te. Hiền nghĩ đến Lạp. Hiền bỗng im nghe. Tuy không động tĩnh gì khác, nhưng Hiền như nhớ lệ, Hiền đi về phía cổng vào ngõ, kiểng chân nhìn ra đường cái bên ngoài cửa sổ khung cửa. Nhiều đêm sáng trăng như đêm nay, Lạp dết đoạn đầu hôm, ra về, nhưng còn đứng lại ngoài ngõ. Mà Hiền thì trong cửa sổ. Chưa hề hẹn nhau như thế, nhưng hình như tình ý xui khiến nhau ra đứng đấy. Ánh trăng chéch vào cửa sổ. Lạp nhìn lên thấy Hiền cười, mà Hiền cũng nhìn thấy Lạp cười.

Hai bên nhìn nhau cười im lặng như thế phút chốc đến lúc vệt trăng chéch xuống xóa cái cửa sổ sáng trăng thì Hiền thò tay ra kéo liếp che cửa. Rồi Hiền rón rén nhìn ra. Còn thấy bóng Lạp một lúc thật lâu đứng đấy.

Nhưng mà từ tối tới giờ lan man bao nhiêu chuyện, lúc này nghĩ đến Lạp, thấy như một chuyện đâu đã xa, vừa êm ái, vừa mơ hồ, không nói nên lời được.

Hiền vào giường nằm. Đầu óc vẫn liên miên. Lại thấy mơ màng nhộn nhịp phố xá kẻ đi người lại. Hiền tưởng đến hồi mình đã con bông con mang, ngày giỗ thày, mẹ con áo quần bánh bao riu rít về quê chơi với bà ngoại. Có khi Hiền thấy mình đương đi với mấy chị chạy bom về gởi đồ đạc hôm nọ, cũng mặc chải chuốt lối tỉnh như

họ, tay đeo vòng huyền, cầm một bức ảnh mới chụp. Rồi Hiền chớp mắt giữa những giấc mơ xôn xao.

Chiều phiên chợ lụa sau, đến hẹn của Lạp. Lạp lên nhà ông Trương Ba đợi Hiền. Lúc bóng nắng đã chạy qua ao, lần lượt, ông Trương, rồi Ba, rồi Nhàn đi làm về vẫn không thấy hút Hiền tới.

Nấn ná đến khi nắng đã tắt hẳn. Lạp bần thần đi.

Nhàn bảo:

– Anh Lạp độ này chưa có cửi thì vội gì, ở chơi cái đã nào. Hay còn mãi đi tìm cô Hiền đòi ăn trầu đấy.

Lạp gất:

– Không được nói nhảm!

– Không nói nhảm đâu. Em nói thật.

Rồi Nhàn cười tủm tỉm, lại ngẩn ngơ nhìn theo Lạp lủi thủi đi. Nhàn đã mong manh biết chuyện có nhà ở tỉnh về đánh tiếng hỏi Hiền. Dù kín tới đâu, thì những đồn thổi về các việc cưới xin và trai gái giăng gió các cô bao giờ cũng hong hóng chuyện và thính tai.

Lạp không để ý câu đùa kháy của Nhàn. Lạp không để ý, bởi Lạp còn mãi đi tìm cửi dệt. Lạp vẫn chưa có cửi, lâu nay bữa no bữa đói thất thường. Cơ thất nghiệp lay lắt, cơ chừng khó khăn hơn cả chuyển hàng ế năm trước. Tình hình thời thế nóng lắm, công ăn việc làm cũng nóng lắm. Chạy quanh bao nhiêu giày vò trước mặt.

Lạp đảo lên xóm trên, qua cửa nhà Hiền. Thấy đi vào trong ngõ nhà bà Hương một người mặc áo sa, đội nón chóp dứa dắt cái xe đạp - trông kỹ là bác Bốn trai. Bác Bốn có việc gì mà về tối thế?

Lạp đâm ra áy náy cái câu nói đùa khó hiểu lúc nãy của Nhàn. Hay là có chuyện gì? Nhưng Lạp lại tự gạt đi. Lạp biết độ này nhà bác Bốn chạy bom Mỹ đem nhiều đồ đạc về gửi nhà bà Hương. Người giàu sẵn sóc của, đáng hẳn bác này lại về vì những việc ấy. Lạp nghĩ có lẽ Hiền đi chợ bán lụa về muộn không tới chỗ hẹn được.

Yêu Hiền, dù rằng chỉ nghĩ mà chưa bao giờ đã nói, nhưng Lạp tin có thể lấy được Hiền. Lạp tin, vứt đi tất cả những ngăn cách trước mắt để mà tin. Nhưng cứ như cái nhìn đánh giá của bà Hương và cả thằng An nữa thì cái quân nghèo xác như Lạp là của thiu thối,

không đáng để mắt. Khéo lắm thì vợ vào được con thợ tở, thợ hồ ở đâu đến ngụ cư mà thôi. Lạ đã yêu Hiền, Lạ yêu với một đình ninh: “Rồi đây xã hội thay đổi, loài người không còn giai cấp thì tình yêu không có bờ rào. Phải không?”. Những tin tưởng mơ hồ cụ thể ấy lắm phen phấp phới như cờ bay loạn trong óc, làm cho Lạ không ngủ được. Chẳng khác năm trước, Lê gác chân lên bụng An đọc báo Tin tức và hào hứng hô to: “Tao sẽ làm báo, tao sẽ viết văn”.

Năm hôm sau, lại phiên tở. Buổi chiều, Lạ lên đợi Hiền. Lần này, Lạ không vào ngòi nhà lão Trương, Lạ ra ngoài cánh đồng, ngó vào quãng đường từ trên xóm xuống. Hiền mà đi qua, Lạ sẽ thấy ngay. Lạ ngòi từ lúc nắng còn đọng trên đầu ngọn lúa, đến khi mặt trời đã lui hui lặn, trong xóm nhá nhem tối. Lạ từ từ đứng dậy. Lạ vào nhà lão Trương xem ngộ Hiền đã đến mà Lạ không thấy chẳng.

Nhàn vồn vã hỏi:

– Anh Lạ đi đâu về thế? Đã biết chuyện chưa? Khéo vẽ, anh giấu em mãi. Sắp cưới chị Hiền rồi, phải không?

Lần này, Lạ không mắng Nhàn “nói nhảm”, mà Lạ im lặng nhìn vào mắt Nhàn, khiến Nhàn lúng túng, ngượng.

Rồi Lạ nói lửng lơ:

– Ai biết đâu chuyện nhà người ta!

Nhàn cười nhạt:

– Thế ra “công anh đắp đập, be bờ; đan lò thả lưới, bây giờ tay ai” hả?

– Nhảm nào!

Nhàn lại nhanh nhẩu, hớt lẻo, tai ác:

– Anh chưa biết thật ư? Chết thật, chị Hiền sắp lấy chồng ngoài tỉnh. Vợ chồng bác Bốn làm mối. Cưới ngay trong vòng tháng này thôi.

Lạ nhớ cái xe đạp và bác Bốn áo sa, chiều phiên trước vào ngõ bà Hương. Lạ rời rã. Lúc ấy, mặt Lạ chắc hoảng hốt lắm, nhưng trời đã tối, Nhàn không thấy. Lạ lặng một lát, mới hỏi:

– Cô nghe đích xác không?

– Chả nhẽ em nói vu để anh chửi em à?

– Hỏi thật, không đùa đâu. Việc này có quan hệ đến công việc. Cô nên dò hỏi thêm, cô ấy lấy ai, việc như thế nào?

Nói xong thế mà Lạp tự ngượng vì đã nói vậy, đã nói dối để “làm cho oai”, Lạp đi ngay. Nhân “vâng ạ”, giọng tinh quái và nhìn theo đến tận lúc Lạp lật đật ra khuất.

Đêm ấy, Lạp buồn chán, đi loăng quăng khắp các ngõ. Khuya, Lạp về đầu nhà bà Hương đứng dưới cái cửa sổ khung cửi mà những đêm sáng trăng, mỗi khi Hiền thò tay khép lại thì hai đứa lại nhìn thấy nhau. Đêm nay bức tường tối đen. Lạp quanh quẩn đến khi sương xuống ẩm hai vai áo, Lạp mới đi. Mặc dầu bây giờ sương đã làm nhạt hơi người, chó trong xóm chỉ còn sủa lác rác. Lúc này, sao Lạp thấy Hiền xa xôi ở đâu không phải ở đây. Lạp mới tỉnh ra Lạp đã quá vu vợ tin tưởng. Bấy nay chỉ ta lại ký giao kèo với ta chứ nào ai đã nợ nhau mà nhớ nhau, và nào có thể bồi ràng buộc. Lạp tủi, ức, mắt mờ trắng đêm.

Chỉ hôm sau thì Nhân đã hỏi ra đủ góc gác câu chuyện.

– Đúng rồi, anh Lạp ạ. Cưới ngay trong tháng này đây. Nhà chồng là bạn buôn với nhà bác Bốn, nhà ông ký Rượu. Anh ta trước cũng đi học, mới ra buôn. Mấy tháng nay đi cân thóc tạ liên đoàn cho Tây, cho Nhật giàu lắm. Nghe như bà Hương thách to, mà đằng kia cũng theo được hết. Nhà giai đón dâu không ăn uống nhưng hoa tai vòng hột, cặp áo sa tanh đủ cho cô dâu, lại hàng nghìn tiền mặt dẫn cưới với ba cái lễ nhà thờ. Người ta bảo cái cô Hiền cũng đậm vừa vừa thôi, nhưng bà Hương thì kết lắm. Bà ấy già đời ở góa, khôn chán, cho cưới con bây giờ đã chuộc được nhà, lại có khoản tiền to giắt lưng. Giời đất tối tăm này, ai biết thế nào, người ta phải phòng thân chứ. Mà cô Hiền lấy được đám ấy cũng là tu chín kiếp, yên lắm rồi, chỉ thương...

Nhân còn nói nhiều, nhưng Lạp nghe bập bồng, tiếng được, tiếng chẳng. Ba từ nãy lặng im, giờ mới nói:

– Tu đến ba mươi kiếp cũng mặc xác thiên hạ! Song ta chỉ lo cô ấy đã mấy lần dự mít tinh, lại đã đi liên lạc vào vùng trong, bây giờ về tỉnh nhờ đem việc bí mật nói lộ thì sao. Nghe những đứa ty rượu

với cái quần thu thóc liên đoàn toàn là giống chó má mật thám cả, Lạp thấy thế nào?

Nhàn hỏi móc:

– Thế không cho người ta đi lấy chồng à?

Lạp nói bâng hoàng:

– Không, không, nhưng ta cần biết. Cô Nhàn ạ, nhờ cô nhắn cô Hiền ra cho chúng tôi hỏi.

– Chắc như đinh đóng cột rồi, hỏi han gì nữa! Tôi không vào đâu.

Ba bảo em:

– Mà y cứ gọi cô ấy ra đây. Chúng tao hỏi vì việc khác kia.

Nhàn phụng phịu:

– Các anh bảo ai thì bảo, nhà ấy thì em đã cấm cửa, không thềm vào.

Lạp và Ba không hiểu sao Nhàn tự dưng lại bướng vậy. Không ai biết đã từ lâu Nhàn không vào nhà bà Hương nữa. Tuy vậy, rồi Nhàn cũng nói:

– Được, em nhờ có đũa lôi nó ra.

Nhưng Nhàn đã mấy lần nhờ nhắn, chẳng thấy tin tức gì. Cũng không gặp Hiền thò mặt đi đâu. Thế là chịu.

Có tối khuya, Lạp lẩn thẩn đến dưới cửa sổ. Nhưng dạo này hàng ế, chẳng mấy khung cử lên đèn đầu hôm, cửa sổ khung cửa nhà nào cũng tối bưng. Lạp lại đứng đến lúc sương xuống ướt cả tóc rồi lạnh cả hơi người, chó không sửa nhúc nhắc nữa, lại mới tha thủi đi.

Thế rồi đầu tháng ấy cưới cô Hiền. Mười lăm cái xe tay lùn từ tỉnh về đón dâu, đồ dài một dòng đầu làng. Nhưng đám cưới cô Hiền nhanh như chớp ảnh, nhiều người xóm bên mà không biết. Chẳng có chằng dây đón ngõ, cũng không cỗ bàn thết làng trên chạ dưới, không mảy may giống đám cưới dì Bốn ngày trước và cũng không như có lúc như Hiền và những đồn thổi đã tưởng tượng linh đình.

Bà Hương nói:

– Thời buổi khó khăn quá, tôi không dám bày vẽ.

Không bày vẽ như đám cưới An, bà Hương thật người quả quyết tính việc. Nhà gái chỉ ngả một con lợn làm cỗ đám ghém mời bà con họ gần. Nhà trai về đón dâu, trầu nước rồi đi ngay. Có kẻ độc miệng nói: “Bà Hương bán con gái để chuộc nhà, nên cưới xin mới làm nhậy như xi la ma”. Lại có người tán rộ: “Bà lão Hương khôn đồ máu ra đây, bán con để tránh đói, gả trúng ngay vào cái anh cần thóc tạ liên đoàn. Cho dù hàng ế gạo kém mấy nữa thì cứ đồ của nhà ra mà ăn”.

Mười lăm cái xe tay đón dâu trở về tỉnh. Phu xe một loạt nón chóp, áo nâu, quần xà cạp điều, bước một, thủng thỉnh. Vô khối trẻ con các xóm đổ ra xem. Và những cô con gái đứng bên kia bờ ao, nhìn ra, thèm ngẩn ngơ nhưng người thì chép miệng, người chửi bâng quơ một câu. Hiền bước lên xe, cúi mặt, mặt đầm đìa nước mắt. Cho hay, cô dâu Hiền khóc lúc đón dâu như nhiều cô khác ở làng này đi lấy chồng xa mà thôi, chẳng ai quan tâm.

Tổ thanh niên cứu quốc hay họp nhà ông Trương Ba thế là mất một tổ viên, từ hôm ấy.

Ít lâu sau, có một chuyến vào vùng trong lấy tài liệu, hẹn ở chợ tư Hà Đông. Lạp lên nhà ông Trương Ba bàn với Nhàn:

– Chỉ có cô đi được. Nhưng mà hôm ấy lại không tiện chuyến bán lụa. Đương lúc kiếm ăn khó thế này mà bỏ buổi làm thì không được. Làm thế nào bây giờ?

Nhàn cười:

– Anh tưởng em vẫn đi làm à? Mấy phiên nay có nhà ai hồ cháo gì đâu. Em chơi rong hai phiên rồi. Em đi được, anh ạ.

Nhàn đi đến xế trưa đã về.

Lạp cũng không có việc, vẫn đông dài. Lạp nằm khoèo ở nhà ông Trương từ lúc Nhàn đi, cho tới bảy giờ. Ông Trương và Ba vắng nhà từ sáng sớm. Đi dệt cửi hay đi đập đá, đội đất, kéo vó, rào vườn hoặc làm gì, không ai hỏi ai, không ai buồn biết việc của nhau. Người nào cũng phải sục lấy việc, khó khăn đến nơi, đói đến nơi rồi.

Nhà vắng. Con mèo đuổi từng đàn chuột chạy đụng cả vào chân Lạp. Lạp giật mình, ngồi dậy. Rồi lại nằm xuống, nhưng không ngủ được. Từ ngày Hiền lấy chồng tỉnh, đôi lúc nghĩ, Lạp thấy chóp đảo như người mất cấp. Mỗi lần về nhà, bà mẹ Lạp vẫn nói vu vơ để rơi

ra: “Đã bảo mà, mày không chịu khó, để người ta nhanh tay phồng tay trên mắt”. Lạp vừa bực, vừa thương. Bà mẹ không hiểu cơn có chi trên đời. Chuyện buồn lại xảy ra giữa lúc cạn việc, tiền hết. Lạp càng dễ cáu kỉnh, có lúc dùng dùng bỏ nhà đi.

Lạp chồm dậy, ra nhảy tùm xuống ao, vùng vẫy mấy cái rồi chạy lên sân, hoa tay múa võ lung tung. Bỗng mắt lóa lóa chớp giựt, đầu quay chong chóng, Lạp đảo đảo đứng lại, ngồi xuống, một lúc mới hồi hồi. Lạp tưởng mình phải cảm. Sau mới nhớ từ sáng chưa có hột nào vào bụng. Trách gì! Chiều nay cũng chưa biết trông hạt cơm vào đâu. Mẹ Lạp khâu vá mướn, ăn cơm buổi nhà chủ, Lạp cũng chẳng ăn vọ của mẹ. Ừ, mình túng kiết thế này thì làm sao mà nó lại khươm được, nó không biết mình cũng phải. Lạp nằm thẳng đặng, bàn tay bóp cánh tay. Các bắp thịt cánh tay hình như đã nhẽo ra. Vô phúc mà gặp con Hiền bây giờ, có thể hăng máu đâm chết nó ngay giữa đường. Trong im lặng, trên hóc cột, một con mối hớp trượt con muỗi, tiếng mối chếp miệng nhặt như một tiếng thờ dài. Lạp thấy mình cảm tức vô lý, cũng thờ dài khượng một cái, chếp miệng ba, bốn cái.

Cành giông rập ngổ động sột soạt. Lạp ngoảnh ra, Nhàn đã vào đến trong sân. Nhàn quảy gánh không, với một bó buồm vĩ để dưới tròn quang. Lạp đoán có các thứ báo, tài liệu giấu trong ấy. Lạp ngồi vội dậy, cơn đói làm hai mắt hoa chợt tối xảm, gượng hỏi:

– Cô đi chóng nhỉ? Có gì không?

Trong quanh gánh chỉ có buồm vĩ. Nhàn lấy nón quạt bay bay những sợi tóc dính mồ hôi trên mặt. Mắt Nhàn long lanh hẳn lên. Có lẽ bởi Nhàn vừa đi đường xa về, nóng bức và còn có lẽ đôi mắt đến gần người mình yêu, bao giờ cũng dọn lên khác thường. Lạp cúi xuống, nhắc bó buồm. Nghe sau lưng, tiếng gọi khẽ như tiếng thờ dài:

– Anh Lạp...

Lạp quay lại. Chỉ thấy Nhàn đỏ mặt, làn môi thớ thớ định nói gì. Lạp đã bắt được cái bối rối không tự nhiên của Nhàn. Trên màu áo đồng làm đôi vai đã bạc sạm vẫn lồ lộ khuôn mặt tròn trắng, đôi mắt dao cau. Chưa bao giờ Lạp trông thấy Nhàn đẹp như lúc trên thái dương Nhàn bết mấy sợi tóc mồ hôi thế. Bẩm tính hồn nhiên yêu tin giống mẹ, Lạp phẳng phát một cách băng khuâng chua chát rằng dễ

thường Nhàn phải lòng mình đã lâu mà không biết. Nghĩ thế, nhưng Lạp không thấy vui hơn. Lạp mở bó buộc ra. Một cuộn báo Cứu quốc xanh lè gói tròn bằng cái ống tơ lăn xuống đất. Hai người cúi vội xuống nhặt bó báo. Tay Nhàn nóng rừ nắm phải tay Lạp và hai người cùng nhắc cuộn báo lên. Nhàn vẫn cầm gói báo, cả tay Lạp, Nhàn lừ con mắt nhìn Lạp:

– Anh Lạp, anh yêu chị Hiền lắm, phải không?

Lạp cau mặt, nhìn xói vào mắt Nhàn, khiến Nhàn rùng người. Bàn tay Lạp bóp lằn đỏ tay Nhàn. Mà Nhàn không biết đau, Nhàn nghiêng người, nghiêng mặt, xồn xang như sắp ngã vào cơn mê. Lạp rít răng:

– Cô không được hỏi thế, không được hỏi thế!

Nói xong câu ấy, như hả cơn đau, Lạp chợt nhận ra mình đang bóp tay Nhàn. Vừa ngỡ ngàng, vừa cố ý, Lạp khế nới tay nắm, mắt dịu dàng đưa vào mắt. Người con gái khôn ngoan và đương yêu nọ biết đây là cái nắm tay và con mắt phải duyên nhau rồi. Mồ hôi càng vã bết tóc trán, hai tay bỗng toát lạnh.

Lạp nói:

– Sao mặt nhợt thế?

Lạp không biết Nhàn đương xúc động quá. Và Lạp cũng không biết từ hôm qua và suốt từ sáng tới giờ, Nhàn chỉ nước lã cầm hơi. Cơn bồi hồi và cơn đói đương nôn nao làm cho Nhàn muốn lả.

Vẫn nắm tay Nhàn, Lạp nói nhỏ:

– Từ giờ em không hỏi thế nữa nhé.

Ngược to đôi mắt vẫn lay láy, rùng rục, Nhàn mỉm cười nhợt nhạt, hơi gật đầu.

XIV

Canh cửi tơ sợi không có, cả làng đói đến nơi rồi. Các tổ cứu quốc nháo nhào chạy ăn, chẳng lúc nào sinh hoạt được. Tình hình rối tung. Mà không thấy ai đến liên lạc. Lạp muốn vào vùng trong xem sao. Mấy lần toan đi, nhưng còn nấn ná, tính toán. Lạp chỉ ngại mẹ ở nhà một mình (dù Lạp ở nhà mà không có việc làm như bây giờ thì cũng chẳng nuôi nổi mẹ). Nhưng mẹ Lạp bảo: “Mày là thằng con giai mà tháo vát để đâu, đốn quá, ai lại chịu chơi dài, võ vàng người ra như thế. Lật đất lên mà kiếm miếng chứ. Đâu có việc thì cứ đi, người ta mà áo quần còn rách, còn cần người khâu vá thì tao có cái ăn, đừng lo tao!”.

Lạp đến nhà ông Trương, bảo Ba:

– Tao phải vào trong ấy tìm việc làm, mà cũng để xem làm sao mà không thấy ai liên lạc ra. Lại cái thằng Trung, đi biến từ ngày ấy, cũng phải vào xem nó thế nào.

Ba bảo Lạp:

- Có gì nhẩn tở vào với. Nằm mèo cả phiên không có cửi rồi.
- Có gì tao sẽ về bảo.

Trở ra bờ ao, Nhàn đã đợi Lạp dưới gốc táo. Hai người nắm tay nhau, đứng yên một lúc. Không ai nói, không biết nói gì. Mãi sau, Nhàn bảo:

- Trong ấy mà có việc làm thì anh về bảo em đi với.

Lạp ừ. Rồi Lạp kéo tay Nhàn lại. Nhàn rũ ra, nghiêng má về đằng kia. Mái tóc vướng ngả vào thân cây táo. Lạp rướn lên, đè má mình vào một bên má nóng hồng của Nhàn, Nhàn để yên. Rồi Lạp nghiêng môi hôn vào má Nhàn. Hai người giật mình, ngỡ ngác, buông nhau ra, như sợ hãi, như xấu hổ vì họ vừa gây lên trong khoảng vườn vắng ấy một tiếng động lạ.

Lạp bàng hoàng nói: “Em ở nhà nhé”. Rồi Lạp bước đi, trong khi Nhàn vẫn đứng tựa gốc táo, sửa lại mái tóc, Lạp quay đầu lại còn trông thấy. Suốt ngày hôm ấy đi Lạp vẫn cảm thấy môi nóng ran, Lạp không muốn uống cả ngụm nước, sợ nhạt mất cái miệng còn hơi ấm của ai. Bây giờ Lạp mới thật biết thế nào là phải lòng nhau,

trước kia, chẳng qua chỉ là tư tưởng cái bóng, là giấc mộng, là ngủ mê.

Ba tháng sau.

Chỉ ba tháng mà dài đằng dặc, làng Hạ biến đổi quá. Như một cái đầm lá sen, căng tàn rụi, xơ xác, tan tác, ngao ngán trên mặt nước mờ sương cuối mùa thu.

Thật ra thì làng Hạ đã dần dần vào cảnh đói mấy tháng nay rồi, từ những phiên chợ mà các đẫy lúa cứ phải đeo về kìn kịt và các khung cửi đã bắt đầu ruỗi thợ ra. Ông lão Trương kém mắt đã hết việc trước, rồi đến Ba ngồi nhà. Nhìn thì sáng nào cũng sắm nắm ra đầu làng đón việc, đi đến non trưa lại về không. Xưa nay, cả nhà đi làm mượn ăn cơm người, hết phiên hết tiền, bây giờ ngồi nhà thì cũng chỉ đồ lửa bếp được ít hôm.

Ba đi cả ngày, cả đêm. Có khi về, áo sống bê bết bùn như vừa làm thợ đấu vác đất. Ba nằm lử cả đêm. Có khi say khướt, đem về cho em mấy miếng thịt chó luộc, rồi thiếp luôn mấy hôm không dậy. Nhìn hã không dám nghĩ rõ là anh đi đánh bạc, hay anh đi ăn trộm, ăn cướp.

Các làng làm nghề, làm ruộng đều lâm vào vòng khốn đốn. Không có mấy hàng gạo ở chợ, tháng Mười vừa gặt xong, các nhà buôn của liên đoàn thóc gạo đã về mua vét hết - có xe tải, lính phủ áp tải đi. Không thấy ai lên liên lạc, đổi báo đọc - một cuộn báo bí mật, hàng tháng nay Ba vẫn nhét ở đầu hồi nhà, không rờ đến. Những tổ cứu quốc dưới làng, và ở đây nữa, đói đánh khụy rồi.

Ông Trương tha thần ngoài vườn, đi quanh rồi vào ngồi trong một góc nhà, tựa đầu vào vách. Cả đêm ông lão cũng ngồi như thế.

Buổi sáng, trời đất đã vàng lóa như mặt người đói. Mỗi người ở nhà, ở các bờ bụi, ao chuôm lừ khừ ra đi lẫn lộn vào đám những người đói ở đâu đâu đến đi qua làng, người nói dòng dài, mỗi ngày càng nhiều, không biết từ đâu đến rồi đi đâu, những đâu.

Nhìn ra chợ từ sớm. Nhiều cô con gái trong làng cũng đi chợ sớm như Nhìn. Mới vài buổi trước, trông còn đỏ đấn bây giờ mặt các cô trắng đục như tờ giấy bản. Không phải đi chợ, mua sắm, mà chỉ đi đến chỗ tụ hội đông đúc để thấy người, thấy cái gì ăn được và xem có gặp may mắn khác hôm qua không.

Cái chợ sầm uất mọi khi đã khác hẳn. Từ đầu làng trở xuống, những ngôi hàng nước chè tươi, những quán thịt cầy và cả cái hàng phở ở nhà bên có hội Ái hữu ngày trước mà chiều chiều thợ cửi thợ tơ vẫn rập rìu, tấp nập, vào chơi, đánh cờ thề, đố mía, bàn chuyện chính trị, sách báo, bây giờ đã trống trơn một khoảng đất đến một ngọn rau dền cơm vừa nhởi lên cũng không thể lội, người ta đã vật ngay.

Bói không thấy một hàng gạo. Chỉ có vài met cám. Cám là thức ăn sống người nhất chợ, ai cũng tranh nhau chúi vào. Met cám hết bay biến. Còn lại các hàng củ chuối. Từng đồng củ chuối cao tú ụ bằng cây rơm, một lúc cũng vợi. Củ chuối thái mỏng, trộn muối bỏ vào chậu, rắc rau húng lên trên, mỗi bát một hào. Nhưng khách mua cũng chẳng mấy, chỉ rất những người vêu vao, lượn lờ như con gà quanh thúng thóc. Những đám người quần quai, lúc nhúc, rách rưới, tanh hôi từ cống bùn rãnh ao nào ngoi lên, cứ ào ào, phờ phạc, đều đều như sóng đánh, tịnh không một tiếng quát tháo, tiếng cười, mặc cả, chửi bới, say rượu đánh nhau, bò rống, lợn éc.

Cuối bãi chợ có một thứ hàng mới mà mỗi hôm mỗi nhiều, đó là những cái khung cửi như bộ xương con trâu, con voi từ các làng khênh đến, xếp chòng đống, ngổn ngang bên cạnh những rui mè cột nhà, những mái rạ, mái lá dỡ ra bán làm củi. Rồi lũng củng nham nhờ bốn phía những khám thờ, những ngai, ỷ, bài vị, đặng, tam sự ngũ sự, câu đối, hoành phi, bát hương, nôi đồng - cả đến cái hòm sơn then, cái ống quyển đựng bằng sắc, gia phả, những đồng sách gánh sách chữ Nho, những cuốn thư thép vàng nghênh ngang trong ánh nắng bụi lảm, giữa những đám người vừa quảy đến, đặt xuống, mắt hõm đương thờ dốc, lơ láo hóng kẻ đến mua. Người bán, người xem chờ đợi, sờ mó những bộ xương đứng, bộ xương ngồi ấy, không một ai cất nhời hỏi một câu, rồi dần dần lảng. Nhưng ở một đồng rác cạnh đấy thì bầu nhâu người ra bói. Mấy đứa bé trần truồng, mặt choắt, trán nhăn rúm như những cụ già sắp xuống lỗ, chúng nó ngồi giữa đám vỏ ốc, hút tùn tụt cả cứt ốc lẫn đất vào trong miệng rồi vứt đánh toách một cái, chiếc vỏ rỗng còn lăn long lóc, đứa khác đã quơ tay ra nhặt lên, hút lại.

Gần đây, dưới bóng mát gốc nhãn, có ba người bị trói ngồi. Góc nhãn ấy, những ngày chợ bình yên, người ta buộc những xích ống

một con chó bán, một con lợn đực đi lẹo thuê. Bây giờ phiên nào cũng trói một xâu, một xốc người vào. Đó là những kẻ cướp giật, người ta bắt, đem gô lại đấy. Hễ tuần phiên tóm được người nào lại trói cánh khuỷu, ghì vào gốc cây. Rồi càng nhiều người cướp giật, phiên nào cũng buộc kín các gốc cây, đến nỗi chỉ còn trói được có hai tay người bằng cái dây cây cóc mẩn, buộc thòng lòng vào lưng người bị trói ở trong. Người ta không buồn chạy, không đủ sức chạy.

Cái lão quét chợ, mọi khi, mặt phù đã sưng phình lên, nhưng tay nắm một con dao. Lão hầm hầm ấn từng người ăn cắp xuống, lão gọt gáy. Lưỡi dao mấp xuống gáy, có khi một mảng tóc lóc theo một dòng máu lổ ra. Có người kêu thét, vừa được cởi ra thì liu xuống, chết.

Nhàn đứng giữa chợ, Nhàn đi từ từ, quanh quanh một lượt. Chợ sớm nay lại có thêm một món ăn mới. Hàng bán bánh khô dầu. Vẫn nghe nói, khô dầu là bánh, bánh thì ăn được, bây giờ mới thấy chợ này có. Nhàn chỉ nhìn qua, không dám mua. Khô dầu là phân bón ruộng. Người ta lại bảo ăn khô dầu thì cứng bụng lại, no luôn vài ngày, rồi chết trương lên, nhưng nhiều người cũng cứ mua. Nhàn lại len vào các đám đông người, lượn vòng chợ. Đi vào đám đông người hít mùi khói, mùi quà bánh, để chờ, để hóng một sự cầu may, như bắt được tiền, như có người đón đi làm hồ, đi quay tơ, như sắp có người cho miếng bánh đúc chấm tương, một bát cháo bột se - những thứ mong ước vớ vẩn thì vô cùng tận, không thể nhớ để đâu cho hết.

Nhàn ước ra như vậy, và rân rân nước mắt. Chao ôi, trước nay thì chỗ đông nào cũng thấy vui, Nhàn đi chen chúc, đi vui, đi sướng. Nào chèo hát tháng Hai, tháng Ba, nào thợ tơ thợ cửi ríu rít chiều ngày phiên, nào mít tinh cờ đỏ sao vàng chợ Cầu, nào Tết nhất, nào đi đón hàng, đón thợ. Sao giờ bỗng dừng lại hóa như thế này? Giờ thì lúc nhúc hôi thối, chen chúc nhau vào ngõ có bắt được cái gì ăn. Ai gục xuống đấy, thì người khác xéo lên.

Nhàn đứng lại trước một hàng nộm củ chuối. Mấy người đang chúi cổ và xì xụp. Một mục rách rưới ở đâu lòa xòa đến, nhìn người đương ăn cứ nói ráo hoảnh xem tướng từng người, tựa cách bói sáng như thế cũng giúp cho mục ta có cái thú vị chăm chú như mình đương được ăn.

– Cái nhà cô ngồi ngoài còn khá. Nhưng sao rách thế. Con gái con đưa mà ngồi ăn để cả đồ lè ra thế kia! Nhà chị này thì đuối rồi. Má si quá. Nuốt miếng chuối mà nghẹn lắc cổ như gà các cụ ngày xưa bảo là diêm chết đấy. Gớm, thời buổi đói kém mà con mẹ này béo quay ra, không sợ bị quở quang à? Béo tốt thế thì việc cóc gì phải nốc củ chuối cho hại người. Ấy cái giống củ chuối, người nào béo ăn vào lại róc người ra, người nào gầy, ăn nó đầy người lên, thế mới thật là lúc đói thì giời cũng ra tay cân phúc cân tội. Còn cái nhà này ngắc ngoài đến nơi rồi, cố nuốt bát nộm đi mà hưởng mùi đời, già lắm cũng chỉặng được đến phiên chợ sau thì cho mày đôi năm mươi về với các cụ.

– Cha tiên nhân con mẹ ranh! Cút đi cho bà bán hàng!

Bà hàng xua xua tay chửi rồi sẵn cái gậy, gõ cốp cốp vào hai cái đầu gối to xụ xụ của mụ nọ. Mụ ngã bệt ngay xuống, ngồi nguyên đấy. Thấy thế, sợ quá, bà bán hàng không dám nện nữa. Mụ ngồi ăn vạ, lại chỉ trỏ người này gầy, người nọ béo, người kia sắp chết.

Nhàn hoảng hốt. Mụ ta sắp xem xét gầy béo đến cả Nhan. Ai mà nói gầy, nói ốm, Nhan sợ lắm. Nhan đi thẳng.

Gầy... Béo... Sắp chết... Tròng mắt Nhan lại đỏ hoe. Những tiếng khùng khiếp! Nhan nghĩ đến anh Ba. Anh héo hắt chóng quá. Người nhọt nhạt, mỗi hôm một khác.

Nhan vào hàng củ chuối. Nhan mua ăn một hào, còn thì gói lá mang về phần anh Ba.

Nhan lần cạp quần ra tờ giấy một hào cuộn tròn như cái tằm nhét vào tận giữa lưng. Bất kỳ đến nước thế nào thì vẫn còn có đồng hào găm trong người, tính đàn bà con gái bao giờ cũng cần cơ. Một hào này, một hào bát nộm củ chuối với muối vừng, rau thơm. Cái vị chan chát vừa mỡ, vừa thơm ấy làm cho Nhan nuốt đến đâu tỉnh ruột đến đấy.

Bỗng sau lưng tràn đến những tiếng ồn ào. Nhan vội trút cả bát nộm còn lại vào bọc áo, rồi quay ra nhìn. Đông lắm, đông nghịt những người cao lẳng không dương loi thoi, quây quanh, dúi nhau vào đánh đám túi bụi. Họ vừa đánh vừa dẫn đến gốc nhãn một người kẻ cắp. Nhan nhìn rõ mặt lão quét chợ. Ai nghe nói bắt được lão quét chợ ăn cắp cũng cố đuôi xem mặt đến tận gốc nhãn. Hai

người, ba người, rồi bốn năm người xóc láo lên đánh, loay hoay, lúi húi, có lúc ngã chổng cả đồng lên nhau. Nhưng mà, thôi thế là đến cái lão quét chợ hay đi bắt người cướp giật và gọt gáy người ta, bây giờ lão cũng bị người ta đem gọt gáy. Cái chợ đâm ra vô cai quản, người ở các đồng rác, các xó nhua nhúa mọc ra, vừa cười vừa mỉu khác thường. Những hàng quán, từ miếng củ chuối đến người khiêng hương án, án thư đi bán đều hấp tấp khiêng, vác, chạy. Chỉ còn lại tiếng lao xao, xô đẩy rầm rầm.

Nhàn chạy khỏi đám đò vỡ chợ.

Trong nhà vẫn lặng lẽ như sáng sớm. Anh Ba chưa về. Góc trong, ông Trương ngồi quay mặt vào vách. Có phải đức Phật xưa cũng ngồi quay mặt vào tường như thế ít lâu rồi hóa; ông lão cũng muốn được như đức Phật chăng? Kéo ra cũng không được, trông thấy gáy ông lão mỗi hôm lại hăm sâu hơn thì biết người đã rộc lắm. Rồi cả Nhàn và Ba cũng không ai dǎ động đến. Ông cứ ngồi đấy rồi hôm nào ông đi. Già thì chết, chết đói cũng như chết bệnh, thế vậy thôi. Nhàn ôm trong bọc áo nắm nộm củ chuối ra sau vách cất lên hóc cọt.

Thấy phía bóng cửa hơi xảm tối, Nhàn quay lại. Ba đã về đứng sững đấy. Ngoài sân ánh nắng vàng rực ửng vào, mặt Ba càng xám như đất. Hai con mắt Ba trắng nhả, trô trố như sắp bật con người ra. Khiếp quá, Nhàn hốt hải lại phía Ba, trong khi Ba từ từ bước vào bóng tối ẩm ướt gian nhà trống. Đến chân cột, Ba giơ tay bấu. Nhưng ngón tay không đủ sức nắm, tuột xuống cả người Ba đổ theo. Nhàn trông thấy gáy anh Ba mất một miếng da, lòi máu đỏ hon hỏn.

Nhàn kêu lên:

– Ôi anh ơi!

Lão Trương quay mặt lại. Nhưng chân lão không mở thẳng ra được nữa. Ông lão bò đến chỗ người con trai vừa ngã phục xuống. Ông quờ tay lên mặt con. Ngón tay run đụng vào tảng mặt lạnh ngắt. Ông lão bảo con gái:

– Hàm nó cứng rồi.

Ông lão chúi đầu như thế, khóc “hô hô” hai tiếng, rồi im bật. Nhàn khẹp cái vạt áo rách toang cho Ba, thấy ở ngực, ở cánh tay anh

từng đám bầm máu. Trời, anh Ba đi ăn cắp ở chợ, bị đánh, bị gọt gáy. Nhàn đưa tay lên mặt anh. Vừa lúc ấy, Ba mở hai mắt trắng nhợt. Môi co lại, miệng Ba từ từ há, nhả ra một tờ giấy bạc. Nước bọt, vết răng cắn đã làm cho mảnh giấy đỏ buồm, đen xỉn, dính bết lại. Mắt Ba nghiêng nhìn Nhàn, tay Ba nhấc lên, rồi lại buông bực, buông vật xuống. Nhàn cúi mặt khóc, không dám nhìn anh nữa. Nhàn hiểu hết nông nỗi ghê gớm này. Ba bị đem gọt gáy. Nhưng Ba vẫn ngậm được tờ bạc hào, không chịu buông, về đến tận nhà mới nhả ra.

Bồng Ba nói ráo hoảnh:

– Cái ống báo tao cất trong mái đầu hồi, thằng Lạp về báo nó thế. Tao chết thì đêm mày vác tao lên bỏ ở cầu chợ cho hàng chợ nó phải chôn.

– Anh chỉ nói đại!

– Đại à...

Rồi tay Ba lại vật vã quật xuống. Một lúc, Nhàn không thấy mắt Ba chớp. Ba nằm thế, Ba chết. Hai người còn lại ngỡ ngẩn, chưa muốn biết cái xác nằm đây là một người chết, nhưng trong nhà thì vắng hẳn hơn lúc nãy. Ngoài kia nắng to. Bốn phía các xó luồn hồng hắt một ánh sáng mờ vào các chân cột, vào hai bố con ngồi lù lù, như pho tượng nổi bóng lên. Ông lão Trương lại quay vào vách chiêm bao các kiếp trước, kiếp sau, luân hồi quả báo. Đây là cảnh xuống đến cửa Âm Phủ, cả nhà lão chết rồi, các vong hồn đương đứng trước ngục để vua Diêm Vương gọi vào, trong kia nào vạc dầu, nào rắn rết, hổ báo đương cắn xé, từng xẻo những người trên dương gian có tội. Từ khi nhà thờ trên làng Đông lấy mất nhà, đầu óc ông lão mù mịt, day dứt hình thù những tòa án áo đen, áo đỏ, những âm ty, những phúc tội, bây giờ, đưa con độc tự của lão chết đói chết đờn thế này. Những nét co giãn trên mặt lão càng rữa ra như đồng bùn, xạm ngặt.

Chỉ còn Nhàn tỉnh. Thương lo, làm thế nào chôn được anh. Khiêng lên chợ, bỏ trên đấy để hàng xứ phải kéo đi chôn, như người chết đường thì chẳng nữa. Nhưng làm thế nào chôn được anh? Ông Trương không còn nhấc nổi đầu gối. Xóm giềng bây giờ thì như cò gặp bão, mỗi người bạt mỗi xó. Nhàn nghĩ đến bác cai Giắt.

Nhưng Nhàn ngần ngừ. Dạo xưa, còn sinh hoạt, một lần bác cai được cắt đi gác cho phụ nữ họp, bác đã cúi tiết bỏ về. Bác bảo bác ghét lũ đàn bà. Bây giờ đến, biết bác cai có còn nghĩ đến anh em. Nhà ông Trương có họ với nhà lý Dĩ, Nhàn nhất định không vào, thà đến bác cai.

Bác cai Giắt vừa đi đâu về. Lâu nay, cai Giắt lúc nào cũng cái đòn gánh trên vai, không mấy lúc ở nhà. Bác quảy thuê cho bọn buôn muối lậu. Lại có khi lên tỉnh kéo xe, mấy hôm mới lại trở về cái làng u ám. Vừa trông thấy bác cai, Nhàn khóc. Bác cai hỏi:

– Cái gì, cái gì thế?

Bác cai gái thấy Nhàn đến thì xăm xăm ngay ra. Từ độ bình thời, bác gái đã ghét anh em nhà này. Mỗi lần chúng nó đến lại thấy lão cai bỏ củi canh, đùng đùng đi, chẳng được tích sự gì. Bây giờ ả này nhò đến, chỉ lại quấy nhiễu, xin xỏ. Thời buổi chết đến nơi, cha bỏ con, vợ bỏ chồng, ai thương nỗi ai. Bà phải ra xem sao, kẻo cái lão ấy chúa nhanh nhẩu đoảng, cời ngay ruột ra được. Bác cai gái trôn trôn nhìn Nhàn. Nhàn vẫn khóc:

– Bác ơi! Anh cháu chết rồi.

Bác cai kêu lên:

– Ói giời, cái thằng Ba ấy à?

– Vâng.

– Khổ chưa, tôi phải ra xem sao cái nào.

– Này, nhà này...

Cai Giắt biết ý vợ. Bác bèn xắn quần lên, cời phẳng cái thắt lưng dạ cá có bím, ném vào trong nhà. Bác gái biết thế là chồng không còn có gì trong người. Bác gái quay vào, nói một mình:

– Giời đất này, người như con kiến, chết thì lấp đi, lại còn gọi ai, khóc ai.

Cai Giắt đến nhìn Ba nằm co quắp dưới đất, mắt mở trợn, đàng gáy hoét đỏ bầm như một lỗ thủng. Cai Giắt nói:

– Chết trước khỏi chết sau, rồi còn chết cả làng.

Nói xong câu cứng rắn ấy, bác bặm miệng lại, trong hổ mắt tối om chảy xuống hai dòng nước mắt. Cai Giắt lơ lảo, ngược ra vườn, kêu:

– Ái chà! La ghe^[1] thì chết đâu chôn đấy, giờ cũng đương la ghe. Chôn nó ở góc vườn kia. Bây giờ chẳng sợ cóc thằng Nha Chung nào, cho thằng Ba được ở nhà ở cửa, bao giờ qua cái nạn này, nếu có hợp, gọi nó về hợp cũng gần. Còn bố thì cứ ngồi đấy, không phải khóc, không phải đứng dậy, con đi mượn cái cuốc, con đào sẵn cả cho bố cái hố, bao giờ bố muốn ra nằm cạnh nó thì ra.

Ra đến giữa sân, cai Giắt đứng lại. Cai Giắt kéo vạch cạp quần, như người đương bị con rận cắn, đương bắt rận. Không, bác cai Giắt móc trong cạp quần ra tờ giấy bạc một đồng, vuốt phẳng, đưa Nhàn:

– Mà y cầm lấy.

Nhàn ngẩn ngơ cầm một lát sau vẫn còn nghĩ bùi ngùi, nhìn theo.

Hồi làng nước mới thiếu đói, nhưng những nhà đi làm mướn như nhà Nhàn thì đã cũng kiệt lắm. Bố con khuân hết giường, phản, nôi, mâm, đồ thờ ra chợ bán. Lão lý Dĩ là người họ cảnh dưới, đến bảo: “Bán tào bán huyết bán cả ông vải, bêu riếu thế rồi thời bình ra chỗ đình trung ăn nói thế nào”. Nói xong, lão lý Dĩ đi, chẳng cho được một xu và cũng không lần nào tới nữa.

Bác cai Giắt chẳng qua chỉ là người cùng làng, chơi với nhau vì cùng hội cùng thuyền Ái hữu, cứu quốc mà thôi. Nghĩ thế, Nhàn lại ràn rụa nước mắt.

Bác cai Giắt nói ác khẩu, chứ bác chẳng đang tâm đào thêm một cái hố cho lão Trương chôn chết. Nhưng, từ hôm chỗ đất vườn ấy có một nắm mồ của con trai ông lão, mỗi buổi sáng, sớm lắm, lão Trương bò ra vườn, tay lết theo một cái sổng dao cùn. Lão Trương ra đào một hố, bên cạnh mộ của Ba. Lão ấn dao, móc từng vốc đất lên. Lâu dần thành lỗ to, đấy là lão đào cái huyết. Nhàn bảo bố không được làm thế. Nhưng lão đáp: “Mày chẳng làm nổi việc này”, rồi lại lẳng lặng móc đất. Gáy lão hoắm xuống, kéo trĩu cái đầu tóc búi càng to ra, nặng trĩu. Ông lão thợ cửi ngoài sáu mươi tuổi ấy đã lâu chẳng ăn uống gì, ngồi xúc đất bằng hơi sức còn lại của một người trước kia vốc vạc lực lưỡng, cả đời không biết ốm. Nhàn đưa cho bố miếng củ chuối, ông lão lắc đầu.

Một buổi sáng, lão Trương bảo Nhàn:

– Hôm nay thì tao về.

Ông lão lại nói:

– Tao mà về rồi thì mày đốt cái nhà này đi, đốt đi. Mày để tao nằm cạnh thằng Ba, đắp cao cho tao một tí. Đã lâu tao giữ không cho thứ gì vào bụng, chắc không còn hôi thối nữa. Con ơi, sinh con mà không nuôi được con là tội ở bố mẹ, từ nay chỉ còn có một mình con ở lại trần gian, bố con ta phải lìa nhau, thôi thì ông gười thu xếp cho thế nào cũng được.

Ông lão Trương nức lên, từ từ quay mặt vào vách. Nhàn đỏ hoe mắt, gất: “Nói đại!”. Rồi Nhàn ngoảnh ra. Nhàn lại tha thẩn đi ra các đồng rác, bờ bụi ao chuôm ngoài chợ, nhặt cái ăn như mọi ngày.

Nhàn về, trông vào chân vách, không thấy bố. Nhàn ra vườn, thấy ông lão dưới hố. Một chân co, một tay áp má, như người ngủ. Đàn kiến đắp vào lỗ tai, có những con kiến lửa đương bò ra bò vào trong các kẽ tay ông lão.

[1] Tiếng Pháp (la guerre) là chiến tranh.

XV

Nhàn còn ở có một mình.

Trời lại dần dần vào mùa thu. Có những đêm thời tiết đột ngột đổi, gió nổi rào rào trên ngọn xoan, ngọn tre, những người đói trong làng nằm thúng thảng ho. Già lão chỉ đợi trở trời như vậy, là chết. Một đêm ông lão Vượng, bố anh Lê, ngồi chết ở gốc cây mít ngoài góc chợ với mấy người nữa. Thế là lại một ông thợ cửi già dệt lĩnh mười bàn giỏi nhất làng Hạ không còn.

Mặt trăng nẫu vàng như một cái lỗ thủng chuyển động trên vòm trời mù sương. Đêm thăm thẳm hút vào một vùng chết chóc.

Bảy đồng rưỡi bạc một đấu gạo. Mà một ngày quầy thuê không được nổi năm hào công. Khảo giá với nhau thế thôi, chứ gạo ở chợ làng cũng không có, phải nửa buổi lên chợ Cầu hoa may mới được nhìn mặt hạt gạo. Đồng bạc với mấy hào giắt lưng chỉ mua nổi nắm nộm củ chuối ăn dần. Quần áo lượp tướp như khoác lá chuối. Cũng không còn biết xấu hổ. Lắm lúc người đói dường như người dở hơi, cả ngày nằm ngách xó luôn bắt con kiến, con muỗi mắt, cắn mấy con chấy vuốt trên đầu xuống nhấm ăn. Có lần, một mụ ở chợ ngắm Nhàn, bảo: “Cô này khéo lắm chỉ hai phiên nữa thì được về với các cụ”. Nhàn tắt thở, vừa đi vừa khóc. Nhàn nắm cổ tay, cổ chân, vuốt má, vuốt mặt. Nhàn không bao giờ nghĩ mình đã phù nề. Có lúc ra bờ ao, soi mặt xuống nước, vuốt tóc, cười. Má phị, nặng, mọng, dùng đục, soi bằng được, Nhàn hơi nhích cười. Nhàn chỉ trông thấy cái cười.

Những lúc ấy, Nhàn nhớ Lạp.

Nhàn lại lần xuống nhà mẹ Lạp. Mẹ Lạp không phải người vùng này. Ở làng Hạ trước kia, cuối năm thường có những bác thợ khâu tay đến may quần áo Tết cho các nhà. Một bà thợ khâu già và cô cháu gái, hai bà cháu năm nào cũng từ Phủ Đình ra khâu đồ Tết ở làng Hạ. Mẹ Lạp ngày trước là cô cháu gái bà thợ khâu già ấy.

Một năm xưa hàng ế, bố Lạp theo người ta đi phu sang làm đường bên Lào rồi không thấy về nữa. Mẹ Lạp chờ chồng nuôi con, đi khâu vá cho các nhà trong làng. Khi còn trẻ, tinh mắt nhanh tay thì

đến độ khâu hàng Tết, nhiều nhà chèo kéo, nhưng rồi về già, mắt kém, người ta chỉ gọi bà đến vá quần áo vặt vãnh. Tuy vậy, quanh năm vẫn có việc.

Nhưng bây giờ không phải như hôm Lạp vào vùng trong, bà mẹ phôi bò dễ tính tưởng là dù đói hay no thì quần áo lành rồi cũng có ngày rách, có ngày sẽ phải mượn vá. Bây giờ cả làng rách như tổ đĩa không ai buồn nhìn ai. Bà mẹ Lạp đành ro ró cả phiên ngồi nhà.

Mấy bận Nhàn xuống nhà mẹ Lạp. Mẹ người khô rạc, cổ tay cổ chân bằng cái đốt mía. Bà ngồi giữa nhà, áo và váy nâu, mắt đeo một miếng kính trắng có hai sợi chỉ buộc vào tai thay cái gọng, vẫn rõ ra bà thợ khâu, áo và trăm mụn, miếng vá nào cũng gọn, sạch. Tay lần tràng hạt, miệng bà lẩm nhẩm kể hạnh. Thấy Nhàn, bà nói:

– Cô xuống chơi.

Nhàn bước vào, ngượng nghịu, ngồi ngoài đầu hè. Rách quá, Nhàn không dám đến cạnh bà. Nhưng bà vốn vãi:

– Cô vào đây.

Rồi bà kể lễ:

– Cô Nhàn ạ, cái thằng Lạp nhà tôi chỉ bông lông, đứng núi này trông núi khác. Nói thực với cô, bao nhiêu đám nhờ rồi đấy. Lần này nó mà về tôi lên nói với các cụ xin cô cho nó. Cảnh nhà khó với nhau dễ ăn nói. Nó cũng sắp về rồi.

Lại mong, như bà cả đời mong chồng bà làm đường bên Lào sắp về. Bà mẹ lần tràng hạt, chốc lại buông tay, chuyện. Nhàn ngồi nghe mẹ kể hạnh, rồi chuyện và mong con. Người đàn bà dễ tính, dễ quên, bao giờ cũng hy vọng. Chốc chốc, lại dừng tay: “Thế nào nó về tôi cũng lên nói với các cụ trên ấy”. Nghe thế, Nhàn chỉ muốn khóc. Nhà Nhàn có còn ai đâu. Nhàn tưởng như mẹ Lạp là một bà tiên, khô như con hạc thờ không bao giờ chết, mẹ ngồi niệm Phật phù hộ cho người yêu Nhàn chóng về.

Nhàn lại nhớ Lạp, nhớ quá. Nhàn ra gốc táo hôm Lạp đi, Nhàn đứng ngả đầu, nghiêng má vào thân cây táo ngả chỗ Lạp đã đè má Nhàn xuống. Nhàn ngồi tựa gốc cây táo hàng ngày. “Anh Lạp ơi! Anh về, anh về, em dù có làm sao cũng còn được gặp anh một lần”. Không bao giờ Nhàn dám nghĩ hẳn đến tiếng chết. Bây giờ Nhàn trữ cả một bánh khô dầu. Có người bảo: mỗi ngày nhấm một tý khô dầu

thì sẽ no lâu, không có hại. Cái gì no được, sống được, là Nhân tin. Không bao giờ Nhân tưởng mình nhắm mắt mà không được gặp lại Lạp.

Nhàn cố cảm hơi. Mỗi khi nhớ, lại ra ngồi gốc cây táo. Thế nào rồi hai người cũng lấy được nhau. Yêu nhau lấy nhau đã đành, lại còn cái số nàng dâu được mẹ chồng quý mến như thế, thì mấy ai so được. Vợ chồng sẽ lên một khung cửa. Ngày phiên đi chợ, xách về một xâu lòng bò. Chẳng mấy chốc đã sinh một con, con gái, con gái đầu lòng nó giúp mẹ được sớm, sai được trăm thứ việc. Mà bấy giờ thì sướng quá nữa, bấy giờ nước ta đã độc lập. Việt Minh đã đánh Pháp, đuổi Nhật đi rồi. Nhân ơi! Cố sao cho qua cái bước đau đớn này.

Nhàn không thể ngồi yên dưới gốc táo. Nhân bứt những cái lá táo già, giữa mùa khô xơ xác. Nhân ăn thử mấy cái lá đắng xè miệng. Trong vườn, những thân chuối, đu đủ vào bụng người từ lâu, vườn chỉ còn cỏ ấu, cỏ xước, cỏ mần trâu vàng xác ngọn không nhai được. Mà Nhân thì cần sống, thế nào rồi hai người cũng sẽ lấy được nhau...

Nhàn bỏ ra một mẩu khô dầu, nhắm một miếng. Rồi Nhân đến nằm dưới chân vách, bên cạnh xó luồn. Khi nào nằm đấy, Nhân cũng nhớ chuyện bố kể lúc còn bé, mẹ Nhân mới chết, bố thường đem để Nhân ngồi ở chỗ ấy. Giữ Nhân không bò được ra sân, bố lấy thừng buộc cổ chân Nhân vào cái cột. Khi nay, mười chín tuổi đầu, Nhân lại nằm một mình ở cái xó luồn như trẻ con chơi. Nhân nằm im, mở to mắt, tựa mèo rình chuột. Thật thì dạo nọ Nhân có rình con mèo. Nhân muốn bẫy ăn thịt con mèo. Rồi con mèo bỏ đi mất. Nhà không còn gì ăn, cả những đàn chuột cũng đi đâu nốt.

Một con nhện áp trứng trên vách từ từ bò xuống, nhún nhảy gọng chân. Bàn tay người quơ lên, di nát hai tảng răng con nhện. Nhân vật ăn từng miếng chân, cho đến hết cái mình con nhện. Nhân vẫn ăn nhện. Trẻ con mắc bệnh đái dầm, phải ăn nhện mới khỏi, thịt nhện ăn được. Một dòng đen đen kéo đến quán ngang cái bọng cứt con nhện vừa vớt đấy. Nhân trông kỹ đàn kiến gió đến tha mồi. Nhân lại lấy đầu ngón tay nhấp nước bọt, nhấp từng con kiến, từng con kiến, đưa lên miệng. Nhân cố ăn. Nhân không thể chết.

Dần dần trời tối. Nhàn vẫn nằm ở xó lều ấy. Chỉ còn có đất thì nằm chỗ nào cũng thế. Một mình ở nhà, ngoài vườn hai cái mả mới, người lẫn với ma, đêm nào Nhàn cũng thêm thiếp, không biết mình thật ngủ hay thức.

Văng vẳng tiếng ai gọi. Nhàn giật mình trông ra sân. Những tiếng o o giun dế trong tai làm cho Nhàn có ý nghĩ ngỡ là tiếng ma trêu. Nhàn nhắm nghiền mắt. Lại văng vẳng: “Có ai nhà không?” Rõ ràng tiếng người. Nhàn mở mắt, lại trông ra. Một hình thù lù lù vào, như bóng nhà đổ, như bóng tối ụp xuống đầu. Người dường âm kéo về bắt Nhàn! Nhàn nhắm mắt, chắp hai tay, vái bóng tối. Tiếng hỏi to:

– Ba có nhà không?

Nhàn bồng cứng tay lại.

– Anh Lạp phải...

Lạp đã vào tới giữa nhà, đụng vào tay Nhàn.

– Nhàn à!

Lạp ngồi xuống, nắm tay Nhàn. Lạp không dám hỏi, nhưng thấy Nhàn nằm dưới đất trong gian nhà trống trơn, bước chân vào không vướng một vật gì, thế là Lạp hiểu. Lạp ôm Nhàn. Hai người ôm nhau trong bóng tối im lặng, không ai thấy ai. Một câu nói thế nào bây giờ cũng chỉ thêm đau đớn, đến nỗi khi Nhàn thồn thức: “Thầy em với anh Ba chết cả rồi”, thì sau tiếng khóc ấy, hai người lại im.

Một lúc lâu, Lạp như tỉnh lại, hỏi:

– Nhà có lửa không?

– Không.

– Em ngồi dậy, giữ cái đũa này.

Nhàn hoảng hốt giờ tay. Sợ như Lạp đi mất. Bàn tay mở ra, nắm lại, cố nắm xem thực hay chiêm bao. Không thấy Lạp, Nhàn quờ vào một cái túi vải như cái dây đeo hàng của các làng tư cửi, một dây nặng gạo. Nhàn run quá. Nhàn dìm hẳn mặt vào trong miệng dây, hít một hơi dài cái mùi cám và gạo thơm, đã lâu lắm, như từ thuở bé, giờ mới lại được ngửi thấy. Một nỗi vui sướng thơ mơ tràn ngập đưa Nhàn trở về thuở bé, những khi đầu mùa gặt, trẻ con rủ nhau ra đồng rút trộm lúa nếp về ngồi nướng làm cốm ăn. Mùa lúa mới ngan ngát cánh đồng, lẫn tiếng cười giòn tan, tiếng hú ma nghịch ngợm,

tiếng vỗ tay cùng chơi nhảy tênh tênh, bao nhiêu lâu nay Nhàn mới được thanh thản trở về gặp lại mùa lúa thơm và những ngày thơ trẻ. Nhàn vốc ra một nắm gạo, Nhàn nhai rau rầu.

Lạp đã cầm một cái que đóm lửa về. Trong ánh lửa, Nhàn trông thấy Lạp mặt phị, mình gầy rộc. Cái quai hàm bạnh nổi gồ lên như hai miếng xương tạc và cái mặt bốp, dài hoắt. Hết mặt anh Ba dạo trước. Bất giác, Nhàn nắm chặt đũa gạo, trân trân nhìn gáy Lạp. Nhớ cái gáy chảy máu của anh Ba. Nhưng đầu Lạp tóc tốt um che kín lấp xuống gáy.

Trông mắt Nhàn lơ láo, Lạp nói:

- Em đừng sợ, đừng sợ.
- Vâng, em không sợ.
- Nhà còn cái nồi nào không?
- Anh làm gì?
- Nấu cháo.

Nhàn rút trên cộc vách xuống một cái niêu con, rồi bẻ nan vách chát đóm đốt lên một đống lửa giữa nhà.

Niêu cháo và ánh lửa đỏ đã xua đi bóng tối ẩm ướt, u uất. Nhàn trở lại tươi tỉnh trông thấy. Tính nhanh nhẩu, tinh nghịch bẻo lẻo thường ngày của Nhàn bồi hồi dậy như ngọn đèn bùng lên. Và như trong chiêm bao, Nhàn ngồi yên nhìn Lạp chạy đi chạy lại, bẻ thêm phân rách, ra soi đóm mang vào cái vung vỡ để đổ cháo.

Cháo vừa đổ, còn khói, Lạp đã bung lên, Nhàn chúm môi vừa húp vừa xuyết xoa, Lạp ngồi đổ cháo ra vung, thổi cho Nhàn húp. Hai mắt Nhàn thao láo trong khói cháo, vành môi trên cong dúm lại như muốn cuốn hút hết cả bấy nhiêu cháo nóng bỏng vào miệng. Có mấy tháng Lạp đi mà đã tang thương ra thế này.

Ở vùng trong cũng đương đói. Nhưng làng vừa làm ruộng vừa làm công nghệ, Vạn Phúc, La Khê, La Cả, Tây Mỗ, Đại Mỗ và làng Bùng đồng chiêm, làng nào cũng đói nhao, không còn một hạt thóc, người chết đường nhiều hơn người chết trong nhà, dù sao cũng còn một phần dựa vào ruộng cầm cự. Trong khi ấy, phong trào cứu quốc lan tràn khắp các xóm. Nhiều lần, mật thám tỉnh và Hà Nội, lính phủ về vây bắt cũng không thể dập tắt tin tưởng và gan dạ của người ta chỉ có đổi đời mới có cái sống. Đến như hồi này điều linh thế, mà

Lạp vẫn trông vào đồng chí ở vạ vật được. Nông dân và thợ còn tựa nhau, giúp nhau. Không còn việc, Lạp vẫn được anh em cấp đỡ, vẫn quanh quẩn trong làng.

Khi Lạp vào trong ấy thì Trung đã thoát ly đi địa phương khác, sau một trận mật thám Pháp về khủng bố. Bân cũng lại đi rồi. Có người nói Bân đi học quân sự ở chiến khu.

Một lần, liên đoàn thu thóc về cân thóc tạ. Các tổ cứu quốc hào người làng ra phá hai cái cân bàn của liên đoàn đem về đặt giữa cửa đình. Trên phủ cho lính về canh gác, liên đoàn lại bắc cân lên trước sân đình. Làng lại phá, ném cân xuống ao. Sau đó, nhiều người các xóm bị bắt. Lạp là người lạ không ở được. Anh em đã chung nhau góp cho Lạp được một túi hơn ba cân gạo để Lạp đi. Năm trước, ở đây về, Bân đưa một túi sách báo. Năm nay, ở đây về quê, có một túi gạo. Lạp nhịn ăn hơn một ngày, đeo túi gạo, đi suốt đêm. Lạp về nhà. Nhà chỉ còn một khoảng đất trống không. Lạp đứng trên nền đất của bố mẹ Lạp đã hàng đời ăn ở đấy, Lạp còn nhớ như in từ cái chân cột, chỗ con chó đá, chỗ kê cái chạn bát, dưới chân Lạp còn hôi hổi hơi người. Mẹ Lạp chết từ hôm nào rồi. Cái nhà không có chủ, người ta đã đến dỡ đem đi hết.

Lạp lên đây ngay.

Từ nãy, Lạp lặng lẽ nhìn Nhàn. Nhàn húp hết mấy cái vung cháo, Lạp không biết, Lạp cũng không tưởng đến cả mình cũng đương đói thất ruột lại từ hai hôm nay.

Bấy giờ khuya lắm. Mặt trăng úa đỏ vừa ngả xuống dưới mái tranh thì Nhàn buông cái mảnh vung đựng cháo. Nhàn nhìn ra, Nhàn nghĩ ra, đã khuya rồi. Cũng khi đó, Nhàn trông Lạp và tự dưng ngượng nghịu. Mảnh trăng kia đã từng ngả xuống dưới mái tranh, vào những đêm mát trời tháng Hai, tháng Tám, thường là lúc tan chèo. Lạp vẫn lặng lẽ nhìn Nhàn. Cái khiếp sợ đói khát lúc nãy đã tan cùng với đồng lửa đã tắt, chỉ còn một chút ánh than hồng ửng lên. Mặt Nhàn anh ánh, Lạp trông Nhàn đẹp chẳng khác trước. Lạp ngồi sát lại Nhàn. Mẹ chết, người yêu đói, cả nhà chết đói. Những chuyện ghê gớm, Lạp cố không muốn nghĩ nữa.

Than tàn hết. Trăng đã lặn. Hai người ngồi trong im lặng đêm mùa thu thăm thẳm hun hút. Lạp đặt tay lên mái tóc xù cứng, hôi rối

mà Lạp tưởng tay mình đang lần trên lối đường ngói rẽ giữa và hai mái tóc mượt người yêu vén gọn sang hai mé thái dương.

Lạp nói:

– Em đừng khóc nữa.

Nhàn xúc động quá, lả đi. Chân tay lạnh ngắt, không nhích nổi được. Nếu nghĩ thế một lúc nữa thì Nhàn đến nghẹn thở, không chịu được, phải gục vào Lạp mà chết, chao ôi, chết cũng được rồi.

Một cái mắt nửa nở bọc trong đồng than tro, tia lên mấy đốm hoa cải. Ánh sáng lóa vào mắt Nhàn ngời ươn lóng lánh. Lạp cúi xuống, ôm hai vai Nhàn. Nhàn run rẩy, lật đặt bàn tay bám chặt Lạp. Hai mắt Nhàn nhắm nghiền.

Anh ơi! Hôm nay là cưới chúng mình. Bao nhiêu ước mơ đã thành ra cái thật hôm nay. Làng nước vừa cỗ bàn xong, đã say, đã ngã nghiêng về cả. Ngoài cửa buồng chỉ còn lại mấy bà ngồi tèm rón hộ mấy miếng trầu dưới ngọn đèn ba dây. Anh đã cởi tấm áo the mới ra treo trên cột. Chắc các bạn phù rể đã ép mình uống hơi nhiều, say mặt mình đổ thế. Em buông hai cánh màn nâu xuống chiếc chiếu hoa ban chiều ông đồ già nhất xóm vừa vào trái lầy khước cho đôi vợ chồng mới... Đôi chiếu hoa đỏ quá, rực rỡ quá. Em thẹn quá. Ô lạ, anh và em đã yêu nhau là thế mà sao như còn xa lạ đêm nay. Em nhắc chiếc chiếu hoa kia để gối đầu. Em nằm im tận trong cùng giường. Anh còn đứng làm gì đấy? Anh nhìn lên con gián chạy trên rui nhà. Anh làm như anh không biết có em. Anh cũng có vẻ ngượng. Nay, nếu tay anh quay lại thì vừa đụng lá màn còn mở. Tay anh đang quay lại mở cửa màn... Anh ơi! Đêm nay hai vợ chồng ta...

Nhàn ngừng nghĩ, choáng óc, thở mạnh, tưởng sắp đứt hơi. Từng đốt xương trong người muốn rời ra.

Lạp vuốt cánh tay, vuốt trên mình Nhàn. Rõ ràng chạy chạy dưới bàn tay Lạp từng đốt xương sần lằn lằn, gồ ghề. Ngực, bụng Nhàn lép kẹp. Người Nhàn lạnh ngắt ngo, cong queo. Nhưng hơi thở của Nhàn hỏn hỏn phả vào mặt Lạp thì hôi hỏi. Còn bao nhiêu sức, Nhàn dồn cả lên hơi thở nóng, tất cả chỉ còn đấy. Lạp như mê, như rò, ghì Nhàn xuống.

Sáng bạch, Lạp tỉnh. Hai đứa trần như hai con nhộng trong đồng quần áo tã. Nhàn vẫn nghiêng chân tay khóa chặt Lạp. Lạp ngóc cổ lên khỏi mặt đất, ngo ngác nhìn. Miệng Nhàn rớt rãi nhầy nhựa bện quệt với nước mắt xuống một bên má chảy xị. Lạp khe khẽ gỡ tay ra. Nhàn vẫn mê mết không biết. Lạp nắn cổ chân Nhàn. Cái cổ chân đem qua ngõ là mẫm tròn gờ vừa nắn đến, ngón tay đã ấn làn da lõm xuống. Mắt Nhàn nhắm, nhưng mi không khép hết được, trông con ngươi vẫn héch, như mắt con cá chết.

Nghĩ lại đêm khủng khiếp nào nùng từng cơn vừa qua. Trời đã sáng rồi, nhưng từ lúc nào, mưa dầm sục sùi ngắn dài đầu mái gianh. Vòm trời bàng bạc nước và sương. Trong cửa, cỏ lên xanh um. Ngoài vườn, đất đỏ trên hai cái mả mới. Không thể tưởng rằng đây là nhà thằng Ba. Những khi anh em vui nhất, say nhất, nào hát chèo, nào chống thuế, biểu tình, rồi cứu quốc, mà bây giờ tan nát thế này. Nhàn, mới hôm nào Nhàn miệng cười đôi mắt tít lại như sợi chỉ, giờ ra phù nề thế này. Và mẹ Lạp, ôi! Mẹ Lạp. Lúc này Lạp mới thực thấy thương mẹ.

Nhưng Lạp không ghê, cả cái gian nhà ẩm ướt. Lạp không ghê sợ, Lạp nhớ lại mấy lần hai đứa ăn nằm với nhau mới đêm qua, Lạp càng thương Nhàn. Lạp nhìn lại đôi mắt Nhàn hé mở. Lạp không muốn nhìn mắt Nhàn xấu như thế, Lạp vuốt tay lên mí mắt người yêu. Vừa hay, Nhàn thức, khéo như Nhàn vẫn thức.

Nhàn nói:

– Nằm đây với em.

Đôi mắt Nhàn từ từ mở ra to lạ thường. Giữa màu lòng trắng rợn, hai con ngươi trong leo lẻo ngược lên nhìn Lạp. Mắt Nhàn lạ quá, con mắt đau xót, thương yêu, lại như hờn dỗi, như vui sướng...

Nhàn nói:

– U mong anh quá. Ai mong đợi thì người đi xa đến đâu cũng phải về. Em sướng rồi, em không chết được nữa.

Tiếng Nhàn nghẹn trong cổ. Cầm dưới đũa khe khẽ, ngượng ngịu. Hai mắt Nhàn vẫn nhìn Lạp, lòng trắng càng trắng, ngây dại. Lạp định bảo cho Nhàn biết mẹ Lạp chết rồi. Nhưng không muốn Nhàn buồn thêm, Lạp gất khẽ:

– Khéo quần nào!

Nhàn lại nói thông thả:

– Anh bảo thế thì em chả nói chết nữa. Anh nằm xuống với em. Anh sờ tay xem trong người em chỗ nào ấm, chỗ nào rét, anh bảo cho em biết với.

Lạ vuốt tay lên vai, lên ngực, xuống bụng Nhàn. Bụng Nhàn lạnh như đá. Nhàn nhếch nhếch mỉm cười:

– Tay anh đâu? Tay anh đây à? Anh mở tay em ra, cho em nắm tay anh một lúc. Thế... thế này... vâng... phải rồi.

Lạ làm theo như Nhàn nói, Lạp khẽ mở từng ngón tay giá ngắt, đen xạm của Nhàn, Lạp lách bàn tay Lạp vào, cho Nhàn quắp lấy. Nhàn thoáng cười:

– Hôm anh Ba đi anh bảo có gói báo cát trên đầu hồi. Anh ơi! Anh xem có phải em chết lên đến bụng rồi, bụng em lạnh thế mà em không muốn chết. Anh yêu em đi cho em khỏi chết...

Mắt Nhàn vẫn trừng trừng, không đặng đặng. Lạp hốt nhiên nhận ra đôi mắt lạnh lẽo khác quá. Lạp giơ bàn tay bịt mắt Nhàn. Nhưng lúc Lạp mở tay ra thì hai con mắt ấy, như thất tinh lạc, vẫn giương to nhìn vào khoảng không. Tay Nhàn co quắp trói tay Lạp không rút ra được. Nhàn vẫn như ma nói, thông thả:

– Anh ơi! Anh cầm tay em. Anh yêu em rồi. Anh yêu em nữa đi. Anh cho em hôn, như hôm anh hôn em ở gốc táo. Em sợ quá, chết mất thôi. Tại anh đấy. Anh cúi xuống cho em...

Lạ ẵm Nhàn lên. Khi môi Nhàn vừa xốc lên đụng vào bả vai Lạp, thì Nhàn gục xuống, bập lầy. Hai hàm răng Nhàn cắn chặt vào vai Lạp, người Nhàn giãy ưỡn lên. Lạp phải dần lại mới giữ được Nhàn khỏi ngã ra. Lạp không biết đau, không kêu, Lạp lặng lẽ giữ đầu Nhàn trong vai mình. Hàm răng Nhàn cắn ngập vào vai, chảy lổa lợi máu. Lạp như ngây như dại vẫn ngồi ôm người yêu chết trong cánh tay như thế.

Ngoài trời mưa dầm, một cơn gió rào qua.

Ở hai hốc mắt Lạp, nước mắt ứa rỏ xuống ngực Nhàn. Máu chảy đầm lưng Lạp, mà đôi mắt tiếc đời của Nhàn vẫn mở trắng nhợt trên vai Lạp.

XVI

Hơn một tháng sau, buổi trưa có một người đàn ông đội nón mê, quần áo nâu đã bạc đi vào làng Hạ. Nhưng trên đường làng dường như chẳng gặp ai. Đường vắng ngắt vắng ngo. Mà dù có gặp người chẳng nữa, thì đương cơn tao loạn này, ai còn sống được ngày nào cũng chỉ cắm mắt xuống đất, tìm cái ăn, chứ chẳng nhìn đi đâu.

Người ấy rảo bước, mỗi khi qua ngõ nào cũng đảo nhanh mắt ngó vào, như tò mò, như tìm ai.

Hai cánh cổng nhà bà Hương khép chặt. Không thấy cái cầu ao trong vườn trông ra mọi khi. Dù những nhà còn máu mặt, cũng chẳng ai dám ra cầu ao vo gạo và thổi cơm ban ngày. Cổng tán và cái chòi gác nhà bác cai Giắt oai thế, bây giờ trống hốc như cái miệng đương ngáp. Ngõ, nhà, vườn cây tuềnh toàng thông thoáng suốt ra tận cánh đồng

Đi đến cuối xóm, người ấy đứng lại, vào nhà lão Trương. Cái nhà lão Trương bỏ hoang cỏ mọc leo xanh um vào tận sân. Ngoài kia, ba cái má mới trơ ra ba mô đất bị nước mưa rùi lở xuống, gợn lên, đỏ hon hồng.

Người ấy đứng lại trước hè. Cuối gian nhà bỗng nghe đùng đặng, lịch kịch rồi thấy ngóc lên một cái đầu người, hết một con cây, con cáo nghển lên đánh hơi về phía có mùi lạ, rồi lừ đừ bước ra một người gầy cao lênh khênh, không khoèo hai khuỷu tay mốc đen và bàn chân phù bè bè dưới hai cẳng nửa tép óp hẳn lại. Tóc đâm kín tai, kín trán, như chiếc nồi đất úp chụp ngang xuống cái mặt nhọ nhem, lồi lõm, hai con mắt trô trố nhìn ra. Trong thoáng mắt, hai người nhìn nhau, rồi bỗng xô đến, búi vào nhau, kêu lên:

– Lạp, Lạp!

– Trung ơi!

Lạp nắm áo Trung, đầu trĩu xuống, khóc như một đứa trẻ con. Một lúc thật lâu, Lạp mới hỏi:

– Mà ở đâu về?

Trung không trả lời, lại nói:

– Tao vào vùng trong tìm mày đứt hơi mà không thấy.

Trung nhìn quanh:

– Ông Trương còn ở nhà không?

Lạp trở ra góc vườn. Trung nhìn ra, không hỏi nữa. Nhưng Lạp nói:

– Ba bố con nằm ngoài vườn cả rồi. Tao cũng sắp chết, cả tháng nay không còn gì ăn, không biết làm thế nào.

Trung buông nón, ngồi xuống hè:

– Có Trung về đây, chúng ta có nhiều công tác phải làm. Không...

Câu nói tự nhiên, khơi gợi phút chốc làm cho Lạp tỉnh táo. Lạp trở mắt nhìn người bạn trai làng đi đã ngót hai năm. Nhớ hôm chia tay Trung ở vùng trong, giờ Trung ở đâu về... “Chúng ta có nhiều công tác phải làm...”. Câu nói nhiều ý nghĩa và cả lối nói hoạt bát những công tác, đã lâu Lạp mới lại được nghe.

Trung chạy đi một lúc, bưng ở chợ về một nón bánh đúc ngô. Lạp nhòm nhoàm ăn, mới thật tin mình còn sống.

Trung hỏi:

– Thằng An thế nào?

– Mất tinh thần đã lâu.

– Chúc?

– Nó hóa ra chó rồi.

– Thế còn cai Giắt?

– Vào mấy lần không gặp. Hình như lên tỉnh kéo xe, thỉnh thoảng mới về. Anh em, thằng thì chết, thằng thì chạy ăn mất mặt. Không ai còn bụng dạ nào để gặp nhau nữa. Cha bỏ con, vợ bỏ chồng, anh bỏ em. Tan nát cả.

Trung cắn môi chờ mắt suy nghĩ, khẽ nói:

– Chúng ta sẽ làm lại. Nhiều việc quan trọng sắp đến nơi rồi.

Trung điềm tĩnh, trông đã thấy tin tưởng. Mới ngày nào, hồi Bình dân, Trung còn ù ì hiền lành, đi họp chưa biết phát biểu và đêm nào cũng chịu khó tập đánh vần. Thế mà bây giờ...

Hồi ấy, Trung ở lại rồi sau cả vùng trong bị mật thám về khủng bố lần nữa, Trung phải bỏ dật cửi, lánh đi. Trung được tổ chức đưa

sang một cơ sở bên huyện khác. Rồi trên mở một lớp huấn luyện chương trình Việt Minh cho địa phương. Sau lớp, đoàn thể lấy Trung và một số đi thoát ly.

Hai tháng sau, Trung đã là người thợ làm đấu cho một lò gạch trong cánh đồng cuối sân bay Bạch Mai. Giữa cánh đồng liền như bát úp, một dãy năm cái lò gạch của lão chánh tổng chuyên thầu gạch bán cho sân bay. Chánh tổng mộ thợ nung các nơi về, mấy chục thợ và người nhà tấp nập công việc quanh năm. Trong thợ nung, thợ đấu ở các lò gạch đã bắt đầu thành hình những tổ cứu quốc làm binh vận. Mọi người được quảy gạch vào sân bay, gặp lính trong ấy, nghe được tin tức, có khi xin được đạn, kim, búa và đưa báo bí mật Kèn gọi lính vào hẳn doanh trại.

Trung được đến làm đấu ở lò một ông thợ nung già, có cô con gái là cô Gạch. Ông lão không biết thời thế vương trồn ra sao, cả ngày quanh cái khuôn gạch, xem màu khói lò biết gạch non, gạch già thế nào rồi ngồi với một chai con hươu rượu gặt gù buổi chiều. Bởi ông là thợ giỏi nên lò ấy thường có nhiều thợ trẻ tới học việc.

Mỗi sáng sớm, từ ổ rơm lăn xuống đất, Trung đã nhảy ra vừa chạy vừa hát một câu chèo rồi trần trùng trực xuống hố xắn đất vác lên. Những tảng đất thó bết quánh to bằng cái thúng đại lắc lư ngoạm xuống vai, đất be bét khắp tóc tai. Dù rét như cát, cũng chỉ vài lượt lên xuống thì lưng, trán đã đẫm mồ hôi. Cho đến nửa buổi, vác đã được một đồng to, Trung lẳng nót tảng cuối cùng lên sân, rồi ra nhảy òm xuống cái đầm nước gần đấy. Nước giá cóng, hơi người bốc khói. Bữa về ăn hàng chục bát cơm “ăn như thợ đấu”, rồi lăn vào ổ rạ đánh một giấc đến xế trưa, thì cô Gạch vào gọi dậy ra luyện đất lỏi.

Mới đầu, Trung đau sụn sống lưng. Đương sung sức, nhưng cũng như Lê hồi vào rừng cao su, vốn là anh thợ cửi, chỉ làm ăn trong nhà, không quen xúc vác nắng gió. Nhưng cái hăng hái và nhiệm vụ được giao đã thúc đẩy Trung chịu đựng được. Hễ sáng ra, nghe các sân bên nổi rộn tiếng hò hét gọi nhau vác đất, Trung lại cố ngồi dậy. Rồi quen dần. Sức vóc đương trai ào ạt lần được mọi cái khó nhọc. Nhưng không phải suốt tháng chỉ vác đất, đập đất vẹo sườn. Cũng có lúc nhàn, ấy là khi gạch đã vào lò, Trung nằm khoèo cả ngày, có tối đi khai hội, đi làm quen các nhà đến khuya mới ra

ngủ lều canh lò. Nhất những đêm mùa hè, trên cánh đồng bay lẩn lộn sao đối ngôi và đom đóm. Trung ngồi nằm chơi mát với cả lũ thợ các lò xung quanh đến trò chuyện.

Thế nào, những tối ấy, cô Gạch cũng ra. Gạch phải lòng ngay Trung, từ khi Trung mới đến.

Không ai biết ông chủ thợ lò ngày trước con cái thế nào và đã ở những đâu, nhưng từ năm về cánh đồng này chỉ thấy thợ trọ có ông lão và một cô con gái. Không bao giờ ông nói, nhưng người ta bảo ngày trước ông đã có mấy đời vợ, cũng đàn đổng con cái đầy nhà mà rồi chỉ còn sót có một mụn cô Gạch. Gạch đã độ ngoài ba mươi. Người ta hay trêu chọc cô. Vì Gạch xấu - chưa chắc, khối người xấu xí mà lấy được chồng, nhưng Gạch hay nịnh tính. Cô thích ai khen đẹp “độ này cô Gạch trắng quá, người phấn ra, hai bàn tay thật xinh”. Nghe thế, bao giờ Gạch cũng tùm tùm rút cái gương con ra soi, giơ tay lên vuốt miết lại hai bên mái tóc. Và hễ ai hỏi: “Hôm nào cho ăn giàu đây? Anh ấy độ này có hay về chơi không?” Anh ấy là ai, nào biết, nhưng nếu người ta hỏi, rồi tỉ tê thêm vài câu bịa tạc nữa, thế là thôi thì nào trầu cau, nào khế chua, nào thuốc Lào, nào tiền vay không phải trả lãi. Rồi ai mà chuyện những trai gái vợ chồng tăng tịu thì Gạch ngồi gấu cả buổi được. Người ta bảo như thế cũng là cái bệnh đồng bóng của những cô muộn chồng “mình cao số nặng”. Đi lễ, đội bát hương thì khỏi và thường đến khi có chồng sẽ khỏi hẳn.

Cô Gạch mê tí Trung. Cái “bệnh” Gạch thế đã đành, vả lại, trai hàng lò ở đây toàn người đồng chua nước mặn ở Thái Bình, Nam Định kéo lên, ví thế nào được với Trung cao lớn, trắng trẻo, lại như con trâu kền nổi đình đám giữa đàn bò gầy. Hàm răng anh chàng trắng tẻnh, con mắt sắc đưa đẩy như liếc dao. Bọn thợ các lò càng hay đùa chót nhả gán ghép, càng gạ ăn giỗ được mọi thứ của cô.

- Ông Gạch kiếm được thằng chàng rể “khó” đấy.
- Cuối tháng này cô Gạch cho anh em ăn trầu chứ?
- Cái nhà anh phải gió này!

Rồi Gạch ùng ùng chạy. Những nhíp cười đủ kiểu đuổi theo.

Gạch hỏi Trung:

- Anh Trung quê ở đâu, nói thật nào?

- Ai nói dối cô phải tội, tôi dân Thái Lộ.
- Thôi đi, nói cái đầu gối cũng không nghe được. Người Thái Bình đầu có hàm răng trắng như răng lợn luộc thế kia.
- Tôi thề...
- Thề bồi gì rồi nó vện vào người mà vợ con mất nhờ. Em đoán tướng cho anh nhé.
- Đoán đi.
- Chắc là anh lại hư đốn thế nào, bỏ đánh rồi bỏ nhà đi lêu bêu, chứ ngữ anh thì thiết gì cái nghề vác đất đốt lò này. Hôm nào đưa em về chơi cho biết nhà nhé!
- Nhà tôi xa lắm.
- Hay là ba bốn phòng rồi, không dám...
- Chẳng tin thì thôi, không nói chuyện nữa.
- Dở hơi à? Hay dối thế!

Bao giờ cũng vậy, chuyện vào đến quăng ỡm ờ thì Trung tìm cách lảng ra. Trung thừa biết Gạch có tình ý. Biết vậy mà cái tình thế và công tác không cho Trung lộ liễu sớm sỡ được. Và thật ra thì Trung cũng dửng dưng.

Nhưng Gạch càng mê mết. Những tối không phải canh lò, Trung họp với anh em và dạy học chữ. Gạch cũng lặn vào học.

Cũng mua giấy, mua mực, chịu khó nhấm vắn. Có khi đêm khuya, Trung đọc sách, Gạch vào tận ổ nằm, ghé ánh đèn để hỏi chữ. Gạch thường khoe bâng quơ với mọi người:

– Rồi người ta lên tỉnh ở chứ đâu ở đây. Anh ấy thì đi hương sư dạy học. Vợ dọn ngôi hàng bán gạo vỡ. Tay chân người tỉnh thành nồn nà ra chứ đâu đen thui đen thui như thế này.

Người kia hỏi lỡm:

– Anh giáo là người đâu thế?

Thì Gạch cười, ngượng lúng liếng cả mắt. Trung cũng biết. Nhưng Trung cũng không khó chịu. Bởi vì, ông lão quý Trung, như thế dễ hoạt động. Trung có ý định tuyên truyền giác ngộ ông lão, sau ngàn ngày, dẫn đo, lại chưa dám.

Rồi người ta xì xào:

– Đứa nào nhìn kỹ cái con Gạch dạo này xem. Hai lông mày dựng ngược, nằm đâu ngủ chết đấy, ăn chanh ăn khế như quỉ, mặt mũi lúc nào cũng bần thần như đứa mất tiền, khác lắm.

Có người trêu thẳng Gạch:

– Dân hàng lò ở giữa đồng, chẳng có làng có họ nào bắt khoán đâu. Nhưng mà đừng thấy thổ công không bấm báo mà nhờn, phải cho tôi ăn cỗ đường hoàng chứ ăn lợn cắt tai thì không được.

– Cô này bắt chước người Thổ, lấy chồng có con sẵn đem về!

Gạch lại chỉ cười. Trông dáng cô đi, có phần cái bụng hơi ưỡn ra đằng trước thật.

Trung cũng nghe cả những tiếng đồn ấy. Nhưng Trung tin ở anh em biết cho mình. Họ chỉ cười như một chuyện đùa nhả. Câu chuyện “cô Gạch chữa hoang, cô Gạch sắp cưới thẳng Trung” cứ âm lên, càng được thêu dệt ra nhiều nữa rồi, đến tai lão chánh tổng chủ lò. Lão này vừa tò mò, lại vừa muốn xem có đào tiền ngả vạ được không, một hôm, lão ra thăm lò rồi tạt vào ông Gạch. Hôm ấy thợ làm đất ngoài sân cả, chỉ có mình Trung vì đêm canh lò nên được nghỉ buổi làm, ở nhà. Lão chánh thấy một người nằm ngủ úp tờ nhật trình lên mặt. Lão nhắc cán ô đập đập tờ báo. Trung nhồm dậy.

– Nhà đi đâu cả? Thằng này là ai thế này?

– Tôi là thợ đấu nhà cụ Gạch.

– Thợ đấu mà sẵn chữ nhỉ? Ngủ trưa cũng xem nhật trình. Nhật trình gì thế?

Lão cầm tờ báo Đông Pháp lên, rồi bỏ xuống. Trung đã kịp nhận ra ông chánh tổng. Trung nói:

– Tôi cũng bập bẹ, mới mượn được tờ nhật trình về tập đánh vắn...

– Mà y là con rể lão Gạch phải không?

Trung ơ mặt, “vâng” một tiếng. Lão chánh quay ra. Cái chuyện con rể lão Gạch cũng chẳng bận tâm lão. Nhưng thằng thợ đấu mà mặt mũi lém lỉnh, có chữ đọc nhật trình, mắt nhanh như chớp, hàm răng trắng đã làm cho lão hơi bận tâm.

Ngay hôm ấy, người nhà chánh tổng ra gọi Trung vào. Lão hỏi quê quán rồi sai con xem thẻ thân, ghi tên tuổi, số thẻ của Trung. Tay lão lần lần mở quyển sách tối mật của tòa sứ phát có in hình những chính trị phạm đương bị tâm nã. Rồi lão lạnh mặt, quát:

– Tuần đâu, điệu thằng này xuống chuồng trâu, cùm nó lại!

Mãi trưa, không thấy Trung về, ông Gạch vào mới biết Trung phải nhốt chuồng trâu, vì cái thẻ thân của Trung là thẻ năm ngoái. Trung chỉ có cái thẻ thân cũ lấy ở làng. Từ khi sang đây cũng không nghĩ xoay thẻ mới. Vì cho là mình chỉ từ nhà ra lò gạch, đi đâu thì đã mượn được thẻ thân của anh em.

Ông Gạch phải mất chè lá một con công^[1] và hai chai rượu dâu mới chuộc được “thằng con rể” về.

Trung bắt đầu phân vân, lo ngại. Thế rồi cả đến ông Gạch suốt ngày ở ngoài nắng chỉ biết đóng gạch và xem khói lò đặc hay loãng để biết chừng gạch khô hay gạch chín rồi chiều về uống rượu ngủ kèn, mà bây giờ những câu chuyện rắc rối thêu dệt cũng bò đến tai. Ông Gạch bảo Trung, một buổi tối, vừa rượu xong. Gạch dọn bát rồi ngồi nghe trộm ngoài đầu hè.

– Này anh Trung, đời tôi bao phen lên rừng xuống bể chẳng khác con cò lặn lội, thế mà cáo chung mọi nhẽ, bây giờ bạc hết tóc cũng chỉ còn có một cái khuôn đóng gạch với một mủn con gái. Tôi thấy anh là người ngoan, tôi cho anh đấy, cho không thôi. Cốt sao được người tốt, người biết điều, còn như tôi bây giờ không có thì thật không có, chứ cái mồm này sơn hào hải vị nào cũng đã qua cho nên tôi chẳng thiết bạc tiền, của nả, lễ nghĩa như thói thường thiên hạ. Tôi sẽ dạy anh nết cái nghề đóng gạch cho có cái làm trợ thời nuôi nhau. Nhưng tôi cũng bảo thật, rồi lên tỉnh mà kiếm công ăn việc làm khác, đừng đeo đuổi cái nghề hun rơm đốt giời này. Nói thật đấy, chẳng ra gì đâu, cái nghề nhân nghĩa mà hóa ra nghề bạc, cả đời nung gạch xây nhà cho người mà mắt tao chưa thấy một thằng thợ nung gạch nào có nhà gạch. Hừ... hừ!...

Ông lão còn miên man nói một lúc nữa về nghề nung, về cách đóng gạch, giọng vừa cay lại vừa thích cái nghề bạc như vôi. Nếu Trung không trả lời, để ông lão đã lảm nhảm đến lúc chán miệng thì nằm ra đấy ngủ. Nhưng Trung cười, nói to:

– Bố ạ, lạy bố.

– Được, bố mẹ mày ở đâu, hôm nào đem tao về quê chơi. Thì là tao cho không, nhưng cũng phải để tao che mắt thế gian chứ.

– Bố ạ, tôi có vợ, có hai con ở nhà quê rồi.

Ông lão sặc hơi rượu, thờ phè phè. Ngoài sân tối, bỗng “hức hức” lên mấy tiếng rồi tiếng chân huỳnh huých chạy ra bờ chuôm. Cô Gạch không thể rình nghe được nữa, cô vừa lao đi vừa khóc.

Ông cụ nói như quát:

– Được được, thì tao cho nó lấy lẽ. Chẳng nhẽ nó phênh bụng ra rồi, chẳng nhẽ tao gọt gáy bôi vôi đem trôi sông nó. Cáo chung mọi nhẽ thì tao cho nó lấy lẽ mày...

Trung cười cười:

– Bố ơi! Bố ngủ đi!

Ông cụ nằm xuống ngủ luôn. Trung đi tìm bàn với mấy đồng chí ở trên. Câu chuyện, trước coi thường, giờ đêm khó gỡ. Không những việc cô Gạch dồn đến phải giải quyết mà cả cái sự lão chánh tổng để ý tình nghi nữa. Đã mấy hôm, chưa thấy tin tức trả lời về. Gay thật. Tổ chức quanh các cơ sở trại lính khó lòng rút người đi lúc này. Nhưng nếu để lòi thối rắc rối nhỡ lộ.

Cô Gạch khóc hai mắt sưng đỏ như hai quả nhót. Rồi cô buộc thêm giẻ vào bụng dưới, đi khạng nặng hai chân. Cô ngồi đầu nhà, thoáng thấy người đi qua lại móc cổ oẹ oẹ cho người ta nghe tiếng. Người các lò lại được cười và thêu dệt thêm chuyện. Còn cụ Gạch hể tỉnh rượu thì làm lì đóng gạch, dọn lò, xem khói, không nói một câu. Nhưng rượu vào, lại hỏi, lại thúc Trung lấy Gạch, làm lẽ cũng được, làm lẽ ông cũng gả. Trung chối quanh. Nhưng Trung càng sợ. Dù người ta thì thảo cô ấy không phải chữa đâu, cô ấy độn bụng - một lần, năm trước phải lòng một anh thợ mộc, cô đã làm thế, ai cũng biết - nhưng nếu nhân lúc này đưa nào nó ngủ với Gạch rồi đổ vấy cho Trung thì sao.

Nghĩ xa nghe gần, càng quẫn.

Hôm ấy, ông Gạch ra phố đóng mấy cái khuôn mới, đến chiều uống rượu ngoài quán xong mới ngất ngưỡng về. Vừa vào đầu nhà đã thấy cô Gạch ngồi trước sân, bưng mặt hờ khóc. Cô khóc nỉ non, kể lể như nhà có ai làm sao. Ông quát: “Mày réo tông môn nhà mày

lên thế, bố mày chết à?” Gạch vẫn khóc, mắt mũi đỏ hoe. Một bác thợ lò - một đồng chí trong tổ cứu quốc - sang chơi, nói:

– Anh Trung có tin ở quê lên gọi về có người nhà ốm nặng. Anh ấy bán khoản một nãi cụ đi vắng. Sau chúng tôi bàn anh cứ về đã có chúng tôi nói với cụ cho, bấy giờ mới dám đi mà vẫn khẩn khoản nhờ tôi nói cụ bằng lòng, vài hôm anh ấy lên, anh ấy có thư gửi lại thay lời, cô Gạch đòi giữ cái thư...

Ông cụ: “À, được! Được!” rồi đi ngủ. Gạch vẫn ngồi khóc tí tê. Cô Gạch cất kỹ thư trong dải yếm, quý như cái ảnh của nhân tình cho. Đôi khi, đem ra nhờ người đọc. Người ta hỏi: “Bao giờ thì anh ấy lên?” Gạch trả lời: “Cũng sắp sắp... Anh ấy dặn tôi chịu khó học chữ...” Rồi cười, lấy gương ra soi, rẽ lại đường ngói.

Đoàn thể đã điều động Trung về làng công tác. Nạn đói từ các tỉnh miền dưới tràn qua Hà Đông, phá tiêu tan mất nhiều cơ sở. Lại nhiều nơi phải dồn cán bộ về quanh thành phố và các ngã đường cái quan. Trung đã được trở về với phong trào quê mình.

Buổi trưa ra đi, Trung chỉ nhờ nhắn lại ông cụ và cô Gạch. Gạch đương xoe quần lên tận bẹn, cắm cúi đạp, luyện than ngoài sân đóng gạch bên bờ ruộng. Trung đi tránh lối khác. Bấy giờ Trung mới thấy man mác thương. Từ tám bé, Trung không cha không mẹ, thêm khát triu mển. Người con gái kia yêu Trung, lâu nay Trung vẫn tưởng mình chỉ ái ngại người ta, lúc này mới thấy lòng cũng vẫn vương ngậm ngùi.

Hơn một năm ở lò gạch, ăn làm và sinh hoạt với anh em, không đi đâu, thỉnh thoảng quảy gạch vào trường bay, Trung chỉ biết quang cảnh quanh đấy. Các nơi đổ xô đến lò xin việc, có ngày hàng trăm người đứng đợi được gánh gạch thuê. Thấy thế, Trung cũng đại khái biết có lẽ chỉ còn chỗ làm gạch xây sân bay cho đế quốc này còn cơm ăn, mà các tỉnh Bắc, tỉnh Đông đã khánh kiệt, rách tả, cơ man người đói bỏ làng đi.

Nhưng Trung cũng chưa tưởng tượng được cả những làng công nghệ trù mật vùng mình mà chết vãn đi như thế này.

Ngồi trước mặt Lạp lử lả đói, trông ra ba cái mả mới ngoài vườn kia và chuyện những xóm mạc tan tác mà Trung đi qua, một câu hỏi bật lên, láy đi láy lại trong đầu Trung: “Dân ta sẽ chết hết hay là

Pháp Nhật phải chết? Tình hình này không thể giằng co hơn nữa đâu”.

Trung nói lại với Lạp, câu lúc nãy:

– Nhiều việc quan trọng đến rồi, Lạp ạ. Liên Xô đã đuổi phát xít Đức thua chạy về tận nước Đức, ở bên này, thằng Nhật càng gằm ghè cắn nhau với thằng Pháp. Chúng ta phải gây dựng ngay lại phong trào.

Lạp đứng dậy. Mấy cái bánh đúc ngô giờ mới ngấm no, đầu gối đã bết run hơn lúc nãy. Lạp có cảm tưởng lại khỏe, lại có thể ngửa ngáy múa võ, đương co chân xử miếng phượng hoàng quyền. Lạp gơ cẳng tay ướm thử. Bắp thịt lỏng lẻo teo quắt trong chét bàn tay. Nhưng Trung đã về, anh em đã về. Thấy Trung, mà như ngày trước gặp anh Tàn. Niềm phấn khởi ấy làm Lạp muốn khóc.

Lạp lại như thấy Nhàn cười, Nhàn cười như mếu.

Trong cái đêm mới tháng trước đây thôi, Lạp không thể cứu được Nhàn, ai oán chưa, giá mà Trung về kịp.

[1] Giấy năm đồng bạc vẽ hình con công của nhà Ngân hàng Đông Dương hồi Pháp thuộc.

XVII

Vẩy trắng sừng trâu đỏ đồng đợc nhô ra ở phía trời mây vằn vự, chỉ một loáng rồi biến mất. Đàng chân trời thành phố bất cứ đêm nào cũng ửng lên một vùng sáng đợc lò đã hàng đời nay chỉ khiến cho những người chân quê các vùng xung quanh tỉnh Bắc, tỉnh Đông, tỉnh Đoài, cứ đêm đêm đứng trông về cái ánh sáng thị thành ấy, trong lòng nhộn nhạo bao nhiêu mong ước, lo nghĩ, bao nhiêu tưởng tượng về những hy vọng cuộc đời, giàu có như đất Kẻ Chợ chân giày chân dép kia. Chiều chiều ra đứng cửa chùa. Trông lên Hà Nội mà mua lầy sầu.

Thế mà, tối hôm ấy, phía thành phố không thấy vùng ánh sáng nhợt nhạt mọi khi ửng lên và người thính tai nghe âm lại những tiếng động như sấm rền. Có người tưởng sấm trời sôi bụng, sắp mưa rào đầu mùa. Đến khi tiếng nổ âm ỉ mãi thì lại ngỡ người ta bỏ mìn lầy đá trên núi Tam Đảo, núi Ba Vì dội lại. Rồi cũng không ai để ý nữa. Đêm đã xuống mịt mù trên cánh đồng, làng mạc, ngủ yên, mặc dù tiếng sấm, tiếng súng, tiếng mìn có khua vào tai cũng không chập chờn nổi đợc cơn thiếp lịm của người đói, của những người lao lợc gồng quảy suốt ngày kiếm miếng, vừa đặt mình nằm đã lăn ra như chết.

Trong làng này, riêng An không ngủ đợc. Tiếng sấm? Hay là tiếng súng? Thì súng gì? Nhật, Pháp hay Pháp, Nhật? Thằng nào đánh nhau với thằng nào thì cũng lung tung, chỉ tổ kéo dài nỗi long đong của An mà thôi. Từ khi thôi học, không còn thiếu chỗ nào An không vác đơn xông đến xin việc. Đêm nằm, nghĩ nát óc. An đã mua về một quyển Tự học tiếng Nhật. Chẳng biết thế nào, nhưng dù cái thằng phát xít Nhật có là chiến tranh, là mổ bụng, là khủng bố bắt mười nhà chung một con dao như ở Cao Ly, thì đây An chỉ có học tiếng, mưu đồ một chân thư ký chấm công, một chân bán hàng, một chân sổ sách bàn giấy mà thôi. Ở nhà mãi thế này, nhiều cái o ép khổ quá.

Những nghiền ngẫm, tìm kẹp của mẹ đối với vợ chồng An, nhất là với vợ An, không đòn vọt mà đau. Rốt cuộc, An chưa kiếm đâu ra đợc một đồng trinh Bảo Đại. Đến độ đói này lại càng buồn. Nhà

không đến nỗi phải ăn khô dầu, củ chuối, nhưng mẹ và vợ chạy chợ suốt ngày, quắt ruột lại. An đóng vai ăn bám, mỗi hôm cõi trần ra nấu cháo đặc và trông nhà.

Tiếng súng hay tiếng sấm xa xa đã làm An trần trọc. Có sự thay đổi? Ừ, thay đổi, phải thay đổi chứ. Nhưng, Việt Minh ư? An không tin. An ngơ ngác mở mắt tìm trong bóng đêm. Xem trên đời này có cái cửa nào nữa? Nhưng thế giới bây giờ không còn một chỗ yên. Đến cái mỏm đất hút lòm ở xứ Libéria tận châu Phi mà quân Mỹ cũng đổ bộ lên sắp đánh nhau, còn nước Pháp thì từ sáu giờ rưỡi sáng cái ngày sương mù mùng sáu tháng Sáu năm ngoái quân Đồng Minh đổ bộ vào Tây Âu, nước Pháp bị kẻ ô như bàn cờ cho súng nổ bốn phía. Bên Liên Xô khói lửa quá, chẳng nói gì. Ở bên này, Mã Lai, Miến Điện, Phi Luật Tân, người Nhật từ trong rừng đánh ra. Bên Âu châu ban đêm chỉ có hai nước còn đèn sáng là Thụy Sĩ và Tây Ban Nha, còn thì cả châu Âu tối mò trong loa đèn phòng thủ. Đất Tây Ban Nha thì An ghét sẵn từ hồi hai thằng tướng Phăngcô, Mola được Hít và Mút giúp, chúng nó đã bóp cổ chết chính phủ Bình dân. Nước Thụy Sĩ nhỏ quá, xa quá, đông người đến đầy trú ẩn quá, chẳng bao giờ An chạy đến tận đấy được. Từ châu Âu sang châu Á, tiếng súng đương bời bời. An thở dài, trở mình. Phải, thế giới phải chạy loạn mà ta vẫn nằm đây là sướng thân rồi. Cho dù mẹ chửi, vợ khóc, thì âu là bắt chước ông Khổng Minh cứ bịt tai nằm cao, bao giờ thiên hạ thái bình bấy giờ ta mới bước ra, biết đâu chẳng đến thời hái ra tiền.

Qua mỗi cơn thẳng thốt, lúc nào An cũng nghĩ sau này sẽ sướng. Như đêm nay nghe vắng tiếng động như sấm, An đã vẽ ra trong đầu đủ những điều u ám và tươi vui cùng một lúc. Sau hết, An nghĩ: có lẽ có thay đổi. Ta cũng mong cho thay đổi. Mai ra tỉnh sớm, xem sao.

Chiều hôm sau, An ở tỉnh về. Câu chuyện tiếng sấm đêm trước mới rõ đầu đuôi.

Nhiều người xúm nghe An nói. An cảm thấy thú vị nhớ lại cái năm chống thuế, khi bọn An và Lê ở các tòa báo Tin tức về, người làng xúm xít lại, bây giờ đám người làng đói rách thất thểu nhiều lắm chạy lại.

An nói to như mắt trông thấy:

– Quân Nhật vào gô thẳng Sứ, trói nó nằm dưới đất nguyên ở giữa cái buồng giấy mà mọi ngày nó vẫn ngồi làm việc ấy. Một lúc, thằng Tây mót đá, nó đá bừa ra quần. Đến lúc lính Nhật thấy ướt sần mới hự cho một báng súng, nó lại càn đá tràn cả đến chân bộ ghề sa-lông.

Mọi người cười mỉu máo.

– Còn nhiều cái lạ nữa.

Nhưng hết chuyện “quan Sứ đá ra quần”, người ta tản mác đi, vẫn chưa thấy gì lạ. Lão lý Dĩ lắm bầm: “Lạ! Lạ cái đéch! Ông biết từ lúc đèn điện phụt tắt ở ngoài Hà Nội kia. Muốn lạ à, người ta lại gông cổ đi như năm nào”. Nhưng lý Dĩ cũng không dám nói to, lão cũng ngại thằng An ở tỉnh về, có cái gì khác mà ta chưa biết chằng.

Còn “nhiều cái lạ” An vừa khoe, An biết rồi nhưng chưa nói hết. Về đến nhà An vẫn nói như khướu hót. Khác lúc sáng An lừ rừ đi, giờ An đỏ phừng mặt “hồng khí” say sưa:

– Chồng nhà cái Hiền bây giờ làm to lắm. Nó sắp về đây với tôi tổ chức cứu tế cứu đói cả làng ta.

Bà Hương hỏi:

– Làm thế có lương ăn không?

An khó chịu, nhưng còn cứng:

– Việc xã hội, việc chính trị không lèm nhèm...

– Thế thì rã họng ra làm à?

Câu nói ác như nhét quả bồ hòn vào mồm An. Bà Hương có biết gì Tây hay Nhật. Bà chỉ cần An có việc làm ông ký, ông phán và bao giờ lại thông đường Sài Gòn, có lái ra mua lụa, các khung cử lại tưng bừng. Thế là An tiu nghỉu, chết điếng.

Bao nhiêu hùng hồn, dồn lại đến tối nói với vợ:

– Anh sắp ra làm cứu tế và nhiều việc rất quan trọng. Các quan Nhật đã tuyên bố nước Việt Nam đuổi Tây đi rồi. Mình đừng khóc, cố chịu khổ ít lâu. Anh sẽ có địa vị to trong xã hội, đợi hôm nào chồng cái Hiền về...

An còn nói nhiều. Vợ An chẳng biết chẳng hiểu nhưng không hỏi lại. An nói hăng, bốc máu lên đầu không ngủ được. Nhưng không

trần trọc, ngồn ngang như đêm trước, An đương xếp đặt từng việc một.

Cuộc độc lập của nước Việt Nam, như lời vua Bảo Đại ở tận đâu tuyên bố đuổi Tây sau hôm đảo chính Nhật, chẳng bận đến làng Hạ. Không thấy gì lạ cả.

Cho đến hôm chồng Hiền về. Thằng Chính về với cả quan phủ. Một cái ô tô ban cứu tế tỉnh mượn hộ, phần Chính giả tiền xăng và nói khó với một ông tài xế lái.

Ô tô về phủ lý trước. Chính đưa giấy giới thiệu và mời được quan phủ cùng đi. Mà quan phủ cũng mừng thầm nhờ được cuộc xe về làng hiểu dụ, trong tình hình mới. Ô tô xích tận đầu làng bóp còi toe toe mấy cái rồi đỗ. Quan phủ vào thẳng cửa đình. Cũng vừa lúc, người lính lệ cầm cổ đạp xe đạp theo ô tô của quan và khách bon trước, xe đỗ lại thì người lính cũng vừa khéo đến cửa đình, nhảy xuống, hồng hộc dắt cái xe đạp như con trâu lồng vào nhà lý trưởng báo tin quan phủ về. Thằng mõ ở bên cầu, sau gốc đa lật đật đến nhà cụ từ lấy chìa khóa mở cửa đình rồi đóng một hồi trống.

Tiếng trống khoan thai, đĩnh đạc, uy nghi gọi các cụ kỳ mục, các ông chức việc ra đình.

Chính vào nhà bà Hương. Chưa bao giờ Chính về chơi nhà mẹ vợ mà ăn mặc lạ kiêu như vậy. Bộ quần áo tây xám, hai ống quần đút vào trong đôi bốt da ngắn, mỗi bước kêu òm ọp. Sau lưng áo, hình hình to bằng một cái âm giở đeo. Người tò mò đoán anh ta có khẩu súng lục bí mật giắt trên đít. Mắt Chính, lên cái kính trắng thật to, sáng loáng. Và lúc chào An, Chính giở mũ ra thì cả bà mẹ vợ cũng lơ láo không tưởng tượng ra sự khác thường đến như thế, bà trông thấy cái đầu cạo nhẵn lông lốc như người con rể mới ốm trọc cả đầu. Nhưng đằng này Chính đầu trọc với bộ quần áo lạ kiêu và đôi kính trắng lấp lánh thì bà lại đôn đả, mừng rỡ. An hỏi: “Chú về sớm thế?”, Chính đáp: “Tôi đi ô tô về đây” thì cả An luống cuống. Vừa rồi, An nghe còi ô tô, đã hơi ngờ ngợ, nhưng cũng chưa dám tưởng ra người em rể lại chóng oai đến thế. Rồi Chính lại nói: “Tôi đi ô tô về cùng với ông phủ” thì mọi người chỉ còn biết ớ ra, vừa phục vừa sợ, không ai dám hỏi nữa.

Chính giục:

– Tôi chỉ về được một lát. Mời anh An ra đình ngay, có việc.

An lúng túng mặc áo.

Ngoài đình đã nhiều người kéo đến. Đông đủ các cụ kỳ mục, các tiên thứ chỉ mỗi thôn, ông chánh phó hội cũ, các hàng tộc biểu, ông lý cựu, ông lý hào, các hàng phó lý và trương phiên, khán thủ bốn thôn.

Dưới sân đình đùn đùn tới mỗi lúc hàng chạ người nhôm nhếch, mặt bệch đất thó, mắt nhờ nhác như mắt cá ươn, người nào cũng nghếch mặt lên, như nghe ngóng, như hớp mồi. Rặt những người đói kéo đến, vì có tin quan trên về phát chẩn. Quan phủ nghênh ra, thấy người ùn ùn đẩy nhau vào tận bậc cửa đình, chốc chốc, mấy người tuần lại giơ roi đập vun vút, quan phủ có ý ngại. Người đến đông quá như thế, có khi lôi thôi. Những việc xảy ra ít lâu nay đã như thế. Việt Minh sẽ từ đám đông ló ra, và nếu thế thì chết! Lão hoảng, lão hỏi thầy lý Dĩ:

– Này, thấy hương lý các thôn đến đủ chưa?

Lý Dĩ tráo mắt quanh sân đình:

– Dạ, đủ.

– Các thầy ra đứng dàn cả trước mặt tôi đây. Bảo tuần nó bắc bàn ngang cái cửa lại. Tôi sẽ đứng đấy, nói với các thầy, với bàn dân vài điều. Vẽ, chẳng phải ghế. Bây giờ độc lập không giống trước nữa.

Quan phủ đứng sau bàn, ở ngoài trông dưới thấy cái bụng áo sa tây và đôi mũi giày ban bóng loáng.

Quan phủ đồng dặc:

– Tôi công bố cho dân bản hạt biết rằng nước ta vừa độc lập. Thừa sức các quan tỉnh cho các thầy chức dịch tuần và dân bản hạt biết, từ nay không ai được gọi bản chức là quan tri phủ, trong đơn từ không được viết “lơ” quan tri phủ. Chữ quan, chữ Tây bãi bỏ. Ai có việc bẩm thì gọi bản chức là ngài phủ trưởng, trong giấy tờ cũng như lúc vào hầu ở công đường.

Ông quan phủ còn nói nhiều về những việc cải cách. Vua Bảo Đại ở trong kinh đã phé cái lạy sống rồi, dù chấp tay khấu đầu hay lên gối xuống gối cũng cấm. Mọi người phải tuân theo pháp luật, đi đâu phải có thẻ thuế thân dấp trong người. Chả là quân đội Nhật Bản

không mắt xanh mũi lõ mà cũng máu đỏ da vàng như ta nên rất am hiểu tính nết từng người ta, ai chăm chỉ ai lười biếng, chứ không phải có thông ngôn mới biết được như Tây trước kia đâu.

Đám người ở ngoài vẫn đến càng đông, nhao nhao, ồn quá, nghe câu được câu chẳng. Ông phủ trưởng nói:

– Tôi giới thiệu có ông cứu tế ở tỉnh về phát chẩn. Đây là một việc cải cách, làm cho mọi người được ăn no.

Mới nghe câu “...phát chẩn”... đã à à trống reo, người càng ních vào, đội cả hai chân cái bàn lên. Quan phủ chột dạ, quay lại nhìn, chỉ thấy gian đình và cái hậu cung tối om. Quan phủ rí tai lý Dĩ dương vòng tay áo the dài gật gật. Lý Dĩ lại ghé bảo thằng mõ vẫn đứng trực đấy rồi ông lý loay hoay trèo lên bàn đứng hét ra lũ người nhộn nhạo định chui vào trong đình.

– Quan phủ trưởng chưa phát chẩn hôm nay. Hôm nào phát thì có mõ đi chiêu các làng. Đồng dân ta hãy đâu về đấy.

Thầy lý nói xong, lập tức, thằng mõ xô ra ầm ầm đóng cửa đình. Và thầy lý Dĩ nhanh trí, để khỏi vướng chân các vị, sai mở cửa hậu cung để quan phủ, ông cứu tế Chính và An cùng các cụ ra lối đằng ấy.

Các cụ tiễn ông phủ đến tận xe rồi chấp tay cúi rạp đầu. Quan phủ chắc là quên trông lại xem thế là chào hay là lạy. Ô tô nổ máy nổi còi toe toe, tõe người rạt sang hai bên đường. Đằng sau, anh lính lệ lúc nãy lại cong lưng đạp xe trong làn bụi đỏ theo ô tô. Trên ô tô có cả An mà Chính đã mời đi luôn. Để cho ông anh vợ được thưởng thức một tua ô tô, lại oai với dân làng. An cảm động, chốc lại vuốt áo.

Chính dẫn An đến chào ban cứu tế tỉnh. Ở đấy người ta bàn chia cho làng Hạ đợt đầu được một xe bò ba tạ sắn, nấu cháo sắn phát chẩn. An về sửa soạn trước, ghi tên những người đói để sẽ phát lần lượt.

Chính bảo An:

– Chúng ta gọi cả làng ra, tôi thay mặt tỉnh diễn thuyết về mục đích cứu tế. Làm như vậy mới vang dội.

Rồi, để làm cho anh vợ phấn khởi hơn nữa, Chính nói:

– Việc cứu tế xong thì anh được tín nhiệm và có tiếng. Tôi chạy cho anh một chân đi cân thóc - Nhật vẫn cân thóc tạ như thằng Tây. Việc này bỏ to. Rồi anh lên làm thanh niên tỉnh, ông bộ trưởng Phan Anh bộ Thanh niên mới ra Hà Nội, anh sẽ được vào yết kiến ông bộ trưởng. Cái lão Trần Văn Chỉ thu thuế chợ và gá bạc mà giờ còn sắp lên đốc lý, lên tỉnh trưởng, nữa là thanh niên trí thức chúng ta. Phải, thời thế đến tay rồi, phát cờ lên. Tôi chú ý giúp anh, cho nên mới chọn làng ta làm nơi cứu tế trước nhất toàn tỉnh.

An không mấy may để ý câu nói bề trên của em rể, mà An thấy Chính tài ba, không như mọi khi lúc nào cũng chỉ thấy ngời lau xe đạp, hát nghêu ngao và chim gái thành thần. Cho nên, bấy giờ An chỉ biết rúm tay lại, bắt tay Chính, bắt tay Chính.

Hai xe bò sắn của tỉnh được kéo về làng Hạ đổ đầy một gian đình. An hãnh diện. An đương là người thế lực nhất làng.

Mõ làng rao: “Cốc cốc chiêng làng nước, đồng dân ra đình nghe hiểu thị việc cứu tế...”. Các xóm dân tai lắng nghe. Ai cũng đã biết đứng đầu phát chẩn làng này là An. Nhiều người đã vào nói lót trước. Nhiều người đói ngời sắn ngay ở ngõ, An đi qua thì chấp tay lại. Trước An còn hăng hái giơ tay giảng giải dông dài, sau vì người đến nhiều, đâm gắt, đuổi bụi bụi.

Lúc ấy, Lạp đi vào nhà bà Hương. Người nào trông thấy Lạp cũng lạ, vì đã lâu không thấy, tưởng Lạp đói chết rấp ở chỗ nào rồi, nhiều người đói đã mất tích tự nhiên thế. Nhưng rõ ràng Lạp đương vào sân, giữa đám người ngồi. Lạp không xạm quá như hôm gặp Trung, nhưng mặt Lạp vẫn tái ngắt. Tóc, râu bù xù, nham nhở như vừa được lòi ở bếp gio ra. Hai cẳng chân khô đét cháp vào cái đầu gối gộc tre thui làm cho dáng Lạp đi ngắt nghều.

Thoạt trông, An giật mình: cái ám ảnh khó chịu đương lù lù đến. Nhưng khi An trông tận mắt con người ốm đói cò cữ thì An lại nghĩ khinh mã thằng này chỉ vào xin cứu tế. An lặng lẽ, hơi nhú mày, rồi chững hàm hỏi:

– Cái gì thế?

– Tôi gặp anh thảo luận tý việc.

Con mắt nhìn xoi mói của Lạp khác những người từ nãy vào lạy lục van xin, và hai chữ “thảo luận” gọn gàng làm An trợn.

An khẽ nói:

– Mời... anh... mời...

Hai người vào đầu phản nhà trong. Nét mặt An biến đổi mau chóng theo câu chuyện. Lúc tròn miệng lại, lúc cắn móng tay, mắt chớp chớp, nhay nháy lia lịa.

– Tôi báo cho anh biết hai cái xe bò và sản để ở đình, Việt Minh đã tịch thu chia cho người đói.

– Á!

– Và cuộc họp làng ở cửa đình anh đã cho mõ rao gọi dân, tôi cho anh biết là Việt Minh sẽ lên nói chuyện với đồng bào.

Lạ dừng lại, im lặng dò thái độ An. Nhưng An không sừng sốt kêu “á” lên nữa, mà An trở mắt. Lạ nói tiếp:

– Anh cũng là người hiểu biết, tôi không phải nói nhiều. Anh không được ngăn trở việc tịch thu sản, không được lộ bí mật này cho thằng Việt gian Chính biết. Anh cũng là người tốt, anh phải đứng về hàng ngũ Việt Minh.

Mỗi tiếng Lạ nói như ném vào mặt An. Bây giờ thì An đã rõ. An bắt đầu kinh sợ cái gày gù lom nhom của Lạ.

An nói:

– Các anh xét xem, các anh tịch thu sản nhỡ trên tỉnh biết...

– Có thể tôi mới bảo anh không được tiết lộ với thằng Chính.

– Nhật người ta biết sẽ về khủng bố.

Lạ toan nói: “Mày sợ bị khủng bố thì đúng hơn”, nhưng không nở chọi đau một người, mà Lạ vẫn thấy có cảm tình một cách chua chát. Lạ cười khẩy, nói:

– Không có gì phải sợ cả. Tình thế này dân ta càng phải mau chóng đánh Nhật. Cứu tế kéo dài cũng không thể được. Mỗi ngày húp một húp cháo sản chỉ thêm ngắc ngoải rồi cũng chết cả mà thôi. Phải võ trang khởi nghĩa thì mới thoát chết được. Anh có biết các nơi đương thế nào rồi không? Sản sàng hết rồi. Ngay ở vùng ta, anh không nghe tự vệ, du kích các làng tập quân sự ngoài tha ma, cả đêm hô ầm ầm đấy à?

Giữa lúc ấy, ngoài ngõ có tiếng táo tác qua. An và Lạ đứng dậy, thấy ngoài đường cái chen chân những người tay thúng tay mẹt, ới

nhau, xô nhau. Bà Hương hốt hải ra, bảo An:

– Người ta đi cướp sản ở ngoài đình kia!

Bà xuống bếp, gọi rới rít: “Nhà cả ơi nhà cả! Cầm cái thúng này này!”, rồi mẹ chồng nàng dâu vác thúng đi. An nhìn trộm Lạp rất nhanh, thấy khuôn mặt xanh xao của Lạp tươi lên, miệng cười mỉm, nửa tự nhiên, nửa giấu cợt, thì An ngó ra, nghĩ: “Thế này thì chết mình rồi”. Những chuyện Lạp nói từ nãy đã phá tan tành cái cứu tế đương tiếng tăm của An, bây giờ chia sản cướp sản lại còn lung tung nữa.

– Thế là thế nào, hả anh Lạp?

– Là Việt Minh đã chia hết sản cho những bà con đói. Cả kho thóc trong đình rồi cũng sẽ chia. Chia thóc và tuyên truyền rộng cho ai nấy biết công cuộc võ trang khởi nghĩa đánh Nhật. Sáng mai, Việt Minh diễn thuyết xong, anh mới được ra bảo thẳng Chính phải mang sản về nhiều nữa.

An nhăn nhó, khẩn khoản:

– Anh cho tôi nghĩ.

Trước khi vào nhà An, Trung đã bàn nên lôi kéo An. Không như Lê trước kia, ghét An, Lạp nể An. Lạp đáp:

– Ủ, anh cứ nghĩ kỹ đi.

Lạp đưa cho An tờ truyền đơn Kháng Nhật cứu nước và tờ Chống nạn chết đói của Việt Nam độc lập đồng minh (Việt Minh). “Anh phải đứng về hàng ngũ Việt Minh, đừng u mê theo Nhật. Tình thế đã sáng rồi. Quân Đồng Minh sắp đổ bộ vào Đông Dương, tàu bay ném truyền đơn báo tin rồi đấy”.

Cho đến tối, An không đứng, ngồi chỗ nào yên. Lại nỗi bà Hương và con dâu ra đến đình thì đã hết tiết sản, nghe làng dưới đương phá kho thóc, lại chạy xuống, nhưng chậm quá, người đã đến chia hết cả rồi. Bà vừa đi vừa rửa róc, không biết nói con dâu hay nói ai, cứ đay đi đay lại: “Thời buổi này hạt thóc hạt vàng, mà không kiếm nổi một đồng kềm gậy. Đến chết hết cả thôi, giờ ơi!” An lại mất cả oai! Phút chốc An chỉ thoát nghe mẹ rền rầm mà rức đầu còn ruột lên.

Thật ra, cũng không nghĩ gì được. Cái cứu tế thế là vứt đi. Không oán Việt Minh, mà An sợ. Nhưng An còn dợn gáy hơn, nếu như mất

sấn rồi, lại để Việt Minh ra diễn thuyết, vô phúc Nhật biết thì nó về tóm cổ đi chứ còn thể nào nữa. Đế quốc Pháp bắt người còn tra tấn, Nhật bắt người chỉ có cắt đầu thôi. Những tưởng tượng ấy hốt hoảng hiện ra chen lẫn, nhoi nhói với những câu móc máy của bà Hương. An ngồi gục đầu. Có lúc An bịt tai, cắn chặt hai hàm răng. Lát sau, An từ từ mở tay ra. Nhớ Lạp nói: “Tự vệ các làng ra đồng tập quân sự hô àm àm cả đêm...” An lắng tai nghe. Trong đêm nguồn lên từng trận gió giải đồng đầu mùa hạ lỏng lẻo thổi qua cánh đồng, trên thành tre bờ giếng. Có lúc An thấy rì rào ngổ như tiếng reo hò thật. An sờ tay vào tờ truyền đơn để trong túi, nhớ rành rọt từng câu. Quân Đồng Minh sắp vào Đông Dương giết nốt phát xít Nhật. Quân du kích cách mạng Việt Nam đã nổ súng kháng Nhật cứu nước tại nhiều nơi^[1]. Thì An lại thoáng một hy vọng mới. An mong Việt Minh nổi lên, mau mau lên. Thế giới hết chiến tranh, chiến tranh tàn khốc quá và như những năm xưa ta đã hằng ước là thế giới sẽ yên hàn, mọi người rồi ra đều sung sướng.

Bỗng, đằng sau thành tre đằng kia rực sáng. Rồi lửa ngọn lên ù ù. Tiếng lửa nổ đóp đóp như ống lệnh. Trong các làng, tiếng tù và nổi. Đâu cháy nhà? Gió giải đồng đương rào rạt thế này thì đến cháy cả xóm mất. Có tiếng người ngoài bờ ao, An đứng trước sân, hỏi với ra:

– Cháy ở đâu đấy?

– Trại ngựa Nhật.

Giữa đồng xa có mấy dãy lều của Nhật. Những khi máy bay Mỹ ném bom ngoài thành phố, lính Nhật vẫn lừa ngựa về buộc ở đấy.

An trông bóng lửa, nói:

– Gió này thì đến vèo hết.

– Vèo hết ngay chứ lỵ!

Rồi tiếng cười rúc rích, tinh nghịch, khoái chí của những người chạy về phía đầu làng đón bắt ngựa vồ chuồng chạy về đấy. An tưởng họ đùa tự nhiên, nhưng chợt An bối rối nghĩ ra. Thôi lại Việt Minh đốt lều ngựa của Nhật. Nếu không, sao chúng nó lại cười, sao bỗng dựng lều giữa đồng lại cháy? “Còn nhiều việc sẽ xảy ra...” - Lạp lẩm bẩm thế... - “Nhiều việc xảy ra...” Đích rồi. Sớm mai Nhật về

bắt người ăn thịt ngựa sẽ làm cỏ cả làng. An còn chưa nghĩ ra cách nào để trả lời Lạp. Lạp thêm những rắc rối nữa tới.

Một đêm trắng qua. An không chợp mắt.

Mới tờ mờ sáng, bỗng nhiên Chúc đến nhà An. Chúc bảo:

– Mời cả bà Hương lên đây, việc này cần.

Rồi Chúc nói:

– Chỗ anh em, tôi bảo thật. Bà với anh có biết trong một ngày hôm qua, chúng nó phá hai kho thóc, kho sắn, đến cả dãy lều ngựa của người ta. Chỉ có bọn Việt Minh mấy làng này thôi, lại những thằng Lạp với lũ xóm dưới. Có cả thằng Trung mới lông bông ở đâu về. Tôi biết hết. Thế chúng nó có liều không. Cách mạng không phải là ăn cướp nhé. Tôi đã làm cách mạng tận U Đôn bên Xiêm, tôi lạ gì. Đại như chúng nó, chỉ tổ chết. Tây với Nhật cũng một duộc, sổ sách mật thám nó truyền cho nhau cả. Tên tuổi những đứa nào cộng sản ở làng này, Tây thua trận phải giao cho Nhật, có cả tên tôi, tên anh. Tôi biết rồi. Ta phải tính trước mới kịp. Nhật cũng là Tây, cứ tiền là xong tuốt. Bà chạy cho anh ấy một trăm, tôi một trăm cộng vào, biện cái lễ hai trăm lên tỉnh. Không thì nó về tận đây truy đấy. Anh nhớ hỏi anh và tôi bị bắt giải tỉnh. Chỗ anh em, tôi bảo thật, chứ còn mấy thằng bố láo kia, mặc xác chúng nó. Có cả thằng Lạp họ nhà tôi đấy, tôi cũng chớ thầy!

Nghe Chúc nói, bà Hương rùn cả người. Bà méo máo: “Anh ơi! Anh bảo em nó làm thế nào bây giờ? Thằng chồng con Hiền có cứu được anh nó không?”. Chúc vắng tự nhiên:

– Cứu cái con khếch. Cứ đưa ra một trăm thì xong.

– Chạy đâu ra một trăm giờ đất này?

Từ này, An ngồi im. Nét mặt nhơn nhơn và cái kính trắng nhìn ghéch lên của Chúc gợi một cảm giác khó chịu, vừa sợ vừa ghét mà An đã gặp. Cái lần ấy ở sở mật thám. Đúng, Chúc cũng leo lên thế này. An còn nhớ câu Chúc nói: “An ơi! Chúng ta không làm gì can phạm mà phải giấu. Khai đi”. Thằng mật thám Tây lại gọi Chúc là “ông Chúc”, hôm sau Chúc được thả ngay. Từ khi bị bắt về, An không đàn đúm với ai trong làng nữa, còn mọi người đều biết Chúc làm chỉ điểm, làm ma cô bán tin ăn tiền, lên đồn lên phủ luôn. “Vì thế, hồi đói này mày mới ung dung được”. An thật thấy Chúc lộ tẩy,

đây là một đòan tống tiền. Ở xà lim số 3, An đã nghe biết nhiều những chuyện loại này, thềm một mồi thuốc Lào cũng có thể bán anh em.

An gắt mẹ “Việc gì mà khóc!” rồi bảo Chúc:

– Anh cứ về. Tôi bàn với u tôi sau.

Chúc cười gằn:

– Đã ném mùi đòan xăng tan rồi đấy. Bao giờ thì có?

– Còn để cho người ta lo chứ!

Bà Hương chen:

– Anh thương tôi, thương em nó, trăm sự bây giờ...

Chúc lạnh lùng:

– Tôi làm phúc thôi, không muốn cũng được. Việc sống việc chết không phải nài!

Chúc đã đi khỏi. An ngồi thừ, mặt nóng bừng, như lên cơn sốt. Việc sống, việc chết thật!

Nhưng phải lên tỉnh báo cho Chính đừng về làng nữa.

Lát sau, Lạp đến. An đừng mong Lạp. An đã quả quyết. An bảo Lạp vào trong buồng. An nói:

– Thằng Chúc vừa vào tống tiền u tôi. Nó nói Nhật sắp về khùng bố. Anh bảo bây giờ làm sao?

– Bây giờ không như hồi anh bị Tây bắt đầu. Nhật đánh đổ Tây rồi không còn sức khùng bố.

– Thế nghĩa là thế nào?

Lạp không trả lời, mà lại hỏi:

– Hồi Bình dân, anh đã hoạt động, bây giờ có hoạt động được không?

An đáp nhỏ nhỏ:

– Được.

Lạp vỗ vai An:

– Chả trách trước thằng Lê nó chúa ghét cậu lừng khừng nước đôi.

Câu nói sỗ, nhưng An đã không thấy khó chịu, lại đượm vẻ thân thiết ngay.

– Có gì khác, tôi sẽ tìm anh. Thằng Nhật lọt vào đây cũng chẳng làm trò trống gì. Ta vận động chạy ra đồng nấp.

Quãng xế trưa có hai chiếc cam nhông bắt kín phóng mù bụi, từ trên đê, rẽ qua cánh đồng, theo đường đất vào đầu làng. Xe vừa xịch đỗ, một toán hiến binh Nhật, quần áo vàng khè nhảy vọt xuống, xách súng xông vào, như đã thông thạo đường.

Tổ tỵ vệ bí mật gác đã báo vào từ lúc ô tô đỗ. Trung, Lạp với một số thanh niên các xóm, cả nhà An cũng được người đến báo, chạy thoát cả ra cổng đồng. Hiến binh Nhật vào đẩy lão lý Dĩ đưa xuống cái nhà hoang của ông Trương Ba rồi vòng lên nhà bà Hương, lại sục liềm mấy nhà khác. Nhưng không tóm được ai có tên đã ghi trong sổ.

Người quan Nhật cầm tờ giấy, bảo thông ngôn hỏi lại lý Dĩ làng này có những ai tên Lạp, tên Lê, tên Trung, tên An, tên Ba, tên Nhàn, nhà chúng nó đâu?

– Có đứa đã chết đói, có đứa bỏ làng đi mấy năm nay rồi.

– Đứa nào tên là An?

Cả bọn vừa ở nhà bà Hương ra, đã biết An “đi tỉnh” vắng từ sáng sớm. Nhưng người quan Nhật vẫn bắt thông ngôn hỏi vặn:

– Còn thằng nào tên là An?

Ông lý Dĩ lật đật lấy quyển sổ đình thôn Hạ, đeo kính vào, cúi xuống, mở ra xem.

– Vâng... vâng... Tên An... Tên An...

Rồi ngẩng lên, run rẩy:

– Có một đứa tên là An, Bùi Văn An ngụ cư, nhiều An năm mươi tư tuổi.

– Đến nhà thằng An!

Nhà lão nhiều An ở xóm dưới. Lão này cả đời chưa bước chân ra đến tỉnh. Ai cũng đã biết, đến đi ỉa lão cũng chạy vì sợ mất việc. Thế mà lâu nay khôn đốn, đói quá, phải cạy dầm sân và dỡ gạch tường hậu đem bán.

Lúc đó, cái lão nhiều An keo kiệt nhất làng Hạ đương cời trần, mấy bố con đóng khố một xúm xít trong bếp quanh nồi cháo cám trộn rau sam.

Hiến binh Nhật giờ tay hỏi:

– Đứa nào là thằng An?

– Bẩm quan lớn, con là thằng nhiều An.

Bọn hiến binh kéo ông lão An ra gốc đa cửa đình. Xả hai nhát kiếm, lão nhiều An đứt vai, ngã xuống. Chúng vắt cái xác lên ô tô, phóng về chợ Cầu, ròng dây treo lủng lẳng lên cành cây gạo trước cổng chợ.

Người vào chợ Cầu phải chui qua dưới cái xác lão Nhiều bị chết chém vì tội làm hội kín.

[1] Truyền đơn: “Lời kêu gọi của Việt Nam Độc lập Đồng Minh chống nạn chết đói”.

XVIII

Vài ngày sau, những người làng Hạ chạy Nhật đã lác đác trở về làng. Chỉ mỗi mình An vẫn trốn nán lại bên kia sông. Nghe ông nhiều An bị chém chết, An quá hãi, không dám về. Ở ngoài tỉnh, chồng cô Hiền cũng đã nghe biết hiến binh Nhật về bắt người làng treo lên cây gạo. Cái cậu Chính “đầu trọc như Nhật ấy” cũng sợ Nhật, sợ Việt Minh không bèn mảng về nữa.

Bấy giờ các kho thóc trong vùng, Việt Minh hô hào người đói ngày nào cũng đi phá. Đã trông thấy cám mới và hạt thóc, có được “hạt ngũ cốc” cầm hơi. Nhưng các làng cứ nôn nao, nháo nhác, phấp phồng, chờ đợi. Sự gì sắp đến, sắp đến. Nếu không thì còn chết. Điều mừng chỉ thoảng một cái rồi tắt, vì thóc chiêm sớm đồng xâu còm cõi vừa gặt thể mà quan phủ, quan tỉnh, các người thu thóc liên đoàn có lính Nhật vác súng kèm, đã vào làng vét, không cần cần như mọi khi. Cơ màu này thì khó lòng còn một hạt. Người nói dăng dăng: chết, còn chết nữa...

Nhưng cũng dạo ấy, những tổ tự vệ chiến đấu, đội du kích, đội danh dự Việt Minh đêm đến kéo ra tập luyện ngoài đồng. Tiếng hô, tiếng hét lăm đêm thanh vắng, thuận gió, vắng vào làng. Hồi còn mồ ma lão Trương Ba, các ông bà già trong làng vẫn nhớ khi quân Cờ Đen đánh Tây, trong làng có những tay ngỗ ngược đã nổi tướng “tê cò đi làm giặc” đêm nào cũng chiêu binh mãi mã hô “ba quân thiên hạ” ngoài đồng, bây giờ có lẽ cũng sục sôi như vậy, hơn vậy. Làng nào cũng thế, bề ngoài điều tàn, nhưng trong lòng người thì nhón nháo, xôn xao, nung nóng, đêm đêm giáo mác kéo ra.

Nhà ông Trương Ba cuối xóm vẫn là nơi hội họp bí mật. Từ khi đói, cố đạo ở Nhà Chung ở làng Đông không dám xuống, không biết bố con ông Trương đã chết cả. Địa điểm ấy thành một trạm liên lạc của Xứ^[1]. Lạ ở ngay tại đây. Trung bận nhiều việc khác, khi đi khi về. Cũng ở đây, họp xã, họp tổng Việt Minh, nhiều khi liên miên thì thào suốt đêm. Chập tối có hàng đoàn người, mỗi người một gánh nặng, không biết từ đâu lại tắt cánh đồng vào. Đó là người ở những cơ sở cứu quốc trong tỉnh, các nhà máy, các xưởng và ở các trại lính bảo an đã vượt nhiều chặng Nhật gác quầy ra trạm liên lạc rồi

chuyển đi những máy chữ, cửa giữa, đan các cỡ, khuôn chì đúc và giấy in báo, súng trường tháo báng, thuốc súng...

Họ đi, chập tới đến trạm, có khi nghỉ lại, có khi đi ngay. Những tổ cứu quốc, đội tự vệ lại tiếp vai quảy ra bờ sông Cái. Ở đấy, cho hàng xuống thuyền, đi đường nước. Đêm nào cũng từng đoàn qua các cánh đồng, cả những đêm sáng trăng. Người trong làng nhìn ra, thấy đám người nô nhóp, in bóng dài khắp trên bờ ruộng cao không lúc nào ngớt. Người ta lại đồn đấy là Việt Minh kéo đạo quân trên rừng núi đường ngược về đánh phát xít Nhật, quân về mang theo súng, lương thực, đêm nào cũng rầm rập, suốt sáng chưa hết. Người thì sợ, người thì mừng. Bọn tuần tráng, bảo an chỉ đứng trong khoanh tre trông ra. Khi những đám ấy đi thật xa rồi, ông khán thủ mới cầm canh lấy lệ, rúc lên một hồi tù và ngắn ngắn.

Trời vừa buông tối, có một toán gánh hàng về trạm. Trung đi họp vắng. Đã có hẹn trước, Lạp ra nhận hàng giao. Lạp nhắc thử gánh, thấy nặng và thoáng mùi khét, đoán là thuốc súng. Trong nhà không có đèn đóm. Năm người quảy hàng ngồi cả ngoài hè. Họ cầm nón, im lặng quạt. Nghe tiếng thở và hơi mồ hôi nồng nặc, biết từ xa tới. Tiếng nói nặng tựa tiếng Sơn Tây, nhưng không đoán hẳn được người vùng nào.

Lạp nói:

– Có chính nước mưa ở ngoài sân ấy, các đồng chí ai khát thì ra uống. Chẳng có đèn, chẳng có nước chè đãi khách, tẻ quá!

Một người trong bọn:

– Vẽ! Nước giờ là tốt rồi! Không có đèn càng giữ được bí mật. Máy lị đám cưới đâu mà cần tỏ mặt, phải không hai họ?

Trong bọn rinh rích cười. Một chị hỏi Lạp:

– Tôi hỏi câu này lộ bí mật, khí không phải...

Người bên cạnh khẽ nói:

– Cứ hỏi không sao!

Chị kia dường cũng không để ý, hỏi luôn:

– Đây có phải làng Hạ không?

– Phải, làng Hạ.

– Làng ta có ai tên là Trung?

– Trung nào nhỉ?

– Trung người ngăm ngăm đen, trạc ngoài hai mươi, răng trắng, hời đầu đi làm thợ đấu lò gạch ở sân bay Bạch Mai.

Lạp ngẫm nghĩ, rồi nói:

– Ở đây làng công nghệ, không ai biết cày, cũng không ai đi thợ đấu. Mà không có ai tên là Trung.

Chị ấy thôi không hỏi thêm. lát sau, cả năm người đứng dậy. Cử chỉ thân thiết và rất mới như nhiều đám khác, họ giơ nắm tay lên đầu chào rồi lại bắt tay Lạp, vác đòn gánh trở ra. Khuya, Trung về, cùng với ba người ở tổ cứu quốc làng dưới lên gánh hàng đi tiếp.

Lạp hỏi:

– Có gặp toán đi qua cánh đồng đấy không?

– Tối quá, chỉ đoán ba nam hai nữ.

– Phải đấy.

– Giao hàng rồi chứ?

– Giao rồi.

– Trạm ta cũng đi ngay thôi, sao tua rua đã ngang đầu rồi, khéo kéo về thì sáng mắt.

Lạp kéo Trung ra góc sân, thì thào:

– Có một chị trong đám ấy hỏi mày.

– Tao?

– Chứ lại ai!

– Sao lại thế?

– Chị ấy nói đúng tên, tả đúng hình dạng. Đen đen, răng trắng. Chỉ khác mỗi cái bảo mày một hời đi làm thợ đấu lò gạch ở sân bay Bạch Mai. Tao không biết mà cũng giữ bí mật, không dám hỏi lại, tao chỉ nói ở đây không có ai là Trung.

– Người trông thế nào nhỉ?

– Tối không thấy, nhưng mà là đàn bà con gái. Thôi đi anh ả, đúng anh ả rồi, có gì thì khai ra.

Trung điềm nhiên bảo Lạp:

– Nhầm tên thôi. Tao có làm thợ đấu bao giờ!

Rồi hai người trở vào nhà hút thuốc. Nói vậy, nhưng Trung đương bồi hồi. Cô Gạch, đúng là Gạch. Cũng không lạ. Thế ra cơ sở xóm lò gạch ấy đã phát triển mạnh thế, Gạch cũng giác ngộ rồi. Đấy chắc là những gánh thuốc súng của binh lính đã lấy được trong sân bay ra, giao cho thợ lò gánh đi. Trong một lúc, Trung thoáng nhớ lại Gạch. Không như mọi khi thấy bóng dáng một người con gái luống tuổi, răng vầu, nịnh tính, chỉ thêm lấy chồng. Bây giờ hình ảnh Gạch làm cho Trung thấy người con gái ấy có duyên thầm và tấm lòng chung thủy.

Mơ màng, Trung hỏi Lạp:

– Họ về chưa nhỉ?

– Về từ tám hoánh, đặng ấy đi đường đã gặp đấy thôi. Mê bóng người ta rồi à?

Trung cũng tự thấy buồn cười phút đặng trí thơ mộng.

– Ủ ờ, chúng ta đi nào.

Cả Lạp và Trung, năm người gánh thuốc súng ra bờ sông. Một người tay không đi trước dò đường. Như một toán buôn lậu, họ biến vào bóng tối nhập nhoạng.

Rồi mấy hôm sau lại chỉ có Lạp ở nhà. Trung càng đi vắng luôn. Khi vào khu tập quân sự, khi lên tỉnh. Lạp đã thay hẳn Trung phụ trách trạm liên lạc.

Càng rộn rập người qua lại, cả nhiều người ở tỉnh ra, bàn chân chưa đi đất bao giờ còn nổi gân xanh và những người ăn mặc lạ, tiếng trọ trẹ xứ Nghệ. Chỉ trông khách qua lại trạm liên lạc cũng thấy ra mọi hoạt động. Càng ngày càng nhiều các thứ đem đến, đưa xuống bờ sông nửa đêm chuyển lên chiến khu, trong bóng núi Ba Vì, Tam Đảo xa xa.

Buổi trưa, thoáng có người qua ngoài bờ ao vào. Lạp vội cất mấy hòn đá li tô bọc lá chuối khô vừa đem về hồi đêm, vẩn để đấy. Lạp đương bung mảnh đá, nhìn thấy Hai Tâm quảy đôi thùng thủng thỉnh vào. Cái dáng tay vắt vẻo, nhận được ngay.

Hai Tâm ríu rít nói:

– Thôi mà, thôi mà. Việc gì phải cất dọn, người quen đây chứ ai đâu.

Lạp đứng ngó ra, vì sợ. Tuy đã nhác mắt ra ngoài không thấy có người vào theo, và, Lạp tin ở tổ tự vệ canh gác, nhưng Lạp cứ cầm nguyên cả miếng đá, mắt thao láo không chớp nhìn Hai Tâm.

Mấy năm nay, Hai Tâm bỏ làng đi với Khiết. Lúc đầu, cả làng xôn xao, nhưng rồi cơm ai người ấy ăn, chuyện cũng đến nhạt. Hai Tâm bật mắt, sau cũng quen dần.

Thỉnh thoảng, đôi khi chị Hai có tạt về làng. Một lần, chị Hai thuê người nhấc thằng Tâm ra cổng đồng. Tâm trông thấy mẹ, Tâm khóc. Nhưng sau Tâm cúi kính, có lần chửi thằng Khiết bố mìn, chửi mẹ, xé áo, yếm mẹ. Cả hai mẹ con lại khóc, rồi mẹ cho con tiền ăn quà, mẹ lại đi. Tâm ở với bà nội. Cháu đích tôn dòng họ bố nó. Chị đã ra người ngõ ngoài rồi. Có lần chị Hai gọi con ra cổng đồng, bà lão Đồi biết, bà vác gậy ra đánh chửi chị. Hai mẹ con táo tác vừa chạy vừa khóc. Nhưng, bao giờ chị Hai cũng chạy đi, mà thằng Tâm thì chạy trở lại trong xóm.

Hai Tâm ở đâu, không ai rõ. Chị Hai thường về làng vào buổi chiều, buổi tối và không một lần nào có Khiết. Người ta bảo thằng Sở Khanh đã đem ký chị ta ở ngoại ô trên đầu tỉnh. Khiết làm ăn gì, có vợ con khác hay là còn chim chuột quàng xiên đám nào, chị Hai không biết. Chị Hai ở cái xóm xa lạ ấy như ở trong lồng. Người lối ngõ coi chị là vợ lẽ của một lão có cửa, tính hay dăng dện, lại có con vợ cả Hoạn Thư. Khối người ở lậu như thế trong ngõ. Những vợ con lính tráng, những cô đầu hoàn lương, cô nào cũng nhong nhóng đợi lương tháng của những thằng đàn ông cũng mình đến chốn ấy.

Nhưng chị Hai quen làm ăn, ngồi không ngứa chân ngứa tay, không chịu được. Chị xoay ra làm hàng bánh chưng, buôn quả quýt, củ đậu, hồng bì, bán đông dài mùa nào thức ấy. Ngày mới bước chân đi được ít lâu, chị Hai đã cảm mình như con Kiêu mắc tay bọm già rồi. Nhưng đâm lao đành theo lao, nắn ná, tính toán. Rồi ngày lại ngày...

Dẫu sao, việc của người ta, đời người ta, chị ấy đi theo giai là tại chị ấy đi theo giai, chẳng mấy may bạn đến Lạp. Bây giờ thì Lạp giật mình: con Hai Tâm vợ thằng mật thám Khiết trên tỉnh. Nó mò về, lại vào tận đây, lọt qua cả tổ tự vệ. Nó định kéo Nhật về bắt cách mạng hay sao?

Hai Tâm đã lại lả lớn tươi cười:

– Kìa anh đồ, cát hòn đá đi chứ. Hay đem ghé đá ra để mời khách ngồi cho quen mùi nhà đá^[2] thì bảo nào.

Lạ tái mặt vì câu pha trò ghê rợn. Lạp dựng mảnh đá li tô xuống chân cột, hai tay lăm lăm co lại. Định trêu gan, định chỉ điểm dò xét, hay vốn tính dĩ hòa quên bỡn cợt thế? Ắ vẫn vừa nói vừa cười. Lạp cúi lằm. Được, Lạp sẽ vận trái cánh tay ả. Nhưng tay chị Hai Tâm đương giờ ra đưa cho Lạp một mảnh giấy gấp tư.

– Tôi chẳng biết chữ mù nào, anh xem hộ cái.

Lạp hằm hằm, cau có cầm giấy. Nhưng nét mặt Lạp lại giãn dần ra, trong khi Hai Tâm liếc nhìn trộm Lạp, đôi mắt tinh quái một vẻ thú vị. Vì đó là giấy giới thiệu “chuyên hàng” của một cơ sở ở tỉnh gửi ra trạm giao thông này. Hai Tâm là Việt Minh, Hai Tâm quầy tài liệu Việt Minh. Quá sức tưởng tượng! Nhưng Lạp đã dịu mặt và bây giờ Lạp mới nhận thấy, dù mấy năm dầu dãi, chị ta vẫn ve ve không khác mấy với ngày Lạp dẹt cửi ở đấy. Lại con mắt, lại cái cười, vút đi không hết lẳng!

Lạp nói:

– Chị hăng ngồi chơi.

– Cái giấy ấy thế nào thì hãy bảo người ta ngồi chứ.

– Được rồi.

– Được rồi là thế nào?

Chị Hai lên giọng hạc:

– Ô hay, sao không cát hàng đi, để tênh hênh thế này a? Làm hội kín mấy năm nay rồi mà vẫn hờ thế?

Dù miễn cưỡng thì Lạp cũng phải bê hai cái thúng ấy giấu ra bụi cây sau nhà - như mọi tài liệu khác. Lạp mở qua xem thấy toàn các cuộn giấy xanh như giấy in báo và truyền đơn. Rồi Lạp ra, định hỏi câu nọ câu kia. Nhưng Lạp lại thôi. Trước kia Lạp cũng có lúc trò chuyện với chị Hai. Nhưng Lạp thì đụn và hiền lành, chị ấy táo bạo, xấn xỏ. Và cái nghi ngại chị ta đi theo mật thám Khiết vẫn nhoi nhói trong đầu. Thành thử, Lạp bản thân không biết chuyện thế nào. Nhưng sau ấy náy, cũng tò mò:

– Hồi này chị Hai làm gì?

– Buôn nhằng bán nhịt qua ngày thôi. Tôi cũng sắp về ở làng.

– ... Ấy có về không?

– Toi rồi.

– Chết à? sao thế?

– Đã bảo toi mà ly.

– Hừ... Bao giờ?

– Mới.

– Hừ!

– Hừ với hàm nổi gì! Vẫn nhảm nhăng cau có như cái thói ngày trước ấy thì mang tiếng Việt Minh tài giỏi chỗ nào. Anh còn cái tội đã ở nhà tôi mà không bảo cho tôi biết chữ, biết chính trị tý gì.

Chị Hai lại cười. Môi, má đỏ đậm. Đôi mắt lá dăm mơ màng lừ đừ vì miếng giàu thuốc đương cay. Mà chị ta không buồn bã lo lắng. Cũng chẳng áo xổ gấu khăn khổ đau, mặt mũi cứ nhơn nhơn. Lạ bản khoán thế, lại hỏi một câu ngẩn ngơ:

– Chị định về lại làm cử à?

– Anh này chuyện như người Âm Phủ. Giờ mà cử canh nổi gì. Làm cái hàng quà nước đầu làng. Tôi đã dứt tiền, lý Dĩ cho làm rồi. Bao giờ tiết giống giặc lùn, Việt Nam độc lập thì mới lại làm cử. Anh lại về dệt cho tôi. Nhưng đừng để sáng nào tôi cũng phải chạy khắp làng đi tìm. Nói đùa chứ, bấy giờ anh Lạ đã tiến bộ lên đường tranh đấu mãi đâu, ai lại chịu ngồi xó dệt cử! Này thôi, giờ tôi còn phải đi...

– Thế hả?

– Thế anh quên không cho giấy biên nhận của trạm, tôi về ăn nói với các đồng chí thế nào.

Lạ cười dễ dãi:

– Thì giấy đây.

– Anh viết thế nào nào? Mù chữ nên phải hỏi làm cái đạo chắc. Ngượng chết đi, lần nào đem hàng đi cũng phải gỡ mọo hỏi.

– Viết trả lời “bác xã Toàn” rằng tôi đã nhận được đủ số bánh thuốc Lào của bác gởi nhờ bán hộ.

– Úi giờ, thế mà từ nãy không viết ngay cho người ta, cái nhà anh phải gió này!

Chị Hai đã đi khỏi một lúc, mà Lạp còn nghĩ theo. Vẫn thế, cái dáng nho nhỏ, tiếng lau chau, hay cười. Cùng một lúc, Lạp lo. Thăng Khiết là thằng chó. Nó đã chết hay còn sống. Nghe nói thế thì nó toi rồi. Con mẹ Hai là ta hay nó là mật thám? Nhưng tài liệu đầy đủ, cả một gánh giấy và tín hiệu, khẩu hiệu thì rõ ràng. Nghi hay không? Có thể xảy ra lời thôi chẳng? Cần thận, phải cần thận. Tốt hơn hết, tối nay hãy ra nằm ngoài đồng.

Lạp ra đồng ngủ, đem theo túi ngô rang. Mấy lâu nay, mỗi ngày làm một nắm ngô rang, chiêu ngậm nước lã. Lạp vẫn miên man nghĩ về những người giác ngộ, mỗi người một khác. Hiền thoáng hiện, lại mờ đi trong chua chát, bụi ngùi. Nhàn, Nhàn ơi! Làm sao cho nguôi được, đêm nay Nhàn lại về với anh. Nguồn cơn khủng khiếp, thương đau vẫn như mới đêm qua. Nhàn mà còn sống thì chị em cứu quốc làng ta chắc sẽ nhiều hơn đông hơn. Đêm mùa hè ngồi đồng rộng, Lạp nằm ngửa trên cái bệ thờ ở miếu ông thần gò trông lên, trời đầy sao, ánh sao rơi xuống bóng tối cánh đồng, gió vuốt như bàn tay ai mơn man qua mặt.

Rồi Hai Tâm về làng ở thật. Chị Hai đã về quì lạy xin bà Đồi tha tội. Những khi chửi rửa đuổi đánh chị thì sao bà lão dữ dội thế, mà bây giờ chị Hai về lạy bà, bà mỉm lòng thương ngay. Bà lão nghĩ: “Nhà ta người hiếm của kiem!” Thế là chị Hai đưa thằng Tâm ra tỉnh, đến hôm về, mẹ quấy đôi thúng đi trước, Tâm đeo cái bu đựng mấy con gà lóc nhóc theo sau.

Bà lão Đồi mua thẻ hương ra miếu lễ tạ. Dù rằng lạy thánh đã mấy năm, nay mới được linh ứng, nhưng bà giữ như năm trước đã mang mũ mã ra lễ, bây giờ dù khó khăn đến thế, bà lão Đồi lòng thành, cũng chạy được mấy nén hương. Gặp ai bà cũng kể giáo đầu: “Này, cái ma cái quái nó ám nhà Hai, giờ mới bói ra khoa thấy. Nó mình cao số nặng, tôi thì trước cũng như sau, tôi thương nó...” Những kẻ độc miệng nói: “Thương miệng thương môi, ả nọ còn tiền nên bà lão mới hỉ hả thế. Ai lạ gì, thời buổi này...”

Hai Tâm xin làng cho góc cái cầu để mở hàng quà. Cứ làm thế nào kiếm ra ăn là được, chẳng ai còn rỗi hơi cười. Chị Hai đánh liếp bịt nửa gian cầu lại. Nhà bà Đồi đã phải rở bán để ăn chạy đói gần hết, chỉ còn một chái. Mẹ con chị Hai ngồi hàng và ăn ngủ ngay ở cầu. Đôi khi khang trang nhất hàng có nải chuối và cái mẹt độ chục

chiếc bánh ngô đổ ra khuôn bát mỏng như cái lưới mèo. Rồi thì, lại những món ăn quen của mùa đói kém: nộm củ chuối, cá mừ nấu muối, đu đủ xanh, một chồng bánh khô dầu. Tuy vậy, nhà hàng cũng trữ một vò rượu ngang cất trong nhà. Buổi chiều ngày phiên chợ lụa - chẳng nhà nào còn một khung cửa - nhưng người ta vẫn quen lệ, đến chiều phiên, không hiểu vì sao đói chết lẫn ra bao nhiêu thợ cửa thợ trai trẻ thế mà có mấy cụ khom vẫn sống sót, lại lần ra mua ngum rượu, rồi ngất ngưỡng ngồi hàng buổi, tưởng nhớ những chuyện về khi hàng đất, chiều tà tà này đầu làng âm ỉ trong quán thịt chó, hàng nước chè tươi và hơi rượu sực nức tỏa theo tiếng cười nói râm ran.

Chưa lần nào Lạp vào quán chị Hai. Một lần, chị Hai gọi Lạp, hỏi:

– Anh Trung về chưa?

Lạp sững sốt. Nhưng, nhớ ra chị Hai vừa đi giao thông mang “hàng” thì Lạp trả lời nước đôi:

– Lâu không thấy.

– Mình cần gặp tướng ấy hỏi một cái. Thấy về thì bảo ngay nhé.

Những lời lẽ ăn nói chót nhả, táo bạo. Lạp nghĩ: “Con mẹ này cho ở trại con gái làm binh vận thì khéo”.

Trung về. Mỗi lần Trung đi về, thế nào cũng có những cái mới, những sôi nổi công tác mới. Trung ghé tai Lạp khoe:

– Thăng Khiết chết rồi.

– Thế ra ông giời có mắt, ông giời cũng theo cách mạng! Nó chết thế nào?

– Đội Danh dự^[3] khử.

– À...

– Này cậu, cái nhà Hai Tâm ấy cũng góp một tay tiêu thăng Sở Khanh.

– Thảo nào! Nói tỉnh như không. Khá thật.

– Chính nó ở đội Danh dự, vợ con mật thám cũng giác ngộ. Thăng Nhật hết người rồi.

Trung kể việc Khiết chết. Các sở, ty mật thám, đảo chính rồi, Tây mất ngôi, giao chó săn lại cho hiến binh Nhật. Những mật thám Sinh, Cai Long ở Hà Nội, những Đình, Phong già ở Nam Định đều

được Nhật cho lên chức to. Khiết càng quan trọng, lại ung dung bất lưỡng, quần áo Nhật ka ki vàng, thuốc lá thơm phì phèo. Cơ sở cứu quốc trong cái ngõ đầu ô cổng tỉnh đã giác ngộ được chị Hai. Ai cũng hiểu nghịch cảnh của chị Hai, chẳng qua chị trót dại, đành liều. Khiết đặt mỗi nơi mỗi vợ. Thường nói ra miệng: “ Tao có trong tay sáu con nàng hầu ở sáu tỉnh. Đứa nào tử tế thì ông cho tiền, đứa nào hư, chim gai thì ông đánh”. Khiết đã mấy lần bệnh tim la, chẳng thể có con, nên Khiết cáu, lại càng hay đánh vợ.

Trước kia, chị Hai cũng không để ý công việc Khiết. Khi bước chân theo Khiết, tưởng nhà nó làm ba khung cửa, đến lúc biết bị lừa, chị Hai cũng đành nhắm mắt. Người đàn bà hay sẵn sàng chịu một bề, chị nghĩ cảm bằng đời mình đã trót vớ phải cái đứa đốn mả. Từ đảo chính Nhật, Khiết đi biệt hàng tháng, khi về nhà lại kéo theo một lũ đến đánh bạc, uống rượu ầm xóm. Chính bọn họ đã kháo với nhau: Khiết sắp quắp được con gái ông Hai Cua^[4] chủ sòng bạc - “xừ Khiết bây giờ dựa Nhật quyền thế ghê lắm”.

Chị em biết tình cảnh Hai Tâm, đến lân la chuyện, rồi đọc sách báo cho nghe. Hai Tâm đã hiểu chỉ có cách mạng mới đem đến sự thay đổi. Cách mạng mới cõng cho người ta mọi cái đau đớn. Chị Hai như người đau mắt, vừa cất quang được màng mòng.

Trung nói:

– Đến khi trên quyết định cho địa phương tiêu thằng Khiết, chị Hai đã thành một tay đắc lực. Bây giờ, trên cho chị ấy về làng giúp chúng ta. May, ta đương cần. Phong trào phụ nữ còn ọp ẹp lắm. Mai cậu ra thảo luận với chị ấy rồi đưa sang sinh hoạt với tổ phụ nữ thôn dưới.

Lạ nghĩ về những cái khác ở Hai Tâm. Có người ở ngay bên cạnh, hàng ngày không để ý, nay khác trước, nhiều khi ta ngạc nhiên. Lạ không thấy ngại chị Hai như cái đêm nằm ngủ ngoài đồng nghĩ thế nữa.

Trung bảo:

– Chúng ta chuẩn bị họp Việt Minh tổng. Có nhiều nghị quyết quan trọng, tình hình biến chuyển mau lắm. Vùng ta phải quét sạch chó thì mới đỡ lo. Xem có những mặt nào.

Đã nhiều lần bàn khi điếm đến “những mặt nào” thì các tổ đều nói như nhau: Chúc, lý Dĩ, cai Giắt. Rồi cũng nhiều lần cân nhắc về từng trường hợp ba người ấy.

Lý trưởng Dĩ thì chỉ làm ác thôi. Lão ta có tội giết người. Nhưng là cuống quá, lão tra sỏ phun văng mạng ra ông nhiều An trùng tên, chứ không phải lão đem nộp Việt Minh cho hiến binh Nhật - như người ta đồn. Và cái tội của lão ta xưa nay hay bắt nạt những kẻ thân cô thế cô và dân ngụ cư. Cái ngày ta phòng thuế, lão phải bán một cái vườn tre để nộp đây vào đấy. Những chức dịch đất công nghệ chỉ quy lụy đồng tiền và là đầy tớ nhà giàu, không hét ra lửa như chánh, lý các nơi thuần quê, xa phủ xa tỉnh. Như người ta thường nói là người có cửa mua chân lý hào, mua hương, mua nhiều khối phu phen tạp dịch ung dung sướng bằng vạ những thầy lý, ông chánh cả đời đem đầu cúi luôn cửa quan. Hồi này, từ khi làm nhiều An chết oan lý Dĩ sợ lắm, cả ngày không dám ra ngõ. Cái hạng chánh, lý như lý Dĩ chỉ ném cho một cái truyền đơn đã rúm khoeo, không biết có nên thủ tiêu không.

Còn cai Giắt? Người bảo làm phản, người nói đã thành mặt thám, không biết thật thế nào. Cũng không ai rõ đích xác hay chỉ bởi bác mất tinh thần, bác xấu hổ, bác sợ việc mà không liên lạc với ai nữa. Lần cuối cùng cai Giắt đến họp tổ, ấy là hồi sắp đói tràn lan, mỗi khi vào được nhà gọi cai Giắt, là một khó khăn. Mụ vợ thần nanh đỏ mở lại chửi bóng gió. Có cuộc họp liên xã của phụ nữ, tổ tự vệ cắt cai Giắt canh gác. Bác ta vùng vằng: “Ở nhà ông làm mê lên không hết việc, hơi sức đâu mà ra gác cho giai gái chúng mày chim chuột nhau”. Thế là cai Giắt bỏ về, từ ấy gọi cũng không đi nữa. Rồi đó, rồi tan tác. Nhà cai Giắt phải bán dần mòn, mặc dù bác ấy xoay xỏa đủ vành. Khi đi quầy hàng thuê, khi thì lên tỉnh kéo xe. Người quen gặp, bác tránh mặt. Không hiểu vì làm điều gì khuất tất hay xấu hổ vì đeo cái đèn kéo xe thu lu đằng đít?

Nhà bác cai có hai vợ chồng và bốn con bé. Cả nhà đói. Chỉ mỗi đứa con trai nhỏ được no. Bố mẹ gầy nhom, ba chị gái những đôi mắt trong leo lẻo đếm được từng cái xương sườn. Cả nhà ăn cám, không đứa nào dám động đến nắm cơm để phần “chú”. Người trong nhà cốt sống để thấy thằng bé con trai bụ bẫm. Nhưng chẳng may, trời trở gió, cu bé sốt, đi ỉa rồi chết.

Bác cai Giắt là người chỉ biết vui không biết buồn, thế mà nằm liệt nửa tháng, không nói một câu. Khi trở dậy, bác lại giắt cái đèn sau đít quần, lên tỉnh kéo xe. Tỉnh thoảng lắm mới tạt về làng, đem cho vợ và ba đứa con gái một mẻ cám, một mẻ ngô - tùy từng khi. Bác gầy rộc không nói, mặt đen như cơn mưa.

Có người bảo trông thấy cai Giắt đội cái mũ một mẫu của lính Nhật, tay cầm chiếc côn gỗ, như những người Cao Ly trong đám lính Nhật, toàn cầm côn dắt ngựa, không được cầm súng. Thế thì mũ ấy côn ấy đi ăn mày hay đi lính Nhật? Không biết. Dù sao cũng phân vân, nhiều cái chưa rõ nhưng cái nào thì cũng chỉ những ai oán mà thôi. Không nữa.

Lạ hỏi Trung:

– Còn thằng Chúc?

– Đã báo cáo lên tất cả, đợi ý kiến trên. Làm thế nào sửa nó cho gọn như vùng trong tỉnh đã thịnh thặng Khiết. Trách nhiệm cả ở cậu đấy.

Lạ ngàn ngừ.

– Hỏi trên có lâu không, Trung?

– Nếu phải quét dọn sạch sẽ ngay thì chắc không lâu. Cậu thấy thế nào?

Lạ đáp:

– Không.

Nhưng Trung đoán Lạp có vẻ ngại.

Tình hình chuyển biến, mỗi lần các tổ hợp đọc báo Cứu quốc, báo Cờ giải phóng, ai cũng bồn chồn. Tin tức các chiến khu, các nơi rầm rộ. Tỉnh Nguyễn Thái Học tuần hành thị uy võ trang vừa đi vừa ca hát cách mạng, tỉnh Tấn Thuật mít tinh tịch thu đồng triện sổ sách của lý trưởng và các chức dịch, Lý Thường Kiệt và Ngô Quyền^[5] phá kho thóc; ở Bắc Giang, Việt Minh đã đánh chiếm huyện lỵ, bắt tri huyện, thu súng ống, giải thích cho anh em binh lính rời tha. Trận hạ đồn trên núi Tam Đảo vẫn trông thấy đây kia đã diệt hết quân Nhật cứu được một số người Pháp ở Hà Nội bị Nhật đem lên giam trên ấy. Cao, Bắc, Lạng và Thái, Hà, Tuyên sáu tỉnh đường ngược đã thành khu giải phóng, bầu ra các ủy ban nhân dân cách mạng.

Ở trạm liên lạc, hàng đi qua, mỗi lần mỗi nhiều, người lấy giao thông ban ngày đưa ra bờ sông ngược lên chiến khu nhận nhíp hơn hẳn trước. Các bộ phận cơ quan của Tỉnh, của Xứ dần dần từ các vùng trong chuyển ra áp gần các thị trấn, ở những chỗ đông đúc, trà trộn người qua lại. Một cơ quan “ấn”^[6] về, chuyển đồ đạc vừa tải đến. Quầy xuống làng dưới hai bờ những đá, những ống lẩn, hộp mực, giấy in.

Ở trạm đón một chuyến đồ nữa của cơ quan “ấn”, nhận xong, rồi Lạp mới đi. Từ chiều, một cơn mưa lớn ập đến. Nhà cửa, cây cối, cánh đồng cuốn vào trận dông xoáy giựt lên, rồi thì mưa như ném nước xuống và tối liền ngay lúc ấy. Nhưng, ngủ được một giấc thì tạnh mưa. Và những khi cuối hè sang thu, trời đất hay đột nhiên. Từ cuối xa kia chuyển đến từng mảng trời sao le lói sáng rợn dần dần tràn ra khắp, đuổi những tầng mây cuối cùng bay thấp là là rạt về phía tây. Thế là trời trở lại một đêm mùa hè sáng sao, bất cứ bình yên hay loạn lạc, no hay đói thế nào, bao giờ mặt đất cũng ngậy ngát dậy lên mùi hoa thiên lý, hoa mộc, hoa sói tỏa ra ở các bờ rào, các đầu vườn, càng khuya càng ngào ngạt lan xa.

Từ giữa cánh đồng hiện ra một đám người đi vào cuối xóm. Đây là những tự vệ làng dưới chuyển đồ đạc cho cơ quan ấn về trạm.

Họ đã đi từ lúc mưa sang lúc tạnh rồi đến khi trời đầy sao. Không gặp một ai. Không bóng một người tuần. Tuần đình, bảo an làng này, nhiều người đã vào Việt Minh. Anh nào sợ, tối tối phải đi tuần chỉ lên ngủ trên chòi gác rồi rút thang không ai trèo được. Có anh nhát quá, nằm ngay trong nhà, treo cái tù và lên đầu giường chốc chốc lấy xuống, thổi một hồi. Từ đã lâu, chẳng một ông trương, ông khán, chẳng có ông phó lý nào đương đêm đi đốc tuần nữa.

Đám người ấy vào đến tận trong sân, mà trước mặt vẫn tối om như cái gò đất.

Trung đã quen bóng, chạy ra.

– Sốt ruột quá. Sao chậm thế?

– Trời mưa khó đi. Lắm lúc ếch kêu như người quát trước mặt, phải đứng lại nghe.

– Có ai về không?

– Không, chỉ có hàng.

– Cho đỡ xuống thôi.

Hàng là mấy cái bồ con con, vừa bỏ vào trong nhà đã xong. Đám người không ai trông thấy mặt ai, lại đi ngay. Công tác nhiều, họ đi việc khác, cả đêm. Bóng người lại lẫn vào tiếng ếch nhái uôm oạp ven bờ ao.

Trong nhà tối, chỉ còn có Trung và Lạp. Hai người im lặng dọn những cái bồ gọn vào góc nhà. Xong đâu đấy, Trung nói:

– Ta cũng sắp đi thôi, kéo giăng lên. Trên đã trả lời tổng, cho thị thành chó Chúc. Địa phương sẽ làm lấy.

Trung đã bàn nát đất với Lạp và từ hôm qua, lo liệu, sắp sẵn.

Chúc nghiện rượu, nhưng ít uống ở nhà. Chúc hay uống rượu vụng, giầu vợ. Chúc thường vào quán, uống buổi sáng, nhưng không nhất thiết vào hàng nào. Chúc không muốn ai biết mình uống rượu ngử - đương lúc đói kém, tiền đâu mà rượu luôn. Vả chẳng, la cà chỗ nọ chỗ kia, cũng là thói quen của Chúc. Từ khi Hai Tâm về mở quán, Chúc hay ra ngồi hàng chị vào những sáng phiên chợ.

Họ đã bàn với chị Hai, hạ thành Chúc ngay ở đấy. Chị Hai chỉ cười, gật đầu.

Tối nay Lạp ra hàng chị Hai trước.

Lạp hỏi lại Trung:

– Có gì khác không?

– Không. Cứ như ta đã bàn.

Đã mấy lần nói lại rồi mà còn hỏi có gì khác không. Sao Lạp phải hỏi thế? Im lặng. Tiếng ếch ương gào ngoài bờ ao đưa vào vánh tai. Trung đã đoán đúng. Càng dịch đến phút cuối, Lạp không nói ra, nhưng Lạp ngại. Mấy lần ngay lúc Trung nói về nhiệm vụ, Lạp tưởng có thể cầm con dao đâm suốt ngực thành Việt gian, thế mà sau lại nghĩ lại, Lạp có thể đánh Chúc - có thể nện cho nó ốm đòn, đâm vỡ cái kính cho chảy máu mắt nó, bẻ gãy tay nó. Nhưng bây giờ, cách mạng không cho thành Chúc ở trên đời này nữa. Không, Lạp không xót thành Chúc, Lạp còn thù nó là đảng khác. Nó đã đem thân làm chó thì nó phải chết, chết như con chó. Nhưng chính tay Lạp sẽ khử nó thì Lạp phân vân.

Trung thấy phải nói lại, nói thêm với Lạp:

– Ta cứ nên bàn kỹ nữa. Đây là nhiệm vụ to nhất của chúng ta. Ta kể là to, bởi vì ta chưa làm thế, chứ bọn đế quốc Tây Nhật thì từ xưa tới nay nó đã giết đồng chí, đồng bào ta biết bao nhiêu mà kể. Đây ta mới trừ được có cái tay sai, chưa mùi gì. Lạp có sốt ruột không, nếu lệnh khởi nghĩa ra một cái, chúng mình đều cầm súng xông lên bắn phát xít Nhật và chó săn. Vậy có cơ hội thế này, được quen với chạm trán kẻ thù.

Rồi Trung vỗ vai Lạp:

– Này cái nhà Hai Tâm mà ghê nhé. Một tay nó tiêu thằng Khiết đấy.

– Á!

– Mẹ ấy bóp dái, thằng kia chết thảng cẳng. Một đồng chí khác bổ cho nó một nhát búa vào giữa trán.

– Gớm chưa!

– Trùm tởm rớt kít cũng bị vô sản thế giới cho một búa vỡ sọ như thế. Thủ tiêu có kiểu cả đấy.

– Khá thật.

Tiếng ễnh ương sau cơn mưa lại dội lên, vang vang bên tai. Lạp không buồn ngủi thoảng lại hình ảnh Chúc hay mặc cái xà roỏng sặc sỡ. Mà Lạp đương nghĩ theo câu Trung nói, ghê cho cái nhà chị Hai gan liền. Đột nhiên, Lạp nhớ rất rõ lại một lần trước hôm mít tinh chợ Cầu, hồi ấy Ba còn sống, Lạp với Ba đi trong làng, nghe tình hình, giữa đám rượu ở quán, Chúc cà nhau lồi khiêu khích với hai người, Lạp đã đe “mày là thằng tởm rớt kít, ông đánh vỡ sọ mày”.

Vừa hay, Trung chợt hỏi:

– Có phải cậu đã dọa đánh vỡ đầu thằng Chúc? Chắc bây giờ cậu nhớ chuyện anh Bân kể ngày trước vô sản thế giới đã đánh búa chết tởm rớt kít chứ gì.

Lạp đáp:

– Phải đấy.

Nói xong, Lạp thấy hăng hái có thể choảng Chúc một búa ngon như thế.

Trung thì thào:

– Tớ đem cái “tỏi gà” về đây này.

Trung đặt vào tay Lạp khẩu súng lục cỡ 6,35 hiệu Bờ rô ninh [7]. Khẩu súng bé xinh, đen nhánh như một hòn đá ném chó, lạnh mát trong lòng bàn tay Lạp. Một lần ở chợ Cầu, Lạp trông thấy một chị cán bộ lên diễn thuyết giắt thắt lưng một cái súng lục bé bóng nhoáng thế này. Mỗi lần chị ấy giơ tay, mới thoáng thấy trong sườn áo.

Lạp thích ngay từ bấy, cách mạng ta đã có súng, ước gì có thể xem một cái. Bây giờ được cầm thật, Lạp cảm động, hấp tấp hỏi:

– Có súng này kia à?

Trung nói:

– Đưa cho đảng ấy ngắm thôi. Xứ thằng này cũng chưa cần đến súng, phí. Đạn để cho thằng Nhật ăn hơn. Lúc cậu vật nó xuống, mình cho nó chén cái này.

Lạp lại mó vào thời sắt Trung vừa giơ ra. Thỏi sắt bù loong, có cái đinh ốc vấu ra như đầu búa. Lạp nói:

– Cái này chắc lắm.

Trung có cảm tưởng Lạp đã khác lúc nãy.

Hai người đi thẳng lối cổng làng. Nhưng, tránh điểm canh, họ vòng ra sau đình, xuống cầu hàng Hai Tâm.

Ba tiếng gõ khế vào phen nửa. Ngay lúc ấy, tiếng chị Hai ló ra, như vẫn đợi sẵn trong cửa:

– Các anh à...

Trung nắm tay Lạp, nắm chặt, như hai người từ biệt nhau, như sắp đi xa. Lạp lách vào cái phen vừa mở hé. Trung quay ra.

Trăng đã lên đến lưng cây đa. Tiếng ếch nhái trong các bờ ao lúc nãy sau mưa còn uôm oạp, giờ đã dịu dần, rồi tan mát vào bầu trời trong vắt. Sáng trăng lóng lánh trên những tùm lá nhẵn đẫm nước mưa. Trên đầu hồi cầu, chỗ ở của chị Hai ngăn với nơi bán hàng một cái phen liếp, có một vũng trăng sáng lọt vào đọng lại.

Mắt Lạp đã quen với bóng tối lờ mờ, một khoảng choen hoèn bằng hai sải tay, đằng kia là gác bếp, đằng này có mấy thanh tre bắc ngang mặt đất, chỗ chị Hai ngủ.

Thằng Tâm còn thức, ngồi chồm hõm. Nó nắm tay Lạp kéo ngồi xuống. Như đã hẹn từ trước, không ai nói. Bởi vì cái quán ở ngay

bên đường cái. Lạ ngồi tựa cột, cạnh Tâm. Chị Hai ra nằm ở cái phen gian ngoài. Chị Hai trở vào, dú tay Lạ một gói hai cái bánh ngô. Lạ ngược lên, thấy trong bóng tối lẫn lộn ánh trăng hai con mắt long lanh. Tự dưng, Lạ thấy lo ngại, phấp phồng. Thằng Tâm ngồi cạnh, đưa cả chiếc bánh ngô vào miệng anh. Rồi Lạ nằm xuống, bên thằng Tâm, trên những cái dòng tre lủng củng. Trời khuya êm, man mát. Nhưng, trong nhà lúc bấy giờ dường như im lặng một cách bức bối, gượng gạo. Lạ cố nhắm mắt, không nghĩ. Chỉ có thằng Tâm đã ngáy ngon lành, một chân gác lên bụng Lạ.

Bỗng Lạ tròn trợn. Lạ thấy một bóng người. Không ngạc nhiên, Lạ hé mắt nhìn chị Hai. Điều nghi ngại quả nhiên đương chập chờn vào.

Chị Hai đến trước chỗ Lạ nằm thì ngồi xuống. Chị ngồi lâu lắm. Lạ trông lên không rõ chị ngồi quay ra hay quay vào, chỉ thấy hình vòng hai cái vai, thì Lạ đoán chị ấy cời trần. Lạ sợ thêm. Lạ rờn rợn nhớ lại ngày trước, sáng trăng như thế này, những đêm dẹt cửi đầu hôm khuya, chị xuống ao tắm xong lên vẫn cời trần đứng quạt trước sân, bên bụi hoa đơn. Chưa bao giờ Lạ để ý chị Hai, dù Lạ biết hồi Lạ dẹt cửi nhà chị ấy, chỉ ới một tiếng cũng ăn thua. Nhưng Lạ không ới. Người ta phải lòng nhau không vì dễ hay vì khó. Khi bé, bà mẹ thủy chung một đời của Lạ hay kể những chuyện xấu về đám gái góa, đám lộn chồng, Lạ sinh ghét từ đấy những người như chị Hai.

Cái bóng trước mặt dần dần áp lại. Hơi ẩm nồng trùm lên bóng tối mát dịu lúc này. Trước mắt Lạ chỉ còn đọng lại một màu đen sẫm. Chị Hai dần dà sát đến tận nơi. Chị lại ngồi như thế lâu lắm, lâu lắm. Rồi chị cúi xuống, Lạ nhắm mắt lại. Nhưng Lạ vẫn thấy rõ làn môi, hơi thở cái miệng nóng rực hơ là là trên cổ, trên mặt và suốt cánh tay, bàn tay - hơ đến đâu, người Lạ dợn đến đấy - rồi lại lơ lửng bay xa đi. Lạ lé mắt. Thế mà vẫn ngủ được, người đâu mà ngủ như chết. Hai Tâm trở ra.

Lát sau, chị Hai lại vào. Lạ cựa mình, nằm sấp, úp mặt xuống. Chị Hai ngồi áp vào Lạ, hai ống chân ngay bên cánh tay Lạ. Hơi thở chị Hai bồi hồi trên gáy Lạ. Lạ ứa nước mắt nhớ lại cái đêm ngủ với Nhàn, đau quặn trong lòng. Chị Hai vẫn cúi xuống, rà rà mặt trên gáy, trên lưng Lạ, như con rắn hổ mang ủ con mèo cái, trong

khi những thương, những xót người đã chết, người đã ra ma, cái lúc ăn nằm với nhau ấy cũng đã là những con ma, tất cả cứ rộn rục trong lòng Lạp. Lạp nhẹ nhẹ thở, thở, bấy giờ mới biết đã nhin hơi lâu, đến nỗi đầu óc như sồn đứng cả lên.

Không biết đến bao lần chị Hai đi vào, đi ra. Lạp căng óc không thể chớp mắt. Có lúc Lạp muốn tối mãi thế này để được vờ ngủ... Có lúc Lạp lại mong sáng ngay. Rồi trời dần dần sáng thật. Buổi sáng ở trong làng, vắng lặng. Vách ngoài, tiếng lược thưa Hai Tâm chải tóc se se, vẫn nghe rào rào. Ánh sáng mát rợi luôn qua khe vách. Lạp ngồi dậy, hai vai nhẹ như vừa trút được cơn mê hoảng vật vã suốt đêm.

Thằng Tâm cũng đã thức. Trông thấy Lạp, Tâm ngẩng mặt, toan nói một câu gì. Sau chợt nhớ các anh đã dặn im lặng. Tâm chỉ nháy mắt, cười. Chị Hai vào áp môi vào tai Lạp, thì thầm:

– Ngồi dịch sang góc bếp cho khuất. Đừng thò cổ ra thế, ai trông thấy thì chết.

Rồi quay sang bảo con:

– Mà ra ngoài kia.

Lạp nhìn chị Hai tươi tắn tự nhiên giữa mái tóc đen ánh, dài thướt gót. Dường như trong con mắt người đàn bà phong tình có đôi chút đùa giỡn và trách móc, tinh ý có thể rõ cái vẻ nũng nịu đêm qua.

Sáng nay, hàng chị Hai kéo hé có nửa phen cửa. Chị ngồi trong, gỡ tóc, trả lời những người đi qua hỏi mua nộm củ chuối, mua cám: “Tiệt cả rồi, mai mới có”. Những người đói tìm ăn lại lờ rờ đi lên chợ xám ngắt, lũ lược.

Hôm trước, Trung đã giao cho Tâm nhiệm vụ sáng nay đứng bên vách nhòm ra hai phía đường, xem tình hình.

Trung bảo Tâm: “Thằng Chúc làm mật thám ta phải rình nó. Em giúp các anh một tay”. Thì Tâm làm ngay. Cũng không hiểu những việc thế nào sẽ xảy đến. Tâm chỉ thích các anh, Tâm làm. Và lại, Tâm cũng sẵn ghét Chúc, từ cái năm làng diễn kịch thổ công Chúc đến trêu mẹ, Tâm đã túm áo đấm Chúc. Thế mà tận giờ, trông thấy mặt Chúc, thằng Tâm còn tức.

Tâm hốt hải nói lại sau lưng: “Nó ra đấy”. Chị Hai ngừng lược chải đầu, đứng nhìn lên. Chúc đương đi, lưng thưng rồi dừng lại, hỏi

trống không qua liếp:

- Chưa dọn hàng à?
- Chẳng dọn.
- Còn món ta đây chứ?
- Còn.
- Để lên chợ mua bìa đậu cái đã.

Chị Hai mở thêm cái phen, nói:

- Có lạc rang đấy. Lạc rang nhắm rượu đậm bằng mấy đậu phụ.
- Lạc rang à?
- Cả hũ cũng có.
- Muốn cả người có không? Sao không mở cửa?
- Tiệt hàng rồi, mở lại mất công mở công đóng.
- Thế thì này này thằng cu nhớn, ra đóng hẳn cửa lại, tao cho mày một xu, lên chợ ăn bát nộm chuối.

Chúc ngồi xuống cái bệ đất lót mảnh tre làm ghé trước chiếc bàn nan tre bày hàng. Chị Hai bê vò rượu và chai đựng lạc ra đặt trước mặt Chúc, với cái bát rót rượu.

- Đây, uống thế nào thì cứ tự nhiên.

Tiếng rượu rót xuống bát chảy tong tong. Ở cửa trong, Tâm ngồi chẽ tằm lặng lẽ. Chúc bảo thế, nhưng Tâm không đi, bởi lão ta cũng không đưa Tâm đồng nào. Chị Hai đứng dịch lại phía liếp, nhìn ra ngoài, hai tay giơ lên bới đường ngôi rồi ngật đầu lắc mớ tóc đen nhánh chảy tỏa xuống hai bên vai. Bàn tay vuốt tuột xuống đuôi tóc rồi vắt lên, quán thoát thành búi giữa đỉnh đầu. Vừa quán, lắc thử lại búi tóc, chị Hai vừa liếc nhìn Chúc tợp ngậm rượu rồi thở khà. Chị Hai thít chặt thêm tóc lại. Chúc ngược mắt kính cận nhấp nhem nhìn hai cánh tay trần của người đàn bà giơ lên quán búi tóc, khiến cái ngực yếm chồi ưỡn ra đằng trước.

Chúc cười, hỏi:

- Tôi trách nhà Hai câu này nhé. Sao chẳng chít cho thằng chồng mảnh khảnh đẹp. Nhà cứ nhờn nhờn như con gái mười tám ấy thì nó nằm dưới đất nó nhắm mắt thế nào được?

– Anh này về làng cọc trán rồi mà không thuộc lệ làng? Tôi rồ rá cạp lại mà họ hàng không được miếng giàu, làng không được một hòn gạch cheo. Tôi chít khăn trắng bây giờ, người ta sẽ lôi tôi ra gọt gáy bôi vôi, hỏi tội ngũ với ai, bây giờ anh có phá được lệ làng cứu tôi không?

– Bây giờ nước Việt Nam khác cái An Nam hủ lậu rồi.

– Anh Chúc này, bảo độc lập độc lẻo thế nào mà vẫn chết đói tợn thế.

– Chuyện! Những đứa ngay xương muốn ăn không muốn làm thì thời nào chẳng chết đói.

– Bố con ông Trương Ba cả đời làm bán xác đấy à? Có anh lười vãi thây thì có!

– Bậy nào! Bố con Trương Ba? Chúng nó làm gì đâu! Chỉ độc đi làm Việt Minh, mà làm Việt Minh thì chết đói phải quá.

– Việt Minh cứu quốc mà bảo người ta chết đói phải quá là thế nào?

– Làng này lắm thằng dại. Nó về sục chuyén nữa thì khối thằng mắt đầu như lão nhiều An. Đếm xoàng ra cũng trông thấy mười cái đầu đáng đem treo cây gạo chợ Cầu. Nhà mày nữa, ai mớm cho mà ăn nói ra giọng thế?

– Anh nghi tôi là Việt Minh à?

– Nhà mày là Việt Minh thì nhà mày chết chứ tội gì tao phải nghi!

Chúc vẫn đứng đĩnh, khà khà uống. Mấy lần, chị Hai giơ tay quần lại búi tóc vẫn chặt mà chị tưởng nó sắp xổ xuống vướng mắt. Nghe cái giọng Chúc nói hết thẳng mật thám Khiết, chị phải dẫn lòng lắm, mới tự nhiên được.

Trong buồng, Lạp tức sôi lên, phải bấm chân xuống bếp tro, hai tay co lại. Lần đầu tiên Lạp nghe mật thám chửi Việt Minh và đếm những cái đầu người. Bao nhiêu ý nghĩ loáng thoáng về họ hàng, về cảm tình ngày Chúc mới về với những hy vọng còn đặt vào nó đã tan từ lâu, rất lâu. Chỉ còn một cách cho nó phải đền mạng.

Tiếng Chúc cất lên khê nằng nặc.

– Tớ thế mà hóa ra may, nhà Hai ạ.

– May làm sao?

– Cái ngày thằng Khiết nó cướp được nhà ấy mà, nếu bây giờ tớ tranh được nhà ấy thì chắc đã xuống suối vàng rồi. Nhà Hai cao số quá, khỏe quá. Hai cái gò má nhô ra những thế kia mà. Cho nên hai ông cưới mới ngã ngựa cả. Có lẽ hóa tam ba bận, phải đến ông thứ ba mới xong. Bây giờ tôi đăng tên làm ông quan ba, liệu có chu không? Thật đấy, ái tình tự do không bao giờ cò kè mặc cả, từ ngày ấy tôi vẫn thềm nhà ấy, có biết không. Ngày ấy tôi quần quá, nói sai thì ngọn đèn tắt tôi chết, tôi đã mê em. À đây nhé, vẫn cái sẹo suốt đời kỷ niệm trên trán, đêm hát chèo diễn kịch tôi đóng ông giáo ấy mà. Tại em đấy, đây này thử sờ tay vào mà xem đây này chung tình với đây này nhiều hay ít, ra đây sờ mà xem.

Lúc ấy thằng Tâm ghé ra liếp, vào nói:

– Chú Trung đến hàng nhà ta, u ạ.

Chúc đặt bát rượu, sừng sốt:

– Trung này? Thằng Trung tù xồng lẩn quất ở đây à?

– Phải, anh Trung làng ta.

Rồi chị Hai nửa đùa nửa thật:

– Các anh đừng có sinh sự đánh nhau vỡ hàng tôi ra nhé. Đây bảo thực, biết điều thì tôi cho anh tránh mặt vào trong nhà, xem cái anh Trung này hỏi gì, xong người ta đi thì lại ra mà gặt gù tán tỉnh.

Quả tình, Chúc cũng ngại chạm trán với Trung, mà xem ra còn vì câu chuyện tán tỉnh của Chúc đương có chiều cần câu. Thế là cần câu rồi. Nghe chị Hai nói gãi vào chỗ ngứa, Chúc cầm bát rượu đương uống dở với lọ lạc, lui vào gian trong. Vẫn còn ngoái cổ lại, nhìn chị Hai một lần thêm.

Chúc vừa quay đầu vào thì Lạp, như một con trâu chọi đương điên máu, nhảy lên bóp cổ Chúc. Bát rượu văng vào bóng tối, vỡ cạch một tiếng, giữa tiếng người ngã huých như cây chui đổ. Chị Hai xộc vào, nháy phát lên người Chúc. Một tiếng thở “hộc” ngắn, khô khốc, như con lợn sặc nước. Hai chân Chúc nguôi ra ngay đơ.

Trung rút thanh bù loong, cúi xuống. Trên mặt đất ẩm tối, hiện lên hai con mắt Chúc trợn trắng nhờ như nước vo gạo. Không biết Chúc còn sống hay chết, Trung nắm tóc, giơ thẳng cánh, nện hai thanh sắt vào giữa trán.

Chỉ một thoáng, xác Chúc đã vùi dưới đồng tro trong bếp. Tâm ngồi canh ngoài, mở cửa cho Lạp đi trước. Rồi Trung ra sau, đặt một bàn tay lên đầu Tâm, bảo Tâm: “Các anh đã thủ tiêu thằng Việt gian. Em phải bí mật nhé”. Cũng như lúc đêm qua, Lạp tới, Tâm chỉ cười - Tâm thích cả Lạp và Trung.

Hôm ấy trời nắng to. Mẹ con chị Hai ở nhà cả ngày, nhưng chỉ ngồi ngoài cửa. Có lúc chị Hai ra ao tắm giặt, về phơi quần áo ngoài bờ rào. Chị gội đầu nước bồ kết với lá sả. Tóc chị tốt dày, lâu khô, chốc lại bưng ra bãi cỏ gốc đa, mùa sả thơm quay tóc vun vút.

Chập tối, Lạp và Trung khiêng một bọc hàng ra bờ sông Cái. Nhưng bọc hàng không đem sang sông mà đến quãng bờ lở, có nước xoáy sâu dưới dòng, lẳng xuống.

Nửa đêm, trăng lên cao, người đi nổi bóng trên cánh đồng thì Trung và Lạp đã về đến bờ ao, mặt nước lóng ánh trăng. Lạp bảo Trung:

– Tắm một cái.

Hai người lội ì òm dưới ao. Tắm xong, họ ra ngoài cầu xem thế nào. Liếp cửa nhà chị Hai buộc trái. Mẹ con chị Hai đã dọn về ngủ trong làng. Lạp bảo Trung:

– Mẹ con Hai Tâm sợ ma, cậu ạ.

Lạp quên ở cái nhà ấy đã làm cho chính Lạp một ngày một đêm qua có những lúc khiếp.

Trung nói:

– Phụ nữ được thế đã cừ quá rồi.

Câu nói tình cờ làm cho Lạp chạnh lòng. Lúc này Lạp rủ Trung xuống ao tắm, nói mình cũng dát, vì mình muốn tắm rửa hơi hương người chết.

Từ lúc tắm lên, Lạp gầy gầy, mệt rũ. Tưởng mà nằm xuống bây giờ chắc không đủ sức ngóc dậy được. Còn gì, suốt một đêm căng người vì chị Hai. Lại từ sáng tới giờ, bao nhiêu gân sức hạ thằng Chúc, khiêng thằng Chúc. Mấy tháng nay ròn rã, mấp mé chết đói. Hơi sức còn cõi chống chọi lúc nào cũng mon men quật Lạp xuống. Bao nhiêu người như Lạp, tưởng chết đến nơi, nhưng vẫn có một sức kích thích cố sống, cố làm, tưởng như nếu vượt nốt bước này

thì nhất định sẽ thay đổi, thay đổi hết. Tất cả tin tưởng và cái sống còn dồn vào.

Trung hỏi:

- Lạ đi được không?
- Làm gì?
- Xuống dưới làng.

Lạ biết Trung muốn xuống dọn nốt đồ đạc của cơ quan “án” và cũng đưa người của cơ quan ấy đi ngay đêm nay. Lạ đã lủ lảm. Nhưng Lạ vẫn gượng đứng lên, đầu váng, hai gối run, rập vào nhau.

Nhưng Lạ vẫn nói:

- Nào đi!

Đi đường, Trung bảo Lạ:

- Mai ta bàn nhau viết cái tin giết chó gửi báo Cứu quốc.
- Ủ nhỉ?
- Mà còn nhớ thằng Lê, thằng An hay viết bài đăng báo?

Lạ nhớ. Hồi đó, Trung và Lạ mới đương học đánh vần. Suốt đêm, ở nhà Ba, và sau này, vào vùng trong, hí hoáy trên cái bảng hội Ái hữu úp sấp xuống, hai đứa tập viết. Nghĩ lại, sự đổi khác trong lòng hây hẩy vui. Lạ cố bước được là vì sức sống ấy.

Lạ và Trung về nhà ông Trương, đã có hai người đến ngồi đợi. Trung và Lạ đi với họ, mỗi người bưng một hòn đá li tô. Bốn người lúi lũi tắt qua ruộng. Quá nửa đêm rồi, chỉ còn ánh trăng dưng dưng.

Xa xa trước mặt, sông Cái đương lên, càng khuya càng nghe nước âm âm như sấm. Bảy giờ vào một đêm đầu tháng Tám năm một nghìn chín trăm bốn mươi lăm.

[1] Tên tắt chỉ Xứ ủy Đảng bộ Bắc Kỳ của Đảng Cộng sản Đông Dương.

[2] Nhà ngục Hà Nội của Pháp xây tường đá nên cũng có tên là Nhà Đá.

[3] Đội Danh dự Việt Minh (có nơi gọi là đội ám sát, đội quyết tử) là những tổ chức tuyên truyền võ trang, lúc sắp khởi nghĩa, làm nhiệm vụ tiêu trừ Việt gian.

[4] Hai Cua là trùm gá bạc lậu ở Hà Nội hồi ấy, trong tay có lâu la hàng trăm.

[5] Bí danh các địa phương: Vĩnh Yên (Nguyễn Thái Học), Hưng Yên (Tán Thuật), Bắc Ninh (Lý Thường Kiệt), Sơn Tây (Ngô Quyền), Hà Nội (Hoàng Diệu).

[6] Cơ quan in sách báo bí mật.

[7] Browning, một kiểu súng lục nhãn hiệu nước Bỉ.

XIX

Tùng... tùng... tùng...

Tháng Tám, nước lụt, mà sông Cái lên to quá. Đứng trong các cánh đồng nhìn ra tựa hồ thấy nghìn vạn con ngựa phi nước đại trên nền trời xám ngòm mây đen vầy ốc lờm nhờm. Trống ngũ liên các làng thúc trống đi đê lẫn tiếng nước réo.

Tùng... tùng... tùng...

Từ trong xóm chạy ra cái điểm đầu làng Hạ một đám người tay thước, đinh ba, thiết lĩnh, quắm. Lạ đi trước tay xách kiếm dài, lưỡi cong sắc nhoáng. Đám người ra đến điểm canh đê thì đứng lại. Thằng Tâm vác chiếc gậy dài hơn người nó. Vừa chạy, Tâm vừa nói: “Các anh để đấy tôi! Để đấy tôi”. Rồi Tâm hai tay bê cái trống, nhảy tót lên bệ gạch trong điểm. Mấy người xúm lại đỡ, thằng Tâm mới khỏi bị cái trống vật ngã xuống đất.

– Trống đi, trống... Tù và nữa!

Tùng... tùng... tùng... Tu... u... tu tu tu...

Ngũ liên, tù và rung vang động khắp các xóm. Ai cũng giật mình, lắng tai về phía ấy. Đương mùa nước cả mà trống thúc với tù và như sôi lên thì chỉ có vỡ đê vỡ đường đến nơi. Thế là, tất cả nhón nhác ra điểm. Nhiều bà nạ dòng chưa kịp khoác yếm áo, vú vê lông thõng, cũng chạy. Chỉ có người đói là đứng đầy đường ngơ ngẩn nhìn, nghe xem có phải trống đi phá kho thóc không.

Ra đến nơi, ai cũng trông thấy từ trên đám rể đa bông xuống một cái cờ đỏ sao vàng. Giữa ngàn lá xanh thậm và tùm rể mốc meo, cờ đỏ quá, vàng quá, chói mắt, bay trong gió, trong tiếng trống tiếng tù và nguồn lên. Người đã đổ ra đông nghịt đường cái. Tiếng đồn có cờ đỏ treo cây đa càng làm người ta tuồn nữa ra.

Lạ đứng lên cổng điểm, nói to:

– Thừa đồng bào, tôi xin báo tin đồng bào rõ. Việt Minh đã khởi nghĩa đứng lên lật đổ tám mươi năm nô lệ và hai ách phát xít Pháp, Nhật. Cuộc huyết chiến với quân phát xít Nhật đã bắt đầu, phát xít Nhật đã phải hàng ta ở nhiều nơi!

Tiếng nhao nhao trong đám đông lửa tủa quắm, tay thước, gậy bầy giờ lên.

– Ai có giáo mác, dao gậy thì được nhập vào đội ngũ Việt Minh. Những ai chưa có thì về lấy. Mỗi người cần có một thứ để đánh giặc, cái gậy cũng được. Các đồng chí tự vệ chiến đấu! Tất cả theo tôi đi tịch thu đồng triện, giấy tờ sổ sách của đế quốc và bắt phản động về đây.

Chị Hai Tâm chạy lên. Hai Tâm chít khăn vuông mỏ quạ, đeo kính râm - hết chị cán bộ diễn thuyết ở chợ Cầu. Không biết Hai Tâm đã tảo đâu được cái thắt lưng da to bản của lính khố xanh, thít quanh bụng, xòe vạt áo lụa nâu ngấn trên hai ống quần xắn móng lợn gọn sát đầu gối. Hai Tâm giờ kiểng lên, đỏ gay mặt, quát to “Ai đi bắt phản động thì theo tôi!” Đông người xô theo chị Hai, xúm xít hơn cả đi với Lạp. Thằng cu Tâm vẫn khư khư cái gậy, chạy.

Họ kéo vào tất cả các nhà lý trưởng, phó lý, tiên chỉ, tộc biểu, chánh phó hương hội, hộ lại, chường bạ, khán thủ, trương phiên lục lợi, khiêng vác, đội ra sân đình từng gánh, từng thúng sổ sách. Tập Gia Long địa bạ dày cộp, những cuốn sổ thuế, những quyển lưu sinh tử giá thú, những sổ sách, giấy má, các sách Tứ dân văn uyển, Âu tây tư tưởng, chẳng biết từ bao đời nay trên phủ bán về chất chông la liệt ở nhà lý trưởng bên cạnh lão lý Dĩ bị trói giết cánh khuỷu, hai du kích dẫn ra đứng tây ngậy đậy, cùng với một rổ như rổ ốc, những hộp triện đồng triện gỗ tròn, méo, vuông, hình gối quạ của các loại chức việc trong làng. Bốn con mã tấu vừa thu được ở nhà khán thủ, mới trông thấy đậy, mà không biết ai đã nhặt đi rồi.

Một đám nữa kéo về, với chị Hai Tâm, vẫn cái kính râm bí hiểm, chị xách kiểng bước thoăn thoắt. Người reo: “Lại bắt được phản động nữa kia!” Trông ra thì thấy bác cai Giắt cao lênh khênh giữa đám. Bác cai Giắt, quần quần xà cạp nịt như lính khố xanh, lưng đeo cái gậy dài quàng thừng vào hai đầu như thể lính đeo súng. Lại như thể cai Giắt đến mít tinh cướp chính quyền, nhưng hai tay bác thì bị thừng trói ghệt lại. Mặt, mắt, râu ria trở ra, không hiểu sao.

Tiếng ngũ liên đổ hồi trong tiếng tù và. Người người càng tấp nập, tíu tít, cả làng đã ra cửa đình. Hình như, bắt đầu từ lúc ấy, trong thình không và trong người nhộn nhạo, rào rạt, nhấp nhồm, không ai ngồi trong nhà được.

Bỗng nhiên, người đứng mé ngoài nhao nhao chỉ trở ra cánh đồng. Có một con như con trâu hay con ngựa đương bồn tới. Lúc sau trông rõ ra là con ngựa, con ngựa nhẩy nghiêng ngã lao qua các bờ ruộng, lúc sau nữa thì lại nhận rõ đấy là con ngựa không có yên, không có người cưỡi. Những tiếng hỏi cất lên: Ngựa nào?

Có tiếng hét:

– Đích rồi, con ngựa xô ra ở trại Nhật bị Việt Minh đánh. Việt Minh đánh tan cả tỉnh rồi con ngựa sống về!

– Ngựa ở trại Nhật!

– Không phải, ngựa thẳng quan phủ. Ta đánh được phủ rồi!

– Đánh được phủ rồi!

Con ngựa càng phi tới gần thì trong con mắt mọi người làng Hạ càng trông thấy bốn phía chân trời đương hoa lên, rợp những cờ đỏ và súng ống, dao gậy, và đâu cũng những người là người.

– Bắt lấy con ngựa, bắt lấy!

Con ngựa sắp đến, đám người càng xông xáo. Rồi con ngựa đã lừng lững gần trước mặt. Không phải là một con ngựa giống Nhật to tướng mà bọn lính Nhật mọi khi vẫn dắt về buộc ở vườn nhãn ngoài chùa tránh bom, con ngựa này bé loắt choắt, bốn cái khoeo gầy ngoẹo như sắp gãy đôi. Ngựa gầy, lưng bọt lông từng đám trơ ra đỏ hồng. Nó chạy lờng lờng lên thế mà không biết cơ man ruồi nhặng vẫn đậu, vẫn bay vù vù theo.

Có thể đây là một con ngựa đã thái chỉ dùng để thờ thường thấy bọn tù binh Ảng Lê hốc hác cao lêu đêu dắt đi tải gạo theo sau lính. Đáng hẳn một tốp lính Nhật và tù binh Ảng Lê tải gạo vừa bị Việt Minh đem người đói ra đánh lấy gạo, chỉ còn có con ngựa sống được chẳng. Nhưng có một điều chắc chắn là con ngựa này chạy từ xa đến đây, gặp những chuyện khủng khiếp lắm. Hai tròng mắt nó trắng bọt như hòn sành. Mồ hôi rỏ tong tong dưới bụng, chảy bết từ bờm tới móng chân. Thấy đám đông trước mặt, ngựa ghéch mõm đứng lại. Rõ ràng con ngựa đương khát đến với con người chứ không sợ người. Nó mê man ngỡ đây cũng như trại lính lố nhố quanh nó. Lúc đó, ở trong sân đình đương ngùn ngụt lửa thiêu các giấy má, sổ sách, các văn tự, thần phả của làng chắt cao bằng cây rơm, tàn giấy bay đen ngòm. Con ngựa mệt mỏi càng hoáng mắt,

tường thật sự vừa đi tải về. Mấy người lính dắt ngựa đương đốt rơm hun muối và sắp lom khom bê từng chậu thóc ra cho ngựa ăn. Ngựa lử lả, đờ đẫn, bé tóp lại. Bốn chân run rẩy, mỗi bước, lại lú vào nhau.

Nhưng chẳng ai chú ý đánh giá cái mã con ngựa ốm, mà người ta đương mãi mừng cuồng lên. Con ngựa ở đâu lạc đến đã làm nhiều người thích quá, coi là một điềm gò ỉng cho việc tế cờ nghĩa. Địch thị con ngựa ấy vừa bị sa vào trận rồi sống được, địch thị con ngựa ấy đã phi nước đại qua biết bao nhiêu vùng gươm giáo, súng ống hung nhúc, mà đâu đâu người ta cũng quyết bắt lấy nó để lập công, có làm sao nó vẫn băng băng thoát tất cả, để phi về đến tận cái chỗ làng ta vừa mới kéo cờ hô quân này con ngựa mới chịu dừng lại hàng phục, nhất định phải có cái cơ linh ứng làm sao!

Đội tự vệ chiến đấu coi ngay đây là một trận đánh đầu tiên. Con ngựa của thằng Nhật, thằng phát xít Nhật, nhất quyết bắt sống con ngựa cho quân cách mạng. Bắt sống con ngựa! Đã nhón nháo lại nhón nháo hơn!

- Ngựa phát xít Nhật, các đồng chí bắt lấy!
- Nó đá cho thì bỏ mẹ!
- Ta có cách! Đã có cách!
- Vật bò thế nào thì vật ngựa cũng thế.
- Phang vào khoeo một tay thước cho nó kèn xuống rồi nhảy ra vô.

- Con ngựa chứ con ếch đâu mà vô!
- Chết chữa, nó lại sắp chạy mất kìa.
- Quạt chết nó đi, không để nó chạy mất, mất cái lộc.
- Đừng phang, đừng phang. Chết ngựa chỉ được ăn thịt chứ không được việc cách mạng. Phải bắt sống mới được.

Có người nói to:

- Chỉ có cai Giắt đã đi lính dắt ngựa mới bắt nổi nó.
- Phải rồi, cai Giắt. Cai Giắt đâu?
- Cởi trói cho lão ấy ra bắt con ngựa!
- Không được thả phản động!

Hai Tâm chạy đến quát lên, nhưng hàng chục người đã xúm lại cời trói cổ tay cai Giắt.

– Để cai Giắt ra bắt con ngựa phát xít!

– Cho lão “nhất bộ nhất bái” lập công chuộc tội.

Mấy trăm con người bỏ cả đám đốt tàn tích đế quốc chạy ra bồng im bật, hồi hộp dồn mắt vào bác cai Giắt đang bước về phía con ngựa vẫn đứng nghếch mõm, rồi dường như mỗi, lại buông mõm lúu xuống, rớt rãi chảy ròn ròn. Cai Giắt từ từ bước ra. Không ai được thấy bác Cai năm xưa đi đánh trận “Mạc Đình Kim” ở Ma Rốc thì tung hoành trên sa mạc châu Phi thế nào, chứ lúc ấy nhìn cái dáng khoan thai nhưng hai mắt chăm chăm như người đồ vật giơ tay múa lên đài sắp tiến vào keo vật, rất điềm nhiên, đĩnh đạc thì mọi người đều nín thở, dán mắt theo bác ta. Bác hơi chúm bắt chước đầu ngựa lắc lắc khi giận dữ, rồi bác lái giơ tay vẫy khe khẽ, tinh quái, thân thiết như ta vẫy đùa dỗ đưa trẻ đương đập bính. Hai con mắt u buồn của bác lâu nay nằm sâu trong hai hố mắt đối sâu hoắm, bây giờ tươi hẳn, ánh lên, sung sướng tựa lâu ngày mới gặp lại tri âm. Con ngựa đứng yên. Vẫn giơ hai tay đón, cai Giắt đằng hoàng, lặng lẽ đến xỏ ngón tay trở vào một bên lỗ mũi ngựa sùi đầy bọt, dễ dàng như không. Rồi bác cai quay ra, phớn phở vênh ria nhìn đám đông. Hai ngón tay vẫn móc vào mũi ngựa một bàn tay vổ vổ, vuốt vuốt lưng ngựa, bác cai thông thả kéo con ngựa bước lại trước mặt mọi người, dáng che chở như ta dắt bé em tập đi. Lập tức, tiếng reo ầm ầm bật lên.

Tiếng reo bản bật. Sướng quá, ai nấy nháy căng như được của. Mà được của thật. Cuộc khởi nghĩa mới mở cờ đã thắng to. Bắt được một con ngựa của quân phát xít, cũng như bắt được thàng phát xít đế quốc, bắt được một khẩu súng trận quý báu, càng nức lòng, càng hăng.

Giữa lúc ấy, một cái bóng xe đạp loang loáng ngoài cánh đồng vào. Không khí lại căng thẳng. Bao nhiêu gậy, tay thước, quắm, câu liêm nhắm nhắm đối phó với quân phát xít cưỡi xe đạp.

Quân Nhật đi xe đạp về đánh nhau với ta, cẩn thận!

Nhưng một người nhanh trí, quỳ xuống, nhìn nghiêng ra trông cho rõ hơn, rồi kêu lên:

– Xe đạp anh An!

Mũ trắng, áo trắng lốm lổp đã rẽ xe vào cổng làng. Anh An thật.

An nằm trốn bên kia sông từ hôm lão nhiêu An chết chém, không dám về nhà. Thỉnh thoảng, vợ sang tiếp cái ăn. Đến sớm hôm nay, An sốt ruột, vừa mò ra tỉnh thấy cả tỉnh rợp trời cờ đỏ.

Không kịp dựa xe vào gốc cây. An cuống quít bỏ chiếc xe đạp chổng gọng quay tròn hai bánh giữa đường cái. An cầm mũ phát phát quạt trán dấm mồ hôi, rảo bước về phía mọi người.

An giờ mũ, giờ mũ:

– Đồng bào đã được tin gì chưa? Tôi xin báo tin quân Nhật đã hàng Đồng Minh không điều kiện rồi^[1]. Lính Nhật trên tỉnh đang chặt gươm, xé mũ, xé áo, vừa khóc vừa mổ bụng nhau. Cờ đỏ sao vàng ta lên khắp nơi rồi. Tôi đạp xe về đây, chính mắt trông thấy các làng đã lên cờ Việt Minh hết.

An nhận thấy mình nói hôm nay rất đông người xúm xít nghe nhiều; không vắng như hôm ở tỉnh về báo tin Nhật đảo chính. Những lời nói thật quan trọng, ta đây cũng đang quan trọng. Một người đến quát vào tai An: “Làng ta đã lên cờ Việt Minh kia kìa!” An giật mình nhìn lên lá cờ trên cây đa. Mặt An bỗng nghiêm lại, hỏi:

– Ai lên cờ ở làng ta thế? Anh Trung hả?

– Đồng chí Lạp.

An chạy lại. Lạp đứng trong đám đông sôi nổi nói với mấy tay thanh niên thôn dưới, và cả chị Hai Tâm. Ủy ban Khởi nghĩa đang bàn kéo lên phủ, lên cướp phủ - như kế hoạch Trung đã bàn, Trung bên phủ trước.

Chỉ còn một việc khó là cai Giắt bây giờ vẫn cứ móc tay vào mũ giữ con ngựa, với một lũ thanh niên quây lại xem ngắm, chốc lại reo loạn lên. Cho cai Giắt đi cướp phủ, hay trói cai Giắt lại như lúc này?

Hai Tâm khẳng khẳng:

– Phải trói thẳng phản động lại!

Lạp thì trù trù. Từ lúc chị Hai bắt cai Giắt ra, Lạp cũng chưa dàn mặt, Lạp không muốn đến. Tuy muốn thả cai Giắt, nhưng Lạp chỉ nói:

– Chúng ta cần mang cả ngựa theo. Nếu có việc khẩn cấp thì còn phải chạy ngựa đưa tin. Mà rõ chết tiệt, ai cưỡi được ngựa bây giờ?

– Cưỡi ngựa như cưỡi cái xe đạp chứ gì.

An vừa đến, hùng hổ nói. Hai Tâm nói to:

– Thế thì đồng chí An đi với chúng tôi.

– Để tôi về dắt xe đạp cái đã.

Chị Hai Tâm xăm xăm đến quát một tiếng rồi đẩy cai Giắt bước ra. Cai Giắt vẫn khoác cái gậy du kích trên lưng. Lần này không bị trói, nhưng phải ngồi một chỗ trong điếm, nhìn ra con ngựa một cách ngao ngán.

Trong khi ấy, An đã chạy ra nhảy phốc lên lưng ngựa. Tiếng reo nổi âm quanh. Nhưng con ngựa cứ đứng trơ, lồm lững xuống. Nó ốm quá, người đi chịn vào tận đít cũng chẳng buồn đá hay cật cái đuôi. Nhưng nó chỉ uể oải nổi vài bước. Rồi đấm đá, quát thế nào cũng không nhúc nhích. Mà đoàn người các làng bên đã âm âm đi qua. Bực quá, An lôi bõm ngựa trở lại, đẩy vào điếm, buộc cửa lại. Cai Giắt ngồi thu lu, ngược mắt nhìn con ngựa, không nói.

Thế là An tắt tả chạy theo đám người đã ra giữa cánh đồng. Lá cờ trên cành đã được gỡ xuống, hơn một trăm người làng Hạ kéo cờ đi với giáo mác, đinh ba, thùng lưng, tay thước, gậy bẫy, câu liêm, dao găm, mã tấu... Cả những bà vẫn cởi trần như lúc nãy, loi thoi chạy theo xách thúng, xách rá. Mấy bà ấy ngỡ phá được phủ thì vào chia thóc, hôi của như ngày xưa các cụ ta đánh nhau với Tây.

Bụi đường bốc mờ mù mịt giữa cánh đồng. Nước sông Cái đằng xa vẫn réo ào ào. Trong nhiều làng, tiếng ngũ liên rộn rập, không biết trống hô đề hay trống mít tinh cướp chính quyền. Đội tự vệ chiến đấu và những người làng Hạ thì vừa đi vừa bàn tán hớn hờ, chỉ trở vào các lũy tre xung quanh đoán các nơi ấy đâu thúc trống, đâu đương lên cờ, đến sổ sách, thu đồng triện, trói bắt phản động như làng ta.

Từ đằng kia, đi lại một tốp người. Lấp loáng như lính khố xanh vác súng. Cả đoàn người chững lại, lao xao. Tự vệ chạy quanh đám, giơ tay thước, hét:

– Đâu yên đấy! Lính phủ! Quân cách mạng hạ lệnh bắt sống cả bọn lính phủ!

– Như bắt con ngựa lúc này!

– A ha!

Đương bốc hăng, đoàn người xông lên. Lạp giơ xòe tay, nheo mắt, quan sát. Rồi chửi, nói một câu thật to:

– Quang gánh bọn đi chợ! Thế mà rồi cả lên!

Những người ấy lên phố phủ bán mía về, đi vác ngược cái đòn ồng. Họ chạy tất tưởi. Không hiểu sao, trông thấy đám người làng Hạ, họ càng lao tới, tung cả áo, cả nón. Họ quát tháo những gì, chưa ai nghe rõ. Gần đến nơi, đã loáng thoáng:

– Ta được... rồi... ta...

– Ta được phủ rồi á!

– Ới giời ôi!

– Trên phủ bây giờ đông chật mấy chục mẫu người. Chúng tôi... về gọi làng... lên...

Họ lại ba chân bốn cẳng, nháo nhác qua.

Như một sức thúc ghê gớm, hơn trăm con người làng Hạ chạy lên phủ. Thúng mủng, giáo mác giơ loạn xạ trong tiếng hét, tiếng kêu, tiếng hô. Nhưng không ai nghe ai nữa.

Khi cả làng Hạ vào được phố phủ thì đã nhiều làng kéo lên trước. Lão tri phủ - cái lão phủ hôm về làng Hạ hiểu dụ việc độc lập thì phải bỏ chữ quan và bỏ lạy ấy và lão tri huyện tư pháp đã trốn về Hà Nội, sau khi đọc xong cái thư dụ hàng và tờ truyền đơn Mấy lời tâm huyết ngỏ cùng các vị quan chức Việt Nam của Việt Minh. Cái phố phủ ụp xụp, bụi bặm, suốt từ cửa hàng “đề bô” cụ ký Rượu đầu đằng kia quanh mấy quán hàng cơm xuống đến dãy nhà cô đầu cuối phố, đường cái chỗ nào cũng đông ních các làng, những tự vệ, du kích và gậy gộc, đòn càn, giáo mác, quần áo nâu nhôm nhếch, mặt vêu vao ảm đạm, những người chân đất, quần lá tọa mà bao nhiêu đời nay, đôi bên hàng phố chỉ rất thấy những hạng cùng đinh này kéo lên hầu quan, đi chạy kiện, đi tù rượu lậu, tù đánh nhau, bây giờ thấy cũng chính họ lên chiếm phủ, thì các hàng quán nháo nhác, suốt lượt nhà nhà đóng cửa rồi chạy ra đường xem sao.

Người ta kéo vào trong phủ nghe diễn thuyết. Người vòng vào trong xem tòa công đường vàng chóa hoành phi, câu đối và cái nhà

lão phủ ở có bộ ghé tân thời lùn, ai cũng đến ghé đít ngồi thử một tý. Người ta gặp nhau giơ nắm tay ngang trán chào, như là làm một điều mới lạ mà tự nhiên. Tiếng hô rầm rầm “Việt Minh muôn năm”, “Đả đảo giặc Nhật” lẫn với tiếng hát cách mạng bay lên từ những đội tự vệ đứng ngón ngang cửa nhà trạm dây thép.

Đoàn quân Việt Minh đi... chung lòng cứu quốc...^[2] Trong khi ấy, trên hai cái bàn chông nhau ngang giữa cửa phủ, một cán bộ lên hô hào xong, nhảy xuống. Người làng Hạ vừa mới đến nhác trông, đã kêu choang choác “Anh Trung làng ta... anh Trung...”.

Lạ vào đến cổng trong phủ, gặp Trung. Hai người ôm chầm lấy nhau. Mới hôm qua mà như xa cách nhau đã lâu lắm, lâu lắm. Mới hôm qua, khi Trung đi, cả vùng còn u ám hôm nay đã lấy được phủ, sào huyệt đế quốc phong kiến mà tự khi mất nước, nghe các cụ kể lại, bao nhiêu các ông đề, ông lãnh, ông thống, ông xuất nổi quân cũng không lấy được, cả đến quân Cờ Đen của ông Lưu vắc cờ móc câu cũng không vào được. Thế mà bây giờ ta lấy được phủ, quan phủ phải bỏ trốn, bao nhiêu giấy má sổ sách trong phủ đương đốt khói bay ngùn ngụt lên giờ kia. Lạp và Trung vỗ mãi vai nhau. Ở đây, ở chính chỗ “cửa quan” mà năm trước cả bọn kéo nhau đi xin giấy phép lập hội Ái hữu, ra vào mãi mà không được - khi hai người thoát trông thấy nhau thì trong óc họ nhớ lại những hình ảnh xa xa tựa tựa thế. Lạp lắc tay Trung, không nói được, ngắm như mê Trung trong bộ quần áo nâu cũ, như người các làng nhưng trên lưng oai vệ đeo cái súng trường vừa tịch thu được của lão đội lính cơ. Câu đầu tiên Trung nói:

– Ở vùng trong kia cũng đương ra lấy tỉnh rồi!

Lạp ngo ngo:

– Sướng quá, cách mạng thành công đến nơi.

Trung cười khoát tay ra trước mặt.

– Thành công đây rồi, chứ còn đến nơi nào nữa!

Lạp kể Trung nghe mọi việc. Trung đương bảo: “Bọn lý Dĩ thì bắt ra trước dân làng thề từ giờ không làm việc cho đế quốc rồi cho về... Cai Giắt thì hỏi xem thế nào rồi thả... Các làng đều đã làm thế”.

An vừa vào xem trong phủ ra, len qua, kêu: “Trung! Trung!” rồi đến bắt tay ôm tay rói rít, Trung cười nói:

– Việt Minh vùng trong đương ra lấy tỉnh!

An reo:

– Tôi phải báo tin này cho bà con biết!

Rồi An chạy ra chỗ người làng Hạ, Trung bảo Lạp:

– Được đấy. Để An vào Ủy ban khởi nghĩa. Giờ thì tinh thần nó đương hăng.

An ra trước đám đông người làng Hạ, giơ nắm tay lên đầu chào rồi nói to:

– Thừa các đồng chí, đồng bào, ta đã lấy được tỉnh, ta đã lấy được cả Hà Nội.

Một vùng người reo lên, nhảy lên.

Lúc các làng lại kéo về, thằng Tâm nằng nặc ở lại với anh Trung và bốn anh tự vệ làng vào đội có nhiệm vụ canh phủ. Chị Hai quát thế nào Tâm cũng lẩn, không theo mẹ.

Chiều tối ấy, sân đình làng Hạ rộn rịch cảnh lạ mắt. Những người đi cướp phủ về, vào hậu cung đình, nơi đóng kho thóc của liên đoàn, phá cửa khiêng ra mấy chục thúng thóc, với lồng chổng những cối xay, cối giã của xóm làm ruộng thôn dưới khuôn đến.

Người cười, nói, cối xay ù ù, cối giã cộc cộc. Chị Hai và các cô tự vệ tuần phòng quanh sân, đuốc dong vằn vèo đi lại. Xa xa, tiếng ngũ liên và tiếng ốc càng nổi rộn, át cả tiếng nước sông Cái trong đêm vẫn hăng hăng ầm ầm rú lên.

Cơm chín. Cả chục nồi ba mươi dĩa ra cánh cửa đình vừa lớt lá chuối ngả xuống. Hàng trăm người xúm lại, trong khói thơm ngọt ngào, ăn bốc ăn bải, toàn cơm không. Cả làng vui sướng, bao nhiêu lâu nay mới lại được thấy mặt hạt gạo, mà nhiều cơm thế này, mà ăn cả làng, cả đàn bà con gái.

Lúc ấy, Lạp ra chỗ cai Giắt ngồi lủi thủi trong điếm.

Một ngọn đuốc nan vách cháy ánh sáng lom đom vàng vọt vào mảnh lá chuối đựng cơm của hai tự vệ đương nghiêng ngấu bốc ăn. Bên ngoài, con ngựa vẫn yên như cái cột. Bóng ngựa nghêu vờ lên vách sau lưng cai Giắt ngồi bó gối ngoẹo đầu, râu ria trên mặt trở xòm xoàm, giống tượng ông Giê-su đóng đinh câu rút. Chỉ khác, mắt

ông Giê-su thì cúi xuống nhìn đất, còn bác Cai lại đăm đăm trông vào miệng nhai nhồm nhoàm của hai người tự vệ ngồi ăn trước mặt.

Trông thấy Lạp, cai Giắt bô bô:

– Ở kia thằng Lạp, tao đợi mày suốt từ trưa tới giờ, tao chỉ đợi hỏi mày một câu thôi. Thế thì tại làm sao không cho tao đi đánh phủ mà con mẹ Hai Tâm lại trói tao, lại bắt tao ngồi đây. Tao là Việt Minh hay tao là mật thám?

Cai Giắt vươn cổ, hai mắt loáng trong ánh đóm, giận dữ ghé góm. Lạp không trả lời câu cai Giắt, Lạp hỏi:

– Thế lâu nay bác đi đâu?

Cai Giắt cười khẩy:

– Mày nghi ông à? Mẹ kiếp, thằng quan tư bên Ba Di nói thế mà nghiệm, nó bảo cái ngữ những như tao mà mẫn lính về An Nam thì chỉ đi cu li kéo xe. Ông đi kéo xe lấy gạo ăn chứ ông đi đâu...

– Gặp ai bác cũng tránh mặt là nghĩa làm sao?

– Mày nói chó cũng không nghe được. Tao có là quan tri phủ thì tao mới thích gặp người ta. Chứ tao là thằng cu li xe nhân thân có cái đèn đeo đít thì tao phải hóa ra con cuốc lủi chứ.

Rồi, không chịu được những câu hỏi lơ dớ của Lạp. Cai Giắt nói sần sỏ:

– Ở thế ra chúng mày nghi ông. Ông thử vặn lại xem mấy tháng đói vừa rồi mày cút đi đâu? Mày có phải đi kiếm cơm, chẳng thế thì mày cũng chết nhăn răng ra rồi. Ông nói thật chứ, cái lúc bố con ông sắp chết kia, mà ông còn một tay đi đào huyết chôn thằng Ba, một tay ông móc tiền máu tiền ruột của ông ra đưa cho con Nhàn ăn cầm hơi. Chẳng may cái số nó cũng như cái số con ông, không được sống làm người thì đành thôi thôi. Chứ những như mày, cái mặt mày đi đâu, lúc ấy đã cho anh em được đồng gậy nào.

Câu nói dữ như một ngọn roi quất xuống gáy Lạp, buốt thót lên tận óc. Một bên vai Lạp thấy lại vết răng Nhàn cắn ứa máu. Nước mắt lã chã, Lạp bước lại hai tay nhắc bác cai đứng lên. Bác cai làm bàm nói:

– Cái con ngựa này, cấm không cho đưa nào động đến. Tắm ngay, bôi thuốc ngay, ăn thóc ăn cỏ tắm bồ vài hôm là nó lại sức.

Phải đến tay thầy cai Giắt thì mới xong.

Lạ nói khê:

– Bác lên đình ăn cơm!

Như không nghe tiếng Lạp, cai Giắt ra bẻ phen vách làm một bó đóm. Cai Giắt lên sân đình lấy một nồi chã, đổ ba đấu thóc, trộn xâm xấp nước. Rồi, tay đuốc đóm, tay xách nồi thóc vào, cai Giắt đặt xuống trước mõm ngựa. Con ngựa nghếch lên, điệu như biết ơn, nghiêng cái bờm xơ xác vào tận mặt cai Giắt, sau đó mới vục lửu đầu vào chã thóc. Cai Giắt đứng vuốt lưng, vuốt bờm đập đập con ngựa, áp má vào má ngựa. Trong khi ngựa ăn, cai Giắt đã mê man chuyện với Lạp về con ngựa, các giống ngựa, ngựa Nước Hai, ngựa Tây, ngựa Nhật, ngựa Ma Rốc và con lừa, con “sa mù” con la, con ngựa đực đập con lừa cái thì đẻ ra con la... Lại bàn cách tối nay cho con ngựa này ngủ đâu để tránh sương, che vết đau nó khỏi loét thêm, mai đi tắm ngựa, rửa nước muối cho ngựa.

Mặc cho bác cai Giắt nói rồi lại nghe một mình, quên cả ăn cơm, Lạp cúi mặt, chạy trốn bóng dáng Nhàn từ nãy cứ lững thững về, trong đám chị em riu rít ăn cơm.

Đêm ấy, cai Giắt bện một cái thừng. Lại trữ sẵn mấy chiếc đĩa. Cái này để buộc mõm ngựa. Cái này để lúc tắm, gỡ đám bờm và cái đuôi rối cho con ngựa.

Sáng ra, cai Giắt lên điếm sớm.

Nhưng con ngựa đã đâu mất. Bao nhiêu người đương đồ đi tìm. Cai Giắt ngơ ngẩn xách thừng, ngắm theo vết móng chân nó trên cỏ. Lốt móng mờ bụi đường, rồi mờ mịt.

Bỗng cai Giắt quật cái thừng xuống, quát:

– Mả mẹ chúng nó, đứa nào làm thịt mất con ngựa rồi!

Cũng chịu không đoán được! Con ngựa bị dắt trộm hay nửa đêm nó lại tể đi? Cai Giắt chạy lên sân đình. Buổi sáng, sân đình ồn ào giã gạo, thổi cơm ăn tập đoàn. Đội tự vệ đương tập, bước quân sự rầm rập. Cai Giắt cứ đứng chỗ vào quát chửi đứa nào dắt trộm con ngựa đi làm thịt.

Lạ toan bảo cai Giắt vào họp với đội tự vệ. Nhưng thấy cai Giắt đương quát tháo dữ quá, Lạp lại thôi.

Lát sau, cai Giắt bần thần ôm cuộn thừng về. Dáng lủi thủi, buồn rĩ, như hôm bác khiêng xác con đi chôn. Lạ nhìn thấy, lại muốn gọi. Nhưng rồi lại ngại bác ta đương cơn giận.

[1] Nhật hàng Đồng Minh 12 giờ trưa ngày 13 tháng Tám 1945.

[2] Bài Việt Minh ca (Tiến quân ca) của Văn Cao. Lời cũ, trước khi thành Quốc ca.

XX

Cả tháng rồi mà vẫn như mấy hôm đầu khởi nghĩa, suốt làng nhộn nhịp, linh đình. Lạp mê mãi công tác gì cũng ồ ạt cuốn như nước lũ, toàn những mới mẻ. Chỉ một lần, có một việc lèm nhèm khiến Lạp khó chịu.

Nửa đêm, phó chủ tịch Ủy ban cách mạng lâm thời Lạp đi tuần về. Điềm vắng, không ai, mọi người đã được cất canh, đi tuần theo giờ giấc. Quen chỗ, Lạp đến cái xó ổ lá chuối khô cuối sân gạch, toan ngả lưng xuống. Nhưng Lạp rợn mình, có người nào đã lù lù nằm đấy. Lạp hỏi:

– Ai?

Im lặng. Một mùi ẩm nồng tỏa lên, Lạp đoán ra rồi. Lạp trỗi lên, quay ra. Một tiếng hỏi lạnh lạnh rợn theo.

– Đồng chí Lạp đã về đấy à?

Tiếng chị Hai Tâm. Nhưng Lạp vẫn lặng lẽ đi.

Từ hôm ấy, gặp Hai Tâm, Lạp chỉ nhìn lét nửa mắt. Chị Hai cười, vẫn vồn vờ như không. Một hôm, Trung tự dừng lại nói: Tao sẽ làm ông tư xe duyên cho. - Công tác đương rối canh hệ, tư với cử gì! - Đâu có đấy chứ. Này hỏi thật, cái đồng chí Hai Tâm mê mảy quá! Có được không? - Thôi đi...

Trung im. Rồi cười. Nhưng Lạp thì áy náy. Khó chịu vì ả đeo đuổi mãi. Lạp có thể phải lòng Hiền, yêu Nhân, ăn nằm với Nhân cả lúc ốm đau. Nhưng, không, không...

Hôm ấy ngày giỗ ông Hương. Bao giờ cũng vậy, ngày giỗ chồng, bà Hương đều lo tươm tất, mặc dầu còn đói kém lắm, nhưng bà Hương cũng cố được vài mâm chỉ gọi là cho có. Năm nay, giỗ ông Hương, An mời Lạp, ông lý Dĩ, thêm Trung ở trường quân chính trên Sơn Tây mới về.

Ông lý Dĩ đã vào từ lúc nãy. Chưa thấy Lạp và Trung, An sinh lo: hay là ăn uống bày vẽ thế này là phạm đời sống mới. Nhưng, ban sáng, khi mời, cả Trung cũng cười vui vẻ cơ mà.

Hai Tâm xăm xăm qua sân, vào bếp. Chị đến rủ vợ An chốc nữa đi họp phụ nữ. Bà Hương đứng dưới ao, nói mát:

– Bạn quá nhĩ, chị Hai!

Bà cười, hỏi. Nhưng chị Hai vừa đi khuất, mặt bà Hương đã lạnh ngắt nguýt theo. Bà chẳng ưa cái cửa mèo mả gà đồng ấy. Giá không phải là Việt Minh, là uỷ ban thì không đời nào bà để cho ả bén đến cửa. Bà lẩm bẩm: “Nhà người ta có việc mà cũng xông xộc vào. Rõ con gái con đũa, cái đồ vô ý vô tứ lại tìm nhau”. Nhưng lên nhà, bà Hương lại tươi tỉnh:

– Anh cả xem thế nào, giờ chưa thấy các ông ấy nhĩ?

An ra đình. Trong đình vang ra thoáng tiếng nói. An vào, ló nhỏ nhiều người đứng dậy. Lạp, Trung, mấy người làng dưới và cả Hai Tâm đã lại thoát ra đây rồi.

An nhăn nhó:

– Các cậu họp gì thế?

Lạp lúng túng chưa biết trả lời thế nào. An tinh ý, biết mình hỏi lỡ lời. Rồi An buồn hẳn đi, buồn nghẹn ngào trong cổ.

An biết cuộc họp riêng, có cả Trung về. Họ họp Đảng. An nghĩ một cách chua xót và ưng ức. An là người nhiều chữ nhất. An là một trong những người đầu tiên ở làng này biết cộng sản, đã hoạt động Bình dân, chống thuế, lập Ái hữu, đi rải truyền đơn phản đối Nhật và Đông Dương, lại có sáng kiến ném vào mỗi nhà lý dịch một cái truyền đơn. Ừ thì sau này Việt Minh là khác, nhưng có Bình dân thì mới có Trung, có Lạp bây giờ. An đã viết bài đăng báo Tin tức của Đảng Cộng sản Đông Dương và việc gì An cũng đem về làng trước, tin Pháp Đức chiến tranh, tin Nhật đánh Tây, tin Nhật hàng Đồng Minh, chỉ có An báo về chứ ai. Còn nổi phải tù, bị tra điện suýt chết, lại còn An bị Nhật giết hụt... Ừ thì cũng có một quãng An xa anh em...

Nhưng từ hôm cướp chính quyền, An làm việc không kể ngày đêm. Một tay An dựng lại làng này. Tổ chức tự vệ. Kiểm tra thanh niên vào Giải phóng quân. Ban tuyên truyền, ngày nào cũng có báo Cứu quốc đọc. Lại vệ sinh các ngõ không còn một ngọn cỏ. Cả đến dạy nhi đồng học hát cũng công tác của An. An làm chủ tịch Ủy ban rất xứng đáng, không ai có thể thay. Thế mà An không được họp

Đảng. An giác ngộ lâu rồi. Ừ thì Trung và Lạp, sau họ thì đến mình, không ai khác được. Thế mà cái con mẹ giảng há Hai Tâm cũng được làm Đảng viên... Cả mấy thằng cán hộ cơm không vỡ ở làng dưới, chẳng biết chúng nó hiểu biết những gì, mà cũng được họp với Trung.

Từ khi mít tinh lên chiếm phủ, An toàn vui, toàn hăng, hôm nay mới gặp nỗi buồn hăng xuống, vai muốn sụp.

Nhưng Trung đã ra, hỏi đùa An:

– Nghĩ gì mặt nghiêm thế, đồng chí Chủ tịch?

– An ngoảnh nhìn Trung, tỉnh ngay. Tiếng “đồng chí Chủ tịch” ở miệng cán bộ trên nói, đã xóa tan cả cái khó chịu đương lớn vờn và An lại thấy hăng hái.

An nói to:

– Làng ta tối nay có kịch. Cậu Trung còn nhớ tối kịch năm nào không?

– Hát Nào anh em nghèo đâu... Nhớ thằng Lê quá!

Lát sau Lạp và Trung vào nhà An.

Thấy Lạp và cả Trung, cả đám giỡn ồn ào vui mừng. An giới thiệu vợ chồng Chính vừa mới tới. Cái đầu tóm cún của chồng cô Hiền mới được một lần húi cua lờm nhõm. Mặt Chính ngược đồ rừ, Chính nghĩ mọi người đã nhìn thấy hôm Chính đi với lão phủ về đình hiểu dụ, cái đầu Chính trọc tếu, chân đi bốt và đít đeo bao súng độn giẻ.

Nhưng may, An gỡ:

– Vợ chồng chú nó bận nhiều công tác ở tỉnh. Chú nó lại mới thêm chân ban Tuần lễ Vàng...

Hiền thì ngược, chỉ áp úng chào. Lạp thản nhiên, xa lạ hẳn. Hiền chít khăn vuông kín tai, Lạp thấy Hiền xấu khác xưa. Thói quen, Lạp không bao giờ thấy người đàn bà có chồng lại đẹp, và Lạp không để ý. Như chưa hề một lần bận tới nhau. Vả chẳng, từ ấy tới nay việc đời và lòng người, thời gian nước chảy qua cầu.

Trung nói:

– Tôi về làng lần này cũng luôn để chào anh chị em. Tôi được đoàn thể cho đi Nam tiến.

Chính nói góp:

– Ở phố em rất nhiều chiến sĩ đi Nam tiến. Có mấy thằng bạn đương rủ em đi.

Lý Dĩ ngồi điểm chuyện, chốc chốc lại đánh trống châu mồm bằng một tiếng “à”, một tiếng “ồ”:

–Ồ, gớm thế. Sợng quá, cờ đến tay ai người ấy phát. Phải, tội gì không đi Nam tiến - làm như cái gì lão cũng biết và không biết.

Bà Hương hỏi:

– Nam tiến là đi đâu a?

– Là vào trong Sài Gòn.

– Vào tận Sài Gòn à? Thế thì các anh đi đi cho mau chóng bình yên. Gớm thế, vào tận Sài Gòn... Mai kia tàu Sài Gòn sẽ ra, lựa Hà Đông lại vào Nam.

Bà Hương cười khớ khớ.

An nhìn Trung, bỗng nhận thấy Trung một vẻ hiên ngang và bí mật. Chiếc mũ ca lô dạ tím với bộ quần áo nâu dưới lưng áo thò nòng khẩu súng ngắn. Thì An thèm. Nhưng chỉ thoáng thôi. Bởi vì, ăn xong, An lại tắt tả ra đình cùng thanh niên sửa soạn tối kịch. Việc của An ở làng Hạ cũng đã thích và bận lắm.

*

* *

Ăn cỗ ở nhà bà Hương ra, Trung và Lạp đi dạo quanh làng trong ráng chiều dần dần đỏ ửng. Trung sẽ đi ngay tối nay. Nhưng Trung cảm chuyện này đi xa, đi lâu, tự dưng Trung thấy cái gì xung quanh cũng gần gũi, thân thiết giống khi tám bé. Những thằng bạn từ lúc để chỏm đã mấy lần xa nhau lại gặp nhau và mỗi lần một khác. Giờ đây Trung còn muốn bàn với Lạp nhiều chuyện. Vả chăng, ở làng bây giờ cũng chỉ có mỗi nó trụ cột mà thôi.

– Bao giờ tao về, chắc làng đã khác lắm. Con đường này đã lát gạch hết. Nhưng nên bỏ lệ lấy gạch cheo của con rề làng. Đời sống mới rồi.

Trăng vừa lên. Hai người trẻ tuổi đương vẽ ra một làng Hạ mai sau, trong khi họ qua những xóm ngõ trống hốc, hoang vắng, không một tiếng chó cắn, gà gáy, còn nguyên dấu vết cái đói khủng khiếp

mà làng Hạ chưa gượng lại được. Cả đến hai người đương khoác tay đi đấy cũng còn gầy xác xơ phờ phạc. Cái vui cái mới lần át đưa người ta lên mà thôi. Thế mà ánh trăng đêm thu muộn trong leo lẻo, rời rợi mùi hoa thiên lý, hoa cau, hoa móng rồng từ các bờ rào nào thoang thoảng ra, như hy vọng trong lòng người. Những chòm lá xoan, những cành tre và tàu dừa phe phẩy, lấp lánh không biết nước mưa hay sương, hay ánh trăng đọng. Ánh trăng thu gọn và tô đậm những bụi cây như người ngồi người đứng với nhau trên bờ ao nước loáng sáng.

Xa xa, trên vòm tre, trống rỗng rã gọi các xóm ra sân đình xem diễn kịch.

Trung nói:

– Ta lại nhà thằng Ba.

Trước khi ra đi, Trung muốn nhìn lại cái trạm liên lạc mà cả nhà Ba đã chết ở đấy, cũng ở đấy năm xưa có một cái phản mọt, khi đầu tiên chống thuế, khi mới có tờ cứu quốc, ngày đêm họ nằm ngồi quanh trên cái phản ấy. Những chuyện cũ đương gọi lại. Tuy vậy, không ai muốn nhớ chuyện cũ và buồn.

Trung bảo Lạp:

– Này, hôm nọ Hai Tâm có chuyện với tao về mày. Xem ý thì ả ấy quán mày lắm. Tao nghĩ bây giờ đã hết thời phong kiến mày làm bố thằng Tâm được đấy.

Lạp im lặng, không trả lời. Thì, Trung lại hỏi một câu khác:

– Mày còn nhớ năm trước có một đêm có chị liên lạc quầy hàng đến trạm rồi hỏi thăm tao.

– Nhớ.

Trung tần ngần kể lại chuyện cô Gạch ở xóm lò gạch cạnh sân bay Bạch Mai, nơi Trung công tác dạo ấy. Lạp ngó ra nghe. Thật cảm động. Lạp cũng không nhớ lại được mặt cô Gạch đi giao thông đêm ấy mà chỉ thấy là bụi ngùi một mối tình tuyệt vời. Nhưng Trung nói:

– Tao sắp đi xa rồi, thôi bỏ hết. Còn mày thế nào thì phải giải quyết đi.

Lạ không hiểu “thế nào”, Trung muốn hỏi gì. Câu chuyện lạ lùng Trung vừa kể đương cuốn Lạp man mác theo mỗi tình đẹp dễ ở con người tưởng như khô khan như Trung ấy. Im lặng. Nhưng rồi Lạp lắc đầu nhẹ nhẹ:

– Tao không, không mà.

– Cũng chẳng hơi đâu tao ép, tao chỉ báo trước mai mà đi cùng đường lên huyện dự lớp huấn luyện chính trị, thế nào Hai Tâm nó cũng bắt mà trả lời. Tự do thảo luận nhé!

– Đừng nói nữa. Tao vẫn chưa nguôi được những nỗi đau.

Rồi Lạp lắng chuyện khác:

– Mà đi Nam tiến chắc sẽ gặp thằng Lê.

– Ở cái thằng chúa tả khuynh ấy bây giờ chắc đương được đánh quân xâm lăng, hả lắm.

Trên cái phản một nhà Ba, mộng lập Ái hữu, mộng làm thơ, viết báo, anh Tàn về huấn luyện say sưa từ ngày ấy rằng sau này chúng ta hết nghèo khổ, có phải bây giờ thế này là thế giới đại đồng rồi không? Biết bao công việc xa lạ. Lạp đương tưởng tượng Nam tiến, Trung sắp đi là con đường dài tít tắp, đoàn quân giải phóng vừa đi vừa chiến đấu.

Hai người đến bên bờ ao, cả khu nhà bây giờ chỉ có cỏ mọc. Bóng trắng in hình người và bờ nước xuống mặt ao trong. Bên kia vườn xanh thẫm. Lạp đương ngờ ngợ, chiêm bao. Lạp tưởng như không phải mộ Nhàn trong vườn. Mà Lạp trông thấy Nhàn đương đứng dưới gốc cây táo bên ấy đợi Lạp. Như sớm sương hôm nao, người tắt cánh đồng đi mít tinh chợ Cầu. Cảm giác mênh mông, rờn rợn tràn ngập lòng Lạp.

Lạp đã kể Trung nghe cái đêm Lạp từ vùng trong trở về với Nhàn, yêu Nhàn. Đêm ấy giống đêm nay không. Cũng ông trăng này, nhưng ông trăng đêm ấy, đục mờ như miệng con mèo gào rồi lặng ngắt.

Trung im lặng. Không ngờ mà lại éo le, thảm thương đến thế. Trung không nói những câu đùa cợt Lạp như lúc nãy nữa.

Hà Nội 1957